

Tác giả : Tràm Cà Mau

Tuyển Tập Truyện Ngắn

Tập 2

Bầu Bí Một Giàn

Người xưa viết rằng, tha hương mà gặp người quen biết cũ là một trong bốn cái thú lớn nhất trong đời. Tôi nghĩ, cần chi phải là quen biết cũ, tha hương mà gặp một đồng hương, cũng mừng đến lịm người đi chứ. Đó là trường hợp của anh Hy và tôi, khi gặp nhau trong cái thành phố Morris nhỏ bé, có dân số bảy ngàn người này, vào năm 1981. Tôi vì cơm áo, mà trôi dạt đến đây, gặp anh Hy. Anh được định cư trong thành phố này đã hơn một năm. Thế là có được hai gia đình Việt Nam trong thành phố nhỏ hiền hòa này. Không quen biết trước, mà chúng tôi quý và thân thiết nhau còn hơn cả anh em ruột thịt. Gia đình anh Hy có năm người, bà mẹ già, hai vợ chồng anh và hai đứa con nhỏ. Lần đầu tiên gặp chúng tôi, bà cụ mẹ anh Hy cầm tay vợ tôi mà mắt rưng rưng vì mừng, bà cứ vuốt ve lưng bàn tay vợ tôi mãi. Vợ tôi thân thiết ngồi ép sát vào bà. Bà cười nói sung sướng, như vợ tôi là đứa con gái của bà thất lạc nhiều năm mới tìm lại được. Gặp

người đồng hương là sung sướng thế đó. Vợ anh Hy không dấu được niềm vui, cười nói tíu tít, và nhìn hai vợ chồng tôi với ánh mắt đầy thiện cảm. Anh Hy hiền lành, ít nói, nhưng nụ cười trên môi nở mãi không tàn. Hai đứa con chưa biết gì, chạy nhảy, reo hò. Gia đình anh Hy sung sướng, chúng tôi cũng hân hoan mừng.

Một buổi tối, tôi đi làm về, được điện thoại của anh Hy, anh hớn hờ báo cho biết, sắp có thêm một gia đình Việt Nam tị nạn đến thành phố này. Giọng anh vui mừng ríu rít. Ông bà người Mỹ bảo trợ mới thông báo cho anh. Ông bà muốn anh xếp đặt thì giờ, để cùng mấy người trong họ đạo đi đón người mới đến, vào thứ tư tuần tới. Tôi vội vã báo tin mừng cho vợ, và trong lòng nghe lâng lâng vui. Có thêm càng đông đồng hương, càng đỡ buồn, và thỉnh thoảng qua lại chuyện trò cũng bớt cô đơn nơi quê người. Vợ tôi bàn, nếu thuận tiện, thì chúng tôi cùng đi đón gia đình Việt Nam tị nạn này cho vui, để tỏ cái tình thân thiết lúc ban đầu. Suốt trong tuần, vợ anh Hy và vợ tôi soạn nồi niêu, chén bát, li tách, muống dưa, chia bớt các thứ cần dùng trong nhà, để dành mà tặng cho gia đình mới đến. Mỗi khi bà Mỹ bảo trợ tiết lộ một tin tức gì về người sắp đến, chị vợ anh Hy vội vã điện thoại báo cho chúng tôi biết ngay.

Máy bay sẽ chở gia đình người tị nạn đến phi trường Chicago vào hôm thứ tư, lúc mười một giờ đêm. Hôm đó anh Hy bị cảm mạo, lên cơn sốt, thân nhiệt nóng hơn một trăm độ F. Hai ông bà người Mỹ bảo trợ kêu điện thoại cho tôi lúc bảy giờ tối, khi tôi mới đi làm việc về. Họ yêu cầu tôi thay anh Hy, đi cùng họ, để đón người tị nạn mới tới. Bỏ tắm rửa, tôi ăn vội vã, để khởi hành lúc tám giờ rưỡi, phòng khi đường sá có gì bất trắc. Ông Mỹ bảo trợ tên là Gary có vợ là bà Eva, cả hai ghé nhà tôi để hướng dẫn và chỉ đường trên bản đồ. Tôi cũng run lắm, vì chưa bao giờ đi đến phi trường này, và thấy cái bản đồ ghi chằng chịt đường sá đan nhau, như cái núi chỉ rối.

Ông bảo tôi chạy bám sát xe ông, nhưng chưa được mười phút thì đã lạc nhau. Khi cách phi trường ba mươi dặm, thì xa lộ tắc nghẽn, vì chiếc xe vận tải hàng hóa bị lật, gây tai nạn dính chùm. Xa lộ đóng hoàn toàn. Khi vào đến phi trường, tôi bị lạc đường hai lần, chạy quanh mãi mới vào được nhà đậu xe. Ông bà Gary cũng đi lạc, và đến sau tôi. Tuyết rơi quá dày, nên máy bay cũng đến trễ. Ông Gary cầm cái bảng lớn, đề tên người chủ gia đình là Phan Ly, đưa lên cao trước cổng đi ra của hành khách. Gặp dáng người Á Đông nào, tôi cũng chăm chăm dòm kỹ. Cho đến khi hành khách không còn ai cả, thì

ông bà Gary bối rối. Ông chạy đi hỏi hãng máy bay, họ xác nhận là có gia đình anh Phàn trên chuyến máy bay vừa rồi. Hai vợ chồng ông Gary và tôi, cầm cái bảng đề tên anh Phàn đi quanh các ghế chờ trên phi trường, thấy gia đình Á Đông nào, cũng chìa cái bảng tên ra trước mặt họ, để dò hỏi. Đi quanh ba vòng, mà không tìm được, ông Gary nhờ loa kêu, hỏi gia đình anh Phàn ở đâu, cho biết để người bảo trợ đón về. Cũng biệt vô tăm tích. Đi tìm gia đình anh Phàn cả tiếng đồng hồ mà không kết quả, cả ba người chúng tôi ngồi xuống ghế nghỉ một chốc, lòng vô cùng chán nản. Tôi bảo hai ông bà Gary ngồi chờ, và cầm cái bảng tên đi tìm một lần nữa. Tôi đi dò tìm tên từng gia đình ghi trên cái túi ni lông mà họ xách trên tay, của cơ quan ICM phát, khi họ cho mượn tiền máy bay. Tôi đến gần một anh mang cà vạt đỏ, áo vét ba mảnh bên trong, bên ngoài khoác áo bành tô bằng dạ. Tôi nhìn tận cái túi, và thấy loáng thoáng tên Phàn, tôi đánh bạo hỏi:

“Anh là Phàn phải không?”

“Vâng. Tôi tên là Phàn, anh là ai?”

“Tôi đi theo hai ông bà bảo trợ người Mỹ đến đón gia đình anh. Sao này giờ chúng tôi đi qua đây nhiều lần, đưa cái bảng tên anh ra, mà anh lại ngồi im?” - Tôi nói với giọng hơi mất kiên nhẫn.

Anh Phàn chỉ vào cái bảng và nói:

“Cái bảng này ấy à? Thấy ông Mỹ chìa ra trước mặt tôi ba lần, nhưng đâu phải tên tôi mà nhận. Tên ông Ly nào đó mà. Tôi là Phàn.”

Tôi cười, nói nhỏ nhẹ:

“Đây là tên anh. Theo lối Mỹ, ghi tên trước, họ sau.”

“Ngược ngạo thế thì ‘bố giờ’ mới biết được”.

“Thế thì loa kêu tên anh nhiều lần, sao anh cũng chẳng trả lời?”

“Nghe được cái quái gì đâu?”

Tôi chợt nghĩ ra, nếu người ta có gọi tên tôi trên loa, chưa chắc tôi đã nghe kịp, huống chi anh Phàn là người mới đến. Tôi quay lại báo tin cho hai ông bà Gary, và giải thích tại sao không tìm ra. Ông bà Gary mừng, và tôi đọc được sự kiên nhẫn, chịu đựng của hai ông bà, khi đêm khuya không ngủ, tuyết đổ, lái xe cả trăm dặm, đi đón một gia đình ngoại quốc, khác màu da, khác chủng tộc, không hề bà con, không hề quen biết. Và trước đó nữa, phải làm bao nhiêu giấy tờ, mất bao nhiêu thì giờ, tốn kém đủ thứ. Chỉ vì trái tim biết thương người mà thôi.

Gia đình anh Phàn có hai vợ chồng, năm đứa con, đứa đầu mười bốn tuổi, đứa út còn ẵm trên tay. Anh Phàn người da sạm, gầy ốm, hai má thóp, răng cở đen đều vì khói

thuốc. Vợ anh thấp, trắng hơn, có bề ngang. Chị mang váy đầm dạ xám, áo vét, ngoài khoác áo bành tô cứng ngắc. Gia đình anh còn có một bà già mù, mang váy nâu, đầu quấn khăn mỏ quạ, răng nhuộm đen, trên mắt có che miếng vải đen, gọi tôi nhớ rõ hình vẽ trong cuốn sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà ngày xưa còn bé tôi hay đọc. Bà cụ y hệt cái hình vẽ bà già mù trong sách. Trang phục của vợ chồng anh Phàn có vẻ sang trọng hơn cả ông bà bảo trợ nhiều, nhưng cũng không dấu được vẻ quê mùa.

Hành lý được chất lên cao trên bốn chiếc xe đẩy. Ông Gary, tôi, vợ anh Phàn, và cháu bé gái mười bốn tuổi, mỗi người đẩy một chiếc xe. Anh Phàn đi tay không thông thả, rút thuốc lá châm môi và hút trong hành lang, nhả khói mù làm bà Eva ho sặc. (Dạo này, chưa có luật gắt gao cấm hút thuốc nơi công cộng). Bà Eva đi dang xa ra khỏi anh Phàn, và ghé lại chiếc xe của cháu bé gái, phụ đẩy. Thấy đi mãi trong hành lang dài, anh Phàn hát đầu hỏi tôi:

“Sao không kêu tài xế lái xe vào gần đây, mà phải đi xa quá vậy?”

Tôi cười và trả lời:

“Tài xế? Tài xế là ông Gary và tôi đây. Xe đậu trong ga-ra là nơi gần nhất rồi, không có nơi nào gần hơn nữa”.

Anh Phàn hỏi tôi:

“Anh làm tài xế cho ông bà Mỹ này? Lương trả có khá không?”

“Không, tôi làm việc cho công ty tư vấn. Ông bà Mỹ này nhờ tôi đi đón, phụ đưa gia đình anh về. Đường xa, anh có mệt lắm không?”

“Cũng mệt, nhưng chẳng can gì cả.”

Tôi nói: “Có lẽ anh nên đẩy xe giúp cho cháu bé thì hơn”

Anh đáp: “Kệ nó, để nó làm việc cho quen.”

Hành lý quá nhiều, hai chiếc xe hơi không đủ chở. May mắn ông Gary gặp người quen, ông gọi bạn mang về bớt, hẹn ngày sau sẽ đến lấy.

Vào ngày chủ nhật đầu tiên của anh chị Phàn trên đất Mỹ, chúng tôi tổ chức một bữa tiệc lớn để chào mừng và đãi đồng hương. Anh Hy và tôi, mỗi gia đình đóng năm mươi đồng làm chi phí. Chị Hy và vợ tôi trở tài nấu ăn, rộn ràng nấu nướng từ sáng sớm tinh sương. Anh Hy kê thêm thùng giấy làm bàn, mượn thêm ghế của các gia đình bên cạnh. Chai rượu nho hồng đậm đặt trên bàn bên cạnh bình hoa giả. Anh Hy và tôi lái xe đến tận nhà anh Phàn đón tất cả mọi người, cả cháu bé còn bế trên tay. Ba gia đình vui vẻ nhập tiệc. Anh Phàn kêu bà cụ già mù bằng dì. Tôi cảm phục cái tình gia đình của anh

Phàn, khi đem bà dì mù lòa đi vượt biển. Anh Phàn uống rượu nho như uống nước ngọt, nốc một hơi hết nửa li lớn. Anh nói:

“Rượu này nhạt lắm. Có đế trắng hoặc rượu Tây mới đã miệng.”

Anh Hy nghe vậy, vào bên trong lục tủ, lôi ra nửa chai Vodka, rót vào ly anh Phàn. Anh Phàn uống một hớp, nói:

“Cái này mới thật là rượu.”

Khi đã ngà ngà, anh Phàn hăng say kể về cuộc chiến anh hùng chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Hạ máy bay “Con Ma”, bắt giặc lái. Máy bay của ta núp trong mây, chờ máy bay Mỹ đến thì bắn hạ rụng như sung chín. Anh kể công ơn bác, đảng, văn minh tiên tiến. Những chuyện này, tôi đã nghe nhiều lần khi còn ở bên nhà. Vợ anh Hy giận, nói lớn, hỏi sao anh không ở lại với bác đảng anh hùng của anh, mà lại đi qua Mỹ làm chi. Anh trả lời là sống với bọn đó không được, sống không nổi, đời sống thua con chó, khoai sắn còn không có mà ăn, chứ đừng nói đến cơm.

Khi vợ anh Phàn khoe cái hay của ông chồng, chị nói:

“Ông nhà tôi thế chứ khảnh ăn lắm. Chỉ thích ăn quà, chứ không thích ăn cơm.”

Vợ anh Hy nói:

Sống với bác đảng, đối cho rã họng ra, ở đó mà thích quà không thích cơm. Nói làm sao mà tôi không hiểu chi cả.”

Mỗi tuần, các bà trong hội nhà thờ đến đưa vợ anh Phàn đi chợ hai lần. Họ nhờ chị Hy đi theo để hướng dẫn và thông dịch. Lần nào đi chợ về, vợ anh Hy cũng kêu điện thoại cho vợ tôi để than vãn:

“Chị biết không, lần nào em cũng xấu hổ muốn độn thổ quách. Chị ấy lựa những tảng thịt bò đắt tiền nhất, lấy hai ba tảng to tương. Lựa các thức ăn ngon nhất, đắt nhất trong chợ, chất đầy một xe cao nghệu. Em đoán chắc với chị rằng, cái bà bảo trợ chưa bao giờ dám đụng đến các thứ thịt đắt tiền đó. Bà bảo trợ cứ chỉ vào thịt gà, thịt heo, mà chị ấy lơ đi. Em thấy cái mặt bà bảo trợ nhăn như cái bị rách. Khi trả tiền, mặt mấy bà tái ngắt vì số tiền phải trả.”

Có lần vợ anh Hy khuyên vợ anh Phàn rằng, nên chọn các thức ăn có giá trung bình hoặc rẻ mà mua, vì chính ngay các bà bảo trợ, cũng rất ít khi dám ăn các thứ đắt tiền đó. Vợ anh Phàn lắc đầu mà nói rằng, mình không trả tiền, tội gì không lựa món ngon mà ăn. Từ đó, vợ anh Hy sinh ra có thành kiến với gia đình anh Phàn.

Các ông bà bảo trợ trong nhà thờ rất chu đáo. Mua cho các cháu bé áo quần, giày vớ, áo lót chống lạnh, áo khoác đi tuyết, sách

vở, viết chì, viết màu, túi xách mang lưng để đi học, ghi tên cho các cháu đến trường. Khi họ đến thông báo cho gia đình anh Phàn, để hẹn ngày đem các cháu đến trường, thì anh Phàn phản đối, nhất quyết không cho cháu gái đầu mười bốn tuổi đi học. Anh lấy lý do là nhà đông con dại, cháu này đã lớn, cần ở nhà giữ em, làm việc vặt, giúp mẹ nấu nướng. Ba bà bảo trợ cố gắng giải thích, qua sự thông dịch lồm bồm của vợ anh Hy, rằng luật pháp ở Mỹ bắt buộc trẻ con dưới mười tám tuổi phải đi học. Nếu không được đi học, thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chị vợ anh Hy cũng chỉ hiểu lơ mơ lời các bà, và thông dịch cho anh Phàn. Anh Phàn cứ lắc đầu, nhất quyết không chấp nhận lời khẩn cầu của các bà Mỹ, xin cho cháu lớn đi học. Các bà cứ thuyết phục mãi làm anh Phàn nổi giận nói gằn với chị vợ anh Hy:

“Con của tôi sinh ra, tôi muốn cho nó đi học hay không là quyền của tôi. Sao các bà ấy cứ muốn xía vào chuyện riêng của chúng tôi mãi thế.”

“Pháp luật bắt buộc cho trẻ con đi học. Không phải các bà muốn đâu.”

“Pháp luật nào mà lạ thế? Tùy hoàn cảnh gia đình mỗi người, mà cho con đi học. Nhà nước nào mà can thiệp vào? Đây là xứ tự do mà.”

“Đúng, xứ tự do, nhưng không phải cha mẹ muốn làm gì thì làm. Pháp luật bảo vệ con trẻ dưới tuổi trưởng thành.”

“Thôi, chị đừng nói nữa, tôi đã nhất quyết rồi. Tôi đã có phương án riêng cho gia đình tôi. Vô ích. Chị đừng tuyên truyền tôi nữa.”

Vợ anh Hy tức càngh hông, muốn khóc vì không phá vỡ được cái vỏ cứng rắn của anh Phàn. Chị cùng ba bà Mỹ chán nản ra về. Tối hôm đó, bà Eva điện thoại cho tôi, nhờ giải thích cho anh Phàn hiểu luật pháp Mỹ.

Tôi chưa kịp kêu cho anh Phàn để giải thích, thì điện thoại reo. Anh Phàn ở đầu dây bên kia. Anh than phiền là các bà Mỹ, và vợ anh Hy cứ ép anh, buộc phải cho đứa con gái đầu đi học. Anh nói là họ làm áp lực anh, họ vô lý. Còn bày đặt ra là luật lệ bắt buộc để dọa anh. Nghe giọng nói của anh, tôi cũng phải chùn lại, vì biết rất khó thuyết phục anh trong lúc này. Tôi chỉ ừ ề cho qua chuyện, và giả vờ theo phe anh, mà nói:

“Anh nói đúng, mỗi gia đình có hoàn cảnh riêng, giải quyết theo cách riêng. Không ai có quyền ép ai cả. Về luật lệ xứ này, thì tôi cũng không được rõ lắm. Hay là anh thử kêu điện thoại qua Oklahoma hỏi những người anh quen biết từ ngoài Bắc,

mà họ đã đến xứ này từ lâu rồi, để biết thêm cho rõ. Biết chắc luật lệ, mà thi hành. Không ai có quyền ép mình theo ý họ, nhưng mình cũng không nên làm trái luật. Có gì thì anh cho tôi biết với.”

Không biết anh có kêu điện thoại cho người quen ở Oklahoma hay không, nhưng sau cùng, anh Phàn cũng phải nhượng bộ yêu sách của nhà thờ, để cho cháu gái mười bốn tuổi đi học. Anh nói rằng: “Thôi, thì tôi cũng tạm thời lùi một bước, mình mới đến đây mà căng quá cũng không nên.”

Các ông bà bảo trợ để anh chị Phàn nghỉ ngơi cho hoàn hồn trong hai tháng. Trời tuyết đổ bên ngoài, trong nhà đóng cửa kín mít, lò sưởi mở tối đa, anh chị và bà cụ bó gối ngồi trên ghế bành. Cái máy truyền hình nhấp nhem, nói tiếng Mỹ ồn ào. Anh Phàn bảo rằng, không đi tù, mà cũng giống như bị giam lỏng, bị quản chế. Ra ngoài thì trời lạnh, tuyết ngập, đi gần cũng không biết đi đâu, đi xa thì không có xe cộ.

Khi hội nhà thờ muốn kiếm việc cho anh chị làm, thì anh gạt ngang. Anh nói với ông bà bảo trợ, qua thông dịch của vợ tôi:

“Chưa biết nghe, biết nói chi cả chưa thể đi làm được.”

Bà bảo trợ thuyết phục:

“Công việc cần làm, không cần nói, cũng không cần nghe.”

“Khi nào chúng tôi nói và nghe giỏi như các bà, chúng tôi sẽ đi làm việc. Gấp làm chi. Tôi cần đi học tiếng Anh cho giỏi.”

Vợ tôi bảo rằng, dù anh học thêm năm ba chục năm nữa, cũng không thể nói và nghe bằng họ được. Đi làm việc, chỉ cần cố gắng. Còn nghe và nói, thì ai cũng lơ mơ, nghe một phần, đoán một phần. Mình không lớn lên tại Mỹ, thì hiếm hoi lắm mới nghe và nói giỏi tiếng Mỹ. Phải vừa làm, vừa học. Nhưng anh Phàn nhất quyết rằng, chưa nghe, chưa nói giỏi thì chưa chịu đi làm. Nghe vậy, mấy bà trong họ đạo, ngày nào cũng thay phiên nhau đến nhà anh Phàn dạy tiếng Mỹ. Mỗi ngày dạy bốn giờ liên tiếp. Các ông bà Mỹ tin tưởng rằng, trong vòng ít tháng, thì cả nhà sẽ giỏi tiếng Mỹ, không giỏi bằng họ, thì cũng một tám một mười. Anh chị Phàn nói rằng, trong các buổi học tiếng Mỹ, họ cảm thấy buồn ngủ khủng khiếp, cứ rán chống mắt lên, mà cái đầu cứ gục lia lịa. Anh chị uống trà đậm chống cơn buồn ngủ cũng không hiệu quả. Anh chị thấy những buổi học này, như cực hình, như tra tấn, và nản lòng vô cùng. Học được phút trước, thì phút sau quên bống đi. Không nhớ gì cả. Anh chị kết luận, là cái óc của anh chị đã hư rồi, không thể học được gì nữa. Sau một tháng dạy liên tục, các bà Mỹ cũng nản lòng, bỏ lớp dần dần, và không đến dạy nữa. Kết quả vượt

bực. Anh Phàn thì chỉ đáp ứng nói được hai chữ “yes” và “no”, vợ anh giỏi hơn, nói được rất ngọng thêm chữ “thank you”. Vợ tôi cho rằng, các bà Mỹ không có phương pháp sư phạm, nên dạy không kết quả.

Từ đó, anh Phàn mới chấp nhận là không thể học nói học nghe cho giỏi bằng các ông bà Mỹ được, và cần rằng để cho nhà thờ thu xếp việc làm cho anh chị.

Mỗi buổi sáng tinh sương, anh Hy đến chở anh Phàn đi làm, buổi chiều đưa về tận nhà. Có những buổi chiều, khi tan sở, xe anh Hy là một đồng tuyết khổng lồ, anh phải vất vả đào tuyết moi xe ra. Trong khi anh Hy quần thảo với đồng tuyết, với mảng nước đá đông cứng trên kiếng xe, thì anh Phàn đứng hút thuốc lạnh lùng nhìn. Anh Hy bất bình, nhưng không nói. Một lần, mệt quá, anh Hy không nín được, quay qua hỏi anh Phàn:

“Anh không giúp tôi một tay dọn tuyết cho mau mà ra về?”

“Xe anh chứ có phải xe tôi đâu!”

“Nhưng... anh có đi trên xe này không?”

“Anh lái xe mà, đâu phải việc của tôi”

Anh Hy giận lắm, im lặng, và không nói với anh Phàn trong nhiều ngày liên tiếp. Anh Hy nói với tôi rằng, vì đã lỡ nhận lời gởi gắm của bà Mỹ bảo trợ, nếu không, thì anh chẳng chở anh Phàn đi làm nữa. Tôi an ủi anh Hy,

khuyên anh đừng giận anh Phàn, vì đồng hương hiếm hoi, giận nhau nữa thì còn ai. Nhiều khi anh Phàn cựa nựa anh Hy vì đã đến đón sớm hơn giờ quy định. Nhưng khi này, anh Phàn rề rà cho anh Hy phải ngồi chờ thật lâu trong xe dưới trời tuyết đổ. Có lần anh Phàn ngần ngừ hỏi:

“Tôi hỏi thật, anh đừng giấu nhé. Nhà thờ trả cho anh mỗi tháng bao nhiêu, để anh đưa đón tôi đi làm ?” Anh Hy nghe mà buồn cười, hỏi lại:

“Anh hỏi làm chi vậy?”

“Hỏi cho biết bao nhiêu, nếu số tiền đó khá, thì tôi xin lãnh tiền, và kiếm chiếc xe đạp đi làm cũng được.”

“Không có xu nào cả. Tôi chở anh miễn phí, vì anh là đồng hương, và vì tôi cũng đã từng qua thời kỳ mới đến định cư như anh. Đáng ra anh phải chia tiền xăng, tiền hao mòn xe với tôi mới phải lẽ.”

“Tôi không tin.”

“Không tin thì anh thử hỏi mấy ông bà bảo trợ xem.”

Anh Phàn cười mũi:

“Có hỏi mấy ông bà Mỹ, thì vợ anh, hay anh phiên dịch. Anh chị muốn nói chi mà không được. Thà đừng hỏi.”

Anh Hy buồn lắm, nhưng không nỡ nói nặng lời, anh chỉ thở dài:

“Năm ba năm nữa, nếu nhớ lại chuyện này, anh sẽ biết rõ sự thực.”

Mỗi ngày, có xe nhà trường đến tận nhà chờ ba cháu bé đi học. Cháu lớn học ở trường xa hơn, hai cháu nhỏ học trường tiểu học gần nhà. Anh Phàn nói rằng, nhờ “đấu tranh gay gắt” với nhà thờ về vụ cho đưa con lớn đi học, mà nhà thờ phải nhượng bộ, bằng cách đem xe đón tận nhà, đưa luôn ba đứa đi học. Chị vợ anh Hy giải thích rằng, trẻ con ở thành phố này, em nào cũng được vậy, không riêng gì các cháu con anh Phàn. Anh Phàn không tin và chỉ cười ruồi đáp lại.

Mùa đông miền Trung Bắc nước Mỹ, như mọi ngày đông khác, tuyết đổ ngập đường trắng xóa. Xe cào và thổi tuyết hoạt động liên miên. Muối được rải ra những con đường chính cho xe chạy. Một cháu trai nhỏ con anh Phàn đang ngồi trong lớp học, bỗng đứng dậy ôm sách vở ra về. Cô giáo cản lại. Hai bên trao đổi vài câu. Không ai hiểu ai. Cô giáo chỉ ra sân đầy tuyết trắng chất thành đồng cao, như muốn nói cho em hiểu rằng không thể đi được, và dắt em về lại chỗ ngồi. Em rướm rướm nước mắt, và đứng dậy, nhất định ra về. Cản mãi không được, cô giáo kêu bà hiệu trưởng. Bà xuống lớp, khuyên bảo em. Hai bên cũng không hiểu nhau. Bà không thể để em bé bảy tuổi ra về một mình trong gió hú, trong tuyết cao

chất đầy như thế. Bà cầm tay giữ em bé lại. Em khóc lớn. Hai bà giáo nhìn nhau thất vọng, không biết phải làm gì. Bỗng bà hiệu trưởng nhớ là em bé có con chị học trên nó hai lớp. Bà cho người đi kêu chị nó xuống. Con chị xuống gặp đứa em, nói vài câu. Xong, con chị nắm tay thằng em dẫn nó ra về. Hai bà giáo vội cản lại. Kéo hai em vào bên trong lớp. Cả hai đứa đều khóc rống. Bà hiệu trưởng dẫn hai chị em đứa bé về phòng, và kêu điện thoại cho bà Mỹ trong gia đình bảo trợ, nhờ giúp đỡ. Bà bảo trợ vào trường ngay. Bà dắt hai chị em về lớp, hai đứa không chịu đi, mà nhất định kéo nhau ra sân, để đi bộ về nhà. Ba bốn cô giáo họp lại bàn cãi. Một hồi sau, theo yêu cầu của các cô giáo, bà bảo trợ chạy xe đến công ty anh Phàn đang làm, xin cho anh được tạm nghỉ, đến trường giải quyết việc học của hai cháu. Anh Hy phiên dịch cho anh Phàn biết, là hai cháu không chịu học, mà đòi đi bộ giữa mưa tuyết, để về nhà. Anh Phàn giận hằm hằm và nói với anh Hy: “Con cái mất dạy. Để tôi đến cho chúng vài bạt tai, cho bớt biếng nhác.” Anh Hy vội vã níu anh Phàn lại, dặn dò: “Không được, đánh trẻ con thì cảnh sát còng tay đó. Đừng dại dột.” Anh Phàn hất tay anh Hy ra, và chưa dứt cơn giận: “Vợ chồng anh được cái giỏi là hay hù dọa tôi mà thôi. Con cái mà

không đánh cho sợ, thì thành hư đồn. Dạy con từ thuở nên ba.” Anh Hy biết khó thuyết phục anh Phàn, bèn nói vọng theo: “Bớt nóng giận. Đừng đánh con, tội nghiệp. Có chi thì từ tốn, dạy bảo.” Anh Hy sợ anh Phàn bị cảnh sát còng tay. Khi xe đến trường, anh Phàn hùng hổ, xăm xăm đi theo bà Mỹ đến gặp hai đứa con. Hai đứa bé mặt xám ngắt, trên mắt còn ướt sưng lệ. Anh Phàn lớn giọng gần hai đứa bé. Sau vài câu trao đổi giữa ba cha con, mặt anh Phàn dịu xuống, đến nắm tay hai đứa con, dắt chúng ra về. Tuyệt ngập trời, tuyệt cao ngệu, các bà giáo cản cha con anh lại không cho đi. Không ai cho anh dắt trẻ con đi trong mưa tuyết lạnh lẽo này. Anh kéo con đi, nhưng một ông giáo to lớn như hộ pháp, giữ tay hai em bé lại. Các bà giáo đang vây quanh thì lú lờng xôn xao. Anh Phàn nhìn đám thầy cô người Mỹ với ánh mắt tuyệt vọng, mặt anh nhăn nhúm đầy đau khổ, anh vội cúi xuống, banh quần thẳng bé ra, và òa khóc lớn. Cả ba cha con cùng khóc vang thảm thiết. Mùi thối tha bốc lên làm ngạt mũi. Mấy ông bà giáo người Mỹ cùng ồ lên một tiếng lớn, và cùng cười. Họ hiểu, em bé đã phóng uế ra cả quần. Em đã không biết nói sao để xin cô giáo đi ra phòng vệ sinh, và cũng không biết phòng vệ sinh ở đâu, rán

sức cầm cự, và khi hết chịu nổi, thì phóng ra quần.

Mỗi buổi chiều, sau khi anh Phàn đi làm về chừng một tiếng, thì có bà Mỹ đến chở vợ anh đi làm. Máy ông bà Mỹ xin cho chị được chân rửa bát tại một khách sạn sang nhất trong tỉnh nhà. Khoảng mười giờ rưỡi đêm, thì mấy bà Mỹ trong họ đạo chia phiên nhau, lái xe trong tuyết lạnh, đến chở vợ anh Phàn về nhà. Mùa đông tỉnh lẻ, họ ngủ sớm, mười giờ đêm là đã say giấc, họ phải để đồng hồ báo thức. Vợ tôi thường biểu lộ sự cảm phục lòng tốt của các bà trong họ đạo. Khuya lạnh, ai mà không muốn thảnh giấc, phải thức dậy đội tuyết ra đi là một cực hình. Có nhiều đêm, vì lý do bất khả kháng, các bà kêu tôi, nhờ đến đón chị Phàn về. Thời đó, dù sáng phải dậy lúc năm giờ, để kịp năm giờ rưỡi khởi hành, đi làm, nhưng tôi vui vẻ nhận lời ngay, để cảm ơn cái lòng tốt của các bà Mỹ, đã giúp cho người đồng hương của tôi. Có lần tôi bị cảm mạo, chóng mặt, mà không dám từ chối, sợ các bà nghĩ oan, là tôi không có lòng. Mỗi lần đi đón, thì tôi phải cào tuyết trên xe hơn mười lăm phút, chờ máy nóng mới đi được. Bởi thế, nên thường đến trễ. Vợ anh Phàn giận, không vui, ngồi trên xe mà không nói một lời nào. Cả không một lời cảm ơn, một lời chào khi được đón và khi về thâu nhà. Có lần chị nói:

“Nếu đón tôi, thì đừng đến trễ. Ngồi chờ rất nản.”

“Tôi được các bà Mỹ kêu, nhờ đi đón chị, thì tôi đi ngay. Phải mang áo, phải cào tuyết, phải chờ xe ầm máy, nên hơi trễ, chị đừng buồn. Các bà người Mỹ tử tế quá, đêm nào cũng đi đón chị trong lạnh lẽo, mưa, tuyết.”

“Tôi có nhờ các bà đâu. Họ bắt tôi phải đi làm việc đấy chứ. Hừ, tử tế!”

Tôi không buồn mà thương cho chị. Có lẽ anh chị Phàn hiểu lầm rất nhiều về lòng tốt của những người chung quanh.

Một hôm, anh chị Phàn mời vợ chồng tôi, và vợ chồng anh Hy đến nhà, để nhờ chúng tôi một việc quan trọng. Hỏi anh chuyện gì, anh nói sẽ cho biết sau. Anh Hy cười nói với tôi rằng, sao cái lối nói này giống hệt cách thức của công an nhà nước cộng sản hồi trước. Buổi chiều đi làm việc về, có “giấy mời” tối nay ra trụ sở công an, lý do “Cho biết sau”. Cứ thế mà run, mà thắc mắc, không biết có chuyện gì, không biết có bị nhốt luôn hay không. Ra đi mà hồi hộp, dặn dò vợ con phải làm gì để sinh sống, nếu bị nhốt tù. Chúng tôi rủ nhau cùng qua nhà anh Phàn mà không phải hồi hộp, không phải lo lắng. Anh Chị Phàn cùng bà cụ đã ngồi sẵn trong phòng khách. Họ rót nước trà mời chúng tôi, xem bộ trịnh trọng,

không lạt lẽo như thường ngày. Sau một hồi thăm hỏi xã giao, anh Phàn tăng hắng nói:

“Tôi mời các anh chị đến đây, vì không còn ai có thể giúp cho chúng tôi được trong hoàn cảnh cam điếc này. Nhà thờ đã ăn chặn của gia đình tôi mỗi tháng hơn hai ngàn đô. Tôi van xin các anh chị, nói với các ông, các bà trong nhà thờ, cho chúng tôi lại số tiền đó, để tôi làm vốn, ra làm ăn buôn bán, kiếm sống, chứ đi làm culi cho hãng sửa tàu, cho khách sạn, thì biết bao giờ mới ngóc đầu lên nổi? Chúng tôi van lạy các anh chị, xin giúp chúng tôi, và vì thương các cháu nhỏ ...”

Cả bốn người chúng tôi bàng hoàng, không tin vào lỗ tai mình. Vợ anh Hy áp úng hỏi lại:

“Nhà thờ ăn chặn tiền của anh chị? Mỗi tháng hơn hai ngàn ? Sao? Anh nói rõ hơn được không?” Anh Phàn gằn giọng, nói lớn, rõ ràng:

“Đừng vờ vĩnh. Gia đình tôi có tám người, nhà nước Mỹ cấp cho, ít nhất cũng trên ba ngàn bạc mỗi tháng. Cứ cho tiền chợ, tiền nhà mà mấy ông bà bảo trợ chi cho chúng tôi, chừng mấy trăm là cùng, thì cũng còn hơn hai ngàn đồng mỗi tháng, chứ có ít đâu. Nếu không ăn chặn, thì tiền đó để đâu, vào túi ai?”

Vợ anh Hy tái mặt, hỏi:

“Ai nói với anh điều đó? “

“Chúng tôi biết rõ lắm, không cần ai nói cả.”

Anh Hy ôn tồn giải thích rằng, anh cũng đã đến đây trước. Anh rõ thủ tục. Ban đầu hội nhà thờ thuê giúp nhà, cho tiền chợ, mua cho đủ các thứ cần dùng hàng tháng. Rồi họ kiếm việc cho mình làm. Khi đã có lương tiền, thì mình phải tự túc lấy. Đó là chính sách của nhà thờ.”

Mặt anh chị Phàn và cả cụ già đều sậm lại. Giọng chị Phàn chua ngoét:

“Chúng tôi đâu có ngu. Tôi biết rõ hai ông bà Hy này là những con cò mồi của nhà thờ. Biết rõ đến mười mười.”

Anh Hy run lên vì giận, chị Hy thì mặt đỏ bừng, thét lên the thé:

“Làm cò mồi để được cái gì? Ăn nói như những kẻ vô ân bạc nghĩa. Nói như vậy mà không biết tự xấu hổ sao? Giao thiệp với hạng người này thêm dơ dáy, thêm nhục nhã cho cái giống nòi mình mà thôi.”

Chị Hy kéo anh chồng đứng dậy, giận dữ ra về. Anh Hy quay lại nói với anh Phàn:

“Tuần tới, ông tự kiếm lấy phương tiện mà đi làm. Tôi không muốn làm mọi cho ông nữa.”

Vợ tôi cũng giận và muốn ra về theo vợ chồng anh Hy. Tôi làm dấu, bảo ngồi yên. Anh Phàn phân trần tiếp:

“Chuyện trợ cấp cho người mới định cư là luật của nhà nước Mỹ. Rõ ràng, không ai chối được. Chúng tôi đã biết rõ từ hồi còn ở trại tị nạn Hồng Kông. Nay nhà thờ ăn chặn tiền, rõ ràng thế, mà còn chối loanh quanh.”

Tôi thấy tội nghiệp cho vợ chồng anh Phàn, vì hiểu lầm, nên có nhiều suy nghĩ và hành động đáng tiếc. Tôi cũng không dám nói thẳng là anh đã hiểu lầm luật lệ. Biết là khó mà giải thích cho gia đình anh Phàn hiểu, không chừng càng giải thích, thì càng gây thêm nhiều ngộ nhận khác. Tôi ngồi im một lúc suy nghĩ. Anh Phàn nói tiếp:

“Bây giờ chỉ còn hai anh chị. Tôi nhờ anh chị ‘báo cáo’ lại cho nhà thờ những đòi hỏi chính đáng của gia đình chúng tôi. Chúng tôi kiên quyết đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng.”

Vợ tôi nghe cái giọng điệu giống hết những anh cán bộ trong các buổi học tập chính trị bên nhà, thì phì cười, hết giận. Vợ tôi nói:

“Xem bộ mấy ông mấy bà trong họ đạo này dư công rồi nghề góm nhĩ. Mình ở xa ngàn dặm, không bà con, không quen biết, không ân nghĩa, không nợ nần, lại nai lưng ra bảo lãnh mình vào đây, cho nhà ở, cho cơm ăn, cho áo mặc, lo cho đủ thứ. Lại bị ghét bỏ, thật đáng đời. Của nợ giữa đường mà mang

cống lên lưng. Anh chị xem, không biết họ bảo lãnh cho mình, thì được lợi lộc gì nhỉ?”

Hai vợ chồng anh Phàn cùng nói lớn một lúc, với giọng chắc nịch:

“Đề lập thành tích chứ để làm gì. Ai mà không biết.”

Vợ tôi bật cười ha hả và nói tiếp:

“Đúng. Lập thành tích dâng lên đảng !”

Tôi ôn tồn bảo vợ tôi đừng đùa nghịch. Tôi hứa sẽ cố gắng giúp hai anh chị Phàn và gia đình. Chữ hứa của tôi, trong thâm tâm, là hứa cố gắng giúp anh chị giải tỏa những hiểu lầm đáng tiếc, nhưng có lẽ anh chị Phàn tưởng là tôi sẽ đến nhà thờ đòi tiền “ăn quýt” giúp cho anh chị.

Chúng tôi về, ghé lại nhà anh chị Hy. Anh chị Hy chưa nguôi giận. Chị vợ anh Hy nói:

“Chúng nó là thứ vô ân bạc nghĩa, không biết đạo lý làm người. Khi nào cũng ngoác miệng ra nói lời dóc lác, đao to búa lớn, nào là đấu tranh, nào là thắng lợi, kiên quyết. Nghe mà ngứa lỗ tai, chịu không nổi.” Vợ tôi nói:

“Họ còn cho rằng, nhà thờ muốn lập thành tích nên bảo lãnh họ đến đây.”

Anh Hy phì cười, nói:

“Mấy ông bà trong họ đạo mà nghe câu này, chắc tức mà hộc máu chết hết không còn một mống. Thôi, anh chị cũng nên tránh

xa gia đình anh Phàn, để tránh bức mình và rắc rối về sau. Những hạng người này, không chơi được.” Tôi nói:

“Thôi, anh chị bớt giận. Tất cả cũng do hiểu lầm. Người ngoài, không cùng màu da, không cùng dòng giống, mà họ còn tận tình giúp đỡ. Mình không giúp nhau, thì làm sao cho lòng yên ổn được.”

“Nhưng họ nói cái giọng khó nghe của ‘bọn dân tộc anh hùng’, ngứa tai chịu không nổi.” Tôi dụ giọng:

“Họ cũng là nạn nhân dài hạn của chế độ. Họ còn đáng thương hơn chúng ta nữa, vì đã chịu đựng chế độ lâu dài hơn hai mươi mấy năm. Nếu chúng ta sống trong hoàn cảnh đó, được giáo dục theo lối đó, thì không chừng chúng ta tệ hại hơn anh chị Phàn bây giờ. Anh chị đừng buồn nữa. Thứ hai này, anh cứ đến chỗ anh Phàn đi làm như thường nhé. Chúng ta không thương nhau, thì ai thương chúng ta được?”

Anh Hy im lặng. Chúng tôi ra về. Không biết nghĩ sao, vào tối chủ nhật, anh Hy nhờ tôi điện thoại báo cho anh Phàn biết là sáng thứ hai, sẽ đến đón anh Phàn đi làm như thường lệ. Tôi nghe mà mừng. Nhưng anh Hy và anh Phàn vẫn còn buồn nhau. Cùng đi cùng về mà giữ im lặng, không nói một lời. Sau này, anh Phàn nói với tôi rằng: “Bố bảo, thằng Hy cũng

không dám thôi đưa rước tôi đi làm. Nó còn phải rình mò, dò xét tôi, để báo cáo cho nhà thờ nữa chứ.”

Mỗi sáng Chủ Nhật, các ông bà Mỹ đến chở toàn gia đình anh Phàn đi nhà thờ xem lễ. Với ý nghĩa làm ơn, làm phước, cứu vớt linh hồn của một gia đình ngoại đạo tội nghiệp, chưa biết đến danh Chúa Trời, đem ơn phước đến cho họ. Nhưng gia đình anh Phàn cần rằng chịu đi nhà thờ, là để làm ơn cho các ông bà Mỹ, làm họ vui lòng, may ra họ nghĩ lại mà trả lui số tiền đã “ăn chặn”. Chứ đến nhà thờ, theo anh Phàn nói, chỉ nghe xi-lô xi-la không biết họ nói gì, buồn ngủ lắm, ngồi lâu mỏi lưng, tê chân. Anh Phàn nói với tôi rằng:

“Mấy ông bà Mỹ sang trọng, giàu có này, nhưng keo kiệt không ai bằng. Mỗi khi lễ xong, có người cầm cái vọt đi thu tiền, tôi thấy họ chỉ cúng vào vọt tờ bạc một đồng thôi. Để cho họ xấu hổ, nhục nhã, khi nào tôi cũng bỏ vào vọt mười đồng.”

Tôi chỉ cười, không dám có ý kiến. Một hôm anh Phàn lợi tuyệt qua nhà tôi vào buổi tối, đem tặng một gói trà Tàu bèo nhèo mà anh đã mua từ Hồng Kông. Sau một vài câu chuyện vu vơ, anh lôi trong túi ra một xấp điện tín mười tờ, đưa cho tôi xem, và hỏi những món hàng ghi trong điện tín có thể mua ở đâu, làm sao tìm ra tiệm bán giá rẻ.

Tôi lật từng trang điện tín từ Hải Phòng, Hà Nội. Móng Cáy điện qua, do nhiều người khác nhau đánh đi, yêu cầu gửi những món đồ gia dụng như máy nghe nhạc, máy chụp hình, xe đạp đua, vải vóc, bột ngọt, thuốc trụ sinh và những món linh tinh khác nữa. Anh nói:

“Bên nhà tưởng tôi qua đây đi ăn cướp tiền của thiên hạ anh ạ. Tiền đâu mà đòi hỏi đủ thứ như thế này? Tôi cũng nhúc nhích về mấy cái điện tín và thơ từ liệt kê dài lòng thòng các món hàng họ đòi hỏi. Điền lên được đấy chứ.”

Tôi an ủi anh:

“Bên nhà họ khổ quá, mình giúp đỡ được ít nhiều, thì giúp trong khả năng của mình. Anh lo buồn làm chi cho khổ tâm vô ích.”

“Người ta tưởng qua đến Mỹ là hốt tiền thiên hạ như hốt lá vàng. Mỹ nó ngu cả hay sao?”

Tôi hứa khi nào rảnh, sẽ lái xe đưa anh lên Chicago, tìm các tiệm bán hàng cần thiết để anh dò hỏi giá cả. Anh hỏi vay tôi năm trăm đồng, có tiền lời mười phân, và sẽ hoàn trả lại khi lãnh được tiền trợ cấp. Tôi cười bảo anh:

“Để tôi bàn lại với vợ tôi, thuyết phục bà cho anh vay. Vì hầu bao trong gia đình do các bà nắm giữ, và giữ chặt lắm. Mỗi

ngày tôi phải ngửa tay xin tiền quà, tiền xăng. Và nếu có cho anh vay, thì cũng không dám lấy lời. Ở Mỹ mà cho vay cất cổ, thì cũng dễ vác chiếu ra tòa lắm.”

“Tiền lời là do tôi đề xuất, và bằng lòng, chứ anh có ép tôi đâu? Anh tự quyết định cho tôi vay không được sao? Các anh yếu đuối quá, anh Hy cũng vậy, để cho vợ lấn lướt, qua mặt.”

Tôi cười, nói đùa:

“Đàn ông miền Nam chúng tôi không được dũng cảm như các anh. Mà khi ở trên đất Mỹ nữa, thì chúng tôi càng xù như sợi bún thiêu.”

Làm việc được mấy tháng, anh Phàn bỏ việc mà không thông báo cho công ty, nên anh bị sa thải. Mấy người bảo trợ trong nhà thờ đến nhà anh tìm hiểu sự việc để giúp đỡ. Họ kêu vợ chồng anh chị Hy đi thông dịch, nhưng anh chị Hy từ chối. Họ đến nhờ vợ tôi. Nhóm nhà thờ gồm năm ông bà, đi hai xe. Họ hỏi lý do thôi việc. Anh Phàn lúng kúng đáp:

“Không muốn làm việc nữa, thì nghỉ.”

“Thế anh đã kiếm ra việc làm khác chưa ?”

“Chưa”

“Không có việc làm, lấy tiền đâu chi tiêu, thuê nhà, ăn uống?”

“Tôi không biết!”

“Tại sao anh không muốn làm việc đó nữa? Có vấn đề gì không?”

“Không có vấn đề chi cả.”

“Anh có muốn nhà thờ tìm việc khác cho anh không?”

“Chưa muốn. Khoan đã.”

Mấy ông bà trong nhà thờ lắc đầu, nhìn nhau, rồi nhìn anh Phàn với ánh mắt thương hại. Các ông bà hỏi, bây giờ anh muốn gì không? Anh nhờ vợ tôi nói, là muốn nhà thờ trả lại cho anh số tiền hơn hai mươi ngàn mà họ đang giữ giúp, để anh tính kế làm ăn. Vợ tôi tái mặt, không biết phải nói làm sao, để hội nhà thờ khỏi bất bình. Ngập ngừng, vợ tôi nói trại ra rằng, anh Phàn tha thiết muốn biết những chi phí của nhà thờ đã chi tiêu cho anh, và ai đã đóng góp bao nhiêu, quỹ nhà thờ bao nhiêu, và nhà nước cho bao nhiêu, để anh tri ân họ. Các ông bà khoát tay, bảo là không cần thiết, đừng nghĩ đến, đừng thắc mắc. Vợ tôi năn nỉ, nói rằng, nếu không được biết những điều đó, thì anh Phàn cứ thắc mắc mãi, không yên tâm để làm ăn. Các ông bà cười sung sướng, thoải mái.

Cuộc ‘đấu tranh kiên cường’ của anh Phàn gần thành công mà anh không biết. Khi nhà thờ thấy anh chệch đều thôi việc, không chịu đi làm nữa, họ cũng quỳnh lên, lo lắng lắm. Họ đạo cũng nghèo, tín hữu cũng không giàu có chi, không thể đài thọ dài ngày cho

cái gia đình đông đảo này được. Các ông bà bảo trợ chịu thua, định ngày đem gia đình anh Phàn lên sở xã hội xin trợ cấp của quận hạt. Nhưng anh Phàn loan báo rằng, anh sẽ dời nhà về Oklahoma City. Cả họ đạo thờ phào. Anh Phàn có nhiều bạn bè quen biết trong trại tị nạn cũ, họ đã định cư ở Oklahoma, và biết rành mạch cách xin trợ cấp xã hội. Anh Phàn nhờ tôi mua vé máy bay cho cả gia đình về Oklahoma City, đồng thời dàn xếp xe cộ để chở anh chị ra phi trường. Ông Gary và bà Eva hứa thuê một chiếc xe có thùng sau lớn, để chở hành lý công kênh của gia đình anh. Tôi và anh Hy, hai xe sẽ chở người trong gia đình

Anh Phàn nói nhỏ với tôi rằng, trước khi đi anh sẽ đốt căn nhà để trừ vào số tiền nhà thờ đã ăn quỹ của anh.

Ăn của ai thì được, ăn của anh thì nuốt không trôi đâu. Tôi can gián, và dọa anh rằng FBI của Mỹ giỏi lắm, thế nào họ cũng điều tra ra. Và tội chi đi tù cho khổ thân, con cái không ai nuôi. Mình đến đây, đời sống còn dài, còn sức thì còn làm ra tiền. Vả lại, có đốt căn nhà, mình cũng không được đồng xu nào, chưa chắc đã hả được cái tức tối, mà mua thêm lo lắng vào thân. Lỡ cháy lan qua nhà lân cận, thì thêm tội nghiệp những người láng giềng tốt của anh. Anh nói rằng, nếu không đốt được nhà, thì

trước giờ đi, anh sẽ phá cho tan tành, đập vỡ bồn cầu, nhà tắm, bể ống nước, phá tủ lạnh, đập bếp. Tôi cười bảo rằng, anh cứ lo đi trước, sau khi anh đến Oklahoma rồi, tôi sẽ thay anh làm các việc đó. Đừng làm sớm, mà họ giữ anh lại, không đi được, mất toi tiền máy bay.

Ngày anh Phàn ra phi trường, tôi và anh Hy xin nghỉ việc, thay phiên nhau đến nhà anh, lấy cớ là phụ soạn hành lý, nhưng thật tâm là để ngăn cản anh phá hoại căn nhà. Khi cả nhà lên xe hết, anh Hy chạy vào một vòng bên trong nhà, xem có gì hư hại không. Anh Hy ra xe và đưa hai ngón tay lên làm một vòng tròn, cho tôi biết là mọi sự tốt đẹp. Tôi thở phào.

Trong khi chờ máy bay, anh Phàn nhờ tôi nói với ông Gary và bà Eva rằng, qua Oklahoma, anh sẽ gởi tiền, mua vé máy bay, mời cả họ đạo của ông bà qua chơi, anh sẽ bao tiền ăn ở, bao tất. Tôi dịch khác đi, nói là anh biết ơn hai ông bà lắm, và không bao giờ quên cái ơn bảo bọc lúc ban đầu này. Hai ông bà nghe xong cảm động, ôm chầm lấy anh chị mà nói cảm ơn rồi rít. Anh Phàn thì tưởng hai ông bà mừng vì được anh hứa cho vé máy bay, cả họ đạo sẽ được đi chơi. Khi đưa gia đình anh ra máy bay, chúng tôi ôm nhau thân thiết, và mắt anh Phàn cũng rướm rướm ướt, anh nói nhỏ với

tôi, giọng run run rằng, thôi đừng phá căn nhà nữa. Tôi gật đầu.

Đưa gia đình anh Phàn đi rồi, anh Hy nói với tôi rằng:

“Thế mà tôi cũng thấy buồn, trống trải, như mất mát một cái gì đó. Bây giờ chỉ còn hai gia đình mình trong thành phố này thôi”.

Trong lòng tôi cũng thấy buồn.

Mười sáu năm sau, kể từ khi đưa gia đình anh Phàn về Oklahoma, tôi tình cờ gặp lại anh trong một tiệc cưới tại Houston, Texas. Anh nhận ra tôi, mà tôi không nhận ra anh. Vì bây giờ anh mập mạp, trắng hồng, ăn mặc chỉnh tề, không còn dáng quê mùa như xưa. Vợ anh thì sang trọng trong bộ áo kim tuyến lóng lánh, như cô ca sĩ. Anh ôm chầm lấy tôi, hỏi có còn nhớ ra anh là ai không. Anh nói: “Phàn đây, Phàn ở Morris, Illinois đây mà.” Tôi cũng mừng vui gặp lại người quen biết xưa. Anh xin chuyển bàn, để vợ chồng anh ngồi cạnh chúng tôi mà hàn huyên. Anh cho biết ở Oklahoma được hai năm, thì dọn về Houston, bây giờ cả hai vợ chồng đều làm việc cho một hãng sản xuất đồ nhựa. Suốt hơn mười mấy năm anh làm hai việc toàn thời gian, mỗi đêm chỉ ngủ năm sáu giờ thôi. Ngày nghỉ thì đi sửa chữa nhà cửa, ống nước. Hai cháu gái lớn đã có gia đình. Cháu trai kế thì vừa tốt nghiệp đại

học. Bây giờ anh chị Phàn có ba căn nhà, một căn để ở, hai căn cho thuê.

Tôi mừng cho anh. Anh nói với giọng thành thật: “Hồi mới qua, chắc anh chị buồn chúng tôi lắm. Nhiều năm sau tôi còn ân hận, và xấu hổ vì chuyện xưa. Bị thông tin sai lạc, tôi hiểu lầm, làm nhiều chuyện lố lằng, kỳ cục, bậy bạ. Lại ăn nói ngang ngược. Tôi nhớ ơn anh chị, và cả vợ chồng anh Hy, chịu đựng được chúng tôi, mà không đâm cho vỡ mồm, hộc máu mũi. Càng lâu, tôi càng thấm thía cái câu ‘Bầu bí một giàn’ của anh Hy nói ngày xưa.”

Vợ anh Phàn cười vui vẻ, nói tiếp:

“Ông nhà tôi thay đổi nhiều lắm rồi. Nhưng không bỏ được cái phét lác đã ăn sâu vào máu. Cứ một tắc thẩu trời.”

Chúng tôi cùng cười với nhau. Tôi nói đùa:

“Nếu phét lác mà không hại đến ai, thì cứ để anh phét lác cho sướng cái miệng.”
Anh Phàn ôm lấy vai tôi và lắc lắc, cười vui vẻ./

Đoạn Đời Lênh Đênh

Mới đi tù cải tạo về được mấy tháng, tôi còn đang run và lạnh căng lăm. Tuy được công ty xây dựng kê làm việc lại, nhưng vẫn nằm dưới sự quản chế của chính quyền địa phương. Một đêm họp tổ dân phố, tôi đang còn lơ mơ nghĩ chuyện vượt biên, thì bỗng giật mình nghe ông tổ trưởng dân phố nói đến tên tôi:

“Khu phố quyết định cử anh Tư đi công tác kinh tế mới Lê Minh Xuân hai tháng. Anh chuẩn bị cơm áo gạo tiền mà đi công tác cho tốt.”

Tôi bàng hoàng nhìn qua nhìn lại, thấy mặt anh công an khu vực có vẻ thỏa mãn lăm. Cũng dân “ngụy” với nhau, sao anh tổ trưởng dân phố chơi khó tôi chi thế. Biết đi công tác kinh tế mới là đi đào kinh, ngâm nửa mình dưới bùn suốt ngày, đội nắng gội mưa, đêm về còn hội họp bình bầu, ăn ngủ không nơi chốn. Cũng khổ như đi tù khổ sai.

Tôi bối rối, vì không thể từ chối được. Họ biết tôi đang yếu thế, mới đi tù về, bảo gì

cũng phải nghe theo, nếu không thì nguy cho cái tự do mong manh đang có.

Tôi thoáng nhìn cái mặt không mấy dễ thương của anh tổ trưởng dân phố, anh cũng là một giáo sư trung học. Không chừng đây là kế hoạch từng bước của mấy anh phường khóm, đưa tôi về kinh tế mới, rồi không cho quay lại thành phố nữa. Thời buổi này không thể tin ai được. Tôi bỗng nảy ra trò chơi tháu cáy. Tôi nhìn anh công an khu vực, và từ tốn nói:

“Tôi sẵn sàng chấp hành quyết định của tổ dân phố. Nhưng xin các anh vui lòng lên Thành Ủy, xin cho tôi được một giấy phép hoãn công tác ‘trọng điểm’ của thành phố giao cho tôi. Tôi chưa dám bỏ ngang công tác của ‘trên’ giao phó.”

Thực sự, thì tôi có nghe loáng thoáng đâu đó cụm từ “công tác trọng điểm” của thành phố, mà không biết đó là công tác gì. Nghe đến chữ “thành ủy”, thì cả anh công an, lẫn anh tổ trưởng dân phố co lại, như đĩa phải vôi. Như ngày xưa, kẻ bần dân nghe đến Thánh Thượng. Thế là tôi thoát cuộc đi đày trá hình.

Theo kinh nghiệm bằng vàng của bà con từ miền Bắc vào, thì phải bám chặt thành phố bằng mọi giá. Kể cả cái giá đắt nhất là ngủ đường, ngủ chợ, vô gia cư.

Nhiều bạn bè tôi, khi đi tù cải tạo về, vội vã đến sinh hoạt tại hội trí thức yêu nước. Nơi mà chúng tôi mệnh danh là “Hội trí thức lạnh căng”. Đến đó, để xin cho được cái giấy chứng nhận là đang sinh hoạt tại hội này, về trình cho chính quyền địa phương và công an phường khóm, làm cho họ tưởng rằng đã có việc làm, và đang “công tác” tại hội này, để hy vọng bớt bị làm khó, bớt bị thúc dục đi vùng kinh tế mới. Có cái giấy chứng nhận, cũng bớt lạnh căng nhiều lắm. Mấy anh công an, mấy anh chính quyền phường khóm, nghe cái chữ “yêu nước” cũng hơi ngán, nể nang, vì tưởng đó là một cơ quan quyền lực của “cách mạng”. Thực tế, thì sau khi lấy được giấy chứng nhận, lảng vảng lui tới trụ sở của hội thêm vài lần, là lặn, chuồn êm. Tội chi đến đó nữa, để họ rủ rê, ép buộc đi đào kinh, đi lao động mệt nhọc. Một thời gian sau, ông chủ tịch của hội này bị bắt vì tội đi vượt biên. May nhờ chính sách thông tin bùng bít, nên ít ai biết chuyện này, và tờ chứng nhận vẫn còn hữu dụng.

Ba tuần sau, anh giám đốc công ty kêu tôi chuẩn bị đi công tác hai tuần, tại các khu kinh tế mới miền Cà Mau. Anh cho biết đây là ‘công tác trọng điểm’ của Thành Phố. Tôi phì cười. Thì ra chuyện thâu cáy phường khóm mà thành sự thật. Cái mà thành phố gọi

“trọng điểm” là xây cất mấy căn nhà gạch-xi-măng làm trụ sở hành chánh cho các vùng kinh tế mới. Không có gạo mang theo khi đi công tác, nhưng tôi vẫn cất một cái ống quần cũ sờn mòn, may hai đầu lại, có dây rút, để đựng gạo nếu mua được. Cái ống quần này, có thể mang chéo trên vai, như ruột tượng của các chiến binh “sinh bắc tử nam” lặn lội trên đường rừng Trường Sơn. Hình như công tác nào xa xôi, hóc búa, khó khăn, đều giao cho công ty này thực hiện. Giám đốc công ty là một anh cán bộ tập kết, tiến sĩ xây dựng, tốt nghiệp ở Liên Xô về. Trong đám cán bộ, anh này có vẻ trí thức nhất. Anh đã tốt nghiệp tú tài Pháp tại Sài Gòn trước khi đi tập kết ra Bắc. Anh không có cái giọng thô lỗ, không có cử chỉ thiếu lịch sự của những cán bộ tam đờn bần cổ lên làm chỉ đạo. Hình như anh cũng đã chịu nhiều trù ếm của chế độ, vì cái bằng cấp từ Liên Xô của anh. Anh đã từng bị gán cho tội thuộc “bọn xét lại”. Tội nặng lắm. Sự trù dập của chế độ, làm trí óc anh sáng suốt hơn, và ít nói những điều mê sảng chung của thời đó.

Đoàn công tác gồm ba xe. Anh giám đốc đem theo đại diện của các phòng trong công ty. Tôi đại diện phòng Kỹ Thuật, anh Khiêm đại diện phòng Kế Hoạch, và mấy người khác đại diện các phòng Vật Tư, Thi Công, Tài Vụ, Tổ Chức. Có đại diện Thành

Ủy, đại diện sở Xây Dựng thành phố. Đoàn công tác đi từ Sài Gòn, xuống Cái Sắn, Gò Quao, Chủ Chí, Năm Căn, Đồng Tháp, Cà Mau và vài nơi khác nữa.

Từ Sài Gòn xuống Cần Thơ, xe chúng tôi bị công an kinh tế chặn xét nhiều lần. Hai lần bị làm khó, công an đòi tịch thu mấy gói gạo trên xe. Anh giám đốc công ty tôi, và cả vị đại diện thành ủy, ông này nguyên là đại tá tình báo quân đội Việt Cộng chuyển ngành, phải xuống nước năn nỉ, và giải thích hết lời. Cho biết số gạo mang theo, là gạo công tác, chứ không phải gạo mang đi buôn bán. Khó khăn lắm mới khỏi bị tịch thu.

Qua khỏi Cần Thơ, chúng tôi xuống thuyền đuôi tôm, mà dân vùng này gọi là cái “dỏ rột”, đi vào các vùng hoang vu, hẻo lánh, nơi mà người ta mệnh danh “kinh tế mới”. Dọc theo con đường đi vào các khu vực kinh tế mới, có nhiều trạm gác rải rác, đóng chốt tại các trục giao thông, các nơi yếu điểm, cả trên bộ, lẫn trên sông, để ngăn chặn những người từ các vùng kinh tế mới trốn về thành phố.

Người canh gác là công an, du kích địa phương, hoặc thanh niên xung phong. Mỗi khi thuyền đi qua các trạm, nghe súng nổ rôm rốp, phải ghé lại trình giấy tờ mới được đi. À, thì có người bảo rằng, trốn ra khỏi các vùng kinh tế mới, còn khó khăn

hơn cả vượt biên đi ra ngoại quốc nữa cũng không sai. Trạm gác dày đặc. Không có giấy phép đi đường, thì khó qua lọt. Không có giấy tờ hợp lệ, thì bị bắt nhốt, và đi tù cải tạo ngay. Anh Giám Đốc công Ty Xây Lấp hỏi trống:

“Có phải vùng kinh tế mới là nơi mà người dân có cơ hội làm lại cuộc đời tốt đẹp và xứng đáng hơn không?” Anh đại diện thành ủy nói:

“Phải.”

“Thế thì sao phải canh gác kỹ đến thế kia nhỉ?”

Tất cả đều im lặng, không ai trả lời. Tôi thì mỉm cười, liếc nhìn cái mặt tỉnh khô của anh giám đốc công ty xây lắp, trong khi anh đại diện thành ủy hơi nhú mày khó chịu. Bỗng tôi sực nhớ đến một người bạn cũ. Ngày trước, hắn bỏ vào bưng theo Việt Cộng. Hắn đã nói với tôi và vài người bạn khác rằng: “Các anh thiếu quả cảm, không dám bỏ thành phố khó khăn, để về vùng kinh tế mới làm lại cuộc đời có tương lai tươi sáng hơn.” Tôi chỉ đáp lại: “Chúng tôi thiếu quả cảm, đúng vậy. Nếu chúng tôi có một chút quả cảm thôi, thì giờ này các anh còn chui rúc trong bờ bụi, trốn như chuột, chứ đâu được ngồi đây để chê chúng tôi.” Hắn sượng mặt. Một người bạn khác bồi thêm: “Cậu có khuyên ai trong các anh chị

em của cậu đi làm lại cuộc đời ở vùng kinh tế mới chưa?”

Một buổi chiều, xuống đến Gò Quao thì mặt trời đã gác về phương tây. Trời nóng bức. Chúng tôi được tạm trú tại căn hội trường lợp tranh lớn, bên trong có vài cái bàn ăn tập thể. Tôi đưa tiền nhờ đóng góp, để được “căng tin” nấu giúp bữa ăn vào buổi chiều. Anh Khiêm và tôi ra bờ sông bên kia đường, cởi áo quần nhảy ùm xuống nước. Nước mát rượi. Chúng tôi bơi ra giữa dòng. Máy cô gái quê chèo đò dọc trên sông, khi ngang qua chúng tôi, họ cười và khoát nước treu chọc. Họ hỏi vọng xuống:

“Dân thành phố hả? Sao mà thân mình trắng như con nhái lột da vậy?”

Hai cô gái chèo thuyền phía kia đi tới, la lớn lên:

“Cá sấu, cá sấu!”

Anh Khiêm và tôi hốt hoảng bơi nhanh vào bờ, mặt mày tái ngắt, nhảy lên bờ nhìn xuống tìm cá sấu. Thấy một cô thanh niên xung phong đang giặt áo quần, đứng dưới nước ngập ngang đầu gối, anh Khiêm thét lên:

“Cá sấu, cá sấu. Cô kia! Chạy lên bờ mau!”

Cô thanh niên xung phong nhìn chúng tôi mà cười sằng sặc. Khuôn mặt cô râm nắng, hai hàng răng trắng. Thân thể cô rắn

chắc, khỏe mạnh, có bề ngang vững vàng. Cô mang bộ áo quần thanh niên xung phong màu phần ngựa đã sờn rách, nhiều nơi vá víu. Cô nói:

“Em cũng mong cho có cá sấu, bắt nó mà đãi hai anh một bữa tối nay. Các cô dò dọc trên các anh đó. Sao mà mình mẩy hai anh trắng như heo cạo lông thế?”

Hai đứa tôi hơi ngượng, anh Khiêm cười nói:

“Ở thành phố, thỉnh thoảng chúng tôi phải nấu nước sôi dội lên người mà cạo lông, cho da thịt được trắng trẻo.”

“Để em nấu nồi nước sôi, nhờ các anh cạo giúp em cho đỡ đen đui ‘hén’”. Ở dưới quê này, chưa ai biết cái nghề đó cả.”

Nói xong cô nhắm mắt lại mà cười rất tự nhiên. Cô nhìn vào mình mẩy chúng tôi, có vẻ thèm muốn lắm. Anh Khiêm thấy cái nhìn của cô, liền buông lời trêu ghẹo:

“Cô tên là gì nhỉ?”

“Chi vậy?”

“Để mai mốt về Sài Gòn mà gởi thơ, và cũng để quen biết luôn.”

“Em tên Hùng. Tên có vẻ hơi con trai một chút. Các anh tên gì?”

Anh Khiêm cười đáp:

“Tôi tên là Hoa, còn anh này tên là Mai. Hai cái tên này nghe như tên con gái nhỉ.”

Cô Hùng cười và nheo mắt lại mà nói:

“Hai anh có chịu đổi tên cho em không? Em muốn đổi tên cho anh Mai. Nếu chịu, thì từ nay gọi em là Mai, gọi anh là Hùng”

Tôi là con trai chưa vợ, nghe cô đòi đổi tên nên cũng ngượng, đỏ mặt lúng túng chưa biết nói gì, thì anh Khiêm reo lên vui vẻ:

“Xong rồi. Ý kiến hay quá. Này, ‘chị Mai’, hai hôm nữa theo chúng tôi về thành phố Sài gòn nhé.”

“Em chịu ngay.”

Tôi nhìn cô Hùng, thấy cô cũng mặn mòi dễ thương, nhưng tôi ngượng quá, vội mang áo quần đi vào nhà hội. Buổi cơm chiều hôm đó, tôi mới biết cô Hùng là “chị nuôi” của cái căn cứ chỉ huy thanh niên xung phong này. Không biết có phải vì chúng tôi là khách, nên mâm cơm của anh Khiêm và tôi được dọn ra có phần dồi dào hơn các mâm khác, sự chênh lệch thấy rõ. Anh Khiêm cứ nháy mắt trêu tôi mãi.

Buổi tối, anh giám đốc công ty kêu tôi đi họp. Buổi họp được tổ chức trong một lán trại, khói cây trầm xông mù mịt để đuổi muỗi. Tất cả thành viên buổi họp đều ngồi co chân lên ghế theo kiểu ngồi nước lút. Bây giờ tôi mới đoán ra, tại sao các anh cán bộ ngồi co chân theo kiểu này. Có lẽ là vì muỗi, ngồi co chân cho dễ đập muỗi. Buổi họp diễn ra trong

rời rạc, chán nhàm như trăm ngàn buổi họp trong xã hội chủ nghĩa. Anh bí thư chi bộ, người điều khiển phiên họp cũng nói dài, nói dai, và thỉnh thoảng chêm vào những từ ngữ: “dưới ánh sáng của nghị quyết đảng, hạ quyết tâm, thắng lợi, tranh thủ, tiên tiến...” Đi họp, đi với anh giám đốc, tôi không có nhiệm vụ gì, cũng không muốn phát biểu gì cả, tội chi mà đưa ý kiến ra, cho thêm phiền, mà các ông ‘cách mạng’ này đâu có nghe, đâu có tin. Tự nhiên tôi thấy vui vui, có cảm giác buổi họp này giống như buổi họp của đám thảo khấu trên núi, tả trong các sách truyện tôi đọc ngày xưa. Tôi quan sát từng người, từng khuôn mặt, từng dáng điệu, và ngòì cười một mình. Tôi không cần nghe, không cần hiểu câu chuyện. Nhưng bỗng tôi nghe một giọng nói gay gắt từ cánh trái:

“Tôi là tiến sĩ về ngành điện, biết chi về đất đai, đào móng, mà bắt nghiên cứu. Công việc của người có bằng cấp tiến sĩ, không phải ở nơi này. Các anh đốt củi, thắp đèn dầu, thì cần chi đến cái bằng tiến sĩ điện của tôi? Đưa tôi về công tác nơi đây là không đúng, là phí phạm, tôi đi học Liên Xô bao nhiêu năm, không phải để về làm những việc này.”

Anh bí thư chủ tọa phiên họp có vẻ giận, nói:

“Đồng chí phải biết, công tác nào cũng là công tác cả. Không phân biệt khó hay dễ. Công tác nào cũng phải hoàn thành, nhiệm vụ nào cũng phải gánh vác. Chúng ta vượt được Trường Sơn, đánh thắng cả ba đế quốc sừng sỏ nhất thế giới, thì có việc chi mà không làm được? Tập thể đã quyết định, phân công, đồng chí cứ thế mà thi hành.”

Có tiếng của anh tiến sĩ nói nho nhỏ, như nửa thì chịu thua, nửa thì chống lại:

“Bắt chó đi cày, thì làm sao mà hy vọng cho xong việc.”

Họp đến khuya mới lò mò ra về, trời đêm, đường quê bằng đất, tôi đi sò soạng từng bước khá vất vả. Về đến nơi tạm trú là nhà ăn hồi ban chiều, thì đèn đóm đã tắt, tối om. Anh giám đốc được dành cho ngủ trên cái bàn ăn. Anh Khiêm đã kiếm được nơi ngủ từ lâu. Tôi đang bối rối, chưa biết phải nằm đâu, thì cô Hùng bưng đèn dầu, ngọn lửa nhỏ như hạt bắp, đến dẫn tôi ra phía phòng ngoài. Cô hạ một cánh cửa cũ xuống đất, làm giường cho tôi. Được như thế này cũng đã quá quý. Cô Hùng chờ tôi móc, giăng màn xong mới bưng đèn đi. Tôi thấy cô nhìn tôi bằng con mắt có đuôi, và miệng cười chúm chím. Tuy không có tình ý gì, nhưng tôi cũng thấy trong lòng vui vui.

Di chuyển cả ngày mệt, lại phải đi họp đêm, đặt mình xuống là tôi ngủ ngay. Đến khuya, vào quá nửa đêm, tôi thức giấc, và cảm thấy bên thân mình có hơi ấm áp, như có ai nằm bên cạnh. Tôi hơi sợ. Ai đây? Ai mà dám chui vào mừng tôi ngủ chung? Có ai quen đâu? Mà dù quen, muốn ngủ chung, cũng phải nói với tôi một tiếng chứ. Ai nữa? Chỉ có cô Hùng chứ còn ai đây? Tôi sực nhớ cái ánh mắt thèm thuồng của cô khi nhìn vào cái thân thể trơn tru, trắng mượt của tôi hồi ban chiều. Phải chăng cô này như mấy con yêu nữ trong truyện Tây Du của Tàu, muốn ăn thịt Đường Tăng Tam Tạng vì thấy da thịt ông trắng trẻo hồng hào? Tôi còn chợt nhớ đến cái màu da ngăm ngăm mận mòi kêu gọi của cô. Tim tôi đập thành thịch, vừa lo sợ, vừa mơ hồ thích thú. Tôi nằm yên lặng không dám động đậy. Hơi thở tôi dồn dập. Chưa lần kinh nghiệm chăn gối, nên tôi run lảo. Lòng tôi mềm nhũn ra. Tôi đã giữ gìn mình, để khỏi phải sa vào vòng “vợ cái, con cột” từ bao năm nay, không lẽ chấm dứt nơi đây. Tôi đã từng dần lòng, chôn chết yếu bao nhiêu mối tình vừa chớm, với những người bạn gái gia thế đàng hoàng, để đánh đổi chút tự do. Nay định vui lấp cuộc đời trong vùng kinh tế mới này chăng? Trong phút chốc, trí óc tôi mờ đi. Tôi nghĩ, e là thánh

cũng khó cưỡng được trong hoàn cảnh này. Thôi thì phó mặc cho số mệnh đưa đẩy. Tôi lại lo, lỡ đang giữa cuộc, có người hô hoán lên thì sao? Chỉ có nước độn thổ. Nhưng tôi lại lý luận rằng, nửa khuya ai cũng ngủ cả rồi, làm sao biết được. Tôi nghe tiếng thở phì phò. Con gái gì mà thở phì phì như heo. Chắc vì cô này cũng đang hồi hộp và lo lắng lắm. Hơi thở cũng có mùi nặng. Cánh tay tôi xuôi dọc theo thân, nằm ép giữa tôi và người lạ. Tôi quay bàn tay về phía kẻ lạ, và giật thót mình, vì nghĩ là mình đã sờ trúng vào nơi bí hiểm. Ghê quá, không có lẽ cô này đã trần truồng ra rồi. Tay tôi đụng vào một vùng mềm, có lông cứng như lông thú. Tôi thầm nghĩ, chắc đàn bà ai cũng thế. Con người này ghê thật, dám trần truồng mà chui vào giường con trai, thì e cũng đã dày dặn lắm rồi. Khứu giác tôi bắt được mùi hôi. Con gái gì mà hôi quá, tắm hàng ngày trên sông mà vẫn hôi? Tôi định đưa tay lên, sờ vào đầu kẻ lạ xem sao, thì nghe tiếng “ụt ụt”. Tôi sờ vào thân kẻ lạ, và hết hồn phát giác ra kẻ đang nằm với tôi là ai. Phản ứng tự nhiên, tôi co hai tay phát chưởng cùng một lúc với cái đập như trời giáng, theo thể võ “Song Long Thần Chưởng”. Tiếp theo đó, là tiếng thét éc éc rất lớn và tiếng rơi bắn ra ngoài của con heo to. Thì ra không phải cô Hùng, mà là con heo nó chui vào ngủ chung

với tôi. Tôi vừa mừng vì qua khỏi cơn mê muội, vừa tức cười cho mình, nghĩ oan cho người con gái tội nghiệp kia. Tôi tấn lại mừng cho kỹ và định ngủ tiếp, nhưng mùi phân heo hôi hám quá, chịu không nổi. Cả cái mừng, áo quần và tay tôi, cũng nồng mùi phân heo. Chắc con heo bị phát chướng của tôi, sợ quá mà vãi phân ra rồi. Tôi dậy, mở mừng, ra sông giặt. Trăng khuya miền quê sáng vàng vạc, gió thổi mát rượi. Tôi xuống bến, cởi luôn cả áo quần, trần truồng đi xuống nước. Giặt cái mừng lính bằng nilông và áo quần, đem treo trên bụi cây bên bến nước. Đêm trăng, trần truồng nhào lộn dưới nước lạnh mát, tôi bơi lội tung tăng, làm bọt nước tung tóe. Tôi leo lên tấm ván gỗ bắc ra sông làm cầu, đứng vươn tay lên trời, rồi phóng mình lên cao, lộn nhào, nhảy ùm, chuối thân xuống nước. Trăng trên sông như đang vỡ vụn vì tôi. Gió mạnh mát lạnh. Nhờ gió thổi bạt muối, tôi trần truồng đứng dạn chân trên cầu gỗ, hy vọng áo quần khô được phần nào. Bỗng tôi nghe có tiếng động bên bụi cây trên bến. Cô Hùng, đúng là cô Hùng. Hình như cô giả vờ không thấy tôi, cô đang lom khom cởi bỏ hết áo quần trên thân thể. Dưới trăng khuya vàng vạc, thân hình cô rắn chắc, đều đặn, ngực vun lên cao sáng loáng mà phía dưới có bóng đen làm nền, kêu gọi, toát ra vẻ đẹp

tự nhiên huyền hoặc. Lần đầu tiên trong đời tôi, thực sự thấy một tấm thân người khác phái không áo quần, mà không phải là hình ảnh trên báo chí dấu điểm. Hai tay cô dong ra, đang đi về phía tôi, mà mặt ngẩng lên có trăng soi sáng, loáng thoáng nụ cười duyên dáng, tóc bay bay về một phía. Tôi như kẻ lạc vào cơn mê, trí óc mù ám, người nóng bừng bừng, và như có quỷ sứ dẫn đường, tôi cũng dong tay ra, chân từ từ bước về phía cô Hùng. Bây giờ thì tôi không còn sợ hãi, lo lắng, không còn suy nghĩ về tương lai cơ cầu cho cả một kiếp người trong một xã hội khó khăn bất ổn, không triết lý về tạo nghiệp, sinh con ra để cho nó chịu khổ. Quên hết, và quên hết. Hai người tiến đến gần nhau theo thúc dục của bản năng tự nhiên, của một con đực và con cái, của ý hướng khi tạo hóa sáng tạo ra muôn loài. Bỗng chân tôi đạp vào một mảnh đá nhọn, đau nhói, làm tôi tỉnh giấc hôn mê. Tôi chuyển người qua hướng khác, và vợ vội áo quần cùng tấm mùng ôm vào lòng, đi nhanh lên khỏi bến nước. Tôi nghe tiếng kêu nho nhỏ vọng đến từ sau lưng như hơi gió: “Anh Mai! Sao vậy?”

Tôi giằng mừng ướm và ngủ lại. Trong lòng vừa mừng, vừa tiếc, vừa sợ. Những tình cảm lẫn lộn, xáo trộn, quay cuồng trong trí óc tôi. Khi gần sáng, tôi nằm mộng thấy đám

cưới của tôi với cô Hùng. Đám cưới ngồi chồm hồm, mỗi khách tham dự được đãi một miếng kẹo đậu phộng trên bánh tráng, và nửa chai nước ngọt hiệu con cọp. Như tiêu chuẩn của thời “tiền mau tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa.” Tôi và cô Hùng mang áo quần công nhân màu xanh. Trong đám cưới, tay tôi cứ xòe ra sau mông để che dấu chỗ sờn rách.

Buổi sáng, tôi kể lại cho anh Khiêm nghe câu chuyện xảy ra hôm qua. Anh Khiêm phát vào vai tôi một cái thật đau, và nói:

“Sao dễ lỡ uống cơ hội ngàn năm một thuở? Anh còn là kẻ tàn nhẫn, phụ tấm lòng cô Hùng, làm tự ái cô bị tổn thương. Có lẽ cô cũng chẳng đòi hỏi điều kiện lâu dài về sau. Thanh niên xung phong, thì họ tự xem như đời đã bỏ đi, sống được phút giây nào, cứ sống cho thỏa nguyện, vì không thấy có tương lai. Anh có biết trong thời kỳ cách mạng văn hóa bên Tàu, việc trai gái ăn nằm với nhau được hình dung bằng nhóm từ “tách nước trà”. Nghĩa là đơn giản như mời nhau tách nước trà mà thôi. Anh hủ lậu, phong kiến, chậm tiến, không bắt kịp đà tiến hóa của thời đại văn minh. Anh đáng bị phạt làm kiểm điểm.”

Phái đoàn chúng tôi được đãi ăn cháo trắng buổi sáng trước khi rời khu kinh tế mới Gò Quao. Khi múc cháo cho tôi, cô Hùng hích tay vào lưng tôi. Tôi quay lại cười

thân thiện, như để xin lỗi về chuyện đêm qua. Cô cũng cười, không buồn giận chi cả. Khi chúng tôi xuống thuyền, cô Hùng còn đứng vẫy tay, và tôi ngoái cổ nhìn lui cho đến khi hình cô khuất sau đám cây xanh.

Chúng tôi về khu kinh tế mới vùng Chủ Chí, trên thuyền nhìn xuống, tôi thấy đoàn tù cải tạo đang ngâm mình dưới bùn, nước ngang ngực. Dáng họ xanh xao gầy còm. Những cái đầu gầy, tóc tai bơ phờ, mắt sâu, má hóp. Họ đang dùng ‘cây len’, móc đất lên, và chuyền tay nhau. Họ ngâm mình dưới nước chín mươi tiếng đồng hồ mỗi ngày, với bụng đói, thân lạnh, nắng mưa gội trên đầu. Sức chịu đựng của con người thật lạ lùng, có lẽ sống đã khó, mà chết còn khó hơn. Anh Khiêm thở dài, và nói nhỏ với tôi: “Có Phật, có Chúa không, mà nỡ để con người bị đày đọa đến thế, không ai cứu giúp?”.

Khi thuyền qua vùng nước cạn, thấy có con rắn nước đang trườn mình, một anh cán bộ trên thuyền la lớn, bảo anh lái thuyền xấn lại gần con rắn, dùng cây đập chết, vớt nó lên. Tất cả mọi người đều reo vui hơn hờ, vì hôm nay sẽ có được món “chất tanh” bồi dưỡng. Vùng kinh tế mới Chủ Chí như một đồng nước mênh mông. Chỉ có những đường ngăn chia ruộng thấp thoáng. Những căn chòi ọp ọp, đơn sơ, bốn

bề trống rỗng, là “nhà” của đám người bị đưa đến nơi đây. Đa số họ là dân thành thị, nửa đêm bị công an vây nhà, hốt cả gia đình lên xe, chở thẳng về đây để lao động sản xuất, cho có cơ hội may mắn làm lại cuộc đời xứng đáng, có tương lai tốt đẹp hơn. Căn nhà khang trang tại thành phố thì được khóm phường kiểm kê và quản lý, hoặc làm trụ sở, hoặc chia cho cán bộ ở. Đa số bị xúc đi kinh tế mới, là hạng người phi sản xuất, hạng tư sản mại bản. Suốt đời họ ở thành phố, chưa đụng đến cái cuốc, chưa thấy cái cày. Bắt họ lên đây khai phá vùng đồng chua nước mặn này để tự túc, mà hy vọng họ sống được, thì e chỉ có phép lạ. Khi chúng tôi đi qua, nhiều người lấp ló trong cửa dòm ra, như dòm lén. Tôi cảm thấy nhột nhạt, xấu hổ khi đi chung với đám cán bộ nhà nước này. Tại đây, tôi gặp Hương, em bạn tôi. Tóc tai Hương rũ rượi, da sạm đen vì nắng, vì nước bùn, trông Hương tiều tụy như một người bệnh. Cả gia đình bên chồng của Hương bị xúc lên đây đã sáu tháng. Ông bố chồng đi tù, vì tội tư sản mại bản. Gia đình bị hốt đi giữa đêm khuya, không chuẩn bị được gì cả, bạc tiền không có, đồ đạc cũng không. Hương nhờ tôi nhắn lại với bà con bên Hương, cũng như bên chồng, tìm cách tiếp tế, giúp đỡ. Tôi mở ví, đưa cho Hương một số tiền. Hương nhận

ngay không khách sáo. Hương muốn trốn về lại Sài gòn, nhưng chưa tìm ra cách trốn thoát. Tôi dặn Hương, chờ khi công trường xây cất khu hành chánh khởi công, thì đến gặp trưởng công trường, xưng là em của tôi, xin làm thợ vịn. Rồi tìm cách xin đi công tác về Sài gòn, trốn luôn. Các trưởng công trường xây cất này, đa số là anh em bạn bè trong sở cũ. Cán bộ cộng sản không có khả năng kỹ thuật, cho nên không làm trưởng công trường xây cất được. Anh cán bộ nào có chút bằng cấp, thì cũng làm giám đốc, trưởng phòng. Buổi cơm chiều tại Chủ Chí, tôi được ăn thịt rắn xào, con rắn nước bị giết chết hồi chiều. Dù đói, thiếu ăn, mà tôi vẫn thấy thịt rắn này tanh tanh. Đêm ngủ lại tại khu kinh tế mới Chủ Chí, trời đổ mưa, buồn đứt ruột. Tôi nghĩ đến những người thành phố bị bắt về sống nơi đây, thiếu nước, thiếu gạo, thiếu than củi, thiếu dầu, thiếu thịt, thiếu rau, cái gì cũng thiếu cả, không hiểu làm sao mà họ sống sót được. Sáng hôm sau tôi gặp được Nguyễn văn Sự. Anh này là cán bộ nằm vùng, đạp xích lô quanh chợ Bà Chiểu. Sau năm 1975, được điều động về làm nhân viên tại phường Thanh Đa. Khi tôi đi tù cải tạo về được năm hôm, thì Nguyễn văn Sự đến nhà, đem theo một gã cán bộ nói giọng bắc, tên là Nguyễn Chí Hường. Anh này đưa cho tôi xem giấy

chứng nhận, anh là cán bộ Trung Ương Cục Miền Nam. Anh Sự ra lệnh cho tôi trong hai ngày, phải dọn đi, để nhà cho đồng chí Nguyễn Chí Hướng ở. Tôi mới đi cải tạo về, còn rét lắm. Chúng có thể bỏ tù tôi lại bất cứ lúc nào, không cần lý do. Tôi còn bị chính quyền địa phương quản chế, và mất quyền công dân. Cái mạng tôi, chúng còn nắm trong tay. Sá gì cái nhà mà để tổn hại đến chút tự do mong manh. Tôi dọn ra ngay, và đồng chí Nguyễn Chí Hướng dọn vào. Anh Sự lập công, không biết được ban cho ân huệ gì trong vụ này. Nay thì anh Sự bị đày về làm cán bộ trong vùng kinh tế mới hoang vu này. Về đây là bị đày, dù là dân hay cán bộ. Cũng đói gần như nhau, cũng thiếu thốn gần như nhau. Anh Sự thấy tôi trong phái đoàn, chạy đến chào hỏi, như quen biết cố cựu. Anh Sự còn nhờ tôi khi về Sài gòn, mua “pin” (bình điện nhỏ) gửi về đây, mà không nói gì đến chuyện tiền nong. Trong đời, tôi chưa gặp ai mà mặt dày mày dạn như anh này, đáng ra gặp tôi, thì tránh mặt cho đỡ xấu hổ, lại mon men đến nhờ vả. Tôi cười nhạt, không trả lời. Anh thủ trưởng vùng kinh tế mới này hỏi tôi:

“Anh quen biết đồng chí Sự?”

“Không. Tôi chỉ biết, chứ không quen. Máy tháng trước, anh Sự đuổi tôi ra khỏi căn nhà của tôi. Ra lệnh trong hai ngày phải

dọn đi, nếu không thì anh quăng đồ ra khỏi nhà. Có phải không anh Sự?”

Tôi lên giọng hỏi anh Sự. Bây giờ tôi không còn rét như thời mới ra tù nữa, mà lâu lâu còn chọc quê mấy anh cán bộ chơi. Anh Sự lúng túng, ấp úng, gãi đầu và nói cà lăm:

“Đồng chí, đồng chí... Nguyễn Chí Hướng... ở căn nhà của anh...”

Anh Sự nói chưa hết câu, thì bỏ đi. Người thủ trưởng vùng kinh-tế-mới hỏi, tại sao mà tôi lại chịu bị đuổi nhà dễ dàng như vậy. Tôi nói:

“Vì anh Sự là người của cách mạng. Đồng chí Nguyễn Chí Hướng là người của Trung Ương Cục Miền Nam. Cách mạng không bao giờ sai lầm. Các anh ấy biết sử dụng cái ưu việt của bạo lực cách mạng”

Nghe câu trả lời của tôi, anh giám đốc công ty xây lắp cười có vẻ khoái chí. Có vài ánh mắt của mấy anh cán bộ khác nhìn tôi hằn học, tôi cười rất tươi đáp lại thái độ họ.

Tôi đi ra bên ngoài, bên cạnh trụ sở Hành Chánh là một căn chòi lá nhỏ, chỉ có mái che xơ xác, bốn bề trống rỗng mà người ta gọi là trường phổ thông cấp một. Hai đầu cái “phòng học” có hai tấm bảng mốc xì, mờ mịt. Hai cô giáo đứng đối diện, dạy hai lớp khác nhau, không có vách ngăn. Học sinh ngồi xõm dưới đất. Có bốn em học lớp một,

do một cô giáo trẻ dạy. Cô mang quần đen bạc màu, chiếc áo bà ba nâu. Lớp kia có bảy em, bốn em lớp hai, và ba em lớp ba, học chung, do một cô giáo chừng hai mươi lăm tuổi dạy. Tôi tò mò đứng nhìn. Hai cô có vẻ ngượng, cứ đưa tay lên vuốt tóc mãi. Vào giờ ra chơi, tôi ghé lại hỏi thăm. Tôi hỏi đùa:

“Các cô có biết cụ Cao Bá Quát không? Ngày xưa khi về làm giáo thụ miền Quốc Oai chắc cũng chẳng có thể thảm như thế này.” Một cô nói:

“Ông cụ có con chó cái tức là còn sang lắm. Có chút thức ăn thừa, mới nuôi nổi chó chứ. Bây giờ, không còn ai sang như vậy nữa.”

“Hai cô ở đây, vùng hẻo lánh thế này, không sợ ban đêm Việt Cộng về cắt cổ, mổ bụng?”

“Sao? Sao? Anh nói gì, tôi nghe chưa rõ.”

“Cô không sợ ban đêm Việt Cộng lên về cắt cổ sao?”

Hai cô cười xòa, mở to mắt nhìn nhau, và bảo tôi nên giữ mồm giữ miệng, kéo nguy hiểm lắm. Các cô nhìn tôi bằng ánh mắt biết ơn, thân thiết. Một cô nói nhỏ:

“Thì ra anh cũng là người phe mình. Thấy anh đi chung với họ, tôi tưởng anh là cách mạng chứ.”

“Tôi là cách miệng. Cách miệng đói khát. Chứ không phải cách mạng. Cách mạng ám no hạnh phúc.”

Hai cô nhờ tôi chuyển giúp vài lá thư về Sài-gòn. Tôi nhận lời. Tôi thầm nghĩ, ở nơi đây, làm sao hai cô kiếm được chồng, e rồi suốt đời độc thân thôi. Tôi nhớ đến những cô em bà con, các cô nhất định không ra khỏi Sài gòn, thế mà khôn.

Phái đoàn đi thuyền về khu kinh tế mới Cà Mau. Trời chuyển mưa, thuyền không mui, mọi người trùm tấm ni lông lên đầu. Buổi chiều đi trên dòng sông Trẹm, nước đỏ ngầu như máu. Hai bên bờ là rừng tràm, rừng đước âm u, thỉnh thoảng thấy một cái chòi trên cây cao, như một tổ chim lớn. Có lẽ chòi của những người kiếm ăn trong rừng. Chiều xuống dần, cảnh vật u buồn, tiếng chim kêu áo ăo. Chiếc thuyền máy vẫn xinh xịch trên dòng sông nước đỏ ngầu. Chúng tôi đến nơi khi trời đã tối. Nước ngập mênh mông. Phải xắn quần lên cao mới đi vào được trụ sở. Nước bao quanh căn nhà nền đất. Áo quần chúng tôi ướt đẫm. Chừng một giờ sau, phái đoàn được đãi cơm tối. Anh thủ trưởng vùng này nói nhiều, và nhấn mạnh về món thịt vịt Xiêm trong bữa ăn chiều nay, là một hy sinh lớn của toàn ban lãnh đạo. Sau hai hôm, trước khi chúng tôi lên thuyền ra về, anh

này than rằng: “Ăn hết của chúng tôi con vịt Xiêm, mà công việc chưa đến đâu cả”. Anh Khiêm nghe câu nói quá thành thật của vị thủ trưởng này, lấy tay bấm tôi, và trả lời: “Nhà tôi có nuôi một bầy vịt Xiêm hơn hai chục con. Khi nào xuống lại đây, sẽ đem theo một con lớn, đền lại các anh, và tặng thêm một con nữa cho đủ cặp” Anh Khiêm nói với tôi rằng, lâu nay mình được ăn bánh vẽ nhiều quá, nay phải đãi lại bánh vẽ cho đủ lịch sự.

Ăn xong, chúng tôi xuống thuyền đi họp. Đuốc cháy xèo xèo, làm tro tàn bay rụng xuống mặt nước như pháo bông. Thuyền chèo tay, tiếng nước khua, tiếng chèo cạ vào mạn thuyền càn cạch. Máy ông trong bụng biển, sinh hoạt bất kể ngày đêm đã quen, nên chẳng kể gì đến giờ giấc. Di chuyển suốt ngày mệt ngất, mà vừa ăn xong, lại đi họp trong đêm tối. Phòng họp là một căn nhà chòi rộng, chân cao, phía dưới nước ngập. Mọi người đã ngồi chồm hồm chờ phái đoàn. Không có đèn, mà chỉ có mấy bó đuốc cháy bùng bùng, khói mịt mù. Họ bàn về cách làm móng nền nhà, tranh cãi ồn ào cả giờ không đi đến đâu. Họ xúm lại chê bản họa đồ thiết kế của sở Xây Dựng thành phố là không thực tế, vì đất vùng này do bùn lầy phù sa bồi lấp, mà dùng cừ tràm năm thước, thì làm sao đục thấu đến lớp đất đá cứng bên dưới. Thì

ra, ở đây cũng có người biết chút ít về kỹ thuật xây dựng. Tôi ngủ gật, không muốn bàn góp ý kiến gì cả. Anh giám đốc công ty kéo tôi đi theo để làm cố vấn kỹ thuật. Khi hỏi, tôi mới nói, không tội gì mà xía vào các cuộc tranh luận ngây ngô về kỹ thuật của những con người tự đắc này. Nhưng đêm đã khuya, nói nhiều quá vẫn không đến đâu. Tôi mệt, muốn buổi họp chấm dứt để đi nghỉ, nên xúi anh Khiêm dong tay góp ý. Anh Khiêm hỏi:

“Anh nào nói không dùng cừ tràm được? Các anh có biết đóng cừ tràm để làm gì không?”

“Đóng cừ tràm làm móng, đỡ chân nhà, vùng này bùn dày hàng chục, hàng trăm thước, cừ nào đủ dài để đóng xuống thấu lớp đá bên dưới?”

Anh Khiêm cười như khinh mạn:

“Các anh hiểu sai rồi. Cừ tràm không cần phải đóng xuống thấu lớp đất cứng. Cừ tràm dùng để lèn đất cho chặt, làm chân móng. Bởi vậy, nên đóng cừ tràm phải đóng từ ngoài vào trong, mới có nhiều hiệu quả.”

Thế là buổi họp chấm dứt. Chúng tôi lại lên thuyền ra về. Ở đây, có giường bằng thân cây ghép lại, không ai nằm dưới sàn, chắc sợ rắn rết. Tôi thức giấc giữa đêm khuya, bụng quặn đau, và sôi rồn rột. Tôi cố dằn cơn đau bụng, lặn qua trở lại mãi. Có lẽ vì lạ nước, và bị dầm mưa suốt cả ngày nên

lạnh bụng. Chờ cho trời sáng, e còn lâu, và khó chịu đựng nổi. Tôi biết chắc nhà cửa vùng này không có cầu tiêu, cầu tiểu. Bằng chứng là hồi hôm, tôi thấy mấy người đàn ông đứng thả vòi rồng bên hè nhà, nước kêu róc rách. Đến khi không chịu được nữa, thì tôi bò dậy. Không dám đánh thức ai dậy hỏi đi cầu ở đâu. Bí quá, tôi ra bên hè, kéo quần ngồi xuống xả dạ. Trong người khỏe khoắn như trút được một ngàn cân nặng. Tôi định sáng mai dậy sớm, mượn cái cuốc, đào đất chôn và dọn sạch. Sẽ không có ai biết chuyện xấu hổ này xảy ra. Đang tháo dạ, bỗng tôi nghe có tiếng kẹt cửa, và thấy có bóng người đi đến. Trăng lơ mờ soi. Chết mất. Biết ăn nói làm sao bây giờ? Đang lúng túng, chưa biết phải xử trí làm sao, thì tôi nghe có tiếng ho nhỏ, và nhận ra đó là anh Khiêm. Anh Khiêm loay hoay gáp gáp lẩm. Hình như anh chưa thấy tôi. Anh cũng vội tuột quần ngồi xuống và phát ra tiếng kêu phành phạch. Sau một phút quỳnh quáng, hình như anh Khiêm đã thấy tôi ngồi chồm hồm gần anh. Anh lúng túng, ấp úng như phân trần nho nhỏ:

“Tôi, tôi,... đau bụng quá, không biết, không biết ... nơi nào . Xin lỗi, sáng mai, sáng mai tôi, tôi dọn sạch...”

“Tôi đây anh Khiêm ời.”

“Trời! May quá. Thì ra là anh. Không thì xấu hổ đến chết được. Anh cũng đau bụng?”

Anh Khiêm và tôi cười khì khì trong bóng tối. Chúng tôi dặn nhau, sáng mai nhớ dậy sớm, mà dọn phân, không thì mất mặt lắm. Về lại giường, tôi thiếp đi trong một giấc ngủ thật say. Khi tôi thức dậy, bên ngoài sáng trời, nắng vàng tươi đã lên cao. Tôi giật thót mình nhìn quanh, hy vọng anh Khiêm đã dậy trước, và dọn sạch giúp tôi rồi. Nhưng tôi thấy anh Khiêm vẫn còn nằm ngáy trên giường. Tôi tung người nhảy xuống đất, chạy thoát ra bên hè, và gấp gấp đi tìm cuốc xẻng. Chắc mọi người đều thấy hai đồng phân này rồi. Mặt tôi nóng bừng. Nước đã rút, sân đất phơi ra. Tôi nhìn xuống, thì thấy trơn tru, sạch bong, có ai đã dọn giúp cho chúng tôi rồi chăng? Tôi cúi người xuống quan sát, thì thấy sạch như lau, không có dấu vết gì. Trên nền đất, cũng không có dấu cuốc xẻng gì để lại cả. Lạ quá. Phân vãn một hồi, tôi mới nghiệm ra, có lẽ lũ chuột bọ đã xơi hết rồi, và xơi sạch như lau. Tôi mừng thầm nhưng cũng chưa hết lo. Tôi đang lom khom, thì anh Khiêm trong nhà vội vã phóng ra, mặt mày có vẻ nghiêm trọng. Khi nhìn xuống đất, thấy sạch sẽ, thì anh ôm lấy tôi, và cảm ơn rồi rít. Anh nói nhỏ: “Bây quá, mệt nên ngủ quên, may có

anh dậy sớm dọn dùm. Không thì đưa cái mặt mo ra mà chịu xấu hổ. Cám ơn, cám ơn.” Tôi cho anh biết, tôi cũng vừa thức dậy trước anh vài phút thôi. Và hình như chuột bọ đã dọn giúp từ khuya qua rồi. Chúng tôi cười rũ rượi, sung sướng. Chiều đó, tôi lại đau bụng, hỏi một anh cán bộ nhà cầu ở đâu. Anh bảo rằng ra bờ sông, ngồi trên nhánh cây mà thả xuống. Tôi ra bờ sông, chọn một nhánh cây thấp, khuất, ngồi rất chênh vênh, hai tay vịn chặt vì sợ té lộn mèo xuống sông. Mới ngồi xuống, tôi nghe tiếng nước xành xạch như có ai quậy. Nhìn xuống, thấy lũ cá đã xúm lại, quấy mình, và chen chúc nhau, làm thành một vờ, u lên trên mặt nước. Chúng nó dành nhau để dọn sạch phân người. Khi tôi thả chất thừa thải xuống, thì thấy mấy con cá lớn bay lên khỏi mặt nước mà đớp. Tôi khiếp quá, ôm quần mà nhảy lên bờ, dù chưa làm xong nhiệm vụ. Lỡ nó đớp nhầm nơi bí hiểm thì khổ.

Tôi quay vào, trên đường đi gặp một người bạn thân cũ tên là Mạnh. Anh đến gần tôi và nói nhỏ: “Tôi tên là Chín. Cậu xuống đây làm gì?” Tôi đáp:

“Tôi đi theo đám Việt Cộng xuống đây công tác, xây cất khu hành chánh cho vùng kinh tế mới này”

Mạnh với tôi là bạn học cũ. Hai đứa đã từng yêu chung một cô gái, nhưng không

tranh dành, và không thù ghét nhau. Ngày xưa thỉnh thoảng cả hai chở nhau bằng xe đạp, lẻo đẻo đi theo cô gái khi tan trường về. Có thời, chúng tôi cũng ở chung trại tù cải tạo. Tôi được tha về, Mạnh thì trốn trại, thay họ, đổi tên, mua giấy giả, về vùng này tạm ẩn náu. Mạnh đang làm nghề rừng. Làm củi và lấy mật ong, người địa phương gọi là “ăn ong”. Chiều hôm đó, tôi xin anh giám đốc được miễn tham dự phiên họp buổi tối, và yêu cầu được ra ngủ bên ngoài với người quen. Tôi nói thác rằng, anh Chín ngày xưa giữ trâu cho ngoại tôi, cùng nhau chơi đùa, nhiều kỷ niệm, nay gặp nhau nơi đây, anh mời về nhà ngủ lại.

Khi nắng chưa tắt, Mạnh đem xuồng đến chở tôi đi. Dòng sông Trẹm buổi chiều buồn hiu hắt, trong lòng tôi mang mang. Thuyền rời sông, qua lạch nhỏ. Nhà ở tận trong rừng. Cái mà Mạnh gọi là nhà, làm trên cây cao, như một tổ chim đại bàng. Mạnh cột thuyền vào gốc cây, leo thang lên nhà. Cắn chồi lá xác xơ. Mạnh ở nơi đây một mình. Chiều xuống rất mau. Mạnh đốt lửa trong bếp làm đèn. Muối kêu như sáo thổi. Khi khói lên đầy nhà, muối trốn hết. Mạnh và tôi ngồi bên bếp lửa, ăn cơm chiều với cá lòng tong kho. Cá cay, mặn, ăn rất ngon miệng. Hai đứa kể chuyện vui thời quá khứ, chuyện ngày xưa chung trường, chung

lớp. Nhắc lại bạn bè cũ, những người còn đang trong vòng tù tội, những người đã ra tù sống lây lất nơi đâu, những người đã rời bỏ quê hương, và những người đã chết. Chết trong tù, chết trong chiến tranh, và chết vì không muốn sống ô nhục. Khi tôi hỏi thăm Dung, người con gái mà ngày xưa tôi và Mạnh cùng yêu. Mạnh thở dài, trên khoe mắt như long lanh ngấn lệ. Mạnh cho biết, chính Dung đã sắp đặt cho Mạnh vượt ngục. Dung chết trong chuyến vượt biên không thành. Khi thuyền đi qua vùng Côn Sơn, bị công an đuổi và bắn theo. Dung bị trúng đạn, mất máu mà chết. Thuyền bị bắt lại, đáng ra có Mạnh cùng đi trên chuyến này, nhưng vì thuyền nhỏ đi lạc, không đến kịp điểm hẹn. Tôi rút ống sáo cài trên phen lá xuống, thổi bài nhạc cũ, mà ngày xưa cả Mạnh, Dung và tôi thường ưa thích. Tiếng sáo vút lên trong không gian giữa rừng khuya tĩnh mịch. Tôi dồn cảm xúc, dồn hơi thở vào ống sáo. Mạnh cầm cây dừa bếp gỗ xuống thanh gỗ và ngâm bài thơ “*Đêm ngược dòng sông Trẹm*”, tiếng ngâm vang vọng trong căn chòi lá:

*Nước đổ quạch, tiền nhân mồ hôi máu,
Sóng lao xao vỗ mạn tiếng u sầu.
Tràm đan kín âm u, bờ che dẫu,
Hoàng hôn buông xa khuất cánh chim âu*

Đêm mù mịt không trăng, sao thấp thoáng,
Thuyền bơ vơ ngược nước giữa dòng sâu
Đời khán tận, buông trôi dài năm tháng
Nén thương đau lưu lạc chốn giang đầu
Từ thất quốc tác tan lòng ngao ngán
Bạn bè, người phiêu dạt khắp năm châu
Rừng tĩnh mịch, vọng oan hồn khuya vắng
Đời tang thương, mai một biết về đâu?
Mái tóc sương rơi bời, trâm mưa nắng
Đường tương lai bít lối. Nẻo cơ cầu.
Sông vẫn chảy trong ta ngàn cay đắng
Một đời người tắm tối mãi canh thâu
Nước như máu, phù sa về đặc quánh
Quyện qua tim, thao thức bãi Cà Mau
Dòng sông Trẹm, trời khuya mang mang
lạnh
Cát tiếng hò náo nuốt vọng rừng sâu.

Tiếng ngâm vừa dứt, thì tiếng sáo cũng hạ xuống ngưng theo. Mạnh và tôi, nước mắt đầm đìa trên má. Kéo vạt áo lên lau mắt, chúng tôi khóc cho chính mình, khóc cho bạn bè, khóc cho gia đình và khóc cho cả quê hương đang chìm đắm trong bóng đen không thấy ánh tương lai.

Một đêm buồn trong rừng tràm, bên bờ sông Trẹm, sau này còn vang vọng mãi trong lòng tôi. ./.

Còn Những Tấm Lòng

Ngày đầu tiên trình diện sở làm, Mai được dẫn đến gặp ông Dan. Ông này mới trên năm mươi tuổi mà Mai tưởng ông đã già lắm, vì thấy tóc ông màu bạch kim trắng xóa, và khi nói, thì ông run run cái cằm nhiều lần mới phát ra được những tiếng lắp bắp. Ông bị cà lăm mà Mai không biết. Buổi chiều về nhà Mai nói với chồng:

“Ông chỉ huy của em trông tội nghiệp lắm.”

“Sao vậy?”

“Ông ta đã quá già, già lắm rồi mà còn phải đi làm việc. Tóc ông trắng phau, già đến nỗi nói không ra hơi.”

Gần một năm sau, Mai mới biết tuổi tác của ông, và biết ông bị bệnh cà lăm, chứ không phải là già đến nỗi nói lắp bắp không ra hơi. Ông Dan là kỹ sư trưởng công trình, chỉ huy năm người khác, trong đó có Mai.

Mai đã ba mươi tuổi, vừa học xong đại học, may mắn được tuyển dụng sau ba tháng tung đơn tìm việc đi khắp nơi. Đây là công việc đầu tiên của Mai trên nước Mỹ. Khi còn ở Việt Nam, Mai cũng đã đi từng làm rồi, nhưng vì lương bổng trong thời xã hội chủ

nghĩa không đủ ăn sáng, sửa xe đạp, mà còn phải ngửa tay xin thêm tiền cha mẹ để chi tiêu, cho nên liều mạng bỏ ngang. Mai khai bệnh đau bao tử, để xin nghỉ việc mà khỏi bị rắc rối về mặt chính trị. Nhờ nghỉ việc, nên có nhiều thì giờ chạy theo các tổ chức vượt biên đào thoát ra khỏi xứ. Đến Mỹ, Mai theo lời khuyên của bạn bè đi học lại, vì theo họ, học hành là một lối đầu tư dễ dàng nhất, và chắc chắn nhất cho tương lai.

Ông Dan bụng phệ, căng tròn, to như đàn bà có bầu sắp sinh con. Cái thắt lưng chạy vòng xệ xuống, nâng đỡ cái quần nhả nhúm đằng sau, bao lấy một vùng mông teo rí, trót lọt. Nụ cười của ông thường mở rộng toe toét. Ông hay nói chuyện khôi hài cho mọi người cười vui. Được một cấp chỉ huy còi mở như ông Dan, Mai cũng khá yên lòng. Trong nhóm đồng nghiệp này, chỉ có ông Bill là đáng ngại. Ông này cao lớn, đầu trọc lóc, cầm bệnh ra, và đôi môi mỏng dính, miệng như một cái khe nứt, quặp xuống. Ánh mắt của ông lạnh lùng, ông có vẻ kỳ thị ra mặt. Lần đầu ông Dan giới thiệu Mai với mọi người trong nhóm, các ông khác đều cười vui, nói lời chúc mừng, mà ông Bill thì chỉ hự một tiếng trong cổ họng thôi.

Mới vào làm việc, Mai e dè, nhút nhát, nói nhẹ như hơi thở, và khi nào cũng sợ mất lòng mọi người chung quanh, tưởng như ai

cũng có quyền đuổi Mai ra khỏi sở này. Là dân tị nạn, ăn nói còn lọng cọng, ngọng nghịu, việc làm chưa quen. Mai cố gắng làm sao cho khỏi mất lòng mọi người chung quanh. Mai là phái nữ duy nhất trong nhóm này. Thấy thái độ nhút nhát, sợ sệt của Mai, ông Dan cười mà nói:

Mai đã ba mươi tuổi, vừa học xong đại học, may mắn được tuyển dụng sau ba tháng tung đơn tìm việc đi khắp nơi. Đây là công việc đầu tiên của Mai trên nước Mỹ. Khi còn ở Việt Nam, Mai cũng đã đi từng làm rồi, nhưng vì lương bổng trong thời xã hội chủ nghĩa không đủ ăn sáng, sửa xe đạp, mà còn phải ngửa tay xin thêm tiền cha mẹ để chi tiêu, cho nên liều mạng bỏ ngang. Mai khai bệnh đau bao tử, để xin nghỉ việc mà khỏi bị rắc rối về mặt chính trị. Nhờ nghỉ việc, nên có nhiều thì giờ chạy theo các tổ chức vượt biên đào thoát ra khỏi xứ. Đến Mỹ, Mai theo lời khuyên của bạn bè đi học lại, vì theo họ, học hành là một lối đầu tư dễ dàng nhất, và chắc chắn nhất cho tương lai.

Ông Dan bụng phệ, căng tròn, to như đàn bà có bầu sắp sinh con. Cái thắt lưng chạy vòng xệ xuống, nâng đỡ cái quần nhẵn nhúm đằng sau, bao lấy một vùng mông teo rí, trót lọt. Nụ cười của ông thường mở rộng toe toét. Ông hay nói chuyện khôi hài cho mọi người

cười vui. Được một cặp chỉ huy cởi mở như ông Dan, Mai cũng khá yên lòng. Trong nhóm đồng nghiệp này, chỉ có ông Bill là đáng ngại. Ông này cao lớn, đầu trọc lóc, cằm bạnh ra, và đôi môi mỏng dính, miệng như một cái khe nứt, quặp xuống. Ánh mắt của ông lạnh lùng, ông có vẻ kỳ thị ra mặt. Lần đầu ông Dan giới thiệu Mai với mọi người trong nhóm, các ông khác đều cười vui, nói lời chúc mừng, mà ông Bill thì chỉ hự một tiếng trong cổ họng thôi.

Mới vào làm việc, Mai e dè, nhút nhát, nói nhẹ như hơi thở, và khi nào cũng sợ mất lòng mọi người chung quanh, tưởng như ai cũng có quyền đuổi Mai ra khỏi sở này. Là dân tị nạn, ăn nói còn lọng cọng, ngọng nghịu, việc làm chưa quen. Mai cố gắng làm sao cho khỏi mất lòng mọi người chung quanh. Mai là phái nữ duy nhất trong nhóm này. Thấy thái độ nhút nhát, sợ sệt của Mai, ông Dan cười mà nói:

“Cô Mai, cứ yên tâm. Công việc chưa quen thì học, học thì biết và làm được. Làm xong một vài dự án, thì về sau không có chi khó khăn cả. Hồi tôi mới ra trường, cũng chưa biết gì cả. Nhờ các đồng nghiệp khác, dẫn dắt, như nắm tay dắt đi. Mọi người trong nhóm này đều tốt cả.”

Nói câu đó xong, ông Dan liếc mau về phía ông Bill, mà ông Bill thì nhìn lơ, không

nói năng gì cả. Nhờ câu nói của ông Dan mà Mai yên lòng. Lần đầu tiên đi làm, nghe câu nói tử tế của ông chỉ huy, Mai nhớ suốt một đời, và không quên ơn ông. Về sau, khi nào gặp một đồng nghiệp mới, Mai cũng đem lời ông Dan ra mà trấn an, làm họ bớt lo lắng, bớt bối ngỡ trong thời gian đầu.

Một hôm ông Bill lục lọi trong đám hồ sơ cá nhân của ông, tìm ra một thông cáo tuyển dụng kỹ sư vào cuối thập niên 1950 và đưa cho Mai đọc. Bên dưới hàng chữ thông cáo tuyển dụng kỹ sư, có ghi thêm một dòng đậm “Không chấp nhận đàn bà”. À, thì ra nước Mỹ vào thời đó, còn kỳ thị nam nữ đến thế. Mai chuyển tờ thông cáo qua cho ông Dan đọc. Ông Dan nhìn ông Bill với ánh mắt trách móc và nói:

“Chuyện này xưa lắm rồi. Ông đem ra làm chi, đừng để cho người khác hiểu lầm, tội nghiệp. Bây giờ mà kỳ thị nam nữ là một lỗi đó.”

Ông Dan biết tiếng Anh của Mai còn kém, chưa nghe và nói thông thạo, nên mỗi khi nói chuyện, hay đưa chỉ thị, ông thường gắng nói rất chậm rãi, rõ ràng, và vì mang tật nói lắp, nên ông càng nói lắp nhiều hơn nữa. Khi Mai nói chuyện, thì các ông khác đều hiểu, không biết có hiểu hết hay không, nhưng ông Bill thì luôn luôn lắc đầu bảo rằng, ông không hiểu Mai nói gì. Ông Dan cố tránh,

không để Mai làm những công việc chung với ông Bill.

Vì nhỏ con, không mua được áo quần cho vừa, nên Mai phải mua loại dành cho con nít mà mặc. Tóc Mai cắt ngắn, khuôn mặt lại đầy đặn mà không son phấn, nên trông có dáng dấp của một em bé Mỹ mới chín mười tuổi. Một hôm gần lễ Tạ Ơn, nhiều người đem con cái đến sở chơi, một ông cụ nhân viên cũ cũng ghé lại thăm. Ông tưởng Mai là con gái của một đồng nghiệp nào đó vào chơi, ông chạy đến xốc nách Mai đưa lên cao và hỏi:

“Cháu là con của ai đây? Trông dễ thương quá !”

Ông Dan hốt hoảng la ới ới, bảo: “Đừng, đừng”, và cho biết cô này là kỹ sư mới vào làm mấy tháng nay. Ông cụ bỏ Mai xuống, và xin lỗi rồi rít. Mai cũng đỏ bừng mặt, và nói cho ông cụ bớt ngượng:

“Không có chi. Tuổi bố tôi cũng gần bằng tuổi ông. Tôi xem ông như bố tôi vậy.”

Cả nhóm cười vang. Ông khách nói chuyện thêm vài câu, rồi vội vàng chạy qua nơi khác. Mấy hôm sau, một bà đồng nghiệp người Trung Hoa ghé lại văn phòng nói chuyện tào lao chơi, bà cho Mai địa chỉ mấy tiệm bán áo quần đàn bà tại phố Tàu San Francisco, cho những người nhỏ con và thấp. Sau này Mai mới biết, đó là hảo ý của ông

Dan, ông nhờ bà Trung Hoa này chỉ dẫn cho Mai nơi bán áo quần mặc cho vừa tác người.

Một hôm trong giờ giải lao, có người đến thu góp tiền cứu trợ, để mua nước và thức ăn đặt rải rác dọc theo các vùng sa mạc gần biên giới Mỹ và Mễ. Cho những người nhập cư bất hợp pháp khỏi bị chết đói, chết khát khi băng qua biên giới. Ông Dan móc tiền ra hăng hái đóng, Mai cũng bắt chước đóng theo. Ông Bill phản đối, bảo đừng tiếp tay giúp bọn nhập cư bất hợp pháp vào phá rối và làm hỗn loạn nước Mỹ. Ông Dan nói với ông Bill:

“Tổ tiên ông cũng từ đâu đó bên châu Âu đi tìm đất sống mà vào đây lập nghiệp. Nếu ngày xưa, họ không cho tổ tiên ông vào Mỹ, thì ông nghĩ sao?”

“Không nghĩ sao cả. Việc nhập cư đã có chính sách của chính quyền. Có luật pháp quy định. Đóng tiền mua thức ăn và nước uống cho những kẻ nhập cư bất hợp pháp, là vô tình phạm vào luật.”

Ông Bill quay qua Mai, hỏi với giọng xoi mói:

“Thế thì trường hợp của cô ra sao? Sao không ở bên xứ cô, mà lại vào đây? Cô vào đây bằng cách nào?”

“Tôi đi tị nạn chính trị. Được chính quyền Mỹ chấp thuận cho vào đây tìm tự do sinh sống.”

“Tị nạn chính trị ? Như cô, thì làm được cái gì mà phải đi tị nạn?”

“Không sống nổi với chế độ độc tài, tôi ra đi. Chín phần chết một phần sống, đi tìm tự do.”

“Không có tự do thì không sống được sao?”

Mai giận, không cần giữ lịch sự nữa, nói gần lại, mà nước mắt rưng rưng:

“Đúng. Không có tự do thì có sống cũng tệ hơn chết. Nè ông Bill, nếu chính quyền tịch thu nhà ông, lấy hết tài sản ông, lấy sạch tiền trong chương mục ngân hàng của ông, rồi đuổi ông lên rừng ở, hoặc bắt ông đi tù khổ sai, vì ông có một chút của cải. Không cho ông đi từ thành phố này qua thành phố khác. Công an luôn luôn dòm ngó, báo cáo và hạch hỏi từng hành động, từng lời nói của ông, sống trong lo âu sợ hãi, thì ông có muốn đi tìm tự do không?”

Ông Bill trề cái môi dưới ra dài, nói mai mữa:

“Cô tưởng tôi là trẻ con năm sáu tuổi hay sao mà nói những chuyện hoang đường ngô nghê vô lý như thế được?”

Một ông trong nhóm cũng cười khàn khạch, và hóm hỉnh nhìn Mai, có lẽ ông ta cũng đồng tình với ông Bill, mà cho rằng Mai đặt điều một cách ngô nghê ấu trĩ. Mai rưng rưng nước mắt, biết là không thể nói cho ai

tin được. Phải có sống mới biết. Nói theo giọng ông Hồ Chí Minh, là phải “kinh qua” mới biết rõ. Mai nói, giọng đầy cả nước mắt:

“Tôi đi tìm tự do. Tôi xác định. Các ông không tin thì tôi cũng không cần. Nước Mỹ cho tôi đến đây để được tự do sinh sống, tránh độc tài, áp bức. Nếu không có độc tài áp bức, thì tôi không bao giờ bỏ quê hương mà ra đi, đón nhận trăm ngàn hiểm nguy, chín phần chết, một phần sống. Các ông có biết gần nửa triệu người Việt Nam chúng tôi đã bỏ mạng trên biển không? Anh trai tôi, và em gái tôi cũng đã chết trên đường đi tìm tự do.”

Nói đến đây, Mai không cầm được xúc động, và òa khóc. Tiếng khóc của Mai làm cho mọi người trong phòng tái mặt, sợ hãi. Ông Bill bỏ đi ra khỏi phòng.

Chiều hôm đó, sau khi mọi người về hết, chỉ còn Mai và ông Dan trong phòng làm việc. Ông Dan ôn tồn nói:

“Tôi hiểu hoàn cảnh của cô. Không ai muốn lìa bỏ quê hương mà ra đi cả. Khi đã quyết định ra đi, dù cho vì bất cứ lý do nào, thì cũng là chính đáng. Bố mẹ tôi đã lìa bỏ Ái Nhĩ Lan, đem tôi qua đây khi còn bé, cũng vì không sống nổi nơi quê nhà. Cô có nghe cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vào năm 1929 không? Có lẽ cô còn nhỏ tuổi, không biết đâu. Khủng hoảng kinh tế thế giới, người

người không có công ăn việc làm. Ở Ái Nhĩ Lan không đủ ăn. Lúc đó tôi mới vài ba tuổi gì đó thôi. Bố tôi bán sạch hết nhà cửa, đồ đạc, vay mượn thêm tiền, mua vé tàu thủy đem mẹ con tôi qua Mỹ để kiếm ăn, có ông cậu tôi đi theo. Nghe đâu đi cả mấy chục ngày rề rề trên biển mới thầu Mỹ, đến hải cảng New York. Đạo này, ngay cả dân Mỹ cũng thất nghiệp tràn đìa. Hàng ngày, thiên hạ xếp đuôi dài, chờ hàng ba bốn tiếng đồng hồ để được bố thí một bữa ăn. Dân địa phương còn chưa kiếm ra việc làm, thì bố mẹ tôi mới đến, lạ nước lạ cái, làm sao tìm ra việc để sinh sống. Thế nhưng dân Âu Châu vẫn cứ ùn ùn kéo đến Mỹ, vì bên Âu Châu cuộc sống vô cùng khó khăn. Tôi không biết bố mẹ tôi làm sao mà sống còn qua thời gian đó. Đạo này, chưa có một chương trình trợ cấp xã hội nào cả. Gia đình chúng tôi, bữa no, bữa đói thường trực. Tôi không biết sau đó bao lâu, thì vì tuyệt vọng quá, bố tôi một mình, tách qua Úc Châu, hy vọng kiếm được việc làm, và dành dụm tiền, đưa gia đình qua sau. Chắc khi chia tay, bố mẹ tôi buồn khổ lắm. Nhưng không còn đường nào hơn. Bố tôi đi, mẹ tôi gánh hết trách nhiệm nuôi hai con và ông cậu tôi. Không biết làm sao mà mẹ tôi đã vượt qua những ngày tháng khốn khó đó được. Đạo này, tôi còn nhỏ quá, không biết, và không nhớ chi tiết về tin tức của bố tôi.

Nhưng hình như một thời gian sau, chúng tôi bắt tin của ông. Không biết ông bệnh chết hay gặp tai nạn ở một nơi nào đó rồi. Cũng có thể ông gặp khó khăn quá, khổn khó quá, và biết không thể làm gì hơn để giúp đỡ vợ con, nên vắng luôn tin tức. Mẹ tôi khổ nhọc cùng cực, và không kiếm ra việc làm, đành nhắm mắt đưa chân, đem con và em theo đoàn người xuyên lục địa đi về miền Tây nước Mỹ. Nghe nói miền Tây đất đai màu mỡ, thừa người, công ăn việc làm dễ kiếm hơn. Mẹ tôi dừng chân phiêu bạt lại thành phố San Francisco. Ở đây, bà kiếm ra được những việc lao động tay chân tại các tiệm giặt, tiệm ăn và tiệm bán rau cải để nuôi con và nuôi em. Bà làm lụng cực nhọc đến phát bệnh lao phổi mà chết. Để chúng tôi lại cho ông cậu, khi đó ông mới mười sáu tuổi, ông đưa lưng ra gánh lấy trách nhiệm nuôi nấng hai đứa cháu thơ dại. Ông cậu thay bố mẹ nuôi chúng tôi, chắt chiu có nhau trong tình thương. Ông đã hy sinh cả tuổi trẻ để nuôi nấng các cháu. Ông làm lụng đầu tắt mặt tối để nuôi chúng tôi ăn học, gây dựng tương lai cho chúng tôi. Ông cậu thường khuyên rằng, nếu không có một tài ba nào đặc biệt, thì phải lo học để tương lai khá hơn, đó là con đường dễ dàng nhất cho mọi người thoát cảnh đói, nghèo. Ông không có một thú vui riêng nào, cũng không có bạn bè, trai gái, chăm sóc chúng tôi

như con ruột. Hai anh em tôi cứ nhớn nhor trong bảo bọc cực nhọc của ông cậu, và buồn bã không nguôi vì nhớ mẹ, thương cha. Khi chúng tôi đã khôn lớn, đã lập gia đình, và có con cái, thì mới biết thấm thía công ơn khó nhọc của ông. Và ông vẫn ở mãi trong tình trạng độc thân cho đến già. Tôi cũng chưa làm được gì để báo đáp ơn ông, thế mà thỉnh thoảng còn vay mượn tiền của ông nữa. Ông khi nào cũng hào phóng, hết lòng hết dạ với các cháu.” Ông Dan thấy Mai liếc nhìn đồng hồ trên tường, ông ngưng nói, cất giấy tờ vào cặp, chuẩn bị ra về. Trước khi ra cửa, ông nói thêm:

“Thế hệ di dân thứ nhất, thường phải chịu trăm ngàn khó khăn, đôi khi tưởng như không qua được, và ai cũng phải nỗ lực, cố gắng để vươn lên. Nước Mỹ này, có nhiều cơ hội tốt cho bất cứ ai, nếu họ quyết tâm. Tôi nghĩ, những người di dân ngày nay, có nhiều thuận lợi và được giúp đỡ nhiều hơn chúng tôi ngày xưa. Đó là những chương trình phúc lợi xã hội, những trợ cấp tài chánh mà ngày trước không hề có.”

Mai không ngờ ông Dan cũng thuộc thế hệ di cư thứ nhất. Ông cũng đã từng đói, khổ, gặp khó khăn trên đất mới, có lẽ nhờ vậy nên ông đối xử đầy tròn với những người đồng cảnh ngộ đi sau. Trên vùng đất mới này, Mai chưa hề một lần đói, lạnh. Dù khó khăn ban

đầu thì tràn ngập, nhưng lại được no ấm, đầy đủ. Được trợ cấp một thời gian khi mới đến, và công việc làm ăn lúc ban đầu, thì cũng có khó khăn, nặng nhọc, nhưng cũng không phải khó khăn trăm bề như những người di cư thuở trước. Bây giờ, còn có thể vay tiền đi học, làm việc bán thời gian tại trường đại học, đủ cho cuộc sống của sinh viên nghèo.

Có lần vui, ông Dan đưa hình vợ con cho Mai xem. Ông có một người con trai và ba cô con gái. Mấy cô con gái mặt mày thanh tú, thân hình đẹp đẽ, có hai cô được chọn vào ban múa để reo hò, tán trợ tinh thần các đội thể thao thành phố nhà. Tấm hình vợ ông hồi trẻ sắc sảo và đẹp như minh tinh màn ảnh thuở xưa. Mai hỏi:

“Làm sao mà ông làm quen được với một người đẹp như thế này? Tôi nghĩ, sắc nước hương trời như bà, thì có biết bao nhiêu người theo đuổi, ông làm sao mà chinh phục được trái tim bà, giỏi thế?”

Ông cười, nụ cười vui vẻ, thỏa mãn:

“Vợ tôi là bạn học của cô em tôi. Bà này gốc người Nicaragua, Nam Mỹ. Hai cô chơi thân nhau lắm.”

“À, thì ra thế. Cô em của ông chắc cũng đẹp lắm? Bây giờ bà ấy ở đâu?”

Ông Dan lặng người đi một chốc, rồi đưa ngón tay chỉ lên trời, run run nói:

“Tôi tin, bây giờ, em tôi ở trên đó, nước Chúa. Bình yên và vui thú hơn khi còn sống ở trần gian.”

Rồi ông kể cho Mai nghe cuộc đời của cô em ông. Chồng của bà chết vì tai nạn xe. Bà buồn và quần trí mất một thời gian dài. Mỗi tuần hai lần, ông vào bệnh viện tâm trí thăm, và an ủi bà. Khi xuất viện, đầu óc bà không còn được bình thường nữa. Cứ bị mất việc hoài, mỗi việc, bà làm được năm sáu tháng thì bị đuổi. Rồi cách đây hai năm, bà chết vì bị uống lạm thuốc. Người ta nghi bà tự vẫn, nhưng ông không tin như vậy, vì bà có đạo, và ngoan đạo, mà luật đạo thì cấm hủy hoại thân thể. Khi kể đến đây, hai con mắt ông đỏ hoe, tiếng nói lắp bắp nhiều hơn. Ông lắc đầu, hạ giọng buồn bã:

“Không có gì mệt hơn chăm sóc một người bệnh tâm thần. Thà bệnh gì khác, người bệnh còn nghe, còn biết. Người bị tâm thần họ suy nghĩ cách khác, và không chịu nghe ai cả.”

Suốt trong hai năm liên tiếp, trưa nào ông Dan cũng vội vã cầm miếng bánh mì, rời sở sớm chừng mười phút trước giờ nghỉ ăn trưa. Không biết ông đi đâu, không ai dám hỏi, mà cũng không ai muốn xen vào đời tư của người khác. Đúng giờ làm việc, ông Dan trở lại với mồ hôi lấm tấm. Cả những ngày mùa đông ướt át, lạnh lẽo, ông cũng hấp tấp ra đi.

Mai nghĩ, không chừng ông này có một bà tình nhân, che dấu ở đâu đó. Mấy ông có vẻ hiền lành bên ngoài, thường hay lén lút làm chuyện động trời. Sau này, ông khai ra là mỗi ngày đi thăm ông cậu tại viện phục hồi. Cậu của ông bị bệnh teo bắp thịt, và không còn đi lại được, phải nằm trên giường. Mỗi ngày, ông đón xe buýt đến thăm, và an ủi ông cậu, để ông này bớt thấy cô đơn. Ông cậu đã già, không vợ không con. Thật ra, những năm sau này, ông có một bà bạn. Hai người muốn kết hôn mà không được, vì bà này ly dị, mà chồng cũ thì còn sống. Họ đều là những người theo đạo Chúa thuần thành, luật đạo không cho phép tái giá nếu khi người chồng, hay người vợ cũ còn sống.

Một ngày thứ hai trong tuần, ông Dan vui vẻ rộn ràng, cứ cười cười hoài. Mai hỏi ông có chuyện gì vui không.

Ông Dan cười tươi và nói:

“Tuyệt vời. Một cái đám cưới tuyệt đẹp, hiếm hoi.”

“Đám cưới của ai ?”

“Đám cưới ông cậu của tôi. Ông rể nằm trên giường, cô dâu mặc áo dài thụng đứng bên cạnh. Cả cô dâu và chú rể đều trên bảy mươi tuổi. Tội nghiệp cho hai người, thương nhau gần cả chục năm trời, mới được phép kết hôn. Họ lo làm gấp, sợ không kịp nữa, vì ông cậu tôi đã yếu lắm rồi.”

“Thế thì... ông chồng cũ của bà ấy vẫn còn chứ? Họ vượt qua cái luật khắt khe của đạo là đúng” Mai bàn luận.

“Không. Ông chồng cũ bà ấy mất cách đây chừng mười ngày”

Mấy tuần sau, cậu của ông Dan chết. Có lẽ được lấy vợ trước khi chết, cũng là một an ủi lớn cho ông già này. Mai có đi đưa đám. Ông nằm thanh thản trong quan tài, mặt xương và tái, miệng hơi cười. Bà vợ già của cậu ông Dan khô đét như con mắm, mặt nhăn nheo như một tờ giấy vò nát. Nghĩ đến tấm lòng nhân hậu của cậu ông Dan mà Mai cảm phục, và nghĩ đến các ông Thánh. Đời có những vị thánh sống không ai biết, không ai xưng tụng, ca ngợi, có lẽ họ cũng không cần các thứ đó. Trong tang lễ, Mai gặp bà vợ ông Dan. Bà này bị bệnh run rẩy tay chân. Run bần bật không ngừng. Bà không còn một nét đẹp nào trong những tấm hình mà ông Dan đã cho Mai xem. Thỉnh thoảng bà gắt gỏng than phiền những chuyện không đâu. Ông Dan cứ thì thầm với bà: “Xong, xong rồi, mọi việc xong cả rồi. Bà đừng nói nữa.”

Nhà ông Dan ở phía Bắc của cầu Golden Gate, một thành phố nhỏ hiền hòa. Ông Dan cùng một nhóm đồng nghiệp đi xe chung. Mỗi khi có họp ra trễ, không kịp cùng về xe chung, thì ông phải dùng phương tiện chuyên chở công cộng. Từ sở về nhà, phải

thay bốn tuyến xe, chưa kể đi bộ và chờ đợi. Về đến nhà thì đã gần mười giờ đêm. Thế mà có khi ông phải nấu ăn vào giờ đó, vì bà vợ bị bệnh run rẩy tay chân, không làm được, sợ tai nạn. Không hề nghe ông than van khổ nhọc, khó khăn.

Nhiều lúc Mai thấy ông Dan vất vả quá, khuyên ông nên lái xe đi làm vào những ngày có hợp, hoặc những khi biết không về kịp với chuyến xe đi chung. Ông Dan lắc đầu cho biết, từ mấy năm qua, ông không có xe. Không thể mua xe, vì có xe thì bà vợ dành lấy mà lái. Bà run tay chân, và tâm trí không còn bình tĩnh, bà đã gây nhiều tai nạn. Các hãng bảo hiểm khước từ, không bán bảo hiểm tai nạn cho ông. Dù bà đã bị rút bằng lái, nhưng bà vẫn cứ lái xe. Bà không sợ ai cả. Ông không muốn bà bị tù, và nếu bà có ở tù, thì ông còn khổ hơn bà nữa. Không có xe là giải pháp tốt nhất. Mai rùng mình, không thể tưởng tượng được một người sống trên đất Mỹ mà không có chiếc xe để đi làm ăn.

“Thế thì làm sao mà ông đi chợ, đi mua hàng hóa?” Ông cười nói:

“Đi chợ? Cứ đẩy chiếc xe có bốn bánh từ chợ về nhà như mấy ông vô gia cư, rồi đem xe trả lại. Khi nào thuận tiện, gặp lúc ông bà hàng xóm đi chợ, thì xin đi theo.”

“Bất tiện quá nhỉ!”

“Thì cũng phải chịu, chứ làm sao bây giờ?”

Nhiều buổi sáng ông Dan vào sở với hai con mắt đỏ ngầu, dáng điệu mệt mỏi, tay che miệng ngáp lia lịa. Ai cũng đoán biết là đêm qua ông bị bà vợ quấy phá, không cho ngủ. Bà ngủ gà ngủ gật suốt ngày, nên ban đêm không ngủ được, quấy quả, làm ông mất ngủ theo. Bạn bè khuyên ông nên ngủ riêng, vì ông cần ngủ đủ, để có sức khỏe mà đi làm. Ông thường nói rằng:

“Vợ chồng, những khi đau yếu cần có nhau, an ủi nhau. Khi khỏe mạnh thì ngủ chung, khi đau yếu thì ngủ riêng sao được?”

Không ai dám bàn thêm gì cả. Có người thì chê ông vụng tính, nếu không lo giữ gìn sức khỏe, khi gục xuống, lấy ai lo cho cả hai ông bà? Có người thì khen ông là người nhân hậu, tình nghĩa.

Có lần ông Dan lái xe sở đi công tác ở một thành phố cách xa hơn một trăm dặm, hai ba ngày sau vẫn chưa thấy về, cũng không nghe ai nhắn gì cả. Toàn sở nhón nháo kêu điện thoại tìm ông. Kêu điện thoại về nhà ông, không có ai trả lời. Sở phái người đến nhà gõ cửa, cũng không ai mở. Cuối cùng, người ta tìm ra ông nằm trong bệnh viện ở thành phố mà ông đi công tác. Ông ngất xỉu, được đem vào phòng cấp cứu, bác sĩ quyết định giải phẫu ngay. Mai

hỏi đồng nghiệp trong sở xem ông bị bệnh gì. Một ông cười cười, đưa bàn tay chặt ngang phía dưới một nhát, và bảo: “Đi đông, không còn gì nữa. Chẳng còn là đàn ông, mà cũng chẳng là đàn bà”. Mai không dám hỏi thêm nữa. Ba tuần sau, ông Dan trở lại làm việc, trông ông hồng hào hơn cũ. Mai không dám đả động đến cái bệnh của ông Dan, sợ ông xấu hổ. Mai chỉ biết chúc mừng ông trở lại, và nói vài lời an ủi. Về sau, Mai biết ông bị xuất huyết bao tử vì quá lo lắng, và phải giải phẫu gấp.

Mấy người con của ông Dan cũng gây cho ông không biết bao nhiêu rắc rối, mà ông phải gánh chịu. Anh con trai đi lính, bị đuổi khỏi quân trường, về nhà ở với ông hơn cả năm, không làm ăn gì cả. Ông phải vay mượn tiền của ngân hàng, để anh này hoàn trả cho quân đội. Cô con gái lớn, lấy chồng được mấy năm, có một đứa con, thì li dị. Cô này cũng dọn về ở với ông bà, và gây cho ông nhiều rắc rối nhất. Ông nói với Mai: “Khi có con, thì trách nhiệm và tình thương còn đeo đuổi mãi, có nhắm mắt nằm xuống, may ra mới hết được. Con cái, dù nó có tội lỗi, có tù đầy, mình cũng cứ thương.”

Có lần, ông Dan xin nghỉ phép một tuần, để đi vào miền núi xa, hoang vắng. Thuê một căn phòng nhỏ trong một tu viện để tĩnh tâm, để được ngủ yên, và không còn suy tư,

không còn lo lắng, bận rộn gì nữa. Ngày hai lần xuống phòng ăn của tu viện dùng bữa, được các bà phước dọn sẵn. Tạm quên đi cuộc đời nhiều rắc rối bất hạnh của ông. Thì ra, ông không hề đọc sách thiền, mà ông cũng biết chuyện thiền, để rũ bỏ phần nào khổ đau đang gánh nặng. Mai có đưa quảng cáo các lớp học thiền, do các vị tăng sư tổ chức, ông chỉ cảm ơn, mà không tham dự.

Rồi ông Dan đột ngột tuyên bố về hưu, làm Mai choáng váng, buồn, như sắp mất đi một cái gì quý báu. Mười mấy năm làm chung với ông Dan, Mai chưa hề nghe ông thúc hối, to tiếng la rầy, hoặc tỏ thái độ bực mình với ai. Vì cách đối xử nhã nhặn, lịch sự, dịu dàng của ông, nên ai cũng cố gắng làm việc, làm hết lòng, không chờ ông nhắc nhở. Hoàn cảnh gia đình ông như vậy, khó khăn và rắc rối triền miên, mà khi nào ông cũng giữ được phong thái bình tĩnh, nhẹ nhàng, không đem cái cáu bẳn từ nhà vào sở. Khi nào cũng nói lời tử tế, như: “Anh, chị có vui lòng làm giúp tôi việc này không?” Hoặc “Việc này họ thúc hối quá, không biết mình làm có kịp hay không, thôi thì rán làm đến đâu hay đến đó, đừng quá lo lắng, không kịp cũng chẳng chết ai”. Với cách nói tử tế đó, không ai nổi phụ lòng tốt của ông. Để đáp lại, gặp những lúc công việc khẩn cấp, Mai bỏ cả giờ ăn trưa, bỏ cả giờ nghỉ xả hơi, gắng làm cho

xong việc, kịp hạn định. Ông không thúc hối, không làm áp lực. Mười mấy năm làm việc với ông, Mai cảm thấy thông dong, nhẹ nhàng, và trong cái văn phòng này, có sự ấm áp, có yên ổn, an bình. Bây giờ, ông Dan tuyên bố về hưu, không biết người chỉ huy mới có tạo được cái không khí thoải mái, dễ dàng nữa không. Bởi vậy, nên Mai buồn.

Ông Dan cho biết, mấy năm sau này bệnh vợ ông trở nặng, ông phải đem vào nơi chăm sóc đặc biệt, cho bà ở hẳn trong bệnh viện. Chi phí mỗi năm tốn gần trăm ngàn đồng. Ông không đủ tiền để trang trải chi phí, nên phải xin nghỉ hưu sớm này, và đi làm việc cho nơi khác. Nếu cả tiền hưu sớm này, cộng với tiền lương sớm mới, may ra mới đủ chi phí chăm sóc bà vợ. Ông ra làm kỹ sư cho hãng thầu xây cất, đứng giữa trời gió bụi, nắng mưa và xe cộ nguy hiểm. Thời khắc làm việc lại bất thường, không kể ngày đêm, mà tuổi già thì bệnh hoạn, mệt mỏi. Những công tác xây cất xa lộ, thường làm đêm khuya khoắt để tránh kẹt xe. Ông Dan vẫn không ngại ngần, thức trắng đêm trong khói bụi công trường.

Có lần Mai hỏi ông Dan rằng, trong đời, có khi nào ông được thông dong, thanh thản hay không? Ông Dan cười trả lời rằng:

“Mình phải tự tạo lấy cái thông dong, thanh thản. Chứ cuộc đời là một chuỗi dài

khó khăn, trắc trở, đau buồn. Nhưng mình cũng có những khoảng trống xen lẫn, để mà tự tạo lấy niềm vui, nắm lấy vài phút giây hạnh phúc. Nếu không, thì gục ngã ngay.”

Nhìn vào cuộc đời ông Dan, Mai tự thấy mình quá hạnh phúc, quá sung sướng, được trời dành cho vô vàn ân sủng, nên thường không dám đòi hỏi gì hơn, chỉ mong được yên bình khỏe mạnh là đủ./.

Người Tù Chung Thân Vượt Ngục

Sau một hồi nói chuyện qua điện thoại, Dung báo cho tôi:

“Bác biết chuyện gì xảy ra cho ba cháu chưa?”

“Chưa. Chuyện gì? ”

“Ba cháu đã vào chùa, xuống tóc đi tu từ hơn nửa năm nay. Ba cháu hiện tu ở một chùa gần thành phố bác ở. Ba cháu không cho ai biết chuyện ông đi tu. Giấu, không cho biết tu ở chùa nào. Cháu mới tìm ra. Cháu định tháng tới qua thăm, và rủ bác cùng đi thăm luôn. Gặp bác chắc Ba cháu mừng lắm.”

“Bác cũng mong gặp ba cháu. Lâu rồi, ba cháu và bác chưa gặp lại nhau. À, mà sao ba cháu có quyết định đi tu? Tại sao lại phải giấu chuyện tu hành. Đi tu, chứ có phải đi tù đâu mà giấu giếm. Còn mẹ cháu thì sao?”

Dung ậm ừ, như không muốn nói. Một lúc sau mới trả lời:

“Mẹ cháu vẫn bình thường. Vẫn oai phong như cũ. Thật ra ba cháu không cho ai biết tu nơi nào, vì sợ mẹ cháu đến phá đám. Bốn tháng trước, ba cháu tu tại một chùa gần

West Virginia, mẹ cháu đến làm ồn ào, bắt ba cháu trở về. La mắng cả sư cụ, xỉ vả ông ta đủ điều, còn phao vu lên là sư cụ đồng tính luyến ái với ba cháu. Thiệt tình! Mẹ cháu nói rằng, ba cháu đức mỏng, đừng tu làm chi cho phí công. Lỡ có lên được niết bàn, cũng chỉ đi bưng ống nhổ cho thiên hạ, vì kém công đức. Về địa ngục, may ra còn được đi làm thơ ký, gác đàn, đỡ nhọc nhằn hơn, bởi tội lỗi cũng không nhiều lắm. Nhà chùa khuyên ba cháu đi tìm nơi khác mà tu. Ý họ muốn đuổi khéo. Ba cháu ra đi, như đi trốn. Thật buồn.”

Tôi cười khà khà, rồi an ủi Dung, người con gái út của bạn cũ:

“Thôi, cháu đừng buồn. Đi tu là giải thoát khỏi mọi khổ đau, hệ lụy. Biết đâu rồi Ba cháu cũng thành một thứ Phật nho nhỏ nào đó. Cháu biết không, ngày xưa Đức Thích Ca Mâu Ni nửa đêm cũng trốn hoàng cung ra đi, bỏ lại vợ con, ngai vàng, để tìm đạo. Trường hợp ba cháu, sao cũng có phần tương tự.”

“Thôi, để gặp bác, cháu sẽ nói nhiều hơn. Không chừng bác có thể khuyên ba cháu trở về. Ba cháu chỉ còn có bác là bạn thân nhất, chưa buồn giận ba cháu mà thôi. Ba cháu thường hay nhắc đến bác với giọng thân thiết lắm.”

Hai tuần sau, tôi lên phi trường San Francisco đón Dung, con gái út của Hùng, người bạn cũ từ thời còn cấp sách đến

trường. Hai bác cháu từ nhiều năm không gặp, mà nhận ra nhau ngay. Dung giống mẹ của cháu thời còn con gái. Nhỏ nhắn, trắng trẻo, mặt hơi xương, có nụ cười toét hai vành môi ra đến mang tai, nụ cười tinh nghịch, dí dỏm. Ba mẹ của Dung đều là bạn cũ ngày xưa. Thật ra, thì mẹ Dung là em gái của bạn tôi. Tôi biết bà từ khi mũi xanh còn hít vào trời ra và dùng tay áo mà quẹt mũi. Bà xem tôi như ông anh trong gia đình, hay vùi vỉnh bánh quà.

Dung ôm ngang người tôi và nói:

“Lạ thật, bác không thay đổi gì cả, cháu nhận ra bác ngay. Tóc bác còn dày và đen. Đầu ba cháu hói lảng, chỉ còn cái vành tóc thừa sau đầu mà thôi”.

Tôi cười với cháu:

“Đầu bác là ‘phồn vinh giả tạo’ cháu à. Bác nhuộm tóc. Còn ba cháu, thì có tóc đầu mà gọi là xuống tóc đi tu? Ông ta đã là sư cụ từ lâu rồi mà!”

Hai bác cháu cùng về trên con đường xa lộ có xe cộ nê m cứng và khói bụi lù mù. Cái giọng nói nhào nhệ t, ướ t rướ t kéo dài những tiếng sau cùng của Dung, làm tôi nhớ đến bà Thu, mẹ của Dung. Bà là người con gái út trong một gia đình toàn anh trai, nên được cưng chiều, và nhõ ng nhẽo với các anh, với cha mẹ, và cả với mọi người chung quanh. Bà thông minh, học giỏi, ganh đua với bạn bè, không chịu thua ai. Khi lên đại học, bà đỗ ba

cái bằng cử nhân cùng một năm. Thông minh, học giỏi nên bà thường kiêu hãnh. Bà lăm bằn cả chuyện chính trị, kinh tế. Nhiều khi bà nói hăng say đến nước bọt đóng trắng bên mép. Mỗi lần có vấn đề lâm vào một cuộc tranh luận với bà, thì tôi thường thoái thác:

“Thôi, anh chịu thua cô. Khi nào cô cũng có lý hơn người khác cả. Tội gì mà tranh luận thắng cô, để cô nhè nước mắt ra, ai mà đỡ cho được.”

“Thua thì phải có châu phở, bún bò gì chớ. Thua không thôi thì ai mà chịu cho.”

Rồi bà cười hăng hắc thích thú, không giữ gìn ý tứ gì cả.

Tôi liếc nhìn qua cô cháu gái đang ngồi, hai tay đan nhau, tôi nói:

“Cháu giống mẹ cháu quá. Từ dáng điệu cho đến giọng nói.”

Dung có vẻ không bằng lòng sự so sánh của tôi. Mặt cháu hơi buồn. Im lặng một lát, Dung nói nhỏ nhỏ:

“Không giống đâu bác à. Mẹ cháu cứng rắn lắm. Cháu thì mềm yếu, có lẽ cháu giống ba cháu nhiều hơn.”

Tôi nói nhỏ nhỏ:

“Đúng. Mẹ cháu cứng rắn. Bác biết điều đó từ thời bà còn nhỏ. Nhưng có chết ai đâu?”

Dung nói nhỏ nhỏ như hơi thở :

“Có. Chết một đời ba cháu.”

Hai bác cháu im lặng cho đến khi về đến nhà. Vợ tôi đón và thân mật ôm lấy Dung:

"Trời, cháu giống hệt mẹ cháu."

Dung lại thoái thác:

"Không giống đâu bác."

Vợ tôi không hiểu ý nói tiếp :

"Giống hệt như đúc ra từ một khuôn. Từ dáng điệu, cử chỉ, và nhất là giọng nói, ước và ngọt như mật đổ ra đầy bàn. Thôi cháu thay áo quần, tắm rửa đi mà ăn cơm. Đường xa, bay nhiều giờ mệt nhọc. Tiếc hai thằng con trai của bác lấy vợ sớm quá, không thì cháu về làm dâu nhà bác cũng vui."

Trong bữa ăn tối, Dung đưa nhận xét :

"Hai bác sao hạnh phúc quá. Tâm đầu ý hợp. Bác trai nói gì , bác gái cũng đồng ý vui vẻ. Bác gái nói gì, bác trai cũng phụ họa , thân mật. Ba mẹ cháu không được như vậy. Mẹ cháu khi nào cũng đầy cả uy quyền. Khi nào cũng khích bác, chê bai. Ba cháu thì có khi im lặng đến rợn người."

Vợ tôi nói với cháu:

"Cãi nhau làm chi hử cháu? Vợ chồng tranh hơn thua làm chi? Hơn thì được cái gì, mà thua thì bực mình, và gia đình mất vui. Ngày xưa, bác cũng thích cãi vã, hay cãi nhằn, nhưng rồi học được trong sách vở, học được từ bạn bè, thay đổi dần dần, và thấy không khí gia đình vui vẻ, thân mật, ấm cúng

hơn. Hạnh phúc gia đình phải tạo ra, không phải tự nhiên mà nó đến với mình. Trồng cây cũng phải tưới bón đều đặn, hạnh phúc gia đình cũng phải xây dựng, chăm bón không ngừng.”

Dung nhìn vợ tôi với ánh mắt hơi buồn và hỏi:

“Mục tiêu tối thượng của con người trên thế gian này là đi tìm hạnh phúc, thế mà sao không có một ngôi trường nào mở ra, để dạy cách sống hạnh phúc cho mọi người? Trường dạy về khoa học, nhân văn, xã hội thì quá nhiều. Nhưng cái môn học quan trọng nhất là sống sao cho hạnh phúc, thì không có một ngôi trường nào cả, cũng không là một bộ môn nhỏ của những trường lớn. Sao vậy hở bác?”

Nghe câu hỏi ngộ nghĩnh, tôi cười :

“Có chứ, có khắp nơi. Đó là nhà chùa, nhà thờ, đền thánh. Ở những nơi đó, các vị tu sĩ cũng giảng dạy tín đồ, sống sao cho hạnh phúc. Tìm hạnh phúc cho riêng mình, và đem hạnh phúc rải rắc cho những người bất hạnh chung quanh. Kinh điển dạy con người làm lành, tránh ác. Đem kiếp sau ra hù dọa, để ngăn ngừa cái ác, cái xấu . Phải biết kiêng, biết sợ một cái gì đó, mới dễ dàng ngăn cản cái xấu trong mỗi người bùng dậy. Ngoài ra, còn có những khóa hội thảo, sách viết về hạnh phúc cũng tràn đầy trên thị trường, đọc

không hết, sợ không đủ tiền để mua. Ngay cả kinh Phật, kinh Thánh, kinh Koran cũng là những cuốn sách dạy về hạnh phúc đó cháu à. ”

“Không. Cháu muốn nói đến một ngôi trường chính thức, để người ta theo học một cách nghiêm chỉnh. Có cấp bằng, có thi cử, có trường học. Có học kỹ mới thấm, chứ đọc qua, nghe qua, thì mau quên lắm, và chỉ biết lơ mơ, nhớ lơ mơ cho nên không thi hành những điều học được. Bởi vậy, nên trên thế gian này, chính con người làm khổ con người nhiều nhất. Con người gây rắc rối cho con người nhiều nhất. Bác có đồng ý không?”

Tôi nhìn Dung, tuổi trẻ mà có những ý nghĩ chín chắn, lạ lùng. Chuyện gì đã xảy ra trong đời cháu, để cháu có những suy tư đó? Dung ngần ngại nhìn hai vợ chồng tôi và tiếp:

“Bác không đồng ý là chính con người gây tai vạ, gây khổ đau cho con người nhiều hơn là thiên tai, thú dữ và các thứ khác sao? Từ tranh chấp thế giới, chiến tranh, cho đến tranh chấp chính trị, tranh chấp quyền hành. Con người bày ra để làm khổ nhau, trong lúc đó, khi nào cũng hô hào, tuyên bố rằng nhân danh hạnh phúc, để tạo ra những khổ đau, khó khăn cho người khác. Cháu thấy trong các cơ sở chính phủ, cơ sở kinh doanh thương mại, và cả những người hành nghề tư

nữa, lâu lâu cũng có một khóa tu nghiệp. Để người ta ôn lại nghề nghiệp, và theo kịp các kỹ thuật tân tiến, để khỏi thụt lùi và lạc hậu. Nhưng không có lớp tu nghiệp nào về hạnh phúc gia đình. Để người ta nhắc nhở và dạy bảo đúng cách làm cha mẹ, làm con cái, làm anh em, làm chồng làm vợ. Không trường, không lớp, cho nên mỗi người tự học lấy, tự tìm lấy, có người may mắn học được những điều hay, tốt, có người thiếu may mắn, không học được gì cả, hoặc học được toàn điều xấu xa, mà không biết đó là xấu, là nguy hại, là phá vỡ hạnh phúc mà họ đang kiếm tìm. Cháu nghĩ là phải có những khóa tu nghiệp thường xuyên về gây dựng hạnh phúc, mà mỗi người làm cha, làm mẹ, làm con, làm chồng làm vợ, phải tham dự hàng năm, hoặc hàng hai năm một lần. Để đừng quên, để nhắc nhở, để học thêm. Bởi cuộc đời này, tiền bạc, danh vọng, tiếng tăm, cũng chỉ để mà tìm kiếm và vun xới cho hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình mà thôi. Quan trọng như vậy, mà thiên hạ không đặt thành vấn đề. Những người cầm quyền, nhân danh đem lại hạnh phúc cho nhân dân, cũng không có một ngân khoản, một cơ quan chính thức nào chăm lo cho vấn đề quan trọng này. ”

Tôi nói đùa:

"Hay là cháu mở một cơ sở kinh doanh, một trường đại học dạy hạnh phúc gia đình,

hạnh phúc cá nhân. Kêu gọi các nhà đầu tư, bán cổ phiếu sinh lời. Một ngôi trường đại học mới, cho tất cả mọi công dân, là môn học bắt buộc, là môn tu nghiệp phải có hằng năm, không thì bị phạt vạ.”

Cả ba chúng tôi đều cười vui vẻ. Dung nói tiếp trong ánh mắt tinh nghịch :

“Phải đó bác à. Gia đình lục đục, li dị, con cái hư hỏng, gây tội ác, vợ chồng giết nhau, tốn kém ngân sách của quốc gia nhiều lắm, dân chúng phải đóng thuế để trang trải cho cái thiếu hạnh phúc trong xã hội. Phí tiền quá. Bác nói trường đại học? Cháu nghĩ rằng, phải mở lớp từ sơ đẳng trở đi. Vì cháu thấy nhiều gia đình, nhiều người lớn tuổi, có đủ thứ bằng cấp, bằng cấp cao, mà xử thế như một kẻ không có chút hiểu biết nào về ý niệm hạnh phúc. Phải xem họ như những kẻ thất học về bộ môn xây dựng hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc cho người chung quanh. Có thể họ thông thái về khoa học, nhân văn, xã hội, nhưng họ là một kẻ thất học về thứ khác, thứ mà họ cố công theo đuổi trong đời người : hạnh phúc.”

Vợ tôi tròn mắt ngạc nhiên nhìn Dung. Buổi tối trước khi ngủ, vợ tôi thăm thì:

“ Khổ đau nào đã làm cho con bé chừng đó tuổi có những ý nghĩ lạ lùng kia? Tội nghiệp. Trường dạy hạnh phúc? Đâu phải là vô lý. Đời cũng là một trường học, mà phải

vấp ngã, phải đón đau, mới nhận chân ra ý nghĩa, tìm được phần chân lý.”

Tôi thao thức nghĩ đến bà nội tôi, học vắn của bà rất ít, chỉ đọc được năm ba chục chữ nho. Bà dạy con, dạy cháu qua ca dao, tục ngữ, ngạn ngữ. Việc nào cũng có một câu thích ứng, khôn ngoan để nói ra. Nhắc đi nhắc lại mãi, làm nó len vào ký ức của con cháu, không thể quên, không phai được. Những câu như: “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Chồng giận thì vợ làm ngơ, đừng đổ thêm dầu lửa vào nhà thiêu. Một câu nhịn là chín câu lành. Thương người như thể thương thân. Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Anh em như thể tay chân. Được mùa chớ phụ môn khoai. Vân vân và vân vân.” Trong đầu bà tôi, có cả một kho tàng ca dao, những câu nói khôn ngoan của người xưa, mỗi ngày bà nhắc đi nhắc lại cho con cháu nghe, như những lời hướng dẫn cách ứng xử trong cuộc đời thường. Ông anh con bác tôi, thường chế nhạo bà, sửa câu nói của bà, mà cười, và nói thầm với tôi: “Một lần nhịn là chín lần nó cười lên đầu mình. Anh em như thể râu ria. Được mùa thì tội gì mà đổ phụ môn khoai...” Đó là thời anh còn nhỏ, lớn lên, tôi cũng nghe anh dạy con cái bằng những ca dao mà mà bà tôi thường nói ngày xưa.

Buổi sáng thứ bảy, sau bữa điểm tâm, tôi chở Dung lên chùa thăm ba của cháu. Trời mát, nắng vàng, cỏ cây xanh tươi. Xa lộ vắng, ít xe, tay lái khoan thai, và trí óc thư giãn. Tôi vận nhạc . Tiếng nhạc vui tươi, rộn rập, như đổ thêm nguồn sống đất trời.

“Trời đẹp quá bác nhỉ. Nhạc vui làm tinh thần hăng hái thêm. Có khi nào bác nghe nhạc buồn không? Nhạc Việt Nam mình, nhiều bài nghe buồn đứt ruột, buồn đến rã rời thân xác, mềm nhũn tâm trí ra.”

“Có, thỉnh thoảng bác cũng nghe nhạc buồn. Để khơi một chút đau đớn, một chút nhớ thương, đưa hồn đi lạc về kỷ niệm xa xưa. Cũng là một chút khoái lạc trong xa xót mệnh mang. Nhưng chỉ thoáng chốc thôi và không thường xuyên. Hai bác thường ngày nhắc nhở nhau rằng chuyện không vui thì quên liền đi, chuyện bực mình đừng than vãn, rán nói với nhau những chuyện vui, những lời tử tế. ”

“Lạ thật, chưa ai dạy cho nháu những điều bác vừa nói. Ba mẹ cháu ít khi nói chuyện với nhau bằng giọng tử tế cả. Có thể nào ... bác khuyên khéo ba cháu trở về với gia đình không? Mẹ cháu buồn lắm, cứ耿耿 người ra, cháu sợ mẹ buồn mà phát bệnh, thì khổ lắm.”

“Để xem, bác không dám hứa, nhưng thuận tiện thì bác sẽ nói.”

Hai bác cháu vào chùa. Chùa là một đơn vị gia cư được sửa lại, phòng khách lớn làm niệm Phật đường. Có một tượng Phật ngồi mà cái đầu quá to và dài so với thân mình. Phần nhà xe được nới rộng, che mái chạy dài ra ngoài sân sau, làm trai phòng. Sự cụ đưa chúng tôi ra sau vườn. Hùng, bạn tôi, bố của Dung, mang bà-ba màu tro nhạt, đang ngồi giặt áo quần bằng tay, bên vòi nước. Hùng ngẩng đầu lên nhìn, với vẻ ngạc nhiên. Hai tay anh còn dính đầy bột xà phòng. Anh vội vã đứng dậy, ôm chầm Dung và tôi vào hai vòng tay mừng vui, nói:

“Khổ. Ai cho các người tới đây quấy rầy kẻ tu hành!”

Tôi trả lời:

“Phật có cấp giấy phép cho tôi đến thăm ông. Đừng lộn xộn. Tu là bỏ hết bạn bè, bỏ con cái hay sao?”

Bạn tôi xả xà phòng bộ áo quần nâu, và treo lên dây phơi nắng, như ngày xưa còn ở Việt Nam. Dung nhìn theo bố với ánh mắt thương cảm:

“Ở đây không có máy giặt hay sao?”

“Chùa không có. Chỉ giặt một bộ thôi, giặt tay cho mau. Ba chỉ có hai bộ quần áo để thay đổi. Hai ngày, thay ra thì giặt liền.”

Hùng đưa chúng tôi vào trai phòng, ngồi trên băng dài nói chuyện. Trà đậm chát trong bình thủy được rót ra ba chén nhỏ. Hùng cười,

nụ cười rất hiền và đầy thương mến, hỏi Dung:

“Cả nhà vẫn bình thường chứ?”

Dung nhìn bố, chớp mắt, buồn buồn, giọng hơi hạ xuống:

“Không bình thường ba ạ. Mẹ con xuống tinh thần, và mong ba trở về sớm.”

Hùng nhìn con gái, rồi nhìn tôi. Hơi lúng túng, sau một tiếng thở dài, Hùng nói một hơi dài:

“Dung à. Nhân sẵn có bác đây, ba nói ra cho con nghe, cũng để bác chia sẻ tâm sự của ba. Ba muốn nói với bác từ lâu, mà chưa có dịp. Đời ba, có ba lần sung sướng nhất, xem như chết đi sống lại. Lần thứ nhất là ra khỏi trại tù cộng sản. Được ra tù, ai mà không sung sướng cho được, nhất là thứ tù mà không có án, không có thời hạn giam giữ. Lần thứ hai là khi vượt biên, đặt chân lên đất Mã Lai, dù bị dân họ đánh đập, xua đuổi, nhưng thấy được ánh sáng tự do trước mắt. Mừng đến khóc. Và lần thứ ba, ra khỏi chính nhà mình, vào chùa đi tu. Ba thấy mình như một tên tù chung thân thoát được ngục tù. Trong ba lần đó, đem so sánh, thì lần sau cùng này là sung sướng nhất, khoan khoái nhất. Ba là một kẻ nhu nhược, hèn nhất. Ba tên là Nguyễn Hồ Hùng, ba xấu hổ với cái tên của mình. Chẳng có hùng hổ tí ti nào cả. Đáng ra, phải đổi thành Nguyễn Dun Đế mới đúng.

Chính ba cũng tự khinh mình. Tại sao? Tại vì ba thương các con, không muốn các con thấy gia đình lục đục, mất hạnh phúc. Không muốn gieo vào tâm trí non nớt của các con những muộn phiền về một gia đình thiếu hòa thuận. Nó sẽ có thể ảnh hưởng đến suốt đời, ảnh hưởng tới việc học, tới tương lai sau này của các con. Nhưng ba cũng đã làm gương xấu cho các con về sự bất lực, yếu đuối, bị ức hiếp, chèn nén mà nín lặng chịu đựng. Mẹ con đã ức chế ba trong mấy chục năm nay. Nói ra thì xấu hổ, nhưng có thực, ban đầu thì vì muốn yên nhà yên cửa mà chịu nhịn, nhưng dần dà về sau, nó thành nổi hèn nhát, sợ hãi. Cái sợ nó xâm chiếm trong ba, không biết từ bao giờ, nhưng lo sợ thường trực. Sợ mẹ con. Khi nào cũng nơm nớp sợ. Nghe tiếng mẹ con ho cũng giật mình, nghe tiếng dép của mẹ con, trong lòng cũng không yên. Nghe tiếng mẹ con nói gì đó với ai, cũng lo là lỡ mẹ nói với ba, mà ba không nghe kịp, thì sẽ có gây gổ, có lời thô. Trở thành phản xạ có điều kiện, như con chó trong thí nghiệm tâm lý, cứ nghe tiếng chuông là chảy nước miếng. Ba sợ mẹ con gây gổ, khóc lóc, cắn nhằn, nói những điều khinh bạc làm ba đau đớn, gán cho ba những tội lỗi mà ba không sai phạm. Sự lấn ép của mẹ con, mỗi ngày một chút, từ từ, tiệm tiến, nhưng vững chắc và quá đáng.

Ngay từ khi ba mới bảo lãnh được cho mẹ và các con từ trại tị nạn đến Mỹ, mẹ con ngày đêm khóc lóc, tra hỏi ba làm gì trong bao nhiêu năm, mà không mua được căn nhà, phải đi ở thuê. Mẹ con còn nói là ba không gửi tiền về giúp đỡ. Không gửi tiền về, làm sao mà mẹ sống phong lưu, và đi vượt biên mấy lần mất tiền, bị lừa. Không gửi tiền về thì làm sao mà đi vượt biên được. Hỏi ba mới đến Mỹ, tiếng Anh tiếng u còn ầm ớ, nghe không được, nói không ra hơi, phải đi làm lao động chân tay, lương tối thiểu. Công việc thì khi có, khi không. Làm một lúc ba việc, ba nơi khác nhau. Ngày đi làm thợ gói hàng, tối đi làm an ninh canh gác, thứ bảy chủ nhật theo các nhóm người xứ Nam Mỹ đi hái trái ớt, hái dâu cho các nông trại. Trời nóng như lửa đốt trên lưng. Làm việc lãnh lương theo khối lượng dâu, ớt hái được. Cong lưng trên ruộng dâu suốt ngày, cái lưng đau như muốn gãy đôi. Hai tay thì đen kịt như nhúng bùn vì màu nhựa cây, phải chờ lột da mới hết đen đi. Mỗi đêm chỉ ngủ có ba bốn giờ. Bao nhiêu tiền làm được gom góp gửi về cho mẹ con, hy vọng có ngày gia đình sớm đoàn tụ. Ba chỉ ăn mì gói, hột gà, gà kho quanh năm. Nhà cũng không dám thuê, chỉ chia phòng ở trọ. Thế mà mẹ con cứ khóc lóc, cả ban ngày, ban đêm, những khi đi chợ, đi chơi, hỏi tiền để đâu cả. Đem cho con bồ nào. Những dần vật này, kéo

dài cho đến gần cả chục năm cũng chưa dứt. Ba khổ tâm lắm, giải thích cách nào mẹ con cũng không nghe, không chịu hiểu. Ban đầu thì không hiểu, nhưng về sau, thì giả vờ không hiểu. Ba cũng thông cảm, vì không phải chỉ mình ba bị ở trong hoàn cảnh này, mà nhiều bạn bè ba cũng phải chịu cái dằn vặt tương tự của những người vợ qua sau. Hỏi sao ai cũng mua nhà cả, mà ba không mua được. Tiền để đâu? Phải cả hai vợ chồng cùng đi làm, và làm công việc có đồng lương kha khá, mới giong mình lên mua được căn nhà. Chứ mới qua Mỹ, chưa có việc chuyên môn, chưa có việc lương khá, và bao nhiêu tiền để dành, thì lo chuyển về Việt Nam cho vợ con cả. Lấy gì mà mua nhà. Ai bán cho. Ngân hàng nào cho vay. Mà có mua được, cũng làm sao có tiền trả hàng tháng? Mẹ con than vãn, so sánh với những gia đình khác. Khi nào cũng thở dài, thở ngắn, cắn nhai và chê bai. Ba cũng đã làm hết sức mình, nhưng không làm sao cho mẹ con bằng lòng. Có lẽ ba cũng có phần lỗi, vì không đủ tài cán, không đủ may mắn để làm ra thật nhiều tiền, và có những phương tiện vật chất như mẹ con mong muốn.

Trong nhà, ba như một tù nhân, một tên đầy tớ, một tên nô lệ. Mẹ con như một bà chủ, một bà mẹ chồng khắc nghiệt đời xưa, luôn luôn dòm ngó, phê bình, nạt nộ ba. Ba co rúm

người lại trước cái nhìn quắc mắt của mẹ con. Trong bữa ăn, nếu ba vô tình làm rớt hạt cơm, hay chút thức ăn ra bàn, là mẹ con mắng ba xối xả, chê bai và nói những lời tàn nhẫn trước mặt con cái, trước mặt bà con, họ hàng. Bởi vậy, nên trong mỗi bữa cơm, trong lòng ba cũng không yên, cũng lo lắng sợ vô tình làm rớt giọt canh, rơi cọng rau. Mất hết cả tự nhiên, mất hết cả sinh thú trong khi ẩm thực. Lo lắng, khi nào cũng lo lắng không nguôi. Còn mẹ con thì làm đổ cả tô canh, làm rớt cả đĩa thức ăn ra sàn nhà, vỡ tan tành, cũng không ai dám nói một lời nhỏ. Những lúc này, ba chỉ an ủi mẹ con là không can gì, ai cũng có lúc sẩy tay. Nói lời an ủi, mà cũng sợ bị quật lại bằng những câu nói đau lòng.

Khi ba quét nhà, lau chùi bàn ghế, mẹ con cũng đưa mắt dòm ngó vào các hốc kẹt để tìm cọng rác bỏ sót, đưa ngón tay quét vào góc bàn, xem có còn bụi bám hay không. Để rầy rà ba, chê ba cẩu thả, làm biếng. Và bắt ba phải quét lại, chùi lại. Khi ba rửa chén bát, mẹ con cũng đứng chỉ huy và cần nhần, tại sao không rửa cái này trước, cái kia sau, và giảng giải về cách tổ chức công việc cho khoa học. Ba đã từng rửa chén bát nồi niêu ở nhà hàng, cả ngàn cái mỗi ngày, chưa có ông chủ bà chủ nào chê bai than phiền cả. Những khi ba đang dở tay làm một công việc gì đó, như đang đứng trên thang cửa cây, hoặc sơn lại

bức tường, mà mẹ con nhờ làm việc khác, dù việc nhỏ nhất đến đâu, cũng phải buông tay mà làm ngay, không làm liền là có ồn ào, làm liền thì mẹ con lại chê bai trách mắng ba tại sao không dọn cái thang, tại sao còn để thùng sơn đó. Việc gì ba làm, mẹ con cũng trách móc, uống nước chưa xong, mẹ con cũng lườm mắt hỏi sao không cất cái ly ngay, và chê ba làm biếng. Cất con dao vào chạn, mẹ con cũng kiếm cớ mà phàn nàn, nhăn nhó. Áo quần đang thay, chưa cất kịp, cũng la hoảng lên. Con biết hết những điều đó. Ba nhắc lại cho bác nghe, để bác biết cho tình cảnh của ba. Mỗi lần lái xe cho mẹ con đi đâu, là cả một cực hình, dọc đường, cứ thế mà mẹ con ra rả than vãn đủ chuyện, chê trách ba đủ điều, bới móc chuyện xưa từ mấy chục năm trước để mắng mỏ ba, dù cho ba không hề sai phạm. Khi lái xe trên đường, thì mẹ con như ông tướng ra lệnh, với giọng hách dịch sai bảo, lái mau, lái chậm lại, quẹo phải, quẹo trái. Chưa nghe mẹ con ra lệnh với cái giọng dui dàng bao giờ. Ba là chồng, không phải là tài xế, không phải là kẻ nô lệ. Tài xế mà nói với giọng hách dịch như vậy, thì họ cũng bỏ việc, hoặc chửi lại cho nhục nhã. Mỗi khi lái xe, ba vừa bực mình vì những lời khó nghe của mẹ, vừa lo lắng sợ đi lạc đường. Nếu chỉ lạc đường một đoạn ngắn, thì mẹ con làm như trời đất long lở, làm như ba phạm tội sát

nhân không bằng. Mấy lần, người khác bắt cản, cọ quẹt vào xe mình, thế là ba lãnh đủ, bị mẹ con cản nhằn, xỉ vả, nhiếc móc ba cả năm trời. Và thỉnh thoảng cũng còn nhắc lại. Và khi mẹ con đọc báo, xem truyền hình, thấy những chuyện xấu xa xảy ra trong xã hội, là mẹ con xỉ vả, chửi bới, trách móc, làm như chính ba là kẻ tội phạm. Có khi ba phát cáu, gắt lên, mà mẹ con cũng không tha, cứ tiếp tục hành hạ ba bằng những ngôn từ không tử tế. Vào tiệm ăn, bao giờ mẹ con cũng giận ba, vì không lấy đủ đồ uống kịp thời cho mẹ, vì không lấy đủ khăn giấy, hoặc pha trà cho mẹ con quá đầy, quá vơi. Chưa bao giờ đi ăn tiệm chung với mẹ con, mà ba được quyền lựa chọn món ăn mình thích. Bởi vậy, những buổi trưa đi làm, ba thích ngồi ăn một mình trong tiệm, thấy lòng thanh thản, nhàn nhã, và sung sướng lắm. Thế nhưng nhiều khi mẹ con cứ bắt ba bới cơm theo, để tiết kiệm tiền. Mỗi sáng đi ra khỏi nhà, đến sở, ba cảm thấy bình yên, sung sướng, và thấy bạn bè, đồng nghiệp tử tế với mình quá. Ngồi trong sở, ba thấy vui hơn ngồi trong chính ngôi nhà mình. Trong sở, ba được xem là người cẩn thận, chăm chỉ, thường được giao đảm trách những dự án khó khăn. Thế nhưng, mẹ con xem ba là người cầu thả, làm biếng, cái gì ba làm, mẹ cũng chê bai. Mỗi buổi chiều tan sở, ba nán ná về nhà chậm hơn, lái xe chậm hơn, vì

về đến nhà là nỗi lo sợ dâng lên trong lòng. Mở cửa nhà, mà lòng không vui, nghe tiếng mẹ con nói là giật mình, hoảng hốt. Có khi về nhà, phải đi nhẹ nhẹ, sợ mẹ con biết ba đã về. Mỗi đêm, ba cũng không có quyền thức đêm đọc sách, xem truyền hình, mẹ con ra lệnh đi ngủ, là phải gấp gấp thi hành. Không thì tru tréo lên, làm ầm nhà ầm cửa. Ba như một đứa bé hai tuổi, phải tuân phục tuyệt đối. Ba đọc sách, xem truyền hình, mẹ con cũng kiểm soát, cũng bảo là phải đọc loại sách này, sách kia, phải xem đài này, đài kia. Không cho ba xem, đọc những sách, những chương trình truyền hình mà ba thích. Đêm nằm ngủ bên mẹ con, cũng không dám trở mình nhiều, sợ mẹ con mất ngủ, thức giấc dậy phàn nàn, cau có. Giấc ngủ cũng không hết lo, và nhiều đêm ác mộng thấy bị mẹ con dẫn vật, cắn nhằn. Ngay cả bây giờ, xa mẹ con vạn dặm, những giấc ác mộng đó vẫn chưa thôi.

Áo quần của ba, cũng phải mặc những thứ mẹ con mua, ba không có quyền lựa chọn áo quần cho ba. Tự mua cái áo là có chuyện rầy rà, mỗi lần đem cái áo đó ra mặc, là mẹ con kiểm soát chỉ trích, gây gổ, và nói những lời đau lòng khó nghe. Bởi vậy, có những cái áo mà ba không dám đụng đến. Ba phải mặc những thứ áo quần mẹ mua cho, dù không ưa, không thoải mái.

Mỗi khi mua xe, mua nhà, là ba không dám có ý kiến, cứ đưa ý kiến ra, thì trước hết là bị chê bai, khích bác. Nếu không, thì sau này, có bất cứ chuyện gì nhỏ nhất xảy ra cho căn nhà, cho chiếc xe, thì mẹ con níu lấy ba mà đổ lỗi, làm tình, làm tội từ năm này qua năm kia. Khổ lắm. Ba cứ để cho mẹ con toàn quyền quyết định. Làm gì thì làm. Nhưng cũng có khi chẳng được yên đâu. Nếu có chuyện bất trắc, thì mẹ con trách cứ ba là vô trách nhiệm, để mẹ con phải gánh vác một mình. Những khi trong nhà có thứ gì hư hỏng, ba phải sửa chữa, và làm với nỗi lo lắng, bất an, sợ sửa không được thì mẹ con chê bai, nhục mạ, nói những lời hỗn láo khó nghe. Mà kêu thợ sửa những thứ lặt vặt, thì mẹ con cứ lải nhải là bất tài, vô dụng, vụng về.

Mẹ con phong tỏa kinh tế, không cho ba giữ tiền, mỗi khi tìm thấy tiền trong túi ba, là mẹ con gây gỗ, ồn ào. Hàng tháng, khi nhận được kết toán chương mục của ngân hàng, là mẹ con dò tìm, hạch sách hỏi ba với giọng tra hỏi, tại sao có mục này, tại sao có mục kia, trong lúc chỉ có mẹ con ký ngân phiếu và lấy tiền mà thôi. Ba chỉ nói là cứ đến hỏi ngân hàng, còn ba không biết. Nói thế cũng bị mắng mỗ, là không biết gì cả. Mẹ con sợ ba gởi tiền giúp đỡ những người bà con bên quê nhà. Đã giữ hết tiền, mà mẹ con khi nào cũng xa gần chửi bới bà con, bạn bè ba,

là ăn bám, là làm biếng, là tham lam. Khi ba nghèo khó, ba chịu ơn không biết bao nhiêu người, khi ba có chút tiền bạc, khá lên, thì không ai nhờ vả ba được một xu nào. Ba tự xấu hổ với lương tâm. Có những bà con bên nhà đau yếu, khó khăn, ba phải mượn tiền bạn bè mà gọi về giúp đỡ. Ba còn nợ của bác đây mấy ngàn đồng, đã nhiều năm, chưa trả được một xu. Ba đợi đến sang năm, đủ tuổi lãnh non tiền an sinh xã hội, rồi thanh toán luôn.

Ba sợ nhất là thất nghiệp. Mỗi lần thất nghiệp phải chịu đựng sự dày vò của mẹ con. Mẹ con chê bai ba, đổ cho ba nhiều tội, cho rằng vì ba vô trách nhiệm, làm biếng, nên bị cho nghỉ việc. Mẹ con nói rằng, nếu ba khá hơn, thì người ta cho người khác nghỉ, chứ không phải là ba. Mẹ con đần vặt ba ngày đêm, và thúc hối ba đi tìm việc, làm như ba không muốn tìm ra việc. Chưa xong, mẹ con còn bêu riếu, đi đâu, gặp ai, cũng rêu rao là ba bị cho nghỉ việc vì kém cỏi. Dù cho cái sở của ba làm có bị phá sản, mẹ con cũng đổ lỗi cho ba. Những khi này, mẹ con cho rằng ba ăn bám vào vợ. Ba tin rằng, đời ba chưa hề ăn được của mẹ con một miếng cơm nào. Có ăn của mẹ con được một miếng cơm, thì e cũng phải học ra ba bùm máu.

Ba còn nhớ cái thời mà mẹ con được công ty cho một chức vụ nhỏ, làm trưởng toán,

có ba người nhân viên làm việc dưới quyền. Cái thời này, mẹ con càng hùng hổ hơn. Làm như bà là chỉ huy tất cả mọi người. Miệng phán ra toàn mệnh lệnh. Ba càng sợ hãi hơn. Bà con quen biết cũng phải khó chịu lây.

Một điều, mà cho đến ngày nhắm mắt, ba cũng còn ân hận, là chuyện bà nội con. Ông nội con mất khi ba còn bé. Bà buôn tảo bán tần, nuôi ba học hành đến nơi đến chốn. Có nghề nghiệp vững vàng, có chút địa vị trong xã hội. Biết bao nhiêu là công phu, khó khăn, hy sinh để nuôi nấng ba. Thế mà khi ba bảo lãnh được bà nội qua đây, mẹ con hắt hủi, dằn vặt, nói nặng, nói nhẹ bà, để bà không sống nổi với con cháu, mà phải về lại bên quê nhà. Rồi bà mất, mà ba không về được. Ba khổ tâm lắm lắm. Không có gì bù đắp, không có gì chuộc lại những mất mát trong lòng ba. Ba hèn nhát, để vợ đối xử với mẹ như vậy. Không ai có thể dung thứ cho ba cả. Ba có tu mấy mươi kiếp cũng không chuộc lại được tội của ba. Ba biết bà nội đứt ruột đứt gan khi thấy ba đón hèn, sợ mẹ con như sợ cọp dữ. Ba đã nói, cái sợ như một phản ứng có điều kiện, nó nhập vào trong tiềm thức, ăn sâu vào trong trí. Lý trí không điều khiển được cái nỗi sợ trong lòng.

Còn tình thương yêu, thì cái sợ nó che khuất cả tình thương yêu vợ chồng. Điều này, đáng ra ba chỉ nói riêng với bác, nhưng con

có thể nghe để học kinh nghiệm cho đời sống gia đình sau này. Không còn tình nữa, những khi vợ chồng gần gũi nhau, chỉ là một việc trả nợ quỷ thần, làm cho xong bổn phận, và khó khăn lắm mới có thể khởi đầu. Đôi khi tưởng mình đã bắt lực.

Bạn bè gần của ba, thì ai cũng biết và tránh không muốn đến nhà. Cái thái độ của mẹ con làm họ khó chịu. Những khi có bạn bè từ xa đến thăm, là ba lo lắng lắm. Mẹ con chỉ nấu giúp bình trà, hay làm một tô mì gói, cũng than vãn, cần nhằn là không có sức để hầu hạ bạn của ba. Có khi mẹ con không ra chào bạn của ba. Khách cũng buồn vì nghĩ là chủ nhà không muốn tiếp mình. Sau khi khách về, là lúc ba lo lắng nhất, sợ sóng gió dậy lên trong gia đình.

Bà con xa gần bên nội đều lánh mặt, không muốn giao tiếp với gia đình mình. Vì thái độ thiếu lịch sự của mẹ con. Gia đình bên nội khinh ba bạc nhược, hèn nhát. Họ đúng. Nhưng con biết nguyên nhân sâu xa nào, làm ba trở thành yếu đuối, bạc nhược như vậy? Có lẽ vì ba mồ côi cha sớm, suốt một đời ba tha thiết tình phụ tử mà không có. Ba không muốn các con phải thiếu mất tình thương của cha, hoặc của mẹ trong khi tuổi còn thơ ấu. Ba thấy nhiều gia đình, cha mẹ li tán, con cái bơ vơ đau khổ tội nghiệp lắm, có đứa phải bỏ học, những đứa khác có thể

thành công trong cuộc đời, nhưng vết thương, niềm đau trong lòng không bao giờ vơi lấp được. Đó là lý do chính yếu. Bởi vậy, nên ba nguyện là khi nào con học xong, kiếm được việc làm tốt, thì ba vào chùa tu, rũ sạch lo âu phiền muộn. Để hết nhà cửa, tiền bạc, tài sản lại cho mẹ con, ba không cần mang theo một xu. Ba đã già, đời không còn bao năm nữa, tại sao lại phải sống trong lo âu, sợ hãi, bức bối, không vui? Ba muốn những năm ngắn ngủi còn lại trong đời mình, là những ngày tháng thanh thoi, dễ chịu, thông dong, không bị kềm kẹp, không bị kiểm soát, không bị dằn vặt, day nghiến bởi bất cứ ai. Ba bây giờ như kẻ bị tù chung thân, đã thoát được ngục tù. Con đừng bắt giam lại, tội nghiệp ba lắm. ”

Hùng bưng trà, chiêu một hơi dài cạn chén, nở một nụ cười thỏa mãn, có lẽ vì đã nói ra được hết nỗi niềm chất chứa trong lòng từ lâu. Tôi thở dài. Dung thì nước mắt rưng rưng nắm lấy tay bố.

Tôi đưa tay vò cái đầu lóng bóng của Hùng và nói đùa:

“Cái đầu của ông trơn quá, e bụi cũng không bám vào được. Không ngờ đời ông mà cay đắng đến thế. Ngày xưa, khi còn sinh viên, mỗi lần biểu tình, bãi khóa, ông đi đầu cầm biểu ngữ, la hét hùng dũng lắm, chẳng sợ trời đất gì cả. Ra làm việc, ông cũng chẳng coi

thượng cấp ra một kí lô nào. Thế mà lớn lên, chỉ sợ vợ thôi. Thiệt đời cũng lạ.”

Chúng tôi cùng cười. Dung đưa tay lau nước mắt và hỏi :

“Ờ đây ba thấy sao? Có dễ chịu không?”

“Miền cực lạc. Ba sung sướng lắm. Trong lòng ba nhẹ nhàng, cái niềm lo âu đè nặng mấy mươi năm nay nó tuột đi, nhẹ bổng lâng lâng. Mỗi sáng thức dậy, vui sướng. Mỗi giờ mỗi khắc không có một chút lo âu, lòng yên ổn. Chỉ riêng cái ý thức là mình hết lo, hết sợ hãi, cũng đã là sung sướng lắm rồi.”

“Con hỏi, ba có tin đi tu là sẽ được ... cái gì đó, để mai sau về niết bàn hay ... gì gì đó không?”

“Ba chẳng tin cái gì cả. Có lẽ chết là hết, tan thành tro bụi. Nhưng đọc kinh Phật, ba tìm được rất nhiều an ủi, nhiều thanh thản cho tâm hồn, cởi ra được nhiều sân si còn ẩn náu trong mình. Càng đọc, càng thấy mình nhẹ nhàng, thanh thoát. Chỉ có thế thôi.”

Buổi trưa, tôi mời Hùng ra tiệm ăn cơm chay, Hùng không chịu, và mời ở lại ăn cơm chùa. Chúng tôi ăn vào lúc gần một giờ chiều. Cơm ba món, canh bí đỏ, rau luộc, và dưa kho. Tôi ăn được ba chén đầy. Tôi nói với Hùng:

“Cơm ngon quá. Món ăn thanh đạm, giản dị, nhưng rất ngon. Tôi làm một lúc ba

chén đầy. Ở nhà, chỉ ăn được hai chén là nhiều lắm.”

Hùng cười, nụ cười lém lỉnh thân thiết ngày xưa khi chúng tôi còn đi học, và trả lời:

“Để cho đói đến đắng miệng, thì ăn cơm nguội cũng ngon. Đây là chủ trương của nhà chùa. Không khi nào dọn cơm đúng bữa, mà phải dọn cơm cho khách thập phương càng trễ càng tốt.”

Tôi chèo kéo và năn nỉ lắm, Hùng mới chịu theo chúng tôi về nhà thăm, ở lại đêm chơi. Hùng mang áo cà sa vàng, cổ quàng một chuỗi hạt màu nâu, đem theo một bộ áo quần ngủ. Về đến nhà, vợ tôi mở cửa, chấp tay vái, và nói:

“Bây giờ thì chúng tôi phải kêu anh là gì cho đúng nhỉ? Thượng tọa, đại đức hay thầy ...”

“Chẳng thượng tọa, đại đức gì cả. Tôi mới vào tu, chẳng có chức vị gì. Mà cũng chẳng cần chức vị . Đi tu để tìm thanh thản cho tâm hồn. Tránh đau phiền nơi tục lụy. Được vậy là đã xem như đốn ngộ rồi.”

Vợ tôi rót nước, pha trà, và dọn bánh mời khách. Chúng tôi ngồi nói chuyện xưa, hàn huyên, nhắc đến bạn bè cũ. Kể mất người còn. Nhắc đến những kỷ niệm xưa, khi chúng tôi còn đi học, còn ở tỉnh lỵ nhỏ. Vợ tôi lấy xe ra đi. Một lúc sau xách về nhiều bao

thức ăn, rau, cải, tàu hủ, nước tương, chao. Chúng tôi phụ mang vào trong bếp.

Buổi tối, khi vợ tôi mời vào bàn ăn, thấy trên bàn dọn sẵn gần chục món chay khác nhau, màu sắc xanh đỏ, ngon lành. Có món canh khổ qua dồn thịt chay, chả cua chay vàng ruộm, thịt gà xào sả ớt chay, thịt heo hầm chay, giả cầy chay, miến xào, xà lách bát bửu, cá trê nướng chay, tôm kho nước dừa chay.

Hùng có vẻ ái ngại, nói:

“Để chị phải mất công mệt nhọc như thế này, tôi áy náy quá. Đáng ra tôi phải nói trước, chỉ cần cho tôi chai nước tương tươi vào cơm ăn là đủ rồi.”

Vợ tôi cười vui vẻ:

“Thôi, anh đừng khách sáo. Mỗi khi tôi được dịp ôn lại cách nấu cơm chay của mẹ tôi ngày xưa. Tôi phải cảm ơn anh mới phải, nhờ có anh đến chơi, tôi mới có cơ hội nấu đồ chay. Ngày mai, có cháo gà ăn điềm tâm. Cháo gà đặc biệt lắm, cháo chay mà không nói trước, thì tưởng như cháo gà thật.”

Tôi cười :

“Đã ăn chay rồi, mà còn vọng mạn. Kìa, con cá chiên kia là chay hay mặn, mà giống thế, còn đĩa tôm kho này nữa. Toàn cả lừa mị thánh thần.”

Vợ tôi cười nói:

“Đấy, thế gian này đầy cả giả dối. Ngang nhiên lừa mị thánh thần mà còn hiu hiu tự đắc. Không chừng, biết là bị đánh lừa, mà mấy ông lại khoái!”

Khi mở bia mời khách, vợ tôi mới biết là không còn nước đá trong ngăn lạnh. Bên ngoài trời đổ mưa tầm tã, vợ tôi hơi bối rối, rồi chạy vào lấy dù ra xe đi mua nước đá. Tôi ngăn lại, cả Hùng cũng cản, vì uống bia không có nước đá cũng chẳng sao. Vợ tôi cười:

“Các anh uống bia không có nước đá mất ngon đi”.

“Nhưng trời mưa to quá, vả lại, đi làm chi cho ướt át, khổ thân.”

“Để em đi, lỗi tại em không làm đá sẵn, và quên để bia vào tủ lạnh. Các anh và cháu chờ nhé.”

Hùng áy náy nhìn theo vợ tôi đang xách dù mở cửa nhà xe ra đi. Mười lăm phút sau, vợ tôi chạy về với nét mặt vui vẻ, hớn hờ, mang theo một bịch nước đá lớn. Bỏ nước đá vào ly của Hùng và tôi, vợ tôi nhẹ nhàng:

“Không có nước đá, bữa ăn cũng mất ngon phần nào, uống công tôi làm bếp.”

Vợ tôi tắt đèn điện, bùng ra ba đế đèn cây, ánh sáng vàng tỏa ra trong nhà ấm cúng. Chúng tôi nâng đũa. Hùng cười đùa:

“Bây giờ tôi mới hiểu câu nói ‘thân trai mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu’. Này ông Nguyên, ông có vợ hiền, gia đình thật là

ấm cúng hạnh phúc. Không tu mà được hưởng phước đấy.”

Tôi đùa lại:

“Không phải trong nhờ, đục chịu đâu. Có đục cũng phải gạn lọc cho thành trong. Phải là ‘Dạy con từ thuở còn thơ, dạy nhau từ thuở bơ vơ mới về.’ Để trễ quá, thì chỉ còn có nước vô chùa lánh nạn như ông mà thôi.”

“Lánh nạn thì đâu cần phải vào chùa hở ba? Lánh nạn thì ở đâu mà chẳng được? Sao ba không qua Hawaii hoặc về Florida mà ở, vừa ấm áp vừa vui.”

Hùng trả lời:

“Vào chùa, là xem như dứt khoát hơn, mình dễ làm quen với kinh kệ hơn. Ở ngoài thì ham cái khác, còn vọng động. Mà mục đích chính, là các con còn lấy chồng, lấy vợ. Ba không muốn các con mang tiếng có cha mẹ li dị. Ba đi tu, không ai có thể dị nghị chi các con cả. Người ta nghĩ là ba làm việc tốt. Bây giờ các con lớn rồi, ba có cơ hội để sống thêm ít năm trong yên bình tâm trí, mà không ái ngại. Nếu từ đầu mà không vì các con, thì ba đã lấy quyết định dứt khoát ngay. Ba đâu phải là một kẻ ngu đàn để cản rằng chịu đựng mấy mươi năm nay. Khi nào các con có gia đình hết rồi, và nếu ba không tìm được an nhiên tự tại trong khi ở chùa, thì ba sẽ xét lại việc đi tu. Nhưng hiện nay, như ba đã nói với

con, là thiên đường đã tìm thấy, không cần phải chờ qua kiếp sau, hoặc đi đâu xa vời.”

Dung thở dài nói như khóc :

“Con biết ba khổ lâu nay, nhưng không ngờ trong lòng ba khổ đến thế. Con thương mẹ, nên mù quáng, không thấy hết uẩn khúc trong ba. Con qua đây để thăm ba, cũng định để thuyết phục ba trở về với mẹ. Nhưng bây giờ, con tin, ba ở lại tu hành là đúng, không có lý do gì để ba phải chịu đựng cay cực nhiều hơn nữa.”

Ngày chủ nhật, vợ chồng tôi đưa Hùng và cháu Dung đi thăm San Francisco. Chúng tôi đi bằng xe điện tốc hành, rồi lấy xe bus, ra bến tàu, đi thăm cầu Golden Gate đỏ chói phơi mình một nửa ngoài nắng, một nửa chìm trong mây mù. Chụp mấy tấm hình kỷ niệm. Về phố Tàu ăn “tẩm xẩm” và qua thăm vườn Nhật. Buổi tối đi nghe nhạc hòa tấu đến khuya mới về đến nhà. Chúng tôi pha trà, ngồi nói chuyện cho đến khuya.

Hùng cảm động nói với vợ tôi:

“Bây giờ, tôi tin là hạnh phúc gia đình có thật trên đời này. Ở nhà anh chị hai hôm, đi chơi với anh chị suốt ngày, mà chưa hề nghe vợ chồng gay gắt nhau một lời. Người xướng, người họa, vui vẻ, hòa đồng, khi nào cũng ngọt ngào, tử tế, dịu dàng. Đời sống thật hạnh phúc. Khi đủ ăn, đủ mặc, không túng

thiếu, mà cuộc sống có hạnh phúc, thì đâu cần đi tìm thiên đàng đâu cho xa xôi.”

Dung nhìn vợ tôi và hỏi :

“Bác cho con một lời khuyên, sau này làm sao để tạo được một gia đình hạnh phúc?”

Vợ tôi cười và trả lời:

“Cả hai người đều phải biết cho nhiều hơn nhận. Đừng đòi hỏi ai phải có bổn phận đối với mình. Nên luôn luôn tự hỏi mình đã làm được gì cho người khác chưa , đừng hỏi tại sao người khác chưa làm việc này, việc kia cho mình. Biết chấp nhận và thương cả cái ưu điểm, lẫn khuyết điểm của người mình thương.” ./.

Đưa Con Dâu

Bà Năm rất hãnh diện vì Tâm, đưa con trai học hành chăm chỉ. Tâm tốt nghiệp bằng bác sĩ y khoa, thực tập tại bệnh viện sắp xong, và chuẩn bị đi làm việc.

Tâm thường ôm đàn, búng tưng tưng và hát nghêu ngao. Tâm thường lập đi lập lại những câu hát ca ngợi “người em gái” nào đó. Lời rất dịu dàng, êm ái. Bà Năm nghe Tâm hát mãi, nói rằng:

" Em gái của anh, thì anh la mắng, nạt nộ, sai làm chuyện này, bảo làm chuyện kia, còn bắt phạt, bắt quỳ. Còn em gái người ta, thì bốc lên thấu trời xanh."

Tâm trả lời yếu đuối:

"Bài hát mà má. Thì rồi em Hương nhà mình, cũng sẽ được mấy anh con trai đại dột khác, bốc lên thấu trời xanh thôi."

"Sao anh không bốc em của anh lên một chút, cho nó vui, sung sướng. Có hơn là đi bốc thiên hạ không?"

Bà Năm thường làm hết mọi việc trong nhà ngoài ngõ. Anh con trai chưa bao giờ mó tay vào làm bất cứ chuyện nhỏ nhặt nào trong gia đình này, từ rửa chén bát, hút bụi nhà, sửa cái bóng đèn đứt dây, cắt cỏ, quét lá

trong vườn. Anh như một người khách thuê khách sạn, trong ngoài, mọi sự đã có người khác lo.

Một buổi sáng chủ nhật, bà thấy Tâm đem máy ra, cắt cỏ sân trước nhà. Bà ngạc nhiên, há hốc miệng đứng nhìn đứa con trai đang hì hục, vung về đẩy chiếc xe cắt cỏ. Xưa nay, anh chưa hề đụng đến việc nhà. Anh đã quen thói. Có nhờ được anh cũng khó khăn, và chưa chắc đã làm. Anh cứ lần khần mãi, rồi quên việc người khác nhờ. Hôm nay bà thấy Tâm cắt cỏ cẩn thận, cắt đi, cắt lại, nghiêng đầu nhìn ngắm mãi, cho đến khi vừa lòng mới thôi. Bà Năm đứng chống nạnh, âu yếm nhìn con:

“Sao hôm nay Tâm giỏi thế? Cắt cỏ giúp cho bố mẹ. Lại cắt cẩn thận, cắt đẹp nữa!”

Tâm nhìn mẹ cười, và nói tỉnh bơ:

“Tuần trước, Lam ghé đây chơi, thấy cỏ cao, bảo con sao không cắt cho đẹp vườn .”

“Lam là ai?”

“Là bạn gái của con”

Bà Năm hừ một tiếng nhỏ tức tối. Con của bà sinh ra, nuôi nấng, thương yêu, bà nhờ không được, bà nói không nghe, thế mà cái con Lam nào đó, mới mở miệng một tiếng, thì nó lại răm rắp làm. Trong lòng bà, bỗng thấy không ưa cái con Lam kia. Bà cảm thấy hơi buồn.

Sáng chủ nhật, bà pha cà phê cho chồng, và pha luôn cho Tâm một ly. Bà biết hai bố con đều ghiền, buổi sáng không có ly cà phê thì xem như mở mắt không ra. Thấy anh con trai không buồn động đến ly cà phê thơm, Bà hỏi:

“Sao con không uống liền đi, để nguội mất ngon, hương thơm cà phê bay đi hết.”

“Thôi, con không uống cà phê nữa má à. Con đang tập bỏ cà phê.”

“Sao vậy ? “

“Lam bảo con bỏ cà phê! Uống cà phê không tốt.”

Nghe con nói, mà bà điên tiết, muốn lộn máu lên. Lam là đứa nào, có quyền lực gì, mà làm cho thằng con trai cứng, thương yêu của bà rầm rập tuân lời ? Bà thương con, muốn cho con vui, bà ra lệnh:

“Uống đi. Mẹ đã pha ra rồi. Đừng uống quá nhiều thì thôi, chứ vừa phải, cà-phê cũng tốt cho sức khỏe.”

Anh con trai cứng của bà, đánh trống lảng, rồi bỏ lên lầu, không đụng đến ly cà phê bà đã pha. Bà Năm bực bội, quậy ly cà phê và uống từng ngụm nhỏ. Bà nói với chồng:

“Thằng Tâm nhà mình thế mà đại gái. Cha mẹ nói cho rất hòng, thì không nghe, cái con nhỏ vất vợ nào đó, nói ra cái gì, thì nó rầm rập nghe theo như kinh điển. Thiệt là bực.

Con mình sinh ra, dạy dỗ, nuôi nấng, mà nó không xem mình bằng...”

Ông chồng bà cắt ngang:

“Thôi bà ơi. Nó cũng đã lớn rồi, khi mới yêu, thì ai cũng vậy, mai mốt sẽ khác. Bà có nhớ không, hồi xưa khi tôi mới yêu bà, tôi cũng nghe theo bà răm rắp ...”

“Bây giờ thì ông không thèm nghe theo tôi bất cứ chuyện gì nữa. Lại còn nạt nộ, gằn gừ.”

“Có chứ, khi nào bà nói đúng thì tôi nghe theo, chứ bà sai, mà bắt tôi theo sao được? Ngay cả bà nội tôi, nếu nói sai, thì tôi cũng phải thừa lại cho đúng, chứ hướng chi là vợ?”

“Ừ, bây giờ anh có tôi rồi, thì xem thường nhé!”

“Vẫn quý vợ như thường. Nhưng đúng sai, phải làm cho ra lẽ.”

Một lần bà thấy Tâm không hót tóc theo kiểu cũ, lồi tóc xúng ra như rễ tre, mà hót lồi mới trông gọn gàng, lịch sự hơn. Bà khen Tâm. Tâm nói rằng Lam không thích kiểu tóc cũ. Nghe mà bà giận, bực mình. Nhưng bà công nhận kiểu tóc mới, con bà trông đang hoàng hơn.

Mấy tuần sau, khi Hương đi chơi về, báo cho bà Năm biết:

“ Mẹ ơi. Con gặp anh Tâm đang bưng thức ăn cho khách tại tiệm Hương Bình. Anh còn cắt rau, nhặt tôm, phụ bếp nữa.”

“ Mẹ không hiểu con nói gì.”

“Tiệm của bố mẹ chị Lam ấy mà! Anh ấy đến đó làm việc, lấy điểm với ông bà già chị Lam.”

Bà Năm mặt mày nhăn nhó, thở dài, thất vọng nói:

“ Tiền bạc nó đâu có thiếu. Ở nhà thì chưa bao giờ rửa cái bát. Chưa bao giờ nấu nồi nước sôi giúp mẹ. Chắc cũng làm không công. Thế mà, thế mà ...”

Ngay tức thì, bà kêu Hương lái xe cho bà đi xem mặt mũi cái con Lam kia ra thế nào, mà sai khiến được ông con cưng của bà như vậy. Bà Năm hầm hầm đi theo con gái, miệng mím lại. Hương dặn bà đừng vào tiệm, đi ngang qua bên ngoài dòm vô thôi. Hai mẹ con lấm lét rình mò, đi qua tiệm nhiều lần. Khi được nhìn thấy mặt đứa con gái tên Lam, bà càng giận hơn. Trở lại nhà, bà bứt rứt, đi lui đi tới, chờ anh con trai cưng về. Bà sẽ cho một trận tơi bời cho đã giận. Khi Tâm về nhà, chưa kịp thay áo, đã bị bà Năm gào to :

“ Khôn nhà dạy chợ, việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Việc nhà không đụng móng tay vào, ra ngoài thì làm mọi không công cho thiên hạ. Học hành cho giỏi, đỗ đạt

bằng cấp này nọ, mà vẫn cứ ngu dại như thường.”

“Thưa mẹ, mẹ nói gì?”

“Thằng ngu! Cái con Lam đó, xấu xí, da ngăm, trán ngắn, mắt hí, mũi xẹp, miệng móm, ngực lép, hông teo. Đã ăn phải bùa mê thuốc lú của nó chưa, mà đi làm mọi cho gia đình nó? Nếu nó đẹp đẽ, nghiêng nước nghiêng thành, mà mê nó, thì không nói làm chi. Xấu xí như vậy, mà cũng mê muội, mới tức chứ. Cha mẹ nói thì không nghe, lại nghe lời đứa con gái vất vả đó. Tưởng cảnh vàng, lá ngọc, con vua, cháu chúa chi cho cam, con nhà tiệm ăn ...”

“Mẹ đừng kỳ thị. Mẹ từng nói với con, nghề nào cũng quý. Sao bây giờ mẹ chê nghề tiệm ăn? Mẹ thấy Lam xấu, mà con thấy đẹp thì sao? Tùy theo khiêu thẩm mỹ của mỗi người”

Bà Năm cười chán nản, và chế nhạo. Lặp lại một lần nữa, cái nhận xét của bà về cô Lam:

“Ừ, cái khiêu thẩm mỹ của anh lạ lắm, đen đui, trán ngắn, mắt hí, mũi xẹp, miệng móm, người lép kẹp, là đẹp, đẹp lắm. Ha ha ha ...”

“Nhưng tổng hợp tất cả lại, thì nhìn rất có duyên mẹ à. Con gái, có duyên thì thu hút và hấp dẫn hơn đẹp. Con không cần vợ đẹp. Mấy cô đẹp, thì kênh kiệu, vác cái mặt lên, đòi

hỏi đủ điều, và tham vọng không bao giờ ngừng. Họ khó khăn, họ tưởng đâu có cái đẹp là có quyền hành như bà hoàng. Lấy mấy cô này làm vợ, mệt lắm, và chưa chắc đã được lâu bền.”

Bà Năm há miệng ra vì ngạc nhiên, nhìn ông con trai của bà chòng chọc. Bà nói:

“ Khiếp, ăn nói như cụ già tám mươi. Ai dạy cho anh những điều đó? Thôi, anh đã khôn đến vậy, thì mẹ chịu thua.”

“ Thì ba mẹ vẫn thường nói vậy, và kinh nghiệm riêng của con cũng thấy thế.”

Thương và cưng con, bà không muốn con bà thương ai hơn, nghe lời ai hơn là nghe lời bà. Cái ác cảm với cô Lam không làm sao vơi được trong lòng bà.

Những khi Tâm mời Lam về nhà chơi, bà Năm cố tình làm mặt lạnh nhạt, và để lộ ra rằng, bà không ưa cô. Bà còn nói bóng gió xa gần rằng, đàn bà không có ngực, sau này khó nuôi con. Đàn bà vòng mỏng nhỏ, sinh con khó, hiếm muộn. Lam vẫn vui vẻ, bình thường, làm như không biết bà Năm đang ám chỉ cô. Thấy thái độ của mẹ, Tâm không dám đem Lam về thăm nhà thường xuyên. Ông Năm khuyên vợ rằng:

“Bà càng tỏ ra chống đối, thì chúng nó càng khăng khít. Tình yêu là một thứ kỳ cục, càng có nhiều trắc trở, thì càng nhiều nồng nàn, cháy bỏng. Tình yêu xuôi chèo thuận mái

quá, thì cũng không bền. Bà cứ để cho chúng nó tự do tìm hiểu nhau, đừng gây trắc trở, khó khăn, mà sau này có hậu quả không tốt, con dâu nó xa lánh gia đình chồng, và mình cũng mất con luôn.”

Bà Năm cũng hiểu thế. Nhưng cái ghét bỏ cô Lam vẫn tiềm tàng trong lòng bà. Có lẽ tại vì Tâm nghe lời cô này răm rắp, mà không nghe lời bà, là người mẹ đã dành hết yêu thương cho con. Nó coi người khác quan trọng hơn bà. Ông Năm nói rằng, việc chi mà ganh tị tình thương ? Khi còn trẻ, thì ganh với bà mẹ chồng, bây giờ thành bà mẹ chồng, thì lại ganh với con dâu. Cứ cái vòng luẩn quẩn quay đi quay lại mãi, không được gì, mà chỉ gây thêm sút mẻ, lộn xộn. Dân Á đông, thì mẹ chồng nàng dâu lục đục. Dân Âu Mỹ, thì mẹ vợ và con rể không ưa nhau. Có cả ngàn câu chuyện chế giễu bà mẹ vợ do các ông viết ra. Như chuyện diều về ông Adam, thủy tổ loài người, bảo rằng ông này là người đàn ông sung sướng nhất, vì ông không có một bà mẹ vợ.

Dù cho bà Năm có bóng gió, nói xấu cô Lam đến mấy, anh con trai cưng của bà vẫn không suy suyển cái tình si dành cho cô này. Bà mẹ có dân cảnh, giới thiệu cho anh bao nhiêu cô gái khác, đẹp hơn, anh cũng không màng liếc mắt đến. Bà Năm cắn răng chấp nhận cho Tâm cưới cô Lam. Bà tiếc rằng, từ

nay những bà bạn có con gái đến tuổi cập kê, hết o bế bà, bớt nòng nân, tử tế như xưa.

Sau đám cưới, bà Năm xuống nước năn nỉ Tâm khoan dọn ra riêng. Anh con trai không trả lời dứt khoát, và cho biết tùy theo ý kiến của vợ. Bà Năm phải nói thẳng với cô con dâu rằng, nếu các con khoan dọn ra riêng, thì sẽ tiết kiệm được một số tiền, mua nhà sớm hơn, và tốt hơn. Cô con dâu vui vẻ trả lời rằng, nếu ba mẹ cho chúng con ở chung trong thời gian đầu, thì chúng con mừng lắm, được ba mẹ cho ở, cho ăn, và gia đình sum vầy, thì vui hơn là tách biệt ra. Câu nói của đứa con dâu làm bà mát ruột.

Sau thời gian đầu bỡ ngỡ, đứa con dâu dần dần thích nghi với sinh hoạt của gia đình. Ban đầu, bà Năm nghĩ rằng, lại phải hầu hạ thêm một cô nương nữa. Bà không ngại, miễn sao giữ anh con trai cưng của bà lại trong gia đình là được. Mỗi khi cô con dâu tự ý làm giúp cho ông bà việc gì, bà Năm nói nhỏ với chồng: “Cô dâu này, ưa làm màu lắm.” Ông chồng bà trả lời: “Thà có đứa con dâu làm màu, còn hơn là đứa ngang ngạnh, không coi ai ra gì.”

Nhiều buổi sáng rất sớm, bà Năm nghe tiếng thở phì phò, tiếng huỳnh huých ngoài phòng khách, bà tưởng hai vợ chồng anh con trai đang làm trò khỉ. Một lần bà hé cửa nhìn xuống lầu, thấy Tâm và Lam đang múa tay,

múa chân tập thể dục. Bà lắc đầu. Con trai bà, chưa thấy tập thể dục bao giờ, nay vì vợ mà tập. Bà cho rằng, con trai mà nghe lời vợ quá, cũng không tốt. Bà thử múa tay, uốn éo thân mình theo các cử động của hai người, bà nghe khoái cảm trong bắp thịt, xương cốt, và tiêu tan bớt rất nhiều mệt mỏi. Không lâu sau đó, nhiều buổi sáng, bà tập thể dục theo con, và cả ông Năm cũng tham gia. Trong phòng khách buổi sáng, theo tiếng hô của Lam, bốn người nhịp nhàng múa tay chân, hít thở trong vòng hai mươi phút trước khi ăn điểm tâm và đi làm việc. Mỗi sáng thứ bảy, chủ nhật, Tâm lái xe ra công viên rất sớm, cùng cha mẹ và vợ, chạy bộ vòng quanh sân cỏ, hít thở không khí trong lành, tập những động tác uyển chuyển. Sau đó, cùng đi ăn sáng. Bà Năm cảm thấy, nhờ có đứa con dâu mà tình mẹ con của bà gần gũi hơn, sau bao nhiêu năm gần như gián đoạn, kể từ ngày anh bước vào tuổi mười tám, hai mươi.

Hai ông bà Năm trở nên mê cái món cháo gạo lức, nấu đặc rền, ăn với cá nục kho khô, rướn cong, mặn, có tiêu ớt. Ăn vào buổi sáng, do cô con dâu nấu. Ban đầu bà Năm cười cái món ăn này của người nhà quê. Nhưng cô dâu nói rằng, đây là món ăn vua chúa, chứ không phải món nhà quê. Sử sách có chép rõ, các ông vua triều Nguyễn rất khoái ăn cháo trắng buổi sáng. Ông bà Năm

cũng phải công nhận ăn cháo vừa ngon, vừa tốt cho sức khỏe, bớt được chất béo, chất đường.

Mỗi buổi chiều, bà Năm về nhà trước con dâu chừng nửa giờ. Bà vào bếp chuẩn bị, cắt rau, cắt thịt. Cô con dâu vắt xong cái cặp vào phòng, chạy vội xuống bếp, phụ mẹ chồng sửa soạn cơm tối. Thời gian đầu, cô phụ làm các việc lặt vặt, chỉ làm những chuyện mẹ chồng sai bảo. Có cô con dâu phụ bếp, dù không phụ được gì nhiều, nhưng bà Năm thấy vui, tự ái của bà không bị tổn thương. Bà có thể hầu chồng, hầu con, chứ không muốn mang tiếng làm mọi cho cả con dâu. Nhìn thấy cô con dâu vui vẻ, hát hò trong khi làm bếp, bà cũng vui lây. Thì ra, cô làm với tấm lòng, với sự chia sẻ, chứ không phải miễn cưỡng. Cô con dâu múa dao lia lịa, cắt hành, cắt rau, ớt, nhanh như các anh đầu bếp Tàu chiếu trên truyền hình. Thỉnh thoảng, cô con dâu đề nghị bà Năm nấu món ngon cho cả nhà, ăn chơi cho vui, ăn chơi ngon hơn ăn thật, cô lãnh trách nhiệm nấu các món này. Cô nấu phở, bún bò, cháo lòng, hủ tiếu, bánh canh, bún riêu, mỗi chiều ăn một món thay cơm. Cả nhà vui vẻ hơn, ông Năm nói rằng, nấu ở nhà ngon như thế này, thì đi tiệm làm gì. Bà Năm học thêm được những bí quyết nấu ăn của cô dâu, và cộng thêm kinh nghiệm cũ, bà nấu càng ngon hơn. Bà mời

bạn bè chồng đến, trở tài nấu nướng. Nhiều người khen và khuyến khích bà ra mở tiệm ăn. Bà con, bạn bè đòi hùn vốn mở tiệm. Bà Năm sung sướng và quyết định thôi việc, ra làm kinh doanh. Trong một bữa ăn, cô con dâu nói với ông bà:

“Dì Chính bảo rằng, nếu mình ghét ai thậm tệ, muốn trả thù, thì cứ đem tiền cho mượn, xúi họ mở tiệm ăn, cho họ khổ, bỏ ghét. Làm tiệm ăn, khách ít thì lo, khách đông thì khổ, làm một ngày mười sáu, mười tám giờ cũng không hết việc. Nắng cũng lo, mưa cũng lo. Cực lắm, đầu bếp cũng cực, phụ bếp cũng cực, chủ tiệm còn cực hơn. Dì Thu bạn của mẹ con mở tiệm phở, bị ông đầu bếp bóp cổ, phải kêu cảnh sát can thiệp. Ông đầu bếp mệt và cực quá, mà Dì thì quá lo lắng, thúc hối, hỏi han. Ông nổi khùng, bóp cổ Dì. Bó mẹ con, lỡ mở tiệm, không lui được nữa, cực lắm lắm, ông bà mệt quá, gây gổ nhau hoài. Nếu mẹ muốn mở tiệm ăn, thì hãy suy nghĩ cho kỹ lại. Ít nhất cũng giả vờ đi làm công cho thiên hạ, phụ bếp hoặc làm đầu bếp vài ba tháng cho biết đá biết vàng. Rồi quyết định.”

Nghe con dâu nói, bà sợ hoảng hồn. Không dám ra làm kinh doanh nữa.

Nhiều hôm, cô con dâu hốt hải chạy về kêu bà Năm thay áo quần ra xe đi gấp, ra phố mua hàng với cô. Vì hàng hạ giá, chỉ còn một hôm nữa là hết hạn. Cô ríu rít khoe rằng

có người mách cho biết, hàng hạ xuống trên bảy mươi lăm phần trăm, không mua uống lắm. Bà vui vẻ ngồi bên đũa con dâu, cô vừa lái xe vun vút trên xa lộ, vừa nói chuyện vui vẻ. Khi vào tiệm, cô ép bà thử áo này, thử váy kia, tíu tít. Rồi cô con dâu dành trả tiền mua áo quần cho mẹ chồng. Để bà khỏi thắc mắc, cô nói: “Tiền này do anh Tâm làm ra, mẹ có quyền xài. Anh Tâm sẽ rất vui, khi biết mẹ dùng tiền này.” Sau đó, hai mẹ con rủ nhau đi ăn, ngồi nói chuyện trong quán, và mua thức ăn về cho cả nhà.

Mỗi năm đến ngày sinh nhật của bà, ông Năm đưa cả gia đình ra tiệm ăn gần nhà. Như để trả nợ quỷ thần, để bà khỏi cần nhần, than vãn, kêu rêu. Vì ông nghĩ rằng, sinh ra là khổ, sao lại phải mừng. Thắp cho bà mấy cây nến to, mỗi cây tượng trưng cho năm mươi tuổi, không dám thắp nhiều như đám cháy rừng, sợ bà buồn. Năm nay cô con dâu xin được tổ chức sinh nhật cho mẹ chồng. Chính tay cô làm cái bánh lớn. Trang hoàng nhà cửa, và viết thiệp mời bà con. Thức ăn do cô đặt tại các tiệm mang về. Bà con đông đảo tham dự, cười nói, vui tươi. Khoảng thời gian giữa tiệc, có tiếng gõ cửa, một cô vũ công múa bụng xuất hiện. Đầu cô cài lông công, mang sắc phục sặc sỡ theo lối Trung Đông, toàn người lông lánh như có dát kim cương. Tiếng nhạc trỗi lên eo éo, thanh sắc, cao. Cô vũ

công uốn người, lắc mông, bụng chuyển động xoay tròn không ngừng. Ông Năm chăm chú, ngời há hốc miệng ra mà xem, đến nỗi một giải nước bọt bò ra từ miệng ông lúc nào mà ông không hay. Bà Năm thấy vậy, tức mình phát vào lưng ông một cái thật mạnh, ông giật mình hốt hoảng quay qua nhìn bà, và cười cầu tài. Tối đó, bà Năm giận chồng, và giận luôn cả cô con dâu, bày trò bậy bạ.

Có lần bà Năm giận ông chồng, ngồi khóc. Cô con dâu đến ôm bà, vuốt ve và hôn lên trán bà mà an ủi. Cô kéo bà đứng dậy, đi rủ bà lên San Francisco chơi. Hai mẹ con đi bộ long rong qua chợ phố Tàu. Khi đã mỏi chân, cô con dâu cùng bà vào quán cà phê, ngồi ở dãy bàn dọn lán ra trên lề đường cùng uống trà, ăn kem. Ngồi nhìn thiên hạ qua lại. Cô con dâu nói:

“Ngồi đây, đôi khi cũng thấy tâm hồn thư giãn. Nhìn cái tát bật của thiên hạ, thấy cái nhàn nhã của mình, rồi biết quý cái hạnh phúc đơn sơ mà mình đang có”

Bà Năm cũng thấy vui vui, và quên bớt đi cái giận hờn ông chồng. Cô dâu nói với bà:

“Trời có khi nắng khi mưa, vợ chồng có khi vui, khi buồn. Rồi mọi sự đều qua. Khi nào buồn, con đem mẹ đi chơi, giải trí. Hôm nào hai mẹ con mình rủ nhau đi xem chớp bóng, khuya mới về, để cho các ông ở nhà chờ, và đói một bữa chơi. Như vậy, các ông mới biết

quý cái không khí ấm áp của bữa cơm bình thường mỗi ngày trong gia đình.”

Mỗi buổi sáng, ông Năm đều nhắc rằng, nhờ có cái máy cà phê áp suất do cô con dâu mua tặng, nên ông có cà phê ngon mà uống. Đến sở khỏi phải tốn tiền mua cà phê áp suất bên góc đường.

Nhiều hôm cô con dâu mua thức ăn ngon bên ngoài đem về. Ríu rít nói là cô ăn ngon quá, mua về cho cả nhà ăn cho vui. Không cần ăn ngon hay dở, nghe thế là bà Năm đã cảm động. Xưa nay, con bà, chồng bà, chưa hề thấy ngon mà mua về cho bà.

Sau một thời gian ở chung với cô con dâu, đi đâu, bà Năm cũng khoe là bà có thêm một đứa con gái, có thêm một người bạn thân để tâm sự khi vui buồn. Bà nói thêm, từ ngày anh con trai có vợ, gia đình thấy vui vẻ, hạnh phúc và thương yêu nhau hơn. Bà khen anh con trai khôn ngoan và khéo chọn bạn trăm năm. Bà không còn chê cô dâu là trán ngắn, mắt hí, miệng món nữa.

Một hôm đã khuya, bà Năm thức giấc xuống lầu uống nước, thấy có bóng người thấp thoáng ở sân sau nhà, bà ghé mắt nhìn. Trăng vàng vạc trải ánh vàng xuống khắp vườn. Bà thấy Tâm quàng tay qua vai vợ ngồi tựa ngửa, chân gác lên ghế. Bà nghe tiếng thì thào:

“Đôi khi thấy mẹ anh thương, và bênh em, làm anh phát ghen lên. Em làm gì mà mê hoặc được mẹ anh đến thế?”

Tiếng cô con dâu trong trẻo đáp lại:

“Thương yêu và thông cảm. Đem hết tấm lòng mình ra mà đãi người, rồi sẽ được đáp lại bằng tấm lòng. Nhờ em biết thương yêu ba mẹ anh như ba mẹ ruột, thì ông bà mới thương yêu em như con ruột. Em có thêm một ông bố, một bà mẹ, một cô em, có thêm nhiều tình thương. Từ đó, vợ chồng mình hòa thuận hơn, thương yêu nhau hơn, và lâu bền hơn, hạnh phúc hơn.”

Bà Năm len lén trở lại phòng, chíp miệng và nghĩ rằng, bà đã già một đời mà còn ngu dại, cứ ganh ghét với gia đình chồng, ganh ghét với con dâu. Bọn trẻ con ngày nay, có nhiều đũa khôn nứt hạt./.

Mùa Xuân Còn Hy Vọng

Sau khi tiêu tan hết tài sản còn lại vì những chuyến vượt biên không thành, trắng tay, bữa đói bữa no, nhưng ngọn lửa hy vọng vẫn sáng rực trong lòng Nam. Anh tin chắc rằng, thế nào cũng có ngày thoát ra khỏi cái chế độ cực kỳ khắc nghiệt và bức chế này. Tự do hay chết, chỉ có thể thôi. Chưa biết sẽ thoát đi bằng cách nào, nhưng cứ tin mà sống. Mất niềm tin đó, thì chết còn sướng hơn.

Những tổ chức vượt biên, thường thường giả nhiều hơn thật. Có người đem Nam ra tận Vũng Tàu, đi bằng giấy phép di chuyển giả mạo do công an bán ra . Họ đứng trên bờ chỉ cho Nam chiếc thuyền màu xanh đậm, dầu xa xa trong đám thuyền bè lơ lửng, và bảo đó là chiếc thuyền sẽ ra khơi đi tìm tự do . Không tin cũng không được, vì không tin thì làm sao mà nuôi hy vọng, và nếu biết là chuyện mơ hồ, cũng phải tự lừa dối mình, để liều. Ai muốn đi thì phải đóng trước một nửa số vàng để chuẩn bị . Sau khi bị mất vàng, mà không thấy được kêu đi, những người bị lừa khám phá ra rằng, cái người tổ chức vượt biên đó, chẳng có tàu bè chi cả. Họ đưa

người bị lừa ra Vũng Tàu, chỉ đại một chiếc thuyền nào đó. Thấy được chiếc thuyền là may lắm rồi. Có nhiều chuyến đi, chiếc thuyền chỉ là sản phẩm của tưởng tượng mà thôi, người ta mô tả một chiếc thuyền mơ ước nào đó, đặt ra một kế hoạch tuyệt vời không có thực. Chỉ mất vàng đóng tiền cọc cũng may mắn lắm rồi, còn hơn bị lấy hết vàng, đưa ra bãi biển cho công an bắt di tù. Cũng có những tổ chức vượt biên giả, do công an bày ra, nạn nhân đóng tiền xong, khi mới ra khỏi nhà chưa được trăm thước, thì đã bị khám xét và còng tay đi tù. Nhiều người quen biết, đến thu tiền để tổ chức vượt biên, và bỏ đi mất biệt. Có khi họ bị bắt, cũng có khi làm mất hết tiền, họ không dám trở lại. Nhưng cũng có người, túng thiếu quá làm liều, gạt cả bà con bạn bè. Kể bị gạt chỉ biết cắn răng mà chịu, đâu có đi thưa gởi ai được. Đâu có làm chuyện thưa ông con ở bụi này cho công an bắt đi tù.

Để quên những khó khăn khủng khiếp trong cuộc đời không có một ánh sáng cho tương lai đó, mỗi ngày, Nam chơi cờ tướng không bàn với cô bạn gái. Hai người, đi hai chiếc xe đạp và đánh cờ bằng miệng :

"Pháo hai bình năm"

"Mã tám tấn bảy"

"Mã hai tấn ba"...

Cứ thế mà hai người bạn hô qua, hô lại, đánh được nhiều ván cờ để quên những

quãng đường dài, quên mệt nhọc, quên cái bụng trống trải có kiến bò đang sôi rột roạt. Có khi ván cờ sắp kết thúc, mà đã đi đến đích rồi, họ còn nấn ná dừng xe lại bên đường, và chiếu tướng để kết thúc ván cờ tướng.

Nam nói với cô bạn:

"Đáng ra anh đừng thí xe, thì không đến nỗi thua. Con xe cứ nằm đó, chặn đường không cho con ngựa qua sông, thì có thể huề được."

Cũng có khi, trên một chiếc xe, Nam chở cô bạn gái, gò lưng đạp giữa nắng trưa hè chói chan, lúc không còn chuyện gì để nói, thì liền chơi cờ tướng không bàn say sưa. Họ còn học thuộc những ván cờ tuyệt hay trong sách cờ tướng "Quất Trung Bí" để hô qua, hô lại, vừa mua vui, cũng để giết thì giờ, mà lại học làm quen được những thế cờ hay.

Nhiều lần ngồi trên ghế thấp dưới bóng tàn cây của quán nước bên đường, Nam và cô bạn đọc những ván cờ đã học thuộc, đọc mau lẹ, làm những người đàn ông biết chơi cờ tướng nhìn Nam và cô bạn với ánh mắt khâm phục. Đánh cờ không bàn mà đi liền liền, giết xe, thí pháo, và chiếu bí nhau. Họ tưởng đâu gặp hai cao thủ kỳ tài. Nam và cô bạn thỉnh thoảng nhìn nhau cười mỉm vì đã làm được thiên hạ hoảng hồn. Đây cũng là một trong những trò chơi vô hại, để tìm vui

giữa những ngày tháng bế tắc cùng cực trong xã hội mới.

Những lần xếp hàng từ hai ba giờ sáng, tay cầm sổ hộ khẩu, trước cửa hàng thực phẩm để chờ sáng mai mua gạo hoặc mua khoai, Nam và cô bạn đứng trong hàng gần nhau, mê mải bày trận cờ không bàn. Trời thì tối đen, trăng sao nhấp nhem, mọi người ngáp dài, mệt mỏi, chán nản, có kẻ ngồi bệt ra đất mà gối đầu vào chân ngủ gà ngủ gật. Nam và cô bạn thông thả bày một bàn cờ trong trí, dàn quân, bắt, dứ, gài, chiếu và có khi mệt quá, đi luôn cả những con cờ đã chết bị loại. Khi đó thì hai bên phải soát cờ lại, xem ai còn quân cờ nào, vị trí nơi đâu. Có khi phải xoá luôn ván cờ, đi lại từ đầu. Cả Nam lẫn cô bạn gái, không phải là những tay cao cờ, nhưng thích chơi cờ tướng để giết thì giờ và quên chuyện đời. Chơi cờ không bàn mãi thành quen. Nhiều người tưởng Nam và cô bạn là những tay cờ kiệt xuất.

Một buổi chiều cuối năm, Nam cùng cô bạn vào tiệm hớt tóc bên đường. Trong tiệm có bày hai bàn cờ tướng, và nhiều người xúm quanh đánh cờ theo lối tập thể. Họ la hét ồn ào, người bàn lên xe, người bảo qua pháo, cãi nhau om sòm. Nam ngồi trên ghế cho ông thợ cắt tóc, cô bạn gái ngồi chờ. Hai người bắt đầu đánh cờ không bàn. Họ đọc những thế cờ đã thuộc lòng trong sách. Người hô,

người đáp. Họ đọc chậm, và đến một lúc, cô bạn gái giả vờ hỏi:

"Xe sáu tấn năm phải không? Đi thế cò này thì cũng độc, nhưng có lẽ chừng năm nước cò nữa, thì bên anh gãy sĩ, gãy tượng, và em mất con pháo và chốt biên. Nhưng anh bị thua ở nước thứ mười một"

"Dễ dàu chi? Anh còn con pháo lót và đem xe về chắn ngựa. Đầu đã thua?"

Đến nước cò thứ năm, thì đúng như cô bạn gái nói. Nam bị mất hai tượng và một sĩ, đổi lấy con pháo và con chốt. Cô bạn nói:

"Đó, anh thấy chưa, làm sao mà không gãy sĩ tượng được, nếu không muốn bị chiếu bí."

Và đúng, nước cò thứ mười một tiếp theo đó, Nam chịu thua. Ông thợ hót tóc dùng tay kéo và nhìn cô bạn của Nam bằng đôi mắt mở tròn to khâm phục. Ông nói :

"Cô này khiếp thật, đánh cò không bàn, mà tính xa đến mười nước trước."

Ông thợ quay qua các ông khách đang chơi cò, nói lớn:

"Này các ông ời, có ai dám đấu với cô này một ván cò không? Tôi bắt cá, một ăn ba. Ông nào thắng được cô này, tôi mất ba lần tiền, nếu thua, thì tôi chỉ lấy một mà thôi. Có ông dám đánh, và có ông nào dám bắt cá không?"

Cùng lúc đó, một ván cờ của các ông cũng đã xong. Một cụ già râu trắng, nhìn cô bạn gái của Nam với con mắt nghi ngờ, và nói:

"Mời cô ngồi vào bàn. Tôi sẽ xin đấu một ván cho biết tài cao thấp. Tôi thật hân hạnh được gặp một bậc kỳ tài. Dễ chi tìm được cao thủ trong đời."

Cô bạn gái của Nam cúi đầu nói lí nhí:

"Cháu không dám vô lễ với bậc trưởng thượng. Cháu cũng chỉ mới biết đánh cờ, đi vừa sạch nước cản mà thôi. Chúng cháu không có việc chi làm, đánh cờ với nhau cho qua thời giờ chờ đợi mà thôi. Xin các bác đừng cười cháu tội nghiệp."

Bàn cờ đã sắp sẵn, các cụ cứ ép mãi cô bạn của Nam chơi một ván cờ, nhưng cô khẳng khăng từ chối. Nam giả vờ nói :

"Hay là em cứ hầu bác một ván cờ đi, đừng để phụ lòng mong mỏi của các bác. Nếu lỡ may ăn được ván cờ, thì bác thợ chia cho ít tiền, cũng có mà uống nước chanh đường."

"Anh kỳ chưa? Con gái, ai lại đi đánh cờ nơi công cộng bao giờ? Bố mẹ em biết được, thì có mà no đòn."

Nam nói với các ông khách đang chơi cờ :

"Xin lỗi các bác, cô bạn tôi e thẹn, không dám hầu cờ. Thôi thì xin dịp khác vậy. Cô này chơi cờ cũng khá cao, tính trước

được chừng mười nước đi quân, tôi đánh với cô nhiều ván cờ, đôi khi cô cảnh báo trước còn bao nhiêu nước nữa thì thua, biết vậy mà không sao tránh được. Mà có tránh được, thì thua sớm hơn."

Mấy ông khách chơi cờ biết không ép được cô bạn gái của Nam đấu một ván, thì họ lảng ra. Nhưng khi Nam và cô bạn bắt đầu chơi ván cờ không bàn khác, thì họ di chuyển quân cờ theo từng nước di quân của hai bên. Đây là một ván cờ mà hai người đã học thuộc trước, của trận đấu cờ chung kết tranh giải vô địch quốc tế, một ván cờ xuất sắc đã được ghi lại trong sách.

Nam và cô bạn đi chậm chậm, như suy nghĩ nhiều, và để cho các ông khách kịp theo dõi và kịp suy nghĩ.

Cô bạn gái của Nam giả vờ cúi đầu, nhắm mắt suy nghĩ và lẩm nhẩm tính từng nước thâm trong miệng:

"Kẹt quá nhỉ. Dục tốt, lên ngựa, qua pháo, đưa xe vào mở đường. Nước thứ tám bắt buộc phải thí xe..."

Trong lúc hai người đi quân, các ông khách trong quán đang theo dõi ván cờ trên bàn cứ xuýt xoa:

"Nước đi quân này tuyệt diệu"

"Gỡ được thế gài quân thần kỳ"

"Hay quá. Hay quá"

"Kỳ vương cũng chỉ đi được nước này mà thôi"

"Thật là dưới vòm trời này còn có nhiều ngọn núi cao mà mắt ta mù không thấy được."

Một ông cụ, nói oang oang :

"Mấy năm trước, mọi người đều sáng mắt ra, kẻ mù cũng sáng mắt, bây giờ, sáng mắt thêm một lần nữa sao ?"

Nghe lời nói châm chọc đến chế độ, ông thợ hớt tóc vội vã nói:

"Đừng nói vong mạng các bác ời. Đây là nơi làm ăn của tôi. Muốn nói gì vung vít, thì nên nói ở chỗ khác. Cho tôi kiếm chút cháo sống qua ngày."

Vào khoảng trung cuộc, có mấy ông rút tiền ra đánh cá. Mỗi bên mất một pháo, một mã. Đến nước cờ thứ 17 thì cô bạn gái của Nam đã làm chủ tình hình, qua nước cờ 21 thì chiếu tướng, và đến nước 23, Nam bị mất sĩ và phải lui cả hai xe về phòng thủ. Sau đó, mất con mã ở nước cờ 26, mọi người thấy thua thắng đã về ai. Qua nước cờ thứ 32 thì Nam chịu thua trận.

Ván cờ vừa tàn, thì ông thợ cũng hớt xong cái đầu tóc của Nam. Nam đứng dậy phủi tóc còn bám trên áo. Mấy ông già trong tiệm hớt tóc còn xôn xao về ván cờ vừa qua. Nam và cô bạn gái cố giấu nụ cười chúm chím, vì đã đánh lừa được mấy ông ham chơi

cờ. Một cụ già còn quắc thước, đến bắt tay Nam và nói:

“Thật là một hạnh ngộ bất ngờ. Hai anh chị chơi cờ như các bậc tiên. Cái tư cách hiện ra ở từng thế cờ. Khoan thai, thông dong. Đi nhiều nước sắc bén lạ lùng. Xoay trở mau chóng. Tôi có một ông bạn cao cờ lắm, đã từng giết giải vô địch cờ tướng, làm sao tôi có thể sắp đặt cho hai bên gặp nhau, chơi vài ván cờ cho chúng tôi thưởng lãm tài nghệ đây ?”

Nam chấp hai tay nói :

“Chúng tôi cũng chỉ là tay cờ xoàng thôi. Không dám tranh hơn thua với ai . Chúng tôi ít khi đấu cờ với ai khác, chỉ có hai đứa đánh cờ với nhau thôi.”

“Phải, phải, người cao cờ đấu với người kém hơn thì chán lắm. Mất hết cả thú vị. Đánh cờ, phải đấu với người tương đồng tài nghệ mới vui, mới thấy thích thú trong những thế gài, bắt, dứ , dụ ...”

Vừa lúc đó, thì một thanh niên dựng xe đạp bên hè, đến nói nhỏ vào tai với cụ già, cụ vội vã lên ngồi phía sau chiếc xe đạp của anh thanh niên. Anh thanh niên thấy Nam, vội vã chạy đến bắt tay vui vẻ nhắc:

“Anh nhớ tôi không? Năm ngoái không có anh thì tôi gặp rắc rối rồi, không chừng bây giờ đang, đang...”

Thấy dáng điệu ngờ ngác của Nam, anh ghé tai nói nhỏ :

“Hôm đó đi vượt biên hụt ở Bạc Liêu, tôi là Hiến, anh nhớ không? Không có anh giúp, thì chắc tôi đã bị tóm cổ, bây giờ còn ở tù, khổ lắm.”

“Thì ra là anh. Khi đó tâm thần bán loạn, lo bị bắt, tôi không nhớ gì cả. Từ đó đến nay, anh có thử thời vận thêm lần nào nữa không?”

“Chưa, còn anh thì sao? “

“Đang gặp khó khăn. Kiệt quệ tài chánh. Chưa kiếm ra manh mối. Nhưng không thể bỏ cuộc. Chết cũng đi.”

Người thanh niên lấy địa chỉ của Nam, hẹn sẽ gặp lại khi có tin tức gì hay. Anh chờ cụ già đạp xe phóng đi. Năm trước, nhờ Nam mà người thanh niên khỏi bị công an bắt trong khi vượt biên hụt.

Đêm hai mươi chín Tết năm đó, Nam và cô bạn đang ngồi nghiên cứu mấy bản cờ thế cho đỡ buồn. Cô bàn rằng, Tết là thời gian thuận tiện nhất để đi vượt biên, vì công an đang lo ăn Tết, lo chuyện gia đình.

Bỗng có tiếng gõ cửa rụt rè. Hiến, người thanh niên gặp ở quán hớt tóc đến báo cho biết sắp có chuyến đi. Tất cả đều sẵn sàng. Bãi bến đã định sẵn, và kế hoạch cũng đã vạch kỹ. Nếu Nam sẵn sàng, thì anh sẽ giới thiệu. Mỗi người chỉ đóng bốn cây vàng mà thôi (bốn lạng vàng) Chủ tàu là ông cụ mà

Nam gặp ở tiệm hớt tóc. Ông cụ bỏ tiền ra mua tàu, cho con cháu và gia đình đi mà thôi. Nam là trường hợp đặc biệt, vì có ân nghĩa với Hiến, và ông cụ chủ tàu cũng đã gặp mặt và biết qua mấy ván cờ không bàn với cô bạn gái.

Nam dọn mút gừng và nước trà mời khách. Nam buồn bã nói :

“Anh nhìn xem, nhà trống róc, tất cả đã bán hết theo các chuyến đi. Mất sạch. Làm chi có tám lạng vàng để đóng bây giờ? Hay là để tôi đi rủ rê thêm một cặp nữa, lấy mỗi người tám lạng, bù vào chỗ chúng tôi không có.”

“Không được đâu. Ông cụ chủ tàu không muốn nhiều người biết, đi nhiều người dễ đổ bể. Ông ấy biết anh đã cứu tôi lần trước, và quý anh chị vì tài đánh cờ, nên chấp nhận lời đề nghị của tôi.”

Nam thở dài, nắm chặt tay Hiến và chúc may mắn, đi thoát, vạn sự bình an. Nam nói thêm, biết đâu mai đây sẽ gặp nhau trên quê người. Hiến bịn rịn, không muốn rời. Cuối cùng, Hiến đề nghị Nam đi gặp ông chủ tàu để điều đình. Nam không hy vọng gì, nhưng cũng chở cô bạn ra đi . Trong hoàn cảnh này, có một tí ti hy vọng thôi, cũng phải bám chặt lấy. Đêm ba mươi Tết, trời tối đen, hai chiếc xe đạp theo nhau hướng về quận Tân Bình. Để bớt căng thẳng tinh thần, Nam và cô bạn

cùng giải bàn cờ thế “ Song mã ẩm tuyền” . Một bên còn hai ngựa một chốt, và bên kia còn pháo, ngựa và một con chốt. Giải chưa xong ván cờ, thì đến nhà ông cụ chủ thuyền. Ông tiếp đãi hai người vui vẻ, mời ăn bánh, mứt và thịt heo hầm măng. Ông thì thầm:

“Mình bắt chước vua Quang Trung, ăn Tết trước mà ra quân. Kỳ này thế nào cũng thành công.”

Khi Nam trình bày tình cảnh trắng tay của anh cho ông cụ nghe, và đề nghị sẽ đi kiếm thêm hai người khác nữa, họ sẽ đóng nhiều hơn, để bù vào số vàng mà Nam không có. Sau một vài giây suy nghĩ, ông cụ vỗ vai Nam và nói vui vẻ:

“Thôi. Không cần kiếm thêm ai nữa. Càng đông càng khó di chuyển. Tôi cho anh chị thiếu nợ. Ra ngoại quốc, khi làm có tiền, trả dần cho tôi. Nếu đi không thoát, chết giữa biển, thì xem như huê. Tôi có sống đâu mà giữ tiền bạc làm chi. Những bạc kỳ tài như anh chị, mà ở lại đây, thì phí cả một đời tài hoa.”

Nam nghe ông nói mà nhột, vì ván cờ hôm trước, đọc từ sách ra, chứ không phải do anh và cô bạn đấu cờ thật. Hai tay Nam xoắn vào nhau, và nói ngập ngừng:

“Bác tha lỗi cho tụi cháu. Bác nói làm tụi cháu xấu hổ quá. Hôm trước, không phải

chúng cháu đánh cờ, mà đọc ván cờ học thuộc từ sách.”

Ông cụ gạt ngang và nói:

“Đừng khách sáo nữa. Bây giờ là chỗ thân tình, sống chết với nhau. Phải xem nhau như trong gia đình.”

Không giải bày được, Nam cứ cúi đầu mà chịu trận. Khi ra về, cô bạn trách Nam rằng, nói thật ra làm chi, lỡ ông ấy thay đổi ý kiến, không cho đi theo trong chuyến vượt biên thì uổng lắm.

Ngày mùng hai Tết, Nam cùng cô bạn được nhóm tổ chức vượt biên đưa ra Phan Rang bằng xe đò. Đi bộ vào một căn lều tranh. Nằm dưới xe rơm do bò kéo đến bãi biển. Được xuống một cái hầm cát cạn nằm chờ. Bên trên phủ cây khô. Trong hầm, có hai cô gái khác chờ sẵn. Hầm chật ngồi sát nhau, rất ngột thở. Người hướng dẫn hẹn đêm hôm sau sẽ có người đến kêu lên tàu. Trong khi nằm chờ, Nam và cô bạn thì thầm giải những bài cờ thế cho quên bớt nỗi lo sợ và giết thời gian như dài vô tận. Hai cô kia thì sợ hãi, run rẩy và thở hồng hộc. Nam sợ tiếng thở của hai cô vọng ra ngoài hầm, nếu có người nghe, thì nguy cả đám. Suốt một ngày, một đêm chờ đợi, không ai đến đón, mà Nam cũng không biết nơi này là đâu, địa thế ra sao. Vừa đói, vừa khát khô cổ họng. Nam và cô bạn không đủ sức để đánh cờ nữa. Hai cô kia thì khóc

rám rút, đòi ra khỏi hầm, tìm đường về Sài Gòn. Nam phải dọa rằng, không quen đường đi, thế nào cũng bị bắt đi tù không biết ngày về, khổ lắm. Hai cô cứ khóc lóc mãi. Một cô nói rằng, ở trong hầm này, cũng đói và khát nước mà chết, có bị bắt, cũng được cho uống, cho ăn. Không khuyên giải được, Nam nói, tùy các cô, muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, nếu xui bị bắt, thì xin đừng khai từ trong hầm này chui ra. Hai cô này khóc lóc mệt quá, rồi thiếp đi rất lâu. Đêm đó, nương theo bóng tối, Nam ra khỏi hầm, đi men theo động cát, cố định phương hướng, tìm xem nơi nào có dân chúng ở, và gắng tìm lối đi ra quốc lộ số một, để may ra dẫn ba cô gái về lại Sài Gòn, cho khỏi bị bắt. Đi ngược về hướng Tây, Nam thấy có mấy nóc nhà chòi xơ xác. Anh lần mò đến để kiếm nước, vì cổ khát như cháy. Mò tìm được lu nước bên hè, có cái gáo gác ngang, Nam tu một mạch hết hai gáo. Nước ngọt như có pha đường. Bỗng nghe bên trong nhà có tiếng xầm xì, Nam đứng nép vào phen nứa. Nghe tiếng nói rất nhỏ:

"Mười giờ thì du kích đi tuần xong, chúng nó về nhà thằng Mông ăn nhậu, mười giờ rưỡi thì ghe cập bãi, chớp đèn hiệu. Nhóm này đủ mười một người, có thiếu ai không?"

Có tiếng đàn bà đáp lại rất nhỏ:

"Đủ cả. Tôi sẽ hướng dẫn bà con ra bãi"

Nam múc một gáo nước đầy, đi về hướng hầm trú ẩn. Đi mãi, lạc đường, không tìm ra lối cũ. Trong lúc hốt hoảng, Nam té nhào, gáo nước hắt vãi hết ra đất, không còn một giọt. Nam nằm dài trên vòng khoai giữa cát. Mồi được mấy dây rễ khoai, chùi vào áo cho bớt cát. Nam nhai ngấu nghiến. Cũng đỡ đói được phần nào. Nam mồi sâu vào dưới cát, lôi ra được chùm củ, ăn một phần, và định đem về cho ba cô bạn đồng hành. Chưa kịp đứng dậy, thì Nam nghe tiếng người đi tới và có đèn bấm quét ngang. Nam nằm yên giữa hai vòng khoai, và nhận ra họ là du kích đi tuần tiểu. Chờ cho họ đi xa, Nam lần mò đi tìm hầm trú ẩn. Cuối cùng, anh tìm được, đem khoai lang sống cho các cô ăn. Một cô nói:

"Em tưởng anh bỏ tụi em mà đi luôn rồi, sợ quá. Có anh ở đây, ít ra cũng đỡ lo phần nào. Và nếu có gì, thì may ra anh hướng dẫn lối về Sài Gòn."

Nam không dám nói cho các cô biết, chính anh là người run sợ hơn các cô. Vì anh bị bắt, thì đi tù chưa biết ngày nào về. Các cô bị bắt, thì ở tù ít hơn. Và hơn nữa, anh cũng không biết nơi này là đâu, để định hướng lối về. Nam thông báo cho các cô biết, anh nghe được rằng lúc mười giờ rưỡi đêm nay, ghe sẽ cập bến và chớp đèn hiệu, bốc hành khách đi. Các cô nghe mà phấn khởi, bắt đầu nói cười. Nam ra hiệu cho các cô im lặng, sợ du kích đi

tuần phát giác ra hầm trú. Nam nhìn đồng hồ dạ quang, còn lâu nữa mới tới giờ ghe cập bến, để giết thời gian và đỡ nóng lòng, anh thì thầm vào tai cô bạn gái, đánh một ván cờ không bàn. Một cô đồng hành bức mình nói:

“Giờ này mà còn lên pháo, xuống xe được nữa sao? Tụi em lo và hồi hộp quá. Anh chị thật lạ lùng, làm như chuyện chơi.”

Nam nghe tiếng nói và bước chân của du kích đi tuần, suyt các cô im lặng. Tim đập mạnh, nôn nao. Mong sao kẻ hướng dẫn đừng bỏ quên bốn người trong cái hầm này. Khi đồng hồ đã quá mười giờ rưỡi, Nam không chịu nổi cái đợi chờ, kéo ba cô gái lên hầm, nói nhỏ:

“Người này nín áo người kia, các cô đi theo tôi. Đi thật nhẹ, yên lặng, không nói năng gì cả.”

Nam đi về hướng căn chòi cũ, thấy đám người trú ẩn trong đó đang rời lều, và đi về hướng biển. Nam dắt ba cô gái đi theo, cách một quãng vừa đủ xa để đề phòng chuyện bắt trắc. Một lúc sau có đèn chớp báo hiệu, một chiếc ghe nhỏ cập bờ, mọi người chạy thật mau xuống thuyền. Nam kéo ba cô chạy theo, đẩy các cô lên thuyền trong lúc đám người đang chen chúc hốt hoảng. Một giọng đàn ông gắt nho nhỏ :

“Bọn bây là ai? ‘Canh me’ hả ?”

Chữ “canh me” là tiếng lóng của dân vượt biên, để chỉ những người đi hôi, không trả tiền, rình lên ghe người khác, rồi nhảy đại lên mà ra khơi.

Một cô chung hầm với Nam trả lời rõ ràng, chắc nịch:

“Tôi là cháu ông chủ tàu. Được đem ra đây chờ mấy hôm nay”

“Ừa, dân Sài gòn, thì đúng rồi.”

Thuyền nhỏ gọi là taxi, chở người ra thuyền lớn gọi là “cá lớn” đậu ở chỗ nước sâu. Nam và cả toán chen nhau leo lên thuyền lớn. Trong thuyền đang nhốn nháo kêu ới ới, cha kêu con, vợ kêu chồng, anh em kêu nhau, rối rít, không ai nhận ra tiếng ai. Nhóm bốn người của Nam nín áo nhau, và chui xuống hầm thuyền, ngồi trong góc. Sau khi ban tổ chức kiểm điểm một cách hốt hoảng, sơ sài, thì hạ lệnh tài công cho thuyền ra khơi. Có tiếng gào lớn:

“Chưa đi được đâu, mấy đứa con của tôi chưa lên tàu.”

“Chưa lên thì ráng chịu, không thể chờ ai được nữa. Có mà đi tù cả đám.”

Thuyền ra khơi, chạy thẳng về hướng đông. Mở máy chạy với vận tốc tối đa. Mong sao thoát ra được hải phận quốc tế. Trưa hôm sau, người ta mới kiểm điểm lại hành khách, dự tính đi sáu mươi sáu người, mà chỉ bốc

được năm mươi mốt . Còn sót lại mười lăm người. Kể mất con, người lạc vợ, lạc chồng.

Hôm sau, có người đến hỏi Nam và các cô gái thuộc nhóm nào, đi do ai giới thiệu, thì một trong hai cô nói:

“Tôi là cháu gọi ông chủ tàu bằng bác ruột”

“Tôi là chủ tàu đây. Cô kêu tôi bằng bác ruột? Lạ quá nhỉ.”

Nam chợt biết mình đã lên lộn chuyến tàu, anh bối rối hỏi:

“Vậy không phải người của ông đem chúng tôi ra, dấu trong hầm kín mấy hôm nay để chờ thuyền đi sao?”

“Không, tổ chức của chúng tôi không giấu ai dưới hầm cả, tất cả đều dấu trong nhà hàng hoàng. Thế là các người đi 'canh me' phải không?”

Cô gái nói với giọng giận, gắt:

“Chúng tôi ở tận Sài gòn, biết thuyền các ông đi lúc nào, mà ra đây chờ đi 'canh me'. Ông nói lạ chưa?”

“Dù sao đi nữa, mấy người đã lên thuyền, mà chưa trả tiền. Thôi, đằng nào cũng lỡ rồi, mỗi người trả cho tôi năm cây là đủ (năm lạng vàng)”

Nam đang bối rối, chưa biết nói sao, vì một khâu vàng anh cũng không có, nói chi đến năm lạng. Cô gái có vẻ giận, nói xẵng giọng :

“Chúng tôi đâu có tiền bây giờ. Nếu ông không chịu, thì xin chờ chúng tôi về lại, thả cho chúng tôi lên bờ đi.”

Ông chủ tàu giận, nói một cách chán nản:

“Nói thế mà cũng mở miệng ra nói được. Không lẽ bây giờ chúng tôi xô các người xuống biển?”

Nam ngại ngần, từ tốn nói:

“Hay là cho chúng tôi nợ. Khi nào đến được bến bờ, chúng tôi gửi thư về cho gia đình, xin thanh toán. Hoặc sau này, có được công việc làm ăn nơi quê người, thì chúng tôi để dành tiền hoàn trả lại”

Ông chủ tàu thất vọng thở dài:

“Hừ, ra quê người, chắc gì đã có đủ cơm nuôi miệng. Mấy mươi năm làm việc mới để dành được năm lạng vàng?”

Nam thấy ông này nói có lý quá. Chưa biết đi đâu, về đâu, có sống được hay không, mà mơ tưởng đến chuyện dành dụm được năm lạng vàng trả nợ.

Thuyền đi về hướng Phi Luật Tân, đi ngày đi đêm. Nước và thức ăn ưu tiên dành cho gia đình chủ tàu và bà con họ. Bốn người trong nhóm Nam vừa đói, vừa khát. Mỗi nứt nẻ. Khi cô bạn gái của Nam bắt đầu mê sảng, cô nói: “Mãi chín xuống bảy, chiếu tướng, phải kéo xe về lót, rồi cũng thua mà thôi...” Nam đau lòng, cuống cuống chạy đi xin nước,

không ai cho. Hai cô đồng hành cũng nằm ngất lịm. Một trong hai cô kia cũng bắt đầu nói lảm nhảm trong cơn mê: “Tự do hay chết, tự do hay chết ...” Giữa cơn thất vọng cùng cực, Nam chợt nhớ có lần đọc được chuyện một người đi thuyền nhỏ, bị dạt qua Thái Bình Dương, hết lương thực, hết nước uống, nhờ câu cá sống mà ăn và thoát hiểm. Nam lần mò tìm được mấy lưới câu trong tàu, xé áo lót làm mồi giả, quăng xuống nước. Chừng một giờ sau, câu được con cá nhỏ. Nam dùng con cá nhỏ làm mồi, câu được mấy con cá lớn, đem cho ba cô gái cùng ăn sống. Nhờ chất nước trong cá, và nhờ có thức ăn vào bụng, cả bốn người bắt đầu tỉnh táo hơn. Hôm sau, cả bốn người khỏe mạnh lại, và tiếp tục câu, ăn cá sống, cầm cự được với cái đói, với cơn khát trong thời gian mấy ngày lênh đênh trên biển cả. Khi thuyền cập bến một hòn đảo nhỏ ở Phi Luật Tân, Nam cùng ba cô lội được lên bờ và quàng vai nhau, mừng khóc, nước mắt tràn đầy. Nam nằm sấp xuống ôm mặt đất mà la lớn:

“Đất tự do, đất tự do. Từ nay chúng ta lại có tự do. Sung sướng quá. Cám ơn Phật, Chúa. Từ nay tôi lại được làm người.”/.

Con Chim Cu Đất

Chuyện kể của ông Nam;

Năm 1966 đó, tôi đang làm việc yên ổn tại Sài gòn, thì gặp nạn. Vì đưa cháu nhỏ bảy tuổi, kêu tôi bằng cậu, yêu cầu dẫn đi xem cạp ở sở thú. Hai cậu cháu đang nhảy nhót vui cười, thì thằng cháu chỉ về phía trước mà nói lớn:

“ Ông Huỳnh Quang, ông xếp của cậu, đang đi tới, đằng trước kia”

Tôi thấy đúng là ông Tổng Giám Đốc của tôi đang đi với một cô gái trẻ. Cô này mặc váy cao, chân thon dài, ngực căng lớn. Hai người đang vui vẻ cười đùa. Bỗng ông Tổng Giám Đốc của tôi kéo cô gái núp vào gốc cây lớn, có lẽ ông sợ tôi thấy. Tôi kéo thằng cháu đi ngoặt qua ngõ khác để tránh cho ông xếp tôi đỡ ngỡ ngàng. Nhưng thằng cháu cứ quay ngoắt lại, đưa tay chỉ vào gốc cây:

“Ông Huỳnh Quang ơi, cháu thấy ông rồi.”

Tôi hốt hoảng, kéo nó lại, và nói lớn như để cho ông Tổng Giám Đốc của tôi nghe, cho ông đỡ ngỡ ngàng:

“ Cháu lầm rồi, không phải ông ấy đâu.”

“Đúng ông ấy mà”

Ông Tổng Giám đốc của tôi có bà vợ đậm khắc ra lửa, dữ nổi tiếng. Ông không tìm được yên ấm bên ‘người em tóc vàng sợi nhỏ’, nên đi lạc hướng lang bang bên ngoài.

Một tuần sau, tôi được sự vụ lệnh chuyển ra miền Trung, về công trường xây cất một khu kỹ nghệ nằm gần miền núi ven Trường Sơn.

Mới ra thấu tỉnh nhỏ, là đã thấy nhớ và tiếc Sài Gòn đến ngẩn ngơ. Xe đón tôi từ phi trường về trụ sở nằm trên đường Độc Lập. Tôi lẩn thẩn bước đi, không cần biết đi đâu, cứ đi bộ mãi cho đến khi ngang qua trường trung học tỉnh lị, và chợt nhớ có mấy người bạn dạy ở đây, định ghé thăm chơi trước khi tôi đáp chuyến tàu hôm sau về khu kỹ nghệ đang xây cất. Chưa đến cổng trường, tôi đã bị một tà áo trắng cuốn hút theo và quên mất ý định thăm bạn. Tôi bị cú sét ái tình giáng xuống bất ngờ, tim đập hỗn loạn như sau mỗi đoạn đường chạy đua. Cô nữ sinh đó, áo trắng, quần trắng, tóc thả ngang vai, tay ôm cặp sách, đôi mắt thăm thẳm huyền bí trên khuôn mặt thon dịu hiền, có dáng dấp của tượng đức mẹ Maria. Tôi nghệt thở, hoa mắt, luống cuống và thấy mình nhỏ lại, như đứa trẻ con khờ khạo, muốn cái gì đó, mà không biết phải làm gì. Tôi đâm ra rụt rè, sợ hãi. Cứ bị cuốn hút theo bước chân của cô nữ sinh. Đi

theo, cách cô một quãng xa xa, không dám đến gần. Trong lòng cũng đầy cả lo sợ, sợ cô ấy biết được tôi đang theo bước. Tôi quay lui khi thấy cô về đến nhà. Tim tôi vẫn còn đập mạnh. Tôi vốn cù lần, xưa nay, trái tim chưa lần biết thổn thức trước nhan sắc và bóng dáng yêu kiều của nữ phái. Đây là lần đầu tiên trong đời thấy lửa lòng bốc cháy ngùn ngụt. Tâm thần thành mụ mẫm, ngẩn ngơ, dại khờ. Bóng dáng của chiếc áo dài trắng trước trường trung học bay phất phơ trong gió làm rộn rã niềm vui trong lòng. Tôi tạm quên nỗi buồn xa Sài gòn, và nghĩ rằng, biết đâu nhờ bị đổi đi xa mà tôi gặp được duyên may trong đời. Thì ra trong cái xui, thường có cái may tiếp đến. Nhưng khi đã biết đến mùi vị ái tình, thì cái thanh thản, thanh thoi trong lòng cũng bắt đầu mất mát rất nhiều. Tôi quyết định, phải làm quen cho được cô gái bằng mọi giá.

Tôi xin sở được nghỉ phép một tuần, để theo đuổi cái bóng hồng đã hấp mất hồn tôi. Ít nhất cũng phải làm quen cho được cô nữ sinh trước khi tôi đi vào miền tây nhận nhiệm sở mới. Sáng hôm sau, tôi lấy hết can đảm, đến trước cổng nhà cô, canh giờ cô đi học. Đi qua đi lại mấy lần, dáo dác như kẻ trộm đạo. Bước chân tôi cũng ngượng ngập xấu hổ, lỏm chỏm, vô duyên. Tôi chưa từng mang mặt mo, không biết xấu hổ, đến chầu chực trước cổng trường nữ, như đám bạn bè cùng

lứa tuổi khi còn là sinh viên. Lần đầu tiên đi canh đường đến trường của một cô gái, tôi tự thấy phẩm giá bị tổn thương rất nhiều, mặt tôi như dày thêm, chai cứng ra. Nhưng tiếng sét ái tình đã chiến thắng được cái rụt rè, tự ái, nhát sợ tiềm ẩn trong tôi. Một buổi canh đường vô ích, tôi không thấy cô nữ sinh ra khỏi nhà đi học. Tôi vội vã đi đến trường, cổng trường đã đóng kín. Tôi thơ thẩn đi lại vài vòng bên ngoài, nhác nhìn vào bên trong và mơ mộng, có lẽ giờ này nàng đang chăm chú nghe thầy giảng bài.

Trở lại trường trước giờ tan học, tôi sợ mấy ông bạn cũ hiện đang là giáo sư bắt gặp. Bây giờ, tôi chưa có nhiều thì giờ để thăm viếng bạn bè. Tôi cũng sợ các bạn hỏi tôi làm gì mà đứng nơi đây, khó trả lời và xấu hổ. Thơ thẩn như một kẻ vô tình. Tim tôi bỗng thót lên khi thấy tà áo trắng và bóng dáng nàng. Đúng rồi, nàng đang cười và nói chuyện với hai cô bạn khác. Cứ thế, tôi từ từ bước theo, tim đập thành thịch, và chợt nhớ ra, tôi chưa có kinh nghiệm làm quen với các cô gái bao giờ. Phải mở đầu ra sao đây? Làm quen giữa đường có sẵn sàng lắm không? Con gái nhà đảng hoàng có ai chịu quen con trai giữa đường? Khi gần đến nhà, bạn bè nàng đã rẽ qua ngõ khác, chỉ còn một mình nàng, tôi hăng hái bước mau cho kịp, định bắt chuyện làm quen. Cổ tôi khô quánh, trí óc

hoang mang, phải nói gì đây? Không lẽ nói “Tôi muốn làm quen với cô”. Sỗ sàng và nhạt nhẽo lắm không? Ai mà chịu nhận làm quen với một người lạ mà họ chưa biết, chưa gặp bao giờ. Hay là bắt chước người Tàu, hỏi cô đã ăn cơm chưa, vô duyên quá, mới đi học về mà hỏi đã ăn cơm chưa, vô lý. Hay là cứ nói thật rằng, tôi mới ở Sài Gòn ra, hôm qua gặp cô đi học về, thấy cô đẹp và duyên dáng quá, hôm nay tôi trở lại muốn làm quen, xin cô đừng sợ, tôi là người làng hoang. Nói thế cũng dài dòng quá, không đủ can đảm để nói cho hết, và có nói cũng ấp a ấp úng, không ai biết nói gì, mà tưởng đâu chọc ghẹo, thêm mất mặt, xấu hổ. Tôi vẫn bước mau tới, và chợt nhớ đến lời nói của một anh bạn cũ: “ Ông vua thua thằng liều”. Đờm tôi chưa liều bao giờ. Bây giờ thì phải liều. Lấy hết can đảm, tôi bước nhanh hơn, định đi ngang hàng, và nói bất cứ câu gì tôi nói được ra khỏi cửa miệng. Có lẽ cô cũng chẳng giết chóc gì tôi, nếu có lỡ lời. Tim đập mạnh, trí óc mù cuồng, tay chân luống cuồng, tôi bước mau. Chân tôi vướng vào một cái rễ cây nhô lên trên lề đường, tôi ngã chồm sấp tới phía trước. Kính văng ra khỏi mắt. Hai đầu gối đau điếng. Hai bàn tay chụp mạnh xuống đất như chụp ếch bà. Có lẽ nghe tiếng tôi ngã mạnh, nàng hốt hoảng quay lại, nhặt cái kính lên, đến đưa cho tôi, trong khi tôi còn đang nằm sấp, chưa dậy

được. Tôi xấu hổ úp mặt xuống, không dám để cô nhìn thấy. Giọng cô thanh tao, ngọt lịm:

“Cái kiếng của bác đây. Bác có sao không?”

“Không ... không sao cả. Bình thường”

Tôi ngã nặng, và đau lắm, nhưng nói dối cho qua chuyện. Có lẽ nghe tôi bảo không can gì, nàng thông thả bước đi. Tôi lặng người, vì nàng kêu tôi bằng bác, tôi đã già đầu mà kêu bằng bác. Tiếng bác đó, làm tôi đau hơn nhiều lần những vết thương đang nhức nhối. Tôi run run cầm lấy cái kiếng, và cài lên mắt. Bao nhiêu dự định làm quen đều tan thành mây khói. Hai đầu gối tôi rách toác, máu chảy đầm dề. Xương đầu gối rêm buốt. Hai bàn tay trầy trụa, máu rướm. Quần áo tôi đầy bụi lấm nhếch nhác. Tôi ngồi bệt bên lề đường, nhăn nhó vì vết đau. Tôi tự rửa mình rằng, đáng kiếp, ai bảo đi theo gái làm chi. Thấy một chú bé đi ngang qua, tôi vọng hỏi:

“Này em. Em có biết chị nữ sinh áo quần trắng, vừa đi vào cái nhà có giàn hoa giấy đỏ đằng kia, tên là gì không?”

“Anh muốn hỏi chị Xuân Mai phải không? Chị ấy con bác Vũ.”

“ Phải, cảm ơn em.”

Tôi móc túi cho chú bé tiền, chú cười lắc đầu không nhận, bảo rằng ba mẹ cấm không cho nhận tiền của ai.

Tôi kêu chiếc xích lô định về khách sạn. Nhưng thấy hai đầu gối sưng tấy lên, lòi cả xương trắng bên trong, tôi nhờ chở đến bệnh viện để xin băng bó, và chích thuốc trừ phong uốn ván. Bị phong uốn ván mà chết, thì nhục lắm, mang tiếng chết vì đi tán gái, nghe không lọt tai. Xấu hổ. Tôi bỏ luôn ý định làm quen cô bé, ngày mai sẽ đến trụ sở, báo cho biết không cần nghỉ phép nữa, và sẽ lấy xe lửa vào nơi làm việc sớm.

Tôi được băng bó xong, đang chống cây gậy cáng nắng, khệnh khạng đi ra cửa, thì gặp một bạn cũ, cùng ở chung cư xá đại học ngày trước. Bây giờ anh đang làm bác sĩ điều trị tại đây. Chúng tôi vui mừng ôm nhau, anh hỏi:

“Ông làm gì nơi đây? Sao mà trầy trụa thương tích thế này?”

“Nói ra xấu hổ lắm ông ơi. Trời phạt tội đi theo gái, nên bắt chụp ếch. Không dập mặt, gãy răng là may lắm rồi.”

Anh bạn mời tôi về nhà. Ngồi trên xe, dọc đường, tôi kể chuyện đi theo cô nữ sinh. Anh không tin tôi đi theo gái. Anh tưởng tôi nói đùa, vì bạn bè biết tính nhau nhiều năm, trong thời còn sinh viên. Tôi nói số nhà, tên đường và tên cô gái, và tả cái giàn hoa giấy đỏ cho anh biết, để chứng minh lời tôi nói là thật. Bỗng anh quành xe lại, quẹo hai ba lần,

đến đứng trước nhà cô nữ sinh, có giàn bông giấy đỏ. Anh dừng lại và hỏi:

“Đúng nhà này không? Nhà bác Vũ làm việc ở khu Hỏa Xa đây. Con nhỏ Xuân Mai, tôi biết, nó còn nhỏ quá mà, mới học Đệ Tam. Thôi ông vào đây tôi giới thiệu cho. Khởi đi theo tán tỉnh, nhọc công mà chưa chắc đã ra cơm cháo gì, lại té u đầu sứt trán.”

Tôi nghe mà hết hồn. Vợ vả đáp:

“Áo quần nhếch nhác, tay chân băng bó, đi cáng nắng như người đau bệnh kín, làm quen trong tình trạng này, xấu hổ lắm. Bây giờ mất đi cái dáng vẻ bên ngoài, mà dung nhan tiều tụy, không có lợi trong buổi gặp gỡ ban đầu. Thôi, ông cho tôi xin khi khác.”

Anh bạn cứ kéo tôi xuống xe, tôi trì lại hốt hoảng. Anh cười:

“Đâu cần cái vỏ bên ngoài. Không là gì cả, mà vẫn yêu thương nhau mới là quý, chứ yêu nhau vì cái bề ngoài, thì .. thì....”

“Ông nói đúng, nhưng cái ấn tượng đầu tiên quan trọng lắm. Cái đó ảnh hưởng rất nhiều về sau”

Không ép tôi được, anh chở tôi về nhà chơi, ở lại ăn cơm tối. Vợ anh bạn nghe tôi bị sét ái tình đánh ngã, chị cười ngất và chế giễu tôi. Chị hứa sẽ xếp đặt với bố mẹ cô Xuân Mai cho “hai trẻ” được gặp nhau và tìm hiểu trong khuôn khổ lễ giáo. Tôi hẹn khi chân bớt đau, đi đứng bớt kỳ dị, sẽ xin gặp. Trong lòng

tôi sung sướng, lâng lâng, cái cảm giác nhẹ nhàng, bay bổng, thứ cảm giác chưa hề có trong đời người. Đó là tình yêu, tình yêu đầu tiên của một người con trai.

Khi vợ chồng anh bạn báo cho biết bố mẹ cô nữ sinh sẵn sàng tiếp tôi, và cho phép cô con gái được tiếp xúc, gặp gỡ tìm hiểu, tôi mừng vui, ca hát luôn miệng. Anh chị bạn đã khen ngợi tôi hết lời, và nói thẳng với cha mẹ cô gái, là tôi bị cú sét ái tình phang trúng.

Ba hôm sau, bước chân của tôi đã bớt đau, nhưng dáng đi còn cứng ngắc như người máy. Tôi hớt tóc sạch sẽ, ăn bận đàng hoàng thanh nhã. Đúng là đi làm rể. Theo anh chị bạn vào nhà cô Xuân Mai. Bố mẹ cô tiếp tôi trong phòng khách. Ông bà hỏi dồn tôi như công an hỏi cung kẻ phạm pháp. Hỏi bố mẹ tôi làm gì, ở đâu, tên gì, nhà có bao nhiêu anh em, người nào làm gì, ở đâu. Hỏi tiếp, tôi đang làm nghề gì, bao nhiêu tuổi, lương bổng bao nhiêu. Những câu hỏi rất riêng tư, vật chất, và nếu không vì cái bóng dáng tà áo trắng thướt tha đang ám mù trong tâm trí, thì tôi chẳng bao giờ trả lời, mà còn cười khinh vào mặt. Khi trả lời, tôi phải khai gian một chút về lương bổng, rút bớt xuống, vì sợ ông bà không tin, và có thể cho rằng tôi khoe khoang khoác lác. Thường ngày thì tôi hiên ngang hùng dũng lắm, không ngán sợ ai cả, thế mà khi ngồi đây, tôi co rúm lại, chịu lép một

bề, khép nép như một đứa bé. Tôi cũng tự ngượng với chính mình, nhưng không chủ động được. Sau khi lý lịch đã được kê khai đầy đủ, ông bà thỏa mãn. Ông tăng hăng giọng và nói vọng vào bên trong:

“Xuân Mai ơi, sao không bụng trà ra mời khách!”

Nghe tiếng dạ nhẹ như hơi gió thoảng từ bên trong vọng ra, tim tôi đánh tưng bừng như muốn vỡ lồng ngực. Tôi cúi xuống, dấu một nụ cười sung sướng thỏa mãn không cầm được. Tôi hồi hộp nghe bước chân nhẹ nhàng từ bên trong đi ra. Tôi chưa dám ngừng lên, cố ý để cho nàng được tự nhiên, và có thể nhìn thấy tôi lâu hơn mà không ngượng ngùng. Tôi nghe tiếng mẹ nàng nói rất tự nhiên :

“Con ngồi xuống ghé bên kia đi. Đây là em Xuân Mai, năm nay mười sáu tuổi. Học giỏi, hiền lành, chăm chỉ.”

Nghe lời giới thiệu, tôi ngừng lên nhìn về phía nàng, định cúi đầu chào theo phép lịch sự và kèm theo một nụ cười tha thiết. Nhưng tôi giật mình, chưng hửng, tối tăm mặt mũi. Bỡ ngỡ như từ cung trăng rơi xuống. Xuân Mai này, không phải là cô nữ sinh áo trắng mà tôi muốn làm quen. Tôi cũng nhóm người dậy chào, nhưng kèm thêm tiếng thở dài áo nảo nhẹ nhàng tự nhiên mà tôi không cố ý. Tôi chột hiều, chú bé ngoài

đường mấy hôm trước tưởng làm, cho sai tên người tôi muốn hỏi. Sau một phút hoang mang, tôi chợt bình tĩnh lại. Trở lại một kẻ sáng suốt, tự nhiên và bình thường. Cô Xuân Mai này, có thể là chị hay em cô nữ sinh của tôi muốn làm quen. Vì không có tình ý gì, nên tôi quan sát cô Xuân Mai một cách tự nhiên. Cô này cũng đẹp, trắng trẻo, nét mặt sắc sảo, và ánh mắt có chút tinh nghịch. Dáng người cô này cao lớn hơn cái cô trong mộng của tôi. Thế thì càng chết cho tôi nữa. Nếu cô này là chị, mới mười sáu tuổi, thì cô em cũng chỉ độ mười bốn mười lăm tuổi là cùng. Lẽ nào đi yêu một đứa bé con chưa sạch mũi nước? Có tội lỗi không. Có xấu hổ lắm không? Không trách chi cô bé gọi tôi bằng bác. Bố mẹ cô Xuân Mai và vợ chồng anh bạn tôi tề nhị rút lui, để cho “đôi trẻ” được tự nhiên nói chuyện. Nhờ không có tình ý gì nên tôi rất bình tĩnh, tự nhiên, xem cô bé như đứa em nhỏ. Rán giữ lịch sự, cho tự ái cô không bị tổn thương, và cũng gắng đừng gây thêm hiểu lầm làm vẩn đục tâm hồn thơ ngây trong trắng. Cô bé học ban văn chương, chúng tôi nói chuyện thơ văn, chuyện học hành, chuyện tiểu thuyết. Có lẽ Xuân Mai cũng chưa biết chi nhiều, lắng nghe nhiều hơn nói. Ánh mắt cô rạng rỡ, chứa chan, làm tôi vui, và cao hứng, đọc cho cô nghe một bài thơ mà tôi ưa thích. Tôi

không ngờ làm thế là vô tình nhóm lửa tình yêu trong lòng cô gái thơ ngây.

Khi Xuân Mai tiễn tôi ra cửa, tôi nhìn chột vào bên trong, thoáng thấy nụ cười, khuôn mặt, và bóng dáng của người tôi mơ, tôi thờ dài và tim đau nhói. Nàng phải ăn thêm mấy chục tạ gạo nữa mới đến tuổi trưởng thành đây? Thôi thì quên đi cho yên chuyện. Tôi có tâm hồn lãng mạn, nhưng không thích thói tình cảm trắng hoa vung vãi. Lần đầu tiên biết yêu, thì như yêu làm chỗ, làm người.

Tôi lấy tàu lửa về ngay nhiệm sở hôm sau, không nấn ná lại làm gì. Vô ích. Mọi sự xem như chuyện tào lao, đại khờ của tuổi trẻ. Những ngày cuối tuần, tôi thường về tỉnh lì chơi, đi thăm bạn bè, rủ nhau đi ăn, đi biển, nghe nhạc. Với gia đình Xuân Mai, tôi không chuồn liền, sợ họ nghĩ xấu cho tôi, và ngại nhất là làm tổn thương đến tự ái mong manh của cô gái đang tuổi học trò. Nên thỉnh thoảng tôi cũng ghé thăm, đem quà cáp tặng hai ông bà bố mẹ cô. Tôi định thưa dần số ngày thăm viếng, cho đến khi biệt luôn mà không ai thắc mắc, giận hờn. Trong lòng tôi, xem Xuân Mai như cô em gái nhỏ, hoàn toàn không có chút tình ý nào. Hình như bố mẹ Xuân Mai cảm được và nghiệm ra cái ý định 'lui binh' của tôi, qua số lần viếng thăm dài dần. Một hôm ông bà khẩn khoản mời tôi ở lại ăn cơm tối, không

từ chối được, tôi nhận lời. Trong bữa ăn, tôi ngồi bên cạnh Xuân Mai, và cô nữ sinh áo trắng mà tôi tương tư ngồi trước mặt. Tôi được giới thiệu rằng, nàng là chị của Xuân Mai, tên Mỹ Dung, đang học năm cuối trung học, sắp thi tú tài phần hai. Nghe thế, mặt tôi nóng bừng, dậy lên niềm vui. Vậy thì ít nhất cô này cũng đã mười tám tuổi, không phải là cô bé con mười bốn mười lăm, để tôi cảm thấy tội lỗi khi yêu. Lửa tình trong tim tôi bùng cháy trở lại, sôi nổi, náo nức như ngọn hoả sơn. Thỉnh thoảng tôi nhìn ngắm Mỹ Dung với ánh mắt si tình rất lộ liễu không dấu được. Xuân Mai vui vẻ, gấp thức ăn lia lịa vào chén tôi, chăm sóc tôi đặc biệt. Tôi không thể chơi trò gian lận, xin được giới thiệu cô em, mà lại mê mẩn cô chị. Ngồi trước mặt Mỹ Dung, cái ba hoa, cái tự nhiên của tôi bay biến đâu mất, tôi thành một gã vụng về, khù khờ, lúng túng. Không biết nói một câu gì để làm vừa lòng Mỹ Dung. Hình như Mỹ Dung cũng nhận ra cái vẻ khác thường của tôi, cái nhìn của nàng cũng lạ lắm, bí hiểm.

Tôi bị vướng vào cái thế kẹt không gỡ ra được. Không thể làm cái trò bỉ ổi sẵn đón cô chị, bỏ rơi cô em. Ai mà chấp nhận, chính tôi cũng không chấp nhận cho mình làm việc tởm tợ. Mà cả gia đình, ông bà Vũ và hai chị em cô, cũng không ai muốn, và dù có muốn, cũng không ai chịu. Trong cái tình thế khó xử

tuyệt vọng đó, đáng ra tôi phải sáng suốt, để dứt khoát, sớm tránh xa hai chị em cô Xuân Mai, Mỹ Dung ra. Nhưng tình yêu như một kẻ hướng đạo mù, dẫn dắt cả những người sáng suốt nhất đi vào mê trận. Đúng là bị quỷ ám, tôi càng thường xuyên thăm viếng hai chị em Mỹ Dung, Xuân Mai nhiều hơn. Tặng quà đồng đều cho cả hai chị em, nào sách, truyện, nhạc, viết máy, đồng hồ, vài món trang sức nhỏ. Trong lòng tôi vui, thấy yêu đời. Tôi xem Mỹ Dung như một thần tượng thanh khiết, cao quý để tôn thờ, không phải như một người trần thế tục lụy để ước mơ gần gũi, vuốt tóc, nắm tay. Tôn thờ thì cứ dấu kín trong lòng, đâu cần kẻ được tôn thờ biết, cứ đứng xa mà nhìn cũng đã thỏa nguyện. Với Xuân Mai, tôi xem nàng như một người em gái, dịu dàng yêu thương, không bị vẩn đục bởi tình yêu trai gái.

Anh bạn bác sĩ bảo rằng, tôi tự lừa dối tôi, để tôn thờ cái tình yêu dang hiến cho cô Mỹ Dung. Tình yêu tôi cũng là thứ tình do vật chất tạo nên, không phải tinh thần, chẳng có thanh khiết chi cả. Bởi nếu cô Mỹ Dung không có cái nhan sắc đó, không có cái thể xác đẹp đẽ đó, thì liệu tôi có đưa cô lên thần tượng để tôn thờ hay không. Nghe thì có lý, nhưng tôi vẫn cứ tôn thờ cái mối tình thiêng liêng lãng mạn trong tôi.

Tôi thường mượn xe của cơ quan chở hai chị em Mỹ Dung đi chơi, đi ăn. Khi thì đi chơi miền núi, khi ra biển, khi vào tỉnh lỵ Hội An ăn cao lầu. Có khi chạy xe ra đến phía bắc đèo Hải Vân ăn cháo sò huyết. Mỗi lần đi ra ngoài, đều có Mỹ Dung đi theo, để canh giữ cô em. Có lẽ, nếu không có Mỹ Dung đi theo, thì tôi cũng không có hứng khởi để đi chơi riêng với Xuân Mai. Một hôm, chở hai chị em trở về từ Huế, buổi chiều chúng tôi ghé lại một quán nước bên đường, để ngắm bãi cát trắng phơi mình, chạy dài, và nói chuyện thơ văn mơ mộng. Ngồi uống nước dựa trên cái bàn thấp. Bụng Xuân Mai sôi sục vang tiếng rột rạt ồn ào. Tiếng sôi bụng liên tiếp không ngừng. Tôi sợ nàng ngượng, nhìn lơ ra phía xa xăm, như đang mãi mê ngắm đám mây chớ nơi chân trời. Tiếp theo sau đó, là nhiều tràng xì hơi thành tiếng rin rít rất lộ liễu. Mặt Xuân Mai đỏ bừng vì xấu hổ. Mỹ Dung luống cuống rất tội nghiệp. Tôi lấy cái chìa khoá xe cạo xuống mặt bàn, tạo thành tiếng kêu, để đánh lảng cái âm thanh không mấy lịch sự trước đây. Mùi hôi nồng nặc bốc lên đến ngạt thở. Cả hai chị em cố làm ra vẻ bình thường, mà mũi của họ cũng hơi chun lại. Tôi làm như không biết gì cả, nhin thờ. Dù đã ngồi nghiêng mông trên ghế, mà Xuân Mai tạo thêm mấy loạt xì hơi réo rất nữa. Bây giờ thì không thể dấu diếm, đánh trống lảng được nữa. Nhìn cái mặt xanh

mét của Xuân Mai, nàng đang cố cầm giữ chống chọi với cơn đau bụng, tôi dịu dàng, giả vờ nói:

“Anh cũng đau bụng lắm, chịu hết nổi nữa rồi. Thôi, chúng ta về mau. Ở đây dân chúng phóng uế ngoài bãi, không có nhà cầu.”

Tôi ra xe nổ máy, Xuân Mai vịn tay Mỹ Dung đi từng bước, rất khó nhọc. Xe đang chạy. Xuân Mai hít hà, và thét lên:

“Anh kiểm gấp cho em một bụi cây, và dừng xe lại”

Khi đến một nơi khá vắng vẻ, có mấy lùm cây, tôi dừng xe lại. Xuân Mai bỗng rùng mình, ôm bụng và nói hỏn hển như người chết đang trời trần:

“Không kịp nữa rồi.”

Nàng cúi xuống, ôm đầu khóc nức nở. Mùi hôi xông lên nồng nặc. Mỹ Dung thở dài và rơm rớm nước mắt theo cô em. Tôi an ủi:

“Không có gì quan trọng cả. Ai mà không có lúc đau ốm bất thần. Tất cả cũng lỗi tại anh, cho các cô ăn những món thiếu vệ sinh trên đường đi. Đừng bận tâm, về nhà thì xong cả.”

Tôi mở máy xe, tăng tốc độ, chạy nhanh, mong sớm về đến nhà. Xuân Mai vẫn cong người lại, quằn quại vật vã chống trả với cơn đau bụng.

Tôi dừng xe lại bên đường, rút cái nón vải rộng vành trao cho Xuân Mai và dịu dàng nói:

" Em đừng ngại, lột cái nón này xuống ghé ngồi, rồi không cần nín nữa, cứ tự do xả ra cho đỡ khổ."

Xuân Mai tuân lời, và tôi nghe tiếng kêu phành phạch trên ghế ngồi của nàng. Mùi hôi hám càng bốc xông nồng. Vẻ mặt của Xuân Mai dần dần bớt nhẩn nhó xanh xao, có sắc tươi trở lại rất mau. Tôi chuyển cần, sang số lái xe đi với tốc độ vừa phải, không gấp gáp nữa. Đưa hai chị em về đến nhà. Xuân Mai đi cà nhắc, khệnh khạng, cẳng nắng, vạt áo dài và quần trắng ướt nhẹp, hoen ố màu sắc vàng pha đen dơ dáy, trông thật tội nghiệp. Nàng vừa đi, vừa rên rỉ khóc lóc. Không còn một chút nào của hình dáng giai nhân mỹ lệ yêu kiều. Tôi đi rửa xe, khó nhọc lắm cũng không khử hết được mùi hôi trên ghế..

Buổi tối, sau khi ăn xong, tôi đến hỏi thăm sức khỏe của Xuân Mai và đem cho nàng mấy đóa hoa hồng kèm phong kẹo sô-cô-la. Nàng xấu hổ, vẫn không dám ra tiếp tôi. Mỹ Dung cho tôi biết Xuân Mai đã khỏe mạnh, không hề gì. Từ ngày đó, Xuân Mai tránh mặt tôi, dù tôi có nhiều lần nhắn lời an ủi. Thêm hai lần, tôi đến nhà thăm, Xuân Mai vẫn không dám gặp tôi, mà Mỹ Dung cũng chỉ ra rót nước mời, chào hỏi xong cũng rút lui về

phía sau. Ngồi một mình, tôi chán nản ra về. Buổi đi chơi xa gặp chuyện không may đó, đã chấm dứt mối liên hệ của tôi với hai chị em nhà này. Tôi buồn, nhưng nghĩ rằng, e cũng là một giải quyết tốt đẹp cho tôi, để thoát ra khỏi cái vòng oan trái của mối tình không lối thoát.

Hơn một năm lẫn lóc trên công trường xây dựng đầy nắng gió, bụi bặm, tôi được gọi về lại Sài Gòn. Tình cờ, tôi gặp Mỹ Dung tại phi trường, nàng cũng đi cùng một chuyến bay, vào Sài Gòn học đại học. Tôi nhờ cô tiếp viên dàn xếp cho chúng tôi được ngồi gần nhau. Thì ra tình yêu trong lòng tôi vẫn chưa nguôi ngoai chút nào, chỉ chờ dịp là bùng sống dậy.

Mỹ Dung vui mừng rồi tí, ánh mắt, nụ cười nàng chan chứa dịu dàng thân thiết. Có khi tôi nhắm mắt lại, tận hưởng cái hạnh phúc suốt mấy giờ bay, ngồi bên cái nhan sắc mà tôi ngưỡng mộ si mê. Mong sao máy bay bay mãi, đừng bao giờ đáp xuống. Và nếu có tai nạn, chết bên nhau, tôi cũng sung sướng, bằng lòng. Được chết chung một nắm mồ, lẫn mạn biết bao. Cái nhan sắc mà tôi tôn thờ như thần thánh, làm tôi thành mù quáng u mê, quên cả mọi thứ khôn ngoan cần thiết. Câu chuyện hàn huyên giữa chúng tôi sôi nổi. Tôi chìm đắm trong tiếng nói ngọt ngào, lâng lâng trong ánh mắt, nụ cười duyên dáng của

Mỹ Dung. Với tôi, như thế này đã là hạnh phúc dạt dào, tột đỉnh của tình yêu. Tình yêu lý tưởng, trong trắng thanh khiết, hiền dâng một chiều.

Mỹ Dung trọ học, ở cư xá nữ sinh viên. Mỗi chủ nhật, tôi đến thăm, đưa nàng đi ăn, đi xem chiếu bóng, và đưa về Thủ Đức, Lái Thiêu chơi. Thỉnh thoảng, cùng nhau đi phòng trà nghe các ca sĩ thời danh hát. Mỹ Dung và tôi xoắn xít bên nhau, tôi sống trong hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu âm thầm, chưa tuyên bố công khai đó. Tôi ngại, không dám nói ra sự thực về tình yêu đã hiển nhiên, vì sợ mất mát. Mỹ Dung thì cũng không dám mở lời. Chúng tôi tránh, không bao giờ nhắc đến tên cô em Xuân Mai. Có lần, ngồi trong quán ăn, nghe bản nhạc tiếng Pháp nhẹ nhẹ ru đưa, lời nhạc vang vang: " Anh là của em, em là của anh, chúng ta có nhau trong cuộc đời này..." Mỹ Dung nhìn thẳng vào tôi với ánh mắt đầy nhấn nhủ, ý nghĩa, và cười duyên dáng thắm thiết trên môi. Tôi choáng ngợp trong ánh mắt đó.

Một ngày chủ Nhật, tôi đưa Mỹ Dung đi ăn nem nướng ở Thủ Đức về, vòng qua ngã cầu Bình Lợi, vì uống nhiều nước, tôi dừng xe lại bên rừng cao su, vào một bụi cây phía trong xả nước thừa. Mỹ Dung ngồi đợi tôi trong xe. Khi tôi đi ra, nghe có tiếng sột soạt

từ một bụi cây thấp. Mỹ Dung nhìn tôi và nói rất tự nhiên:

"Con chim gì mà xấu xí quá, móc meo xơ xác!"

Tôi nghe mà ngạc nhiên, đéng hồn. Tưởng tai nghe lầm. Lẽ nào nàng đã thấy cái kín đáo của tôi, và chê? Sao Mỹ Dung có thể phát ra một câu trần tục, thiếu tế nhị vậy? Đàn ông còn chưa chê nhau như thế. Giữa trai gái, dù thân thiết đến đâu, cũng không thể đem cái đó ra mà cười đùa. Tôi liếc nhìn Mỹ Dung, trên mặt nàng không có nét đùa giỡn. Tôi giận sôi sục, không nói, gầm gầm lái xe đi trong im lặng. Có thể chê bất cứ chuyện gì, tôi đều bỏ qua, nhưng không thể chê cái đó. Làm sao biết được đẹp xấu mà so sánh, để chê khen? Đã thấy của ai, bao nhiêu người, bao nhiêu lần rồi? Thần tượng sụp đổ trong tôi. Lẽ nào trong cái đầu duyên dáng mỹ miều kia lại chứa đựng toàn cả những điều trần tục xấu xa tầm thường nhất đó? Lòng tôi đau như cắt. Chết điếng. Đau không phải vì bị chê bai, mà đau vì thần tượng sụp đổ. Trên đường về, mặt tôi đanh cứng lại, im lặng hoàn toàn, và mồm khinh khi mọc rể dài dần trong tôi. Trả Mỹ Dung về lại cư xá, tôi lạnh lùng lái xe đi. Cuộc tình chấm dứt từ đó.

Nhiều năm sau, tôi mới biết sự thực. Ngày đó, trong khi tôi vào rừng cao su tiểu tiện, thì Mỹ Dung thấy con chim cu đất trong

bụi cây, một loại chim lông xám mốc meo xấu xí. Khi tôi đi ra, nàng phê bình về con chim trời, mà tôi tưởng nàng chê tôi. Khi biết chuyện, thì mọi sự đã lỡ làng. Giá như ngày đó, đừng quá lý tưởng về tình yêu, mà biết nói đùa một câu rằng, em thấy con chim nào, của ai, không xấu xí, chỉ cho anh xem với, thì có lẽ mọi sự đã đổi khác.

Chuyện con chim cu đất ngày xưa, làm tôi có định kiến với tất cả mọi động vật có cánh lông vũ. Có lần đi cùng gia đình người bạn, ghé thăm một người bà con. Mới vào cửa, con chim két đã cất tiếng chào, và hót líu lo, ồn ào trong chiếc lồng, chị vợ bạn tôi nói lớn:

"Con chim của ông xã chị sao hùng dũng, màu mè đẹp quá. Con chim của nhà em ủ rũ, lông lá xác xơ, trông thật tội nghiệp"

Tôi cất tiếng cười to, làm chị giật mình, đỏ mặt xấu hổ, và phát tôi một cái đau đینگ trên vai. Tim tôi bỗng đau nhói, thương tiếc mối tình xưa của tà áo trắng trước cổng trường trung học tỉnh lị . /.

Thuyền Đậu Bến Nước Trong

Mỗi khuya, khi bà Ba thức giấc và nhớ câu chuyện trong mơ, bà thường đánh thức chồng dậy kể cho ông nghe. Những câu chuyện không đầu, không đuôi nhạt phèo. Ông chồng bà nửa thức nửa ngủ, chẳng biết có hiểu câu chuyện hay không, cũng khen vui, rồi hôn lên má bà, và ngáy tiếp. Buổi sáng thức dậy, nếu còn nhớ câu chuyện, ông cũng nhắc lại cho bà vui. Những đêm trời mưa to gió lớn, bà Ba ngủ không được thức giấc dậy lúc nửa khuya, bà lay ông dậy:

“Anh ơi, mưa gió lớn quá làm em sợ, anh thức dậy với em đi.”

Ông chồng nắm tay bà, bảo không có gì mà sợ ông Tây say nào cả, và ông thức dậy, hai vợ chồng thì thầm nói chuyện trong đêm, lâu lâu cười rinh rích trong khi bên ngoài giông tố ầm ầm. Chuyện trời đất, chuyện vu vơ, chuyện con chó nhà hàng xóm bị gãy chân, chuyện ông tổng thống bị bêu rếu vì dè dặt, chuyện không đầu vào đâu cả. Thế mà có khi nói chuyện đến gần sáng và thức dậy đi làm luôn. Những lúc này, bà Ba bảo chồng :

“Anh là người sướng nhất trần gian đấy nhé.”

Ông chồng đáp lại:

“Còn em thì là người khổ nhất đó!”.

Rồi hai vợ chồng cùng cười. Bình thường, thì khi chuông đồng hồ đánh thức reo rộn rã, ông chồng bà rửa mặt, rồi bắt đầu kể bà nghe một chuyện tiểu lâm, cho bà vui cười, ông bảo rằng, thức giấc điểm tâm bằng một nụ cười, thì suốt ngày sẽ thấy vui, hăng hái và yêu đời hơn. Không biết ông đọc chuyện tiểu lâm ở đâu mà nhớ nhiều, để mỗi sáng kể một chuyện vui khác nhau, đãi bà điểm tâm bằng một nụ cười. Trước khi rời giường, ông hôn bà, và nói một câu mà bà không bao giờ nghe nhàm tai:

“Anh thương em nhiều lắm, em dễ thương, hiền lành và dịu dàng lắm lắm...”

Bà Ba nghe mà sung sướng và thấy yêu đời khoan khoái. Vì được chồng khen là hiền lành và dịu dàng mà nhiều khi, trong những cơn nóng giận, bà cũng không dám nổi cơn tam bành, ăn nói hồ đồ hay làm điều dữ dằn cho thỏa cái sân si. Bà cố kìm cơn giận để khỏi hung hăng làm điều “không dịu dàng, thiếu hiền lành”, để mỗi sáng còn được nghe chồng khen ngợi. Tuy nhiên, cũng có nhiều lúc không tự kiềm chế nổi, bà nổi cơn hung hăng, gào thét. Ông chồng bà nghe lời nói chướng tai, và nhìn thấy cái dáng điệu không

mấy dịu dàng của bà, ông không nổi giận cãi vã, để đổ thêm dầu vào lửa, mà ông cười nhẹ nhàng nói :

“Ơ kìa, sao vợ hiền của anh hôm nay không như mọi ngày , em nổi giận trông không đẹp bằng bình thường.”

Bà Ba chợt thấy mình dữ dằn quá, dịu dàng nói với chồng :

“Em xin lỗi, không dằn được cơn nóng nảy, anh đừng buồn nghe anh.”

Ông chồng ôm bà thật chặt trong vòng tay, và thì thầm :

“Con người mà em, ai cũng có lúc mất bình tĩnh, em của anh khi nào cũng khôn ngoan, dịu dàng cả.”

Bà Ba thầm cảm ơn chồng, vì nếu ông cũng nổi giận vì những lời nói thiếu lễ độ của bà, thì hai bên sẽ cãi nhau, gây gổ, giận hờn nhau, từ đó chuyện không ra gì mà có thể xé thành to.

Trong những bữa ăn, ông luôn luôn khen bà nấu ngon, dù nghe mãi, nhưng bà vẫn vui tai. Câu nói mà bà thích nhất là “Đối với anh, thì không có tiệm ăn nào nấu ngon bằng tiệm nhà này cả.” Dù có thật hay không, bà Ba vẫn thích thú nghe câu đó. Có những lúc bà nấu hư, món ăn phải nói là dở, bà băn khoăn hỏi chồng, thì ông thường trả lời :

“Nấu được như thế này là tốt lắm rồi, không ngon lắm, nhưng cũng ngon chứ không đến nỗi nào.”

Rồi chồng bà ăn thật nhiều cái món dở đó, cho bà đừng áy náy, cho bà vui. Bây giờ, nhờ tuổi tác, hai cái má bà Ba đã sỗ sũa, phính ra, bề ngang khuôn mặt lần lượt chiều dài, nhiều nếp gấp hằn sâu, và cái cằm nhiều lớp dợn sóng, như có đến ba bốn cái cằm nối nhau lớp lớp. Vòng bụng lớn lấn át vòng ngực, và đôi mông thì bành trướng hỗn loạn. Nhưng bà vẫn là người em bé bỏng, người đẹp trong lòng ông. Ông bảo bà vẫn đẹp, và ông thấy nét đẹp riêng, đầy đặn, phúc hậu, và ông so sánh với nét đẹp trong các bức họa danh tiếng của thế kỷ trước, đàn bà ai cũng có da có thịt nhiều, mồm mĩm, đầy đặn. Những khi bà than là mập quá, ông an ủi bà rằng, so với các bà Nam Mỹ, các bà Mỹ gốc Phi Châu, thì thân thể của bà là quá thanh cảnh, là lý tưởng, là mơ ước của các bà kia. Ông nói rằng, chỉ có ông thấy bà đẹp là đủ rồi, mỗi người có một nhãn quan khác nhau, cái mà người này cho là đẹp thì chưa chắc là đẹp đối với người kia. Chắc gì loài heo thấy cái mặt ngắn ngắn, cái mũi nhỏ xíu của loài người là đẹp, cái khuôn mặt tuyệt sắc chim sa cá lặn của loài heo phải dài thông, mũi loe nhỏ dãi, răng chìa dài ra. Nghe vậy bà cũng

yên tâm, bớt khó chịu với cái thân thể xô xề của bà.

Những khi buồn bực vì những chuyện khó khăn rắc rối tại sở, về nhà bà kể cho chồng nghe, khi nào ông cũng đứng về phía bà, bênh vực ý kiến của bà, và cho là bà đúng, tán thành và ủng hộ lập trường của bà. Sau đó, ông mới tìm hiểu cách giải quyết vấn đề của bà, và cho bà thêm ý kiến, khéo léo vạch cho bà thấy những lợi, hại của sự việc, nói cho bà nghe cái đúng của người khác. Ông không bao giờ nói là bà sai, chỉ nói là đúng một phần, và còn phần khác cũng đúng, mà bà nên nghĩ thêm đến phần này. Nhiều lần bà bực mình vì bị hà hiếp quá đáng trong sở làm, về nhà bà khóc. Ông dịu dàng khuyên bà rằng:

“Vẫn biết gánh nặng nhất mà mỗi người mang xuống cuộc đời là lòng nhẩn nhục, nhưng khi thấy đời sống mất hạnh phúc, thì thôi, bỏ hết. Em nghỉ việc ở nhà cho khỏe. Mình tiện tặn lại một chút, cũng đủ sống. Em có thể ghi tên vào đại học cộng đồng học vẽ tranh, nắn tượng, chơi đàn, thong dong, khi rảnh rang thì đi thư viện, chăm sóc nhiều hơn cho việc học của con cái. Rồi vẽ tranh cho anh thưởng thức, đánh đàn cho anh nghe, không chừng sáng tác vài bản nhạc cho thiên hạ hát chơi.”

Nghe thế, lòng bà Ba dịu lại và bớt tủi thân, bớt bất bình. Mỗi khi đi phỏng vấn xin công việc mới, ông đưa bà đi, ngồi ngoài chờ đợi, và dặn bà rằng:

“Em cứ bình tĩnh, không việc gì mà bối rối, căng thẳng. Em cứ nói thăm rằng, bà cóc cần chúng mày, được thì tốt, không thì thôi, bà cũng đã đủ ăn rồi, và cứ xem như ‘pha’ những kẻ phỏng vấn, xem họ như con cháu trong nhà mình, thì có được bình tĩnh để mà đối đáp.”.

Thế là bà có dư bình tĩnh, và không xem việc đi phỏng vấn tìm việc là quá quan trọng, quá căng thẳng, cho nên ăn nói song suốt, đối đáp dễ dàng.

Trong gia đình bà Ba có một cậu em hay nói chuyện khoác lác, tự đề cao mình, và nhiều người gán cho cậu biệt danh là “một tác thấu trời”, nhưng tính nào tật đó, không bao giờ bỏ được. Những lúc cậu đến nhà, kể chuyện huyền thiên trời đất, bà Ba thấy chồng lắng tai nghe, gật gù tán thưởng và vui vẻ góp thêm lời bàn xuôi theo ông em, bà ức lắm, và thường lật mặt cậu em về tội dóc lác. Khi cậu em về rồi, ông thường nói với bà:

“Lật mặt người ta làm chi cho họ buồn, họ cũng biết là họ đang nói dóc, khó ai tin, nhưng mình cứ xuôi tai nghe, cho người ta có được một phút vui. Cũng như đãi người ta một niềm vui trong ngày, mình không mất gì

cả, mà người khác thỏa dạ, sao có dịp được làm phước mà không làm?”.

Cái lối mua vui không tốn tiền cho người khác của ông chồng bà Ba, đã giúp ông được cảm tình của nhiều người, và có kẻ đặt cho ông biệt hiệu là 'ông Ba phải', chồng bà vui với cái biệt danh đó, vì ông cho rằng, 'ba phải' là biểu lộ tính dân chủ, vì tôn trọng ý người khác, và thấy được một phần đúng trong cái trái ý với mình. Bà chưa hề nghe chồng tranh cãi, cố hơn thua lời nói, hơn thua phải trái với ai. Những khi nghe lời nói, nghe ý kiến quá chói tai, ông chỉ cười nhẹ nhàng :

“Ừ, thì đây cũng là một ý kiến mới lạ”.

Ông chồng bà quan niệm rằng, thắng lý trong một cuộc tranh luận, là thua trong tình cảm, mà ông quý cái tình cảm, quý mối giao hảo với bà con bạn bè hơn là cái thắng, thua trong tranh luận. Trong những buổi tiệc tùng họp mặt, chồng bà Ba thường tiếp đãi những người yếu kém, nghèo khổ, cô đơn một cách niềm nở, tử tế, nồng hậu hơn hơn những người khác. Để họ được vui, an ủi hơn, và thấy họ cũng được chú trọng, được đối xử tử tế như mọi người. Khi cô con gái của bà Ba tiếp đãi bạn bè, chồng bà thường đến nói chuyện với những đứa con gái xấu xí, khuyến khích nó tham gia cuộc vui, và nói nhiều câu làm cho nó vui lòng mà quên đi cái mặc cảm nhan sắc thua sút, và thường nói cho nó nghe

rằng, nét đẹp trong tâm hồn quý hơn nét đẹp ngoại hình, vì cái đẹp tâm hồn không bao giờ tàn phai như cái đẹp thể chất, vả lại, không có cô gái nào là xấu cả, đôi khi xấu với người này, nhưng là tuyệt sắc đối với người khác, quan niệm về cái đẹp không có tiêu chuẩn nào cả. Nghe những lời đó, những đứa con gái thiếu nhan sắc thêm tự tin, yêu đời hơn. Bà Ba nghe bạn bè kể rằng, cái thời ông chồng bà chưa lập gia đình, mỗi khi ra đường, thấy một đoàn con gái đi chung với nhau, thì ông luôn luôn nhìn và như chiêm ngưỡng người con gái xấu nhất trong đám. Ông nghĩ là ông đã làm một chuyện tốt trong ngày, đem lại nguồn vui cho một người không quen biết.

Cái thú vui nhất của bà Ba là đi dạo nhìn hàng hóa trong các khu thương mại, bà đi la cà hàng giờ, ông chồng chịu khó đi theo từ nơi này qua nơi khác, và dù ông không thích mua gì cả, ông cũng bàn tán và góp ý. Món nào bà thích và chọn, thì ông sẵn sàng khen theo. Đôi khi bà chọn những cái áo sặc sỡ quá, hỏi ý ông, không chê mà ông chỉ khôi hài :

“Hay là em mua thêm cho anh một bộ tương tự, rồi hai vợ chồng mình lập gánh hát bội, mang vào chầu hợp lắm”.

Tuy ông không thích xem những phim truyện tình cảm sướt mướt, nhưng luôn luôn thuê về cho bà cùng xem, cùng bàn tán vui vẻ.

Bà cũng tìm cách chịu chồng, ngồi bên cạnh, xem những trận đấu thể thao, mà bà chẳng hiểu gì cả. Bà cố nhớ tên vài cầu thủ nổi tiếng để thỉnh thoảng bàn góp với ông chồng cho vui. Hai ông bà cố hòa hợp, hòa đồng sở thích, và mỗi người biết tự hy sinh một phần sở thích, một phần ý kiến riêng mình, để cùng tạo hạnh phúc chung. Nhờ đó mà gia đình luôn luôn tìm được hòa thuận, ấm cúng.

Mỗi lần ông chồng muốn bà Ba làm việc gì, thì ông lịch sự nói : “

“Em ơi, em có thể giúp anh chuyện này được không?” hay: “Không biết em có vui lòng giúp anh làm việc này hay không?” hoặc “Nếu em giúp anh làm việc này thì anh vui lắm”.

Nhiều người tưởng là ông chồng bà Ba khách sáo, hay là thuộc loại râu quạp sợ vợ, không dám sai bảo vợ. Nhưng chồng bà thì nghĩ khác, ông cho rằng lời nói nhẹ nhàng làm người nghe vui lòng, và có hiệu quả hơn là ra lệnh, dù cho là vợ chồng, cha mẹ, anh em. Thời còn sống ở nhà, bà quen nghe cha mẹ ra lệnh cho nhau, cho nên thời mới lấy chồng, bà cũng theo lối nói đó mà đối xử với ông. Chồng bà chỉ nhẹ nhàng khuyên bà nên nói cách khác cho người nghe vui tai hơn và dễ chấp nhận hơn. Dần dà, bà học được cách nói nhẹ nhàng có hiệu quả của ông, làm người nghe dù đang bận rộn, cũng ráng cố gắng giúp. Khi ông chồng được bà giúp làm

việc gì, thì ông không quên cảm ơn bà, và nếu bà làm tốt, thì ông không tiếc lời khen ngợi. Ông nói rằng, tại sao người ngoài thì mình lịch sự được, mà với người thân trong nhà thì lại quên mất phép lịch sự tối thiểu, vì ai cũng muốn nghe lời cảm ơn, lời khen của người khác.

Một lần, bà hấp tấp mua chứng khoán, vì nghĩ sẽ lời gấp đôi, gấp ba sau khi giá của nó đã xuống đến mức tối thiểu, bà tung nhiều tiền ra mua. Nhưng không ngờ mất hết cả vốn để dành. Phần thì tiếc, phần thì sợ ông la rầy, mà thật sự thì xưa nay ông chưa bao giờ nặng lời với bà, vì vậy nên bà càng sợ hơn. Bà dẫu biết không dám nói ra. Nhiều tháng sau, không dẫu được nữa, bà phải nói thật. Ông không giận bà đã tự tiện hành động để mất tiền dành dụm. Ông chỉ nhẹ nhàng nói :

“Thôi mất thì thôi, đừng buồn, tiền của thì còn làm ra. Tiền bạc là phương tiện để mua hạnh phúc. Mà chúng ta cũng đã đủ sống. Đừng vì mất tiền mà mất thêm hạnh phúc nữa, uống lắm.”

Về sau, bà Ba mới biết rằng, ông chồng bà đã biết việc thua chứng khoán từ lâu, nhưng ông không nói ra, làm như không hề hay biết, vì theo ông, thì việc đã lỡ rồi, không làm sao mà lấy lại được nữa. Thôi thì cứ quên đi cho khỏe.

Khi người cô của bà Ba hỏi vay mượn tiền để kinh doanh, đề nghị trả lãi suất cao hơn ngân hàng, bà bàn với chồng. Ông nói :

“Thôi, mình đâu có thiếu tiền, ham tiền để lấy lãi suất cao hơn ngân hàng. Có nhiều điều bất tiện, thứ nhất là lấy lãi suất cắt cổ, thì lòng mình không yên ổn, mà người mượn, thì sau này sẽ oán mình mãi, và nghĩ rằng mình xấu, dù cho cái lãi suất cao đó chính họ đề nghị. Điều quan trọng hơn hết, là bất cứ bà con hay bạn bè, khi có dính đến tiền bạc, nợ nần, thì dễ mất nhau lắm.”

Nhưng người cô cứ kỳ kèo, năn nỉ khẩn khoản lắm, bảo là nếu không giúp, thì sẽ mất đi một cơ hội làm ăn, mà cơ hội tốt thì khó trở lại, và hứa chắc là khi nào bà Ba cần tiền, thì chỉ báo trước trong vòng một tuần lễ thôi, bà cô sẽ đem trả lại ngay. Không từ chối được, bà Ba phải cho mượn, chồng bà ra một điều kiện tiên quyết, là chỉ lấy lời bằng lãi suất của ngân hàng thôi, để không bên nào chịu thiệt thòi. Ông hỏi bà rằng, nếu bà cô làm ăn thất bại, thì lấy tiền đâu mà trả lại? Bà Ba trả lời là, làm sao mà thất bại được, ai cũng phải rán làm ăn cho thành công chứ không lẽ để mất tiền sao. Dù ngoài ý muốn, nhưng khi giao tiền cho hai vợ chồng người cô, thì ông chồng bà Ba vẫn vui vẻ, niềm nở, trong lúc đó, bà Ba làm mặt nặng nề khó chịu. Ông nói với bà Ba rằng, thì đằng nào cũng phải cho mượn, mình

có khó chịu, gay gắt với người ta, cũng không được gì, mà có khi làm người ta thêm oán giận, mình thêm bức bối. Cứ vui đi, không cho mượn thì thôi, cho mượn thì phải vui, để cho cả hai bên đều cảm thấy sung sướng.

Người cô của bà Ba sang một tiệm ăn, và làm ăn không khá lắm. Hai năm sau, ông bà Ba cần tiền mua nhà, họ đến xin bà cô trả lại. Người cô cứ hẹn lui mãi, và cuối cùng bà nói rằng, khi nào bán được tiệm thì mới trả tiền. Bà Ba giận lắm, muốn gây gỗ. Ông chồng can rằng, có gây gỗ cũng không được hoàn trả tiền lại, mà thêm mất tình bà con. Mỗi khi vô tình gặp người cô, thì bà Ba làm mặt lạnh và giận, trong lúc ông Ba vẫn tử tế vồn vã hỏi thăm, vì ông cho rằng tình trạng đã xấu, thì không nên làm cho xấu thêm. Không lâu sau đó, người cô khai vỡ nợ, dẹp tiệm. Bà Ba ức lắm. Bà muốn nộp đơn kiện ra tòa, ông chồng can rằng, bà cô đã khai vỡ nợ, có kiện ra tòa cũng huề, không đòi lại tiền được, vả lại không có bằng chứng chi rõ ràng về nợ nần, vì chỉ nói miệng thôi. Ông chồng khuyên bà nên bỏ giận làm vui, tử tế với người cô, an ủi bà này, vì đâu có ai muốn làm ăn thất bại. Bà Ba nghe lời chồng, đi lại vui vẻ, còn giúp đỡ thêm cho người cô những khi gặp khó khăn. Nhờ vậy mà nhiều năm sau, khi đã qua cơn hoạn nạn, người cô nhớ lòng tốt của bà Ba, trả dần nợ cũ cho đến hết.

Bà Ba có một người bà con nát rượu, công ăn việc làm khi có khi không, ông này luôn luôn túng thiếu và vay mượn mà không bao giờ trả. Nhưng vẫn cứ vay tiếp, bà con ai cũng chạy mặt không tiếp. Thế nhưng mỗi khi ông đến nhà, thì chồng bà Ba vồn vã bắt tay, mời ăn và đem rượu ra cho uống. Bà Ba không bằng lòng, với lý do là làm cho ông bà con thêm hư hỏng. Ông chồng bà cười mà nói:

“Ra mặt khó chịu với chú ấy, và không cho chú uống rượu, thì cũng không làm cho chú bớt hư, mà cho chú uống, thì cũng không làm hư thêm. Có cơ hội đem lại cho người khác một chút vui, một chút hạnh phúc, thì cái vui và cái hạnh phúc đó nó cũng lây qua cho mình, mình cũng được vui theo.”

Khi ông bà con ra về, thì ông Ba còn dúi thêm một ít tiền lẻ vào túi áo, người bà con cố gượng gạo chối từ, và nói nhỏ :

“Nói thật với anh, túng tiền quá, đánh liều muối mặt đến đây định mượn anh chị một ít tiền, nhưng thấy anh tử tế, tốt quá, nên xấu hổ không dám mở miệng hỏi.”

Chồng bà Ba nắm tay người bà con mà lắc mạnh nói nhỏ:

“Không có gì, không có gì, ai mà chả có lúc túng thiếu”

Rồi tiễn người bà con ra tận cổng. Phần bà Ba thì giận tím mặt, vì xấu hổ có

người bà con như vậy. Cái người bà con bị họ hàng ghê sợ ghét bỏ đó, lâu lâu ghé lại nhà bà Ba chơi, và nói nhiều câu làm bà cảm động.

Mỗi khi lái xe đưa bà Ba đi đâu, ông nhờ bà xem bản đồ và chỉ đường, hai vợ chồng cùng đi vui vẻ, người nào cũng có việc, khỏi buồn chán. Những khi bà hướng dẫn sai, đi lạc đường, thì ông chồng cười dịu dàng nói:

“Có gì gấp đâu mà lo, đi lạc thì quay lại, xem như chúng mình đi chơi ấy mà, em đừng nôn nóng.”

Rồi ông kể cho bà nghe vài chuyện vui cùng cười. Trong lúc lái xe, ông không bao giờ gấp gáp, vì theo ông, thà đến trễ vài ba phút còn hơn là trễ một đời, không việc gì hấp tấp hốt hoảng mà gây tai nạn, hại cho mình và hại luôn cả cho người khác. Khi đi lạc, ông thường bình tĩnh, khoan thai, ghé lại bên đường, mở bản đồ ra xem thật kỹ, ghi chú rõ ràng, dặn bà phải báo trước một vài ngã tư trước khi quành xe vào con đường kế. Vợ chồng ông anh của bà Ba thì cứ lên xe là cãi vã nhau về đường đi, ông thì lái, bà thì lải nhải than thở và chê ông không có trí nhớ về phương hướng. Mỗi lần ông anh lái lạc đường thì bà chị dâu tha hồ mà giận dỗi, trách móc và đem luôn cả những lầm lẫn khác trong quá khứ ra mà hành hạ ông, và khi bà chị chỉ

đường sai, thì ông anh lên tiếng nạt nộ . Đi chung với vợ chồng ông anh mấy lần, nghe họ gây gổ nhau, bà Ba đem lời ông chồng mình ra nói lại :

“Đi lạc thì quay lui, chứ có chết ông tây say nào đâu mà anh chị gây nhau cho mất vui, ai lái xe mà không lạc đường bao giờ.”

Chồng bà Ba thường hay tìm dịp làm cho bà vui, vì ông quan niệm rằng đời sống vui vẻ, ngoài hạnh phúc nhận được, tinh thần và thể chất sẽ được mạnh khỏe hơn, giữ được nét son trẻ lâu hơn, các bà không cần đi mỹ viện căng da, cắt mắt. Bởi thế, nên mỗi khi bà hỏi giá cả những món hàng ông mang về, ông thường nói giá thật thấp, cho bà vui mừng. Có khi bà tìm được biên lai, biết giá cao, bà trách ông nói không đúng giá, ông cười mà bảo :

“Thì cũng để mua vui cho em, mà không mất gì cả, tội gì không làm.”

Những chuyện khó khăn bực mình trong công việc, ông chồng bà Ba thường để quên lại sở, không mang về nhà, cũng không tâm sự với bà, ông bảo có vui thì chia, chứ không chia buồn, không chia lo lắng, không chia phiền toái bực mình, vì cũng không giải quyết được gì. Theo ông, thì cứ làm cho hết mình, rồi chấp nhận mọi kết quả, dù tốt, dù xấu, không than van, không tiếc nuối. Sống với ông bao nhiêu năm, bà có cảm giác là ông

may mắn, chưa hề gặp phiền toái trong cuộc mưu cầu cơm áo.

Mấy mươi năm chung sống, ông chồng bà Ba lúc nào cũng ngọt ngào, cũng lịch sự tử tế như thuở mới gặp nhau, hồi mới cưới nhau. Hai vòng tay ông bao giờ cũng ấm áp, siết thật chặt tha thiết, tấm lòng ông dịu dàng, đầy thương yêu, và ông luôn luôn khuyến khích bà, tôn trọng ý kiến của bà. Ông chấp nhận cái tốt lẫn cái xấu của bà, và vui vẻ trong mọi hoàn cảnh, dù khi khó khăn cũng như khi hoạn nạn. Tuy cứng chiu bà, lịch sự và dịu dàng, nhưng ông chồng bà Ba không yếu đuối thụ động, mà lại rất cương quyết khi theo đuổi việc phải. Ông biết khéo léo ngăn cản bà làm những việc có hại cho hạnh phúc gia đình, và không để bà lấn lướt chỉ huy tất cả mọi chuyện. Bà Ba là người hiểu biết, bà không bao giờ dám đi quá cái biên giới của lẽ phải, bà hiểu rằng, ông chồng bà cũng là con người, chưa phải là thánh, thì lòng tử tế cũng chỉ đến một giới hạn nào đó thôi.

Gia đình bà Ba sống trong hòa thuận hạnh phúc và tình thương, vì ông bà luôn luôn biết đối xử với nhau bằng cái tình cảm, cái tử tế, và cái lịch sự của buổi ban đầu, khi mới quen nhau, khi mới lấy nhau.
/.

Mối Tình Quê Ngoại.

Năm đó thằng Thu mười lăm tuổi, mới thi đậu trung học, được Ba Mạ cho theo mẹ ngoại đi về Quảng Trị thăm quê. Hấn sung sướng vì được tự do chơi đùa bay nhảy, không ai cấm đoán, không ai bắt học hành, hay thúc hối làm việc này, việc kia. Tha hồ rong chơi, biếng nhác. Về quê ngoại còn được các cậu, các dì và bà con thương, cưng, chiều chuộng, tiếp đãi tử tế. Cho ăn đủ thứ trái cây ngon ngọt. Bà con tiếp nó như một người lớn, đãi nó như một đứa trẻ con.

Từ Huế đi về Quảng Trị bằng xe đò. Hai bên đường là đồi hoang, cây chòi khô cằn, đất đai không trồng trọt được. Khi xuống xe, bà ngoại dẫn hấn đến thăm một gia đình quen biết. Nhà này có một đứa con gái tuổi xấp xỉ với nó, da trắng mịn, mắt bồ câu màu nâu đen, môi hồng có cái răng khểnh duyên dáng, tóc dài chấm vai. Thấy con bé này, thì hồn vía Thu như lạc lên mây, mê mẩn, tim đập thành thịch, ngộp thở. Hấn cúi đầu đỏ mặt. Con bé bưng hai bát nước chè xanh nóng hổi, còn có khói bốc lên. Giọng con bé rất nhỏ, mà ngọt lịm như mật ong:

“Mời mẹ uống nác, mời eng uống nác”

Lòng hần lâng lâng, nửa say, nửa tỉnh, lúng túng. Hần cũng không hiểu tại sao. Lần đầu tiên trong đời hần có cái cảm giác lạ lùng này. Mẹ ngoại thấy dáng điệu của hần, mẹ cười một mình. Mẹ biết thằng cháu của mẹ đã bị tiếng sét ái tình đánh trúng. Hần bưng bát nước uống, mà cái bát che hết mặt, nhưng ánh mắt đi lướt trên vòng miệng tô, hướng chăm chăm nhìn về con bé. Hần uống thật lâu, để được nhìn con bé lâu hơn. Con bé vô tình, không hay biết chi cả.

Trên đường về làng, băng qua bãi cát làng Ái Tử, nắng nóng như đốt. Mỗi lần gió xoáy là bụi cát bay mịt mù trời đất. Thằng Thu phải nheo mắt lại để tránh cát, vừa đi vừa thở phì phò. Bước tới một bước, thì như bị thụt lùi nửa bước. Cát kêu rào rào trong hai hàm răng của hần. Nước bọt khô quánh. Hần bị gió quạt ngã mấy lần. Mẹ cười, tiếng mẹ bật trong gió, hỏi hần:

“Mi có ượng con Ty không? Mẹ cưới hần cho mi làm vợ.”

Nghe mẹ nói, hần hết hồn, con Ty là cô bé mời nước đã làm hần ngẩn ngơ. Trong lòng hần sượng rân, nhưng hần xấu hổ quá. Để che dấu cái xấu hổ, hần chối ngay:

“Cháu không lấy vợ. Sẽ ở độc thân suốt đời.”

Nói xong thì hần tiếc. Vì mẹ đã mở ra cho một cơ hội ngàn vàng mà lại ngu dại chối bỏ. Hần đi bên mẹ, ước mong mẹ nhắc lại chuyện con Ty, nghe cho sướng tai, thế mà mẹ không nhắc nữa. Hình ảnh con Ty leo đèo trong trí thằng Thu, nên qua bãi cát nóng như thiêu đốt, mà hần quên đi cái nóng nực. Mẹ trên bảy mươi tuổi, lưng đã còng, hai chân đi xiêu vẹo. Hần là thiếu niên mới lớn, mà thở hồng hộc đi theo mẹ. Té mấy lần vì bị gió đẩy, nhưng không can gì, vì cát mềm, êm. Hết bãi cát là bờ sông làng Ái Tử. Bờ sông lở thẳng đứng, nhìn xuống hần thấy chóng mặt. Mẹ đưa hai tay làm loa, kêu lớn:

“Đò bơi !” (Đò ơi)

Tiếng kêu đò của mẹ vẳng trên mặt sông nhấp nháy ánh mặt trời như có vụn vì sao, ánh sáng chói lói đâm vào mắt khó chịu. Tiếng kêu đò dội vọng lại hai tiếng “Đò Bơi” như có ai đùa nghịch nhái lại giọng của mẹ. Mẹ kêu nhiều lần, không ai trả lời. Mẹ ngồi xuống trong bóng của cụm tre già xơ xác, dùng nón quạt cho thằng cháu đang khát nước và mệt nhọc. Gió làm thân tre cọ nhau kêu ken két. Trong lá, có tiếng chim kêu rã rời. Một lúc sau, con đò nhỏ hiện ra từ bên kia, chầm chậm hướng về phía bờ sông lở. Khi con đò cập bến, chị lái đò mang áo nâu vá vai, vồn vã hỏi:

“Mự, mự đi tìm về có chi bui không ? Đứa mô rứa? ” (Mợ, mợ đi tìm về có gì vui không, đứa nào vậy?)

“ Bui (vui) lắm. Mự đi thăm mấy đứa cháu trung (trong) Huế. Đây là thằng Thu, o có dớ (nhớ) hần không? Dỏ dỏ (nhỏ nhỏ) rứa chơ học giỏi lắm nghe. Hần vừa thi đậu Trung học đó.”

“ Mau nậy (lớn) quá hè. Nì, có lấy vợ không, tui có con cháu cháu (đẹp) lắm, gả cho.”

Thằng Thu đỏ mặt xấu hổ, mẹ ngoại nói đùa:

“Hần sắp cưới con Ty, con mụ Bường đó.”

Hần vội vã cải chính. Nhưng trong lòng sượng ngất ngây:

“Không, không, không phải mô”

Chị lái đồ cười, nói lớn:

“Chộ (thấy) cái mặt mi, là tau biết mi ưng con Ty lắm rồi. Mi trẽn (xấu hổ) à? Trẽn thì mất vợ đẹp đó. Điều (nhiều) thằng dòm ngó con Ty, mà hần chưa ưng ai cả. Mi học giỏi, vừa thi đậu, về đây cưới con Ty, bọ mạ (cha mẹ) hần cho thêm mấy sào ruộng mà mần ăn.”

Thu cúi mặt, nói lí nhí trong miệng;

“ Cháu còn nhỏ, còn đi học, chưa lấy vợ được.”

“Dở chi nữa mà dở. (nhỏ chi mà nhỏ) Mi không cưới gấp, thì con Ty đi lấy dôn (chồng) , uống lăm đồ”

Nói xong o lái đồ cười hăng hắc. Thắng Thu nghe o lái đồ nói mà lo. Hấn thường nghe con trai, con gái ở nhà quê lấy vợ, lấy chồng sớm lăm. Đồ ra giữa sông, nước trong vắt, tưởng như thấy được cát trắng dưới lòng sông. Bên kia bờ là nương dâu xanh trải dài. Hấn nghĩ, nếu được nhảy xuống sông tắm, bơi lội thì sung sướng lăm.

Khi về đến nhà mẹ, các cậu các dì xúm xít hỏi thăm, cho ăn trái cây, cho uống nước dừa, vui quá, hấn quên mất cái hình bóng con Ty. Cậu Út dẫn Thu ra bến sông, hai cậu cháu nhảy ùm xuống nước, đùa giỡn với sóng. Nước mát rượi.

Đêm đó, trăng rằm vàng vạc sáng, cậu Út lấy xe đạp chở Thu đi chơi, đường làng loang lổ ánh trăng. Đường đất, khúc sáng, khúc tối vì bóng tre che. Cậu Út đã quen đường, nên đạp xe đi mau như lúc ban ngày. Gió thổi lồng lộng. Một lúc sau, cậu ghé lại đứng nhà bố mẹ con Ty. Cả nhà vừa ăn xong, ngồi ngoài sân có trăng sáng. Trời vẫn hừng hực nóng. Ánh trăng vàng chiếu lên khuôn mặt đều đặn của con Ty, làm thằng Thu ngây ngất, đứng nhìn đắm đuối sửng sốt. Cậu Út đưa cho bố mẹ con Ty một bọc vải và nói:

“Mạ tui nói đưa qua cho eng, chị, như đã hứa hồi trưa nay.”

Rồi cậu hướng về con Ty mà nói:

“Con Ty nói về hay lắm đó nghe. Hay là mi nói về “Chợ Trâu” (Giữ Trâu) cho chú và thằng Thu nghe với. Nói đi.”

Con Ty thở thê:

“Trên quá !” (ngượng quá !)

“Trên chi mà trên. Nói đi”

“Về Chợ Trâu nói hoài, nghe chán rồi. Chừ tui nói về “O Nương” được không?”

“Ừ, Nói về O Nương cũng được.”

Con Ty bắt đầu nói. Hai cái môi nó chu ra, uốn éo làm duyên, thằng Thu nhìn không chớp mắt. Ban đêm, giữa lúc trăng sáng, hẳn nhìn con Ty mà không sợ người khác thấy. Giọng con Ty thanh và rõ ràng:

“Nghe về, nghe về, nghe về O Nương, đương ăn đương uống, ai ngờ lấy trai. Kể từ ngày lấy cậu Hai nơi chừ. Ra mời bác Bộ vô đây! Cắt khăn liền áo, roi mây đánh vào. Phụ mẫu bái tử xin qua mộ dì. Mộ Cóc thừa lại mầm ri, cháu bác bác xử, không thì chẻ tre đan rọ đầu bè thả trôi. Đêm nằm ông Trục suy nghĩ bồi hồi. Lòng đau tội nghiệp, con bỏ cô không đành.”

Thằng Thu đánh bạo hỏi:

“O Nương là ai, có thật hay không?”

Cậu Út trả lời:

“Chuyện tình của O Nương với cậu Hai, xảy ra vào chừng ba chục năm trước, tại làng dưới kia. Hai người lén lút thương nhau. Bị làng xóm khám phá ra. Ban đầu, hội đồng gia tộc bên cô tính chuyện đàn rọ thả sông, dìm chết cô. Về sau, họ cho rằng, cô mồ côi, thiếu người dạy dỗ, nên phạm tội, làm ô danh làng nước. Đổi bản án thành trục xuất, đuổi ra khỏi làng. Cô lên trên núi, sống với người Mọi, có lẽ bây chừ, cô còn trên đó.”

“Rứa thì Cậu Hai bị xử tội ra sao?”

“Không sao cả. Không ai xử tội Cậu Hai cả.”

Thằng Thu tức khí, nói:

“Sao không bắt cậu Hai lấy O Nương cho xong chuyện. Đuổi O lên núi tội nghiệp. Bất công. Có quá tàn nhẫn với O Nương không? Ngày xưa, còn xưa hơn mấy trăm năm, cô Thúy Kiều ban đêm leo rào qua nhà ông Kim Trọng, đàn địch, ca hát, thề thốt hẹn hò với nhau, mà còn chưa bị kết án, và lại ghi thành truyện nữa. Như thế, không lẽ phong tục mình còn khắt khe hơn cái thời mấy trăm năm trước sao?”

Bố con Ty nói:

“Eng nói cũng đúng phần nào. Nhưng không phải chuyện phong tục khắt khe, mà chuyện làm ô nhục gia phong. Trai gái thời đó, lấy nhau, cũng phải do cha mẹ xếp đặt, chấp thuận, chứ không phải ựa nhau, là lấy nhau.

Có ưa nhau, thì về thưa với cha mẹ, cưới hỏi
đàng hoàng.”

Khi thằng Thu đưa tay đón bát nước
do con Ty bưng ra, ngón tay của Thu chạm
vào bàn tay con Ty, làm thằng Thu rụng rời,
sung sướng ngây ngất.

Khi cậu Út chở Thu ra về, đi trong đêm
trăng. Thu hứng chí, vui vẻ ca hát vang lừng.
Cậu Út cười nói:

“Coi bộ cháu mê con Ty rồi đó. Hắn đẹp
mà tính tình dễ thương, làm việc chăm chỉ
nữa. Lấy con gái nhà quê làm vợ thì sẽ
sướng hơn lấy con gái thành thị.”

“Sao vậy cậu?”

“Không biết. Có lẽ con gái nhà quê chịu
thương chịu khó hơn.”

Thằng Thu định bụng sau này sẽ cưới
con Ty làm vợ. Nhưng không biết con Ty và
bố mẹ nó có chịu hay không.

Khi thằng Thu về lại Huế, lấy hết can
đảm, và vận dụng hết sở học của hắn, để viết
một lá thư tình cho con Ty. Chỉ câu mở đầu
thôi, mà hắn viết hoài không xong, dập dập,
xoá xoá. Cuối cùng, hắn nhờ vào cái vốn liếng
tiểu thuyết Tây, Tàu mà hắn đã đọc được
trong quá khứ. Hắn viết được một bức thư mà
hắn cho là uyên bác, và đầy cả chữ nghĩa:

*Vô cùng thương mến gửi đến Ty cô
nương,*

Trộm nghĩ, trời đất có âm có dương, có ngày, có đêm, có tối, có sáng. Bốn mùa có xuân hạ thu đông. Muông thú, có đực, có cái. Chim chóc có trống, có mái. Ngay cả hoa cỏ là loài thực vật vô tri, mà cũng có nhị đực, nhị cái, hướng chi là con người. Bởi vậy nên con trai thương yêu con gái, con gái thương yêu con trai, là hợp với đạo trời, thuận theo lẽ tự nhiên của vạn vật. Nếu không có yêu thương nhau, thì thế giới này chẳng bao lâu, không còn con người ở. Mà để cho cây hoang cỏ dại mọc thôi. Kể từ tình cờ gặp nhau, tấm lòng này không nguôi thương nhớ, đêm thấy mộng, ngày thấy bóng, mong thuyền duyên đáp lại tấm chân tình thiết tha, thì thật là vạn hạnh thay.

Ký tên

Lê Thu.

Con Ty nhận được thư thằng Thu, đọc không hiểu gì cả, nhưng biết đó là lá thư tỏ tình. Cứ con trai dấm dúi gửi thư cho con gái, là gửi thư tình, chứ không gì khác. Hắn vui sướng quá, đêm không ngủ được. Con Ty chỉ mới biết đọc, biết viết, suốt ngày lo bồng em, nấu ăn, gánh nước, phụ làm đồng áng. Nó cạy cục viết thư trả lời, suốt mấy ngày mới viết xong, và tờ thư nát nhàu, nguệch ngoạc bằng bút chì, hàng cao hàng thấp. Sao y nguyên văn như sau:

Eng Thu nờ,

Em là con Ty, dặn đừng thơ eng mắng dư lạm được cụt vắn. Em đọc thơ điều lược, mà không hiểu chi mô . Dưng em biếc eng thương em nên vót thơ thăm. Em chút tác cả da đình anh học giỏi, và anh mau về quê thăm em.

Ký tên

Ty

(Có thể tạm dịch : Anh Thu nè, Em là con Ty, nhận được thư anh, mừng như lượm được cục vàng. Em đọc thư nhiều lần mà không hiểu chi cả. Nhưng em biết anh thương em nên viết thư thăm. Em chúc tất cả gia đình anh học giỏi, và mau về quê thăm em. Ký tên Ty)

Nhận được thư con Ty, thằng Thu sung sướng như lên bầu trời xanh. Đem thư ra đọc đi đọc lại cả trăm lần mà không chán. Hẩn mơ mơ, màng màng. Khi nào cũng thấy hình bóng con Ty lảng vảng trong tâm trí. Hẩn cho rằng, những lỗi chính tả trong lá thư con Ty là đáng yêu, dễ thương. Chứng tỏ con Ty chân chất, mộc mạc.

Thằng Thu và con Ty có trao đổi thêm vài bức thư nữa. Lời thư toàn cả ngây ngô, dại khờ, vu vơ. Con Ty viết trật chính tả, người khác đọc thì khó hiểu, nhưng thằng Thu thì hiểu hết, hiểu rõ ràng.

Thằng Thu xin ba mẹ về thăm mẹ ngoại thêm một lần nữa, và lén hẹn hò con Ty. Hai đứa gặp nhau sau vườn của nhà mẹ ngoại.

Con Ty hỏi thằng Thu về thừa với ba mẹ, đem cau trầu tới, xin cho hai đứa được lấy nhau. Thằng Thu hẹn sẽ bỏ học, về quê làm ruộng sinh sống. Con Ty nghe mà cười đỏ mặt sung sướng.

Trong một bữa cơm tối, khi toàn gia đình đang đưa nhau chan, gắp, lừa cơm, húp, nhai, thì thằng Thu gác đũa lên chén, lấy hết can đảm rồi nói lớn:

“Thưa Ba Mẹ và các anh chị. Xin mọi người tạm thời ngưng ăn, cho con thừa chuyện quan trọng lắm lắm...”

Hắn chưa nói hết lời, thì ông anh nạt lớn:

“Nói chi thì nói đi. Cả nhà đang ăn, làm sao mà ngưng được? Hay là mi sợ cả nhà ăn hết phần cơm trong lúc mi bận nói?”

Thu nhìn chăm chăm vào ông bố, và lấy hết can đảm nói:

“Con muốn lấy vợ...”

Cả nhà tưởng nó nói đùa, ba mẹ, các anh chị, các em đều cười văng cả cơm ra bàn. Chị thằng Thu nói:

“Nì, bữa nì mi khôi hài được lắm đó. Có chuyện khôi hài nào nữa, nói ra đi...”

Thằng Thu vừa tức, vừa ngưng, rưng rưng nước mắt:

“Con nói thiệt, con muốn ba mẹ cười vợ cho con.”

Bố mẹ thằng Thu như không tin ở tai họ, há hốc mồm ngạc nhiên. Các anh, các chị nó ôm bụng cười. Ông anh cả nạt nó:

“Mày mới nứt mắt, mà đòi lấy vợ? Mày đã điên chưa? Tao đây, đã hai mươi mấy tuổi, mà chưa dám nghĩ đến chuyện vợ con. Bò bịch cũng chưa dám nghĩ đến. Mà mày muốn lấy ai? Khai ra.”

“Em muốn cưới con Ty!”

“Trời ơi! Con Ty con bác Phong. Nó mới sáu tuổi mà chồng con gì? Mày muốn đi ở tù hả Thu?”

“Không phải con Ty con Bác Phong. Con Ty con thím Bường bên làng ngoại.”

Mẹ nhìn thằng Thu rồi hỏi:

“Mi cưới vợ, rồi lấy chi mà nuôi vợ, có cạp đất mà ăn được không? Mi làm chi ra tiền mà nuôi vợ, nuôi con ?”

Thu trả lời:

“Nó về ở nhà mình, đi chợ nấu ăn cho mẹ”

“Tao không cần. Một mình tao đi chợ nấu ăn đủ rồi. Ba mẹ nuôi chừng này đứa con đã ngát ngư rồi. Làm sao mà nuôi thêm ai được nữa?”

Chị thằng Thu cười hỏi:

“Em muốn cưới con Ty, mà nó có chịu hay không ?”

“Nó chịu !”

“Làm sao biết nó chịu? Có bằng có chi không?”

Thằng Thu trưng bằng có ra cho cả nhà xem, đó là mấy lá thư của con Ty gửi cho hắn. Bố có vẻ như đang dần cơn giận, cái môi rung rung, mà chưa nói năng gì, ông cầm mấy lá thư của con Ty, nhú mày, soi lên đèn mà đọc. Nét mặt của bố lạ lắm, nửa như nhin cười, nửa như cố làm nghiêm trang. Mẹ nói xem vào:

“Mày có đi làm việc nuôi nó không? Mày định làm việc gì để nuôi vợ.”

Thằng Thu trả lời chắc chắn:

“Con về quê làm ruộng, đi cày nuôi vợ.”

“Ruộng đâu mà cày?”

“Xin ruộng của mẹ ngoại”

Anh chị thằng Thu đều cười xòa. Bố nó nói:

“Chuyện này gác lại đã. Ăn xong rồi tính.”

Sau bữa ăn, bố thằng Thu rút cây roi mây gác trên mái nhà, bắt nó nằm sấp xuống giường và quất vút vào mông nhiều cái thật mạnh. Ông hét lớn:

“Không lo học hành, lo trai gái. Thư từ tình tứ. Đánh cho chừa. Tội này nặng lắm.”

Đau quá, thằng Thu tru tréo lên:

“Con lạy Ba, tha cho con, con không dám lấy vợ nữa. Con lạy Ba.”

“Còn có viết thư tình, trai gái nữa không?”

Vút, vút, vút, roi mây xé mỏng thẳng Thu, đau rát như có lửa đốt.

“Thưa Ba, con không dám nữa. Ôi trời ơi. Đau quá. Xin Ba tha cho con. Con không dám yêu nữa.”

“Yêu, yêu cái con khỉ. Miệng mồm chưa mọc lông măng mà đã đòi yêu đương. Không lo học hành, tao đánh cho chết luôn. Vừa làm biếng, vừa yếu đuối, mà còn đòi về quê đi cày. Được rồi. Để thử xem.”

Mẹ nghe thẳng Ty la om sòm, cũng đau lòng, can Bố:

“Thôi, xin Ba, tha cho nó đi. Nó đã biết tội rồi. Lần sau tái phạm, thì trị tội nặng hơn, đuổi ra khỏi nhà, cho đi ăn xin. Không có nghề nghiệp chi cả, thì chỉ đi ăn mày chứ gì.”

Bố nghe lời mẹ, ngưng nhip roi, ông nói:

“Mày ráng học thật giỏi, sau khi tốt nghiệp đại học, thì tha hồ mà chọn vợ đẹp, vợ giỏi, vợ hiền. Khi đó thì lấy ai, không ai ngăn cản cả. Tội gì mà lấy con Ty, một đứa nhà quê ngu đần dốt nát, viết chưa thông chữ...”

Thấy nhip roi đã ngưng, mà bố lại chê con Ty nhà quê, thẳng Thu giận, nói liều:

“Nhưng con chỉ thương con Ty mà thôi. Không lấy được hấn, con không lấy ai nữa.”

Vút, vút, vút, ông bố lại đánh mạnh thêm ba roi sau mỏng thẳng Thu và gần;

“Thương, thương, thương, cho chùa cái thương...”

“Lạy Ba tha cho con. Con không dám thương nữa. Đau quá, đau quá, con hết thương rồi”

Hôm sau, bố thằng Thu phạt, không cho nó đi học. Kêu nó ra vườn, giao cho cái cuốc, bảo nó phải cuốc, lật đám đất sau vườn nhà, để trồng rau. Ông nói với nó:

“Hôm nay phải cuốc cho xong khu vườn này. Để mày sáng mắt ra. Biết làm ruộng là dễ hay đi học dễ hơn. Đi cày đi cấy là thông dong, hay đi làm việc trong văn phòng vất vả hơn. Cuốc không xong hôm nay, thì chiều bị đòn, và không cho ăn cơm. Nếu mày cuốc xong, và thấy cuốc đất là sướng, thì cho về quê làm ruộng, cho lấy vợ...”

Nghe bố nói cho về quê làm ruộng, lấy vợ, thằng Thu sướng quá. Hắn nghĩ rằng, chỉ vài giờ là nó cuốc xong khu vườn, chẳng có gì khó khăn. Hắn cầm cuốc, đưa lên cao, bồng mạnh xuống, lưỡi cuốc chạm đất kêu lên một tiếng khô khan, cán cuốc văng ra khỏi tay nó, hai bàn tay tê rát. Lượm cuốc lên, hắn quyết tâm, định cuốc cho xong khu vườn, đánh vòng thật ngay thẳng, để chứng minh cho bố nó biết rằng, nó có đủ khả năng về quê làm ruộng, cấy cày, và có thể cưới vợ được. Nhưng đất vườn khô, cứng như đá, những nhát cuốc của nó chỉ làm trầy chột mặt

đất. Cuộc mãi, mà chẳng đến đâu. Chừng một giờ sau thì hấn thở hồng hộc, mồ hôi ra như tắm, và hai bàn tay sưng phồng, mọng nước ở nhiều nơi. Mệt quá, hấn ngồi lên tảng đá bên gốc cây mà khóc ngon lành. Hấn khóc không phải vì sợ cuộc không xong, bị phạt, mà khóc vì biết hấn không có khả năng làm ruộng, cấy cày, để cưới con Ty. Hai tay sưng phồng làm hấn không cầm được cán cuốc nữa. Hấn đầu hàng, và sẵn sàng chấp nhận hình phạt roi đòn của bố nó vào chiều nay. Hấn rửa hai bàn tay đau, vào giường nằm ngủ ngon lành, để mặc cho khu vườn nguyên vẹn.

Buổi chiều, bố thằng Thu đi làm về, hỏi nó đã cuộc xong vườn chưa. Hấn sợ xanh mặt, nước mắt rưng rưng, đưa hai bàn tay bị phồng mụn nước cho bố nó xem, và oà ra khóc, nói:

“Đất cứng quá, con cuốc không xuống, đau tay lắm, không cầm được cán cuốc nữa.”

“Thế thì đã tỉnh mộng về quê làm ruộng chưa? Cuộc còn không ra hồn, làm sao mà đi cấy đi cày? Vất vả và nặng nhọc lắm. Đi học là dễ nhất, nhẹ nhàng nhất, và sau này có nghề nghiệp đỡ khổ tấm thân. Phải có nghề nghiệp vững vàng, mới nghĩ đến chuyện lấy vợ, sinh con. “

Bố nó hạ thấp giọng hỏi nhỏ:

“Thế thì háng mày đã mọc râu chưa?”

Thằng Thu đỏ mặt xấu hổ và lắc đầu. Bố nó cười:

“Thế mà đòi cưới vợ! Khổ thật. Mày biết cưới vợ để làm chi không?”

Thằng Thu lúng túng, ấp úng, nghĩ mãi không ra, trả lời:

“Con không biết ! ”

“Không biết cưới vợ để làm chi, mà cũng đòi cưới vợ?”

Bố thằng Thu cười, hiền từ vò đầu nó và nói:

“Thôi, hôm nay tha, không phạt nữa. Ráng học hành cho chăm chỉ. Mai mốt thành đạt, có công ăn việc làm, muốn lấy vợ, không ai ngăn cản, cấm đoán.”

Bị một trận đòn, và bị bố mẹ ngăn cấm không được yêu, thằng Thu buồn, ngẩn ngơ như kẻ mất hồn. Hắn càng cố quên con Ty, thì trong lòng càng thương, càng nhớ. Lấy hết nghị lực, hắn vừa khóc vừa viết cho con Ty một lá thư tuyệt tình :

Ty muôn đời yêu dấu của anh,

Viết thư này cho em, mà lòng anh tan nát như cháo loãng. Ba mẹ anh ngăn cấm mối tình của chúng ta. Anh bị một trận đòn đau thấu trời đất. Nát mông ra rồi. Anh đã hứa với Ba là không dám yêu nữa. Nhưng lòng vẫn không nguôi thương nhớ Ty, ngày cũng như đêm. Ba mẹ bắt anh học cho xong trung học, đại học, có nghề nghiệp rồi mới được cưới vợ.

Lâu quá trời ơi. Khi đó, thì anh và em, ai cũng già quá rồi, không biết còn đủ sức để chờ đợi và lấy được nhau hay không. Ba có hỏi anh rằng, lấy vợ để làm chi, anh không trả lời được, và suy nghĩ mãi mà không có câu giải đáp thỏa đáng. Bởi vậy cho nên, từ nay chúng ta chia tay, hẹn nhau kiếp sau đền bù sum họp. Lá thư này, viết bằng mực, nhưng em hãy cứ xem như viết bằng máu của con tim anh đang tan vỡ.

Hẹn em kiếp sau.

Người yêu muôn thuở của em.

Lá thư này, thằng Thu nhờ bạn hẩn chuyển cho con Ty. Bạn hẩn đòi phải được đọc lá thư, biết trong thư viết gì, mới chịu mang đi. Bạn hẩn vừa đọc, vừa cười sặc sụa. Bạn hẩn nói:

“Yêu làm chi cho khổ thế này mày ơi. Đáng “trượng phu” đừng để cho bọn nhi nữ thương tình làm cho “khí đoản”. Mày không biết lấy vợ để làm gì, nhưng tao biết rõ lắm, nên tao không cần yêu đứa nào cả. Sẽ không bao giờ ngu muội mà lấy vợ. Làm trai, phải đội trời, đạp đất, tang bồng hồ thỉ. Mày thấy anh hùng như Từ Hải, mà vướng phải đàn bà, cũng phải chết đứng ra đó sao?”

Một thời gian sau, thằng Thu nhận được phúc thư của con Ty viết, chép lại nguyên văn:

Eng ieu thương mun dòì của em,

*Dẫu cho đá nát vàn khai, thì lòng em
khog bao rờ thay đổi. Em sẽ chờ eng mãi mãi
cho đến khi gà, chết thì thôi. Làm con, thì phải
nge lời cha mẹ, em bít tám lòng anh, thương em,
hệng eng kíp ni, chớ khog hệng kíp sau, mệt
qá.*

Ty qả eng.

(Tác giả tạm dịch: Anh yêu thương
muôn đời của em, Dẫu cho đá nát vàng phai,
thì lòng em không bao giờ thay đổi. Em sẽ
chờ anh mãi mãi cho đến khi già chết thì thôi.
Làm con, phải nghe lời cha mẹ, em biết tám
lòng anh, thương em, hẹn anh kiếp này, chứ
không kiếp sau, mệt quá. Ty của anh.)

Thằng Thu đau khổ vì tình, tìm quên
trong việc học hành, ngày đêm dùi mài sách
vở. Hẩn dám học luôn cả cuốn tự điển Anh-
Việt dày cộm. Có người uống rượu tiêu sầu,
có người bê tha trụy lạc để quên niềm đau,
hẩn thì học để tìm quên lãng. Mấy năm sau,
hẩn đậu tú tài, rồi thi vào sư phạm, ra trường
đi dạy học. Từ ngày bị trận đòn vì yêu, Thu
tránh, không nhìn đến bất một cô gái nào.
Không quen biết, không chuyện trò với người
khác phái. Mấy năm đi dạy, Thu lấy được
luôn cả bằng cử nhân Luật Khoa, rồi cao học
Luật Khoa, và chuyển qua ngành toà án, ngồi
xử tội thiên hạ. Thu cố tránh không dám về
thăm quê ngoại kể từ ngày đó. Thịnh thoảng,
tim hẩn cũng nhói đau trong những đêm, mắt

mộng thấy con Ty, với nụ cười có cái răng khểnh. Thu nghĩ, có lẽ con Ty đã có chồng, có con đùm đê rồi, không nên làm rộn đời nhau, và cũng không nên khơi lại vết thương trong lòng đã hàn gắn được phần nào rồi.

Năm 1975 Thu đi tù cải tạo. Trong năm năm bị tù đầy, nhờ chị của Thu bới xách, tiếp tế đầy đủ, vì có mấy anh em chạy được ra ngoại quốc gửi tiền về giúp. Khi ra tù, Thu vượt biển thành công ngay. Nhờ khá tiếng Anh, một thời gian sau, Thu thi đậu vào làm cán sự xã hội cho quận hạt. Cuộc sống đều đặn nơi quê người, có tự do, an bình, no ấm, hạnh phúc. Thu thấy không cần phải lập gia đình. Làm bạn với sách vở, với văn chương, đủ đem lại niềm vui trong cuộc đời. Nhiều người muốn làm mai mối cho Thu, anh chỉ cười và nói đùa rằng gấp chị, cứ thông thả đã, xưa cụ Nguyễn Công Trứ, bảy mươi ba tuổi còn cưới vợ được kia mà. Nhiều bà “sứt càng gãy gọng”, thấy Thu có nhà, có xe, có công việc làm ăn bền vững, lợi tức khá, muốn nhào vào nâng khăn sửa túi, nhưng Thu lịch sự thoái thác.

Khi về hưu, ông Thu trở lại thăm quê nhà. Về quê thăm mồ mã ông bà nội ngoại. Cậu Út bây giờ đã già khụ, chống gậy hom hem. Cậu đã có nhiều đứa cháu kêu bằng cố. Nhớ lại chuyện xưa, ông Thu hỏi thăm tin tức

của Ty. Cậu ho khan rồi xuống giọng buồn mà nói:

“Mụ Ty, tội nghiệp lắm, bây giờ sống một mình, bữa đói bữa no, khổn khổ rách rưới. Năm 1972 chạy giặc, cha mẹ mụ bị pháo kích, chết trên đại lộ kinh hoàng. Mụ Ty bị mảnh đạn ghim trong đầu, tưởng chết, nhưng cuối cùng cứu được, và từ đó, mù lòa hoàn toàn. Đói khổ, đi ăn xin. Sau năm 1975 trở về làng, đi giã gạo, làm thuê kiếm khoai kiếm sắn, sống qua ngày. Trong làng, ai thấy tội nghiệp, thì đem cho củ khoai, trái ổi, vài ba quả cà, khúc cây chuối, ăn độn mà sống.”

Ông Thu nhăn mặt hỏi:

“Thế thì chồng con mụ đâu ?”

“Mụ đâu có chồng con gì. Hồi trước, có thằng Vạn, con ông Bồ đi hỏi, mụ chưa chịu, thì thằng này bị kêu đi lính, mới ra đơn vị, bị bắn sẽ chết. Rồi loạn lạc, giặc giả liên miên. Đám thanh niên trong làng rụng dần trong chiến tranh. Đám con gái ở giá rất nhiều, đưa thì goá chồng, đưa ế chồng, tràn đầy cả làng.”

Anh con cả của cậu Út chờ ông Thu đi thăm bà Ty bằng xe gắn máy. Căn nhà của bà Ty lợp mái tranh rách xơ xác, phen liếp hở hang. Bà Ty ngồi trước cửa, quần cái khăn màu cháo lòng trên đầu, tóc bạc trắng. Áo vá vai, vá tay. Cái quần đen bạc màu mốc thếch vá chum vá đụp. Da mặt bà nhăn nhúm, đen điu, mắt hấp hèm, miệng móm, cười cười đưa

răng sún ra. Anh con trai của cậu Út dừng xe và hét lớn:

“Mụ Ty ơi, có cổ dơn (cổ nhân) tới thăm mụ đây. Đừng khóc nghe mụ!”

“Cha mi! Đừng có xạo. Tau đánh cho bây chừ.”

Ông Thu xuống xe, mắt cay xè, mũi phập phồng, nghẹn ngào bước tới và run run gọi:

“Ty”

“Ai đó?”

“Thu. Tui là Thu đây.”

“Thu mô? Có phải là eng không? Trời đất ơi, đừng có xí gạt người mù loà, tội nghiệp nghe!”

“Phải. Tui là Thu của Ty gần năm mươi năm trước đây.”

Mụ Ty oà ra khóc lớn, hai tay che mặt. Ông Ty đến gần, đặt tay lên mảnh vá trên vai bà, mà nước mắt chảy ròng ròng. Một lúc sau, bà Ty nín khóc và hỏi:

“Vợ con eng có mạnh giỏi không? Eng có mấy cháu nội ngoại rồi? ”

Ông Thu nói với giọng tỉnh queo:

“Không vợ, không con, không cháu nội, cháu ngoại chi cả”

“Răng rứa?”

“Thì cũng như Ty, không chồng, không con, không cháu.”

“Thiệt không eng? Răng mà tội chưa tề!
Không vợ con chi cả! Tra rồi! ” (Già rồi)

“Ừ. Tra rồi”

Ông Thu bảo người con ông cậu về trước, ông sẽ kiếm cách về sau. Bà Ty mời ông Thu ở lại ăn trưa. Cái nồi đất nhỏ xíu, nấu sắn xắt lát phơi khô, có những hạt cơm màu vàng óng bên ngoài lát sắn. Cơm hấp sắn, chứ không phải sắn hấp cơm. Bà Ty lôi ra một hũ đất nung, trong đó đựng nước muối dầm cà pháo, rau dền, thân cây chuối xén mỏng, cùng các loại rau khác. Bà dùng đũa móc ra hai nùi rau dầm nước muối này, cho vào hai cái tô sứt mẻ, rồi chia cơm hấp sắn trong nồi ra tô. Đưa cho ông Thu một tô :

“Ăn đi eng. Chắc eng cũng cực khổ, sống thiếu thốn, đói khát lắm.”

“Răng Ty biết tôi cực khổ ?”

“Cực quá mới không có vợ con chứ. Nhiều người ăn mày khá khá cũng còn có thể lấy vợ nữa. Cực hơn, thì không ai dám lấy mô.”

Ông Thu ngậm ngùi, mũi cay, mắt rưng. Ông nhai và nuốt thức ăn của bà cho mà nghẹn ngang cổ họng. Ông làm bằnh nhỏ:

“Khổ. Khổ quá. Đói khát. Lạnh lẽo”

Bà Ty nghe mà hiểu lầm. Bà đặt bát xuống và nói:

“Eng khổ quá, đói khát quá thì về đây ở. Ít nhất cũng có căn chòi che mưa, che nắng.

Ăn uống, thì có ít chia ít, có nhiều chia nhiều. Tui đi làm công cho bà con xóm làng, cũng ...”

Ông Thu cảm động khóc oà thành tiếng. Bà Ty an ủi:

“Thôi đừng buồn nữa eng. Trời bắt mình đói khổ, tật nguyên, thì mình ráng chịu. Cứ sống, qua được ngày nào thì hay ngày đó. Ừ, giá như đừng có chiến tranh, thì mình đâu ra nông nổi như ri eng hỉ!”

Ông Thu gạt nước mắt và nói:

“Ty có nhớ trong lá thư cuối cùng của tôi gửi, có câu “hẹn nhau kiếp sau, đền bù sum họp” không?”

“Dớ chứ. Mấy lá thư đó, tui đọc thuộc lòng, thuộc hơn cả về O Nương đó.”

“Ty có biết không? Giờ đây, chúng ta đang sống ở kiếp sau đó. Lúc này là đoạn đời sum họp!”

Bà Ty hớn hờ:

“Rứa thì dù có đói khổ, eng cũng đừng bỏ tui mà đi nghe!"/.

Tháng 12 năm 2006.

(Viết tặng LVH)

Hạt Tình Hồi Sinh

Cái tin mù Ty sắp lấy chồng Việt Kiều, truyền miệng loan đi nhanh như gió, làm chấn động cả mấy làng trong huyện Triệu Phong. Không ai tin là chuyện thật, người ta công khai xôn xao bàn tán. Nhưng cái tin này đã làm nức lòng và lên tinh thần đám đàn bà goá, và các cô gái muộn chồng trong cả tỉnh. Mụ Ty đã già khú đế, trên sáu mươi tuổi rồi, xấu xí ốm o, khô đét vì đói ăn nhiều năm, chỉ còn da bọc xương, răng cái còn cái mất, lại mù lòa, dơ dáy, nghèo rớt mùng tơi, có thời đi ăn xin. Thế mà có Việt Kiều ở Mỹ về xin cưới. Câu chuyện gần như hoang đường, người tỉnh táo khó lòng tin được. Người ta bàn tán:

“Chắc có âm mưu thâm độc chi đây, chứ cưới mù Ty về mà làm gì? Dem bán cho nhà thổ, chúng cũng rượt đánh đến bể đầu. Mụ đó mù lòa yếu đuối, cũng không đủ sức làm nô lệ hầu hạ cho ai được. Đừng nói chuyện tình dục, già đến thế, chắc cũng đã mốc meo, héo quắt đi rồi. Mụ chỉ còn xương với da, chỉ có dem mà nấu cao, giả “cao hồ cốt” may ra còn có lý.”

Đám đàn ông bàn thêm:

“Con gái trẻ đẹp hơ-hớ thiếu chi mà đi cưới mù già. Cưới về đem đặt lên bàn thờ mà lạy chắc? Hay là thằng cha Việt Kiều đó đau bệnh điên, làm chuyện trái đời, chơi bạo lầy tiếng? Nghe không hợp lý chút nào.”

Ông thầy pháp thường hay gọi hồn người chết về nói chuyện thế gian cũng bóp đầu, bóp trán, hứa sẽ kêu hồn bố mẹ mù Ty về hỏi cho ra lẽ. Ông nói thầm với bà con:

“Không chừng thằng cha Việt Kiều là phù thủy, cưới mù Ty về để giết chết mà luyện “thiên linh cái”, vì mù Ty dù sao cũng còn “đồng trinh”, chưa biết đến hơi trai.”

Mấy mù đàn bà yếu bóng vía rùn vai, lè lưỡi sợ hãi, và họ tin ông thầy pháp nói có lý.

Chính quyền địa phương cũng họp chi bộ đảng cộng sản nhiều lần, để thảo luận và tìm hiểu lý do tại sao gã Việt Kiều kia cưới mù Ty. Có âm mưu gián điệp của đế quốc Mỹ gài vào, dò xét tình hình “ta” không? Bí thư xã báo cáo lên quận. Bí thư quận nói:

“Không phải âm mưu gián điệp, vì cả Tổng Thống Mỹ Cờ-Lin-Tơn còn đi phát phở ăn phở giữa chợ ở Việt Nam mình nữa kia mà. Nhưng cũng phải đề cao cảnh giác, để không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra cho xã, huyện nhà.”

Nghị quyết chung của chính quyền xã là gây khó khăn tối đa cho tên Việt Kiều kia chán

nản, mà bỏ ý định bí mật lẹ lùng kia đi. Họ tin rằng, nắm quyền trong tay, thì thừa sức ngăn cản được cuộc tình duyên tréo ngoe này.

Phần mục Ty, nghe bàn vào, tán ra, người này nói một câu, kẻ khác bàn vài câu, cũng đâm ra hoang mang, và sợ. Nghi ngờ đến cái tấm lòng của ông Thu, người Việt Kiều muốn cưới mục làm vợ. Những lời bàn tán kia, đều có lý, không phải dựng đứng lên.

Hơn năm mươi năm trước, khi ông Thu mới mười lăm tuổi, gặp bà Ty, thì bị “cú sét ái tình” đánh cho ngã gục. Cả gan về nhà xin cưới vợ, bị bố ông đánh cho một trận đòn quán đít, nên tình yêu cũng tắt ngúm từ đó. Rồi mấy mươi năm thời cuộc nổi trôi, chiến tranh, tù đầy, đi Mỹ, chạy theo cơm áo, ông Thu không có thì giờ, không còn kiên nhẫn, hứng thú, để theo đuổi bất cứ một bóng hồng nào. Cho đến khi ông đã hưu trí, về thăm quê ngoại, biết bà Ty cũng phòng không chiếc bóng, mù lòa, đói khát. Hai người gặp lại nhau. Ông nhớ lời ước hẹn năm xưa: “kiếp sau đền bù sum họp”, nên muốn cưới bà Ty đem về Mỹ. Nhiều người bà con nội ngoại đều can gián ông. Họ bảo rằng, nếu lấy vợ, thì nên kiếm một người có trình độ, trẻ, đẹp, khỏe mạnh, để còn chăm sóc, nương tựa khi đau yếu trong trong tuổi già. Lấy mục Ty về, không nhờ vả được gì, còn phải lo ngược lại cho mục. Thêm khổ thân già. Vả lại, trình độ kiến thức

quá cách biệt, rất khó sống chung, khó hoà hợp, khó thông cảm. Chỉ gây bức mình và làm khổ nhau. Họ khuyên ông cho mụ Ty một số tiền lớn để sinh sống, rồi thôi, không tội chi mà đeo bòng cái gánh nợ thổ tả đó.

Gia đình, bạn bè gián tiếp sắp đặt, làm như tình cờ, đưa đến cho ông gặp nhiều cô, nhiều bà. Có trẻ đẹp, có xồn xồn, cả chưa chồng và cả góa phụ. Các bà, các cô này, nhìn ông hau háu, tha thiết, với ánh mắt hy vọng, khẩn cầu. Ông thấy nhẩn tâm và tội nghiệp họ. Có người còn nhỏ, chỉ đáng hàng con, cháu ông thôi. Ông nói rằng, tất cả bọn họ đều đáng thương, chỉ vì cơm áo, mà phải tha thiết với một kẻ già nua như ông. Nhưng mụ Ty là kẻ đáng thương nhất, đáng được đền bù nhất. Quan trọng hơn hết là mối tình hơn nửa thế kỷ trước, có phôi pha phần nào thật, nhưng vẫn còn âm ỉ trong tim. Cậu Út của ông Thu nói:

“Yêu là cái khỉ gì? Bọn con nít ngu, mới bày đặt yêu đương. Mình già rồi, khôn quá, hết ngu rồi. Lấy vợ, lấy chồng là phải suy xét hơn thiệt, trắng đen, cân lường. Còn trẻ, bông bột, ngu nên ỉn đại, không nghĩ đến hậu quả về sau. Bởi vậy, cháu phải suy nghĩ thật kỹ trước khi lấy mụ Ty”

Ông Thu nói với cậu Út:

“Lạ thật, năm mười lăm tuổi, muốn lấy vợ bị ngăn cản đã đành. Bây giờ sáu mươi

sáu tuổi, muốn lấy vợ, cũng bị ngăn cản dữ dội. Thế thì chờ đến khi xuống lỗ mới hết trắc trở sao?”

Xóm giềng và họ hàng của nhao nhao xúi dục mụ Ty thách cưới thật cho cao. Đòi cho được hai trăm phần quà. Mỗi phần có một hộp trà, một hộp bánh, sáu quả cau, một liễn trầu. Đòi thêm hai cái kiềng vàng, cặp xuyên vàng, một đôi bông tai. Phải đãi ăn năm chục người. Mụ Ty nghe mà lo lắng bảo:

“Mình thách cưới cao quá, lỡ người ta không lo nổi, rồi bỏ đi thì uổng. Mà mình thì đã tra (già) lắm rồi. Cả đời tui chưa đeo kiềng, đeo xuyên, chừ có đeo vô, cũng cần chết, mà trên (xấu hổ) nữa.”

Một bà nạt lớn:

“Tra thì tra, chứ chẳng lẽ cho không, cóc đòi chi cả? Đừng tự làm mình mất giá. Hấn không cưới thì thôi.”

Nghe nói vậy, mụ Ty giật mình tái mặt, ngồi thừ người ra. Một bà khác tiếp lời:

“Nì, mụ đừng lo, Việt Kiều giàu lắm. Người nào cũng lái xe hơi, ở nhà lầu. Mình không đòi là đại. Mà cũng phải đủ lễ “tam sinh” mới được. Ba lễ, dạm mặt, đám hỏi, đám cưới đàng hoàng, chớ không phải đem xe về bắt cóc chạy đi. Làng nước không chịu cho mụ chịu thiệt thòi mô. Mụ mà không đòi, thì chúng tôi cũng đứng ra, đại diện nhà gái mà đòi”

Mụ Ty hốt hoảng nói nho nhỏ:

“Thôi thôi, mấy mụ, mấy thím ơi. Mảnh rảnh rang chi thêm xấu mặt. Mấy chục năm ni, có đám cưới mô trong làng mà đủ ba lễ? Tui nghèo khổ, chớ có phải cảnh vàng lá ngọc chi mô.”

“Đám cưới trong làng mình, không đủ ba lễ là vì bên rể nghèo. Phải “giản đơn” lại, chớ không thì trai, gái, không vợ, không chồng cả làng sao? Mình nhắm sức người ta có, mới đòi. Mụ lo chi?”

Thấy bà con áp lực quá, mụ Ty ôm mặt khóc. Người ta bồi thêm:

“Mụ mà dại, thì có cả làng khôn. Đòi là đòi cho mụ, chớ có đòi cho chúng tui mô. Sính lễ mà đòi được, thì mụ cũng cất đi, sau này làm của, phòng khi này khi kia, chớ chúng tui có lợi chi?”

Mụ Ty đem những lời thách cưới của bà con nói lại cho ông Thu nghe. Nhưng mụ không quên thêm một câu rằng, nếu ông không có, và không chịu thì thôi, mụ không đòi hỏi chi cả.

Ông Thu cười và nói, đó là “chuyện nhỏ”. Vòng, xuyên, hoa tai, nếu mụ muốn, thì ông sẽ mua cho mụ. Nhưng hai trăm phần cưới cau trầu, trà bánh, thì không, phí phạm vô ích. Mụ Ty nghe mà mừng, sung sướng và nói:

“Thôi, thôi, đừng vòng vèo chi cả. Xưa nay không đeo, bi chừ đeo vô, ngựa ngày không chịu được mô. Đeo vô, trên lắm.”

Khi gặp lại mẹ Ty trong hoàn cảnh mù loà, đói rách lạnh lẽo, ông Thu muốn đem mẹ về Sài Gòn ở tạm. Thuê nhà, thuê người chăm nom mẹ trong thời gian chờ đợi. Khi đầy đủ thủ tục, và được sở di trú Mỹ chấp thuận, ông sẽ đưa mẹ về California. Nhưng vì bà con, làng nước xúi dục, mẹ Ty nhất định không chịu ra khỏi làng, khi chưa có đám cưới, chưa có hôn thú, và chưa có giấy máy bay đi Mỹ. Mẹ khóc và nói:

“Bà con dặn tui đừng có đi mô cả. Đi ra khỏi làng, vô tận Sài Gòn xa xôi, lỡ anh đổi ý, bỏ tui bơ vơ nơi xa lạ, mần rãng mà tui có tiền, có phương tiện về lại làng. Mà về lại cũng không được mô. Thiên hạ cười cho thúi đầu. Tra chừng ni tuổi rồi mà còn bỏ làng đi theo trai, bị phụ tình, mang xác về. Xấu hổ lắm.”

Ông Thu ôm đầu thở dài. Biết mẹ Ty đã bị xóm giềng bàn ra, tán vào, khuyên bảo này nọ. Không hẳn những lời khuyên đó hoàn toàn vô lý. Ông nhỏ nhẹ nói với mẹ Ty:

“Việc gì phải sống thêm trong cái chòi tranh dột nát này nữa. Thiếu thốn phương tiện, ẩm thấp, mưa luôn, nắng chiếu. Khổ đã nhiều rồi, không tội gì khổ thêm.”

Mẹ Ty nói rất tự nhiên:

“Mấy chục năm sống nơi đây, cũng đã quen rồi, tui không thấy khổ nữa. Đói thì có, rách thì có. Nếu đủ cơm ăn hàng ngày là quá quý rồi. Tui không dám mơ ước chi hơn.”

“Nếu Ty nhất định không ra khỏi làng, thì kiếm nhà nào rộng rãi, kang trang, tui thuê cho mà ở”

“Nhà ai nấy ở. Không ai dư chỗ cho thuê mô. Ở nhà ni, có chết mô mà sợ. Nếu ở nhà ni mà chết, thì chết từ lâu rồi. Cứ cho tui ở nhà ni, đừng bắt tui đi nơi khác. Tội nghiệp.”

Ông Thu chịu thua, không muốn ép mụ Ty dọn đi nơi khác, phiền lòng mụ. Ông nhờ người bà con bên ngoại thuê thợ tu bổ lại căn chòi, lợp lại mái, che phen, làm cửa lưới ngăn muỗi, câu điện, bắt cho một chiếc quạt máy. Mụ Ty nói:

“Sửa phen, lợp nhà thì được. Câu điện chi cho phí. Tui mù loà, ngày cũng như đêm, cần chi đèn đóm. Bắt quạt máy màn chi, lỡ nó rớt xuống, bể đầu. Khi mô nóng, ra ngồi bên hè, lấy mo cau mà quạt cũng đủ mát rồi.”

Ông Thu thuê một đứa cháu họ của mụ Ty, đến ở chung để chăm sóc, đi chợ, nấu nướng cho mụ. Mỗi ngày mụ được ăn cơm không độn khoai sắn, có cá kho, thịt luộc. Mụ Ty sung sướng hơn hở. Mụ nói với đứa cháu;

“Ăn sang phung phí như ri, ngày mô cũng thịt, cá, thì có núi của cũng sập. Thôi, đừng hoang phí nữa. Cứ cơm trắng với mắm

nêm, mắm ruốc, rau luộc là đủ, sung sướng lắm rồi.”

Đứa cháu cười nói:

“Dượng Thu đã đưa tiền cho chú Hai, dặn phát tiền chợ cho cháu. O đừng lo. O mà ăn ngon, thì cháu cũng được ăn ngon theo. Cả đời, chưa khi mô cháu được ăn no, sung sướng, như bây chừ cả. Cháu hỏi thiệt, O đừng dấu cháu nghe. O bỏ thứ “bùa” chi, mà dượng Thu Việt kiều mê O dữ rứa? Dạy cho cháu với. Cháu thương thằng Bường, mà hấn cứ lờ tít đi, như không biết chi hết.”

“Mụ nội mi. Bùa chú chi mô. Người ta ở bên Mỹ, tau ở đây, mù loà, có bùa cũng không bỏ được. Miếng ăn ở ngay thật, hiền lành, trời thương nên đem dượng Thu mi về đây cho tau.”

Mụ Vàng người trong xóm, trước đây thường hay cho mụ Ty khoai sắn, ghé nhà ngồi nói chuyện, trước khi ra về nói:

“Mai mốt o qua Mỹ, làm ra tiền, đừng quên tui. Nhớ gởi về cho nhiều nhiều, để tui xây gạch, lợp ngói căn nhà nghe.”

Chú Trọng dặn dò tha thiết:

“Tui biết chị tốt lắm, qua Mỹ thế nào cũng gởi tiền về cho tui mua cặp trâu, đi cày thuê. Cả đời tui, mơ ước có được con trâu, chị không giúp, thì không khi mô có. Đừng vì giàu sang sung sướng mà quên bà con nghèo.”

Mụ Ty hoang mang lắm, nhưng cứ nói thật những ý nghĩ trong lòng mụ:

“Sợ không có, chứ có thì phải nghĩ đến bà con, phải chia xẻ cơm áo cho nhau chứ. Như bà con đã chia khoai sắn cho tui sống mấy chục năm ni. Cậu đừng có lo. Tui mà có của thì chia hết. Nghe bà con nói chuyện, tui nghĩ là Tây, Mỹ nó ngu lắm, để tiền, để của ngoài đường, cho mình qua đó mà hốt, như hốt cứt trâu ngoài ruộng”

Mụ Viện, nhà ở xóm trên, có đứa con gái ba mươi lăm tuổi bị ly dị. Cô này về ở với cha mẹ. Mụ Viện đến năn nỉ mụ Tý, đề nghị thẳng thừng:

“Chị tra (già) rồi, đi Tây, đi Mỹ làm chi, bên đó lạnh lắm, chịu không nổi mô. Mà đã tra dư ri (già như thế này), còn đi lấy dôn (chồng), thiên hạ, làng nước, con nít, chúng nó cười cho thúì trớt (thối đầu). Trẽn lắm (xấu hổ). Thôi thì chị nhường ông Việt Kiều đó cho con Thại nhà tui, hấn còn trẻ, chịu được lạnh, có thể giúp ông Việt Kiều nhiều chuyện, để cho ông vài ba đứa con. Phần chị, thì ở đây đã quen, đi mô cho mệt.”

Mụ Tý nghe mà rưng rưng nước mắt, vì xưa nay đã quen bị thiên hạ chèn ép mà không dám kêu ca. Mụ nói nhỏ nhỏ, sợ mất lòng mụ Viện:

“Chuyện đó, thì tùy ông Việt Kiều, nếu tui chịu nhường, liệu ông nó có chịu hay không?”

Mụ Viện dục :

“Rằng mà không chịu. Con Thại còn trẻ, còn đẹp, khỏe mạnh, chứ có ốm o bệnh hoạn như, như ai đó mô. Thì chị cứ nói cho đến khi ông nó chịu. Không nói thì mần rằng người ta biết.”

“Tui không dám nói mô.”

“Tại rằng mà không dám nói ? Có chết chóc chi mô?”

Mụ Tý khóc rầm rứt:

“Chết tui cũng không dám nói. Chị có gan thì nói thẳng với ông Thu đi. Nói được thì tui chịu nhường”

Nói đến đó, mụ Ty tủi thân quá, khóc oà lên. Tưởng như đã mất ông Thu rồi. Đứa cháu sẵn sóc mụ Ty, nghe mà giận quá, xen vô, nói lớn tiếng:

“Cái mụ Viện ni vô doang (vô duyên) chưa tề. Người ta ưng dau (yêu nhau) cả mấy chục năm ni, đêm ngày thương dớ (nhớ). Chị Thại con của mụ, mập thù lù, bị chồng chê, bị li dị, chớ có quý báu chi. Có tình nghĩa chi mà nhảy vô đòi dành ăn. Ở bên đó, đầm Tây, đầm Mỹ đẹp như tiên, như thánh, trắng như trứng gà bóc, ông còn chưa chịu nữa, huống chi con của mụ, thối vô mô.”

Mụ Viện giận dữ nghiêng răng gào lên:

“Nì, cái con quỷ cái, tau bả (vã) cho vắng rãng ra bi chừ. Việc chi mà mi xía vô chuyện người ta? Mi biết chi mà nói. Cầm cái mồm lại.”

Đứa cháu trả treo:

“Nói ngang xương dư rứa (như vậy), quỷ sứ nghe cũng không lọt tai. Tức đến ghen hòng.”

Có nhiều người nữa, đến bắt mụ Ty hứa hẹn đủ điều. Ông chủ tịch xã cũng nói với mụ Ty, yêu cầu ông Thu giúp đỡ, ủng hộ một món tiền, đủ để xây lại lại trụ sở uỷ ban hành chánh xã cho khang trang hơn.

Mụ Ty đạo đạt những lời yêu cầu của bà con đến ông Thu. Ông cười hiền:

“Tội nghiệp bà con quá. Chắc qua Mỹ, tui với mụ phải tổ chức một băng cướp, đi ăn cướp ngân hàng, đem tiền về giúp bà con mình.”

Mụ Ty không hiểu lời nói đùa của ông Thu, hốt hoảng nói:

“Đi ăn cướp? Tui không làm được mô. Tui mù loà, mần rãng mà chạy trốn cho kịp. E cũng ở tù rục xương. Rứa thì lâu nì, ở bên Mỹ, eng làm việc chi?”

“Đi cày”- Ý ông Thu muốn nói đi làm cực nhọc như đi cày vậy, nhưng mụ Ty không hiểu, hỏi:

“Ruộng có điều (nhiều) không? Được mấy sào? Qua bên đó, tui cũng giúp xay lúa, giã gạo được”

“Bây chừ thì về hưu rồi, nghỉ đi cà.”

“Rửa thì lấy chi mà ăn?”

“Tiền để đèn” (để dành) – Ông Thu nói tiếng Quảng Trị cho mục Ty dễ hiểu.

Mục Thu xuống giọng, nói nhỏ như sợ người khác nghe được:

“Để dành điều (nhiều) không? Được năm lạng không?”

“Được”

“Rửa thì giàu quá! Chôn cho kỹ. Coi chừng bị trộm hết, không có ăn, khổ lắm đó.”

Gian nan lắm, ông Thu mới hoàn tất được thủ tục, đưa mục Ty về Mỹ. Phía chính quyền Việt Nam làm khó khăn, ông phải vất vả chạy mua giấy khai sinh, phải nhờ người đút lót tiền mua các loại giấy tờ chứng minh cần thiết. Bộ ngoại giao và di trú Mỹ nghi ngờ ông âm mưu đưa người nhập lậu qua khe hở của pháp luật. Ông cố gắng giải thích về sự thành thật của ông, mà không ai tin. Giá như ông cưới một cô gái trẻ, đẹp, thì được dễ dàng thông qua. Ông kể câu chuyện tình hơn nửa thế kỷ của ông cho viên chức ở toà đại sứ Mỹ nghe, họ càng không tin hơn, cho rằng ông bịa chuyện. Cuối cùng, ông phải thuê luật sư can thiệp, và nhờ thêm dân biểu, nghị sĩ vùng ông ở viết thư cho bộ ngoại giao và sở

di trú. Thời gian thủ tục giấy tờ dài hơn gấp đôi bình thường.

Trên máy bay về Mỹ, ngồi bên cạnh mục Ty, ông Thu thấy tình thương dạt dào rộn lên trong tim. Nhìn mục Ty ngồi dựa ngửa đang lơ mơ ngủ, ông thấy mục đẹp hơn cả “con Ty” mười bốn tuổi ngày xưa có cái răng khểnh. Ông hứng khởi, hát nho nhỏ bản nhạc Suối Mơ của Văn Cao :“... từng hẹn mùa xưa xây nhà bên suối, nghe suối róc rách trôi, hoa lừng hương ngát, đàn nai đùa trong khóm lá vàng tươi...”

Mục Ty, quay mặt lại nói:

“Eng hát hay quá”

Ông Thu cười:

“Không hay bằng Ty nói về O Nương mô.”

Ông Thu vuốt nhẹ bàn tay khô xương, sần sùi của mục Ty, mà lòng vui rộn rã ./.

Sương Khôi Vương Mắt Ai

Tôi vào ‘Viện Phục Hồi’ thăm mẹ của một người bạn, bà đã hơn chín mươi tuổi. Gọi là viện ‘phục hồi’ cho lịch sự, chứ có ít ai được hồi phục sức khỏe để xuất viện về nhà. Vào đây rồi, thì xem như chờ ngày Trời gọi đi. Toàn cả những người bại liệt toàn thân, bán thân, hoặc đã mê man không còn biết trời đất chi nữa. Những người còn có thể tự dùng xe lăn để di chuyển một mình, chậm chạp như rùa bò, và khó khăn để tiến tới vài ba thước, họ được xem như thuộc thành phần khỏe mạnh nhất, có sức khỏe tốt.

Một cụ già teo tóp, như chỉ còn bộ da nhăn nhúm bọc trong mớ áo quần bùng nhùng, đang chống gậy đi từng bước chậm chạp vào cổng viện. Có lẽ cụ đi thăm thân nhân. Cái gậy của cụ, cứ chọc chọc nhiều lần xuống đất, giống như dò đường trong nước lút, rồi mới trụ lại để đỡ cho bước chân kế tiếp. Tôi thầm nghĩ rằng, đi đứng khó khăn đến thế,

mà cũng chịu khó vào đây thăm viếng. Tiếng thở khò khè mệt nhọc của cụ, làm tôi ái ngại.

Bà mẹ bạn tôi bệnh làm cho chân bị liệt, nằm trên giường. Có ống ni-lông nối từ bọng tiểu ra một cái bình treo cạnh giường. Nước tiểu màu vàng rỉ dần làm thành bọt trong ống dẫn. Ruột già của bà, được nối với một cái ống khác, để chuyển phân vào cái túi nằm bên ngoài, mang trên bụng. Bà đang nhăn nhó, khó chịu vì cái túi phân căng cứng đầy, mà y tá chưa có thì giờ để giúp bà trút bỏ phân chứa trong túi. Một ông rể nghe bà rên rỉ, anh dỡ mền ra, kéo quần bà xuống, sờ vào túi phân căng phồng, ông giận nói :

“Mấy người y-tá ở đây thiếu trách nhiệm. Túi phân căng đầy thế này, thì chúng tỏ hôm qua chưa đổ phân. Thôi, để con giúp mẹ. ”

Ông múc chậu nước, rồi kéo quần bà cụ xuống, gỡ băng keo dán trên bụng, dùng hai tay tháo túi phân ra khỏi ống nối. Tôi vội quay mặt đi, để tránh ‘phạm thượng’, khỏi thấy cái chỗ không đáng thấy, của bà cụ. Nhưng không kịp, và tôi suýt á lên một tiếng vì ngạc nhiên. Sau này tôi đem cái ngạc nhiên đó ra hỏi ông rể của bà cụ, thì anh cho biết, khi già, thì ‘tóc’ ở nơi ấy rụng hết, như đàn ông bị hói đầu, nên trơn lu như trẻ con. Tôi không biết có thật như vậy hay không.

Khi ông rể bà nặn phân từ túi ra chậu nước, mùi thối tha nồng nặc xông lên, tôi

không chịu nổi, phải lảng ra ngoài phòng. Tôi chợt cảm phục tấm lòng tốt của người con rể kia, và biết mình khó làm điều đó cho mẹ vợ được, dù tôi có thương bà đến mấy đi nữa. Nhưng có lẽ, nếu là mẹ ruột tôi, hoặc vợ tôi, thì tôi sẽ không ngần ngại mà xắn tay làm. Ông con rể của bà cẩn thận, rửa sạch túi phân, gắn lại trên bụng cho bà mẹ vợ. Anh vẫn tươi cười, vui vẻ, không tỏ ra khó chịu khi phải làm việc khó khăn dơ dáy này. Tôi tự xét, tấm lòng của ông hơn xa chúng tôi, hơn xa các con của bà cụ.

Mẹ bạn tôi được ẩm từ giường lên xe lăn, đẩy ra khu sinh hoạt, đó là một phòng lớn. Hơn bốn chục cái xe lăn, đặt hướng về một phía. Trên mỗi xe, có một con người bệnh, với những đôi mắt lơ đãng như không muốn thấy, những cái đầu xiêu vẹo trên cổ, những cái miệng méo mó, hở hang, và có nước dãi lòng thòng. Những khuôn mặt với da trắng bệch, như vô tri, như không còn sự sống. Các sư cô đến đây giúp vui cứ nói, cứ hát. Không cần biết đám người bệnh có nghe hay không. Những lời nói khuyến khích họ lạc quan, yêu đời, dù cho ở hoàn cảnh nào, cũng cứ nuôi hy vọng. Tôi thầm nghĩ, có lẽ hy vọng chính đáng lớn nhất của họ, là được sớm ra đi yên bình, khỏi phải kéo dài đời sống này, như những hình phạt khắc nghiệt phải chịu, trước khi được giải thoát.

Tôi đi thụt lùi về góc phòng. Tôi chợt nhận ra ông cụ già đã gặp buổi sáng, cụ đang ngồi bên cạnh một lão bà trong xe lăn. Cụ ông vuốt vai, vuốt lưng cụ bà, và hát nho nhỏ, những bài hát ru em, thỉnh thoảng tiếng hát bị đứt đoạn vì ho khàn trong cổ họng. Tôi lắng nghe tiếng được tiếng mất :

“ Thôi thôi, nín đi bé ời, đừng khóc nữa. Anh biết nó làm gãy tay con búp bê của bé. Anh sẽ gắn tay búp bê lại cho bé. Đây, cục kẹo, bé ăn đi, ngon vô cùng...Bé cười đi cho anh vui...”

Bà cụ cười, cái miệng cười không răng, trông dễ thương như em bé mới biết bò. Bà cụ nói thều thào:

“ Sáng nay ông ăn gì ? Nhớ ăn uống cho đầy đủ, đừng làm biếng ăn nghe cưng. Nhớ ăn rau trái cho nhiều vào.”

Ông cụ cúi đầu nghiêng qua, hôn lên mái tóc bạc lưa thưa, quàng tay qua vai bà, rồi hát tiếp bản nhạc “Sương Khói Vương Trong Mắt Em”. Đúng là sương khói trong mắt bà, vầng mắt đã đục trắng, mờ mờ lem nhem. Tiếng hát ông khàn khàn: “...ngày kia em sẽ tìm thấy rằng, những người biết yêu đều là mù quáng. Ôi, khi ngọn lửa trong tim cháy bùng, em phải hiểu rằng, sương khói đang vương trong mắt em...” Chưa hát xong, thì ông ho sù sụ, và dừng lại thở khò khè. Bà cụ

đang nhắm mắt lim dim, như ngây ngất với tiếng hát, bỗng mở mắt quay qua ông, nói:

“Lại ho nữa rồi. Khổ chưa.”

Tôi trở về chỗ với bà mẹ của bạn. Người em gái bạn tôi cười và nói nhỏ:

“Tôi biết anh đang rình nghe lóm chuyện của hai ông bà cụ bên kia. Ngày nào ông cụ cũng vào thăm bà, họ không tham gia sinh hoạt chung, mà đem nhau vào góc phòng ngồi thủ thỉ. Có khi ông mượn được cây đàn, búng dây tưng tưng, có lẽ run tay, nên thường đánh trật nhịp, rồi hát cho bà nghe. Chắc cặp vợ chồng này, đã có một đời sống hạnh phúc tuyệt vời”

Đến giờ ăn trưa, y tá bưng cho mỗi người một khay thức ăn, có bốn món. Mọi người ngồi quanh những cái bàn tròn trải khăn trắng. Rất ít người có thể tự đưa thức ăn vào miệng, y tá phải múc và bón cho từng người, như đút cho em bé. Những cái miệng đã méo, những cơ bắp đã liệt, làm thức ăn rơi chảy ra ngoài vung vải trên tấm khăn ăn mang trước ngực. Nhiều người cứ ngậm thức ăn trong miệng, không nhai, không nuốt, giống hệt những em bé nhõng nhẽo biếng ăn. Những người y tá rất kiên nhẫn và dịu dàng, dỗ dành các cụ : “Giỏi, giỏi lắm. Nhai đi. Nuốt đi. Có thể chứ... cảm ơn.” Rồi họ múc thêm thức ăn, dồn vào miệng các cụ.

Hai ông bà cụ vẫn ngồi riêng trong góc phòng. Ông chậm chạp vụng về lấy khăn ăn quàng qua cổ bà, vuốt vuốt trên ngực. Bà há miệng cho ông cắn hàm răng giả Rồi ông vịn bàn, ngồi xuống, đút cho bà ăn. Mỗi khi bà há miệng đòi đút thêm, ông cười sung sướng nói:

“Có thể chứ, bé ngoan lắm mà. Ăn cho mau lớn mà lấy chồng”.

Bà cụ quay qua, nụ cười với hàng răng giả đều đặn:

“Cứ chừng đó, nói đi nói lại hoài. Nhưng nghe cũng vui tai”.

Ông tăng hắng, thông đàm cổ họng, rồi nói:

“Ừ. Vợ chồng, hoặc những người yêu nhau, có bao giờ nghe nhầm câu ‘anh yêu em, em yêu anh’ đâu. Nghe mấy ngàn lần cũng cứ vui, cứ khoái tai như thường.”

Bà nói nhỏ nhỏ:

“Ông ăn với tôi nhé. Họ cho nhiều quá, ngày nào cũng thế. Hai người mình ăn cũng chưa hết. Ông ăn chén thịt bò xào đi. Ăn đi mà. Không ai nói gì đâu. Ông cứ ngại hoài. Mỗi ngày dư ra, cũng đem đổ đi mà thôi.”

Ông cười và nói đùa:

“Cái bao tử tôi đâu phải là thùng rác? Ừ, thôi, tôi ăn mấy miếng cho bà vui.”

Bà hỏi, giọng ngọt ngào :

“Hôm nay ông chờ xe buýt có lâu không?”

“Khá lâu, vì sáng nay xe đến trước giờ. Tôi thấy xe trờ tới, mà không dám chạy theo cho kịp.”

“Ừà. Đừng có chạy. Đi còn khó khăn. Vấp té, hoặc mệt đứng tim mà chết. Trễ chuyến này, còn chuyến khác. Không gấp.”

“Tôi biết mà. Muốn chạy cũng không được. Cứ thong thả. Chỉ sợ bà mong chờ, nóng ruột mà thôi.”

Bà cười, nhìn ông âu yếm. Tôi đứng nhìn xuống thảm cỏ dưới lầu, nhưng thấy và nghe hết câu chuyện của hai ông bà.

Ông đưa nước cho bà uống. Bà hớp một hớp, rồi lắc đầu. Ông có vẻ lo lắng:

“Lấy nước cam cho bà uống nhé? Bà không ưa nước này?”

Bà gật đầu. Ông chống gậy chậm chạp đi dần về phía cái bàn có nhiều bình cà phê, trà, nước ngọt. Ông vụng về rót đầy ly, rồi mang về. Một tay cầm ly, một tay chống gậy. Ông bước từng bước khó khăn. Tay ông run rẩy, làm nước chao đổ ra cả sàn phòng. Tôi vội vàng chạy đến, đỡ cái ly trên tay ông, và nói mau: “Tôi xin được giúp ông một tay”. Ông cụ toét miệng cười. Tôi đem ly nước đến cho bà cụ, và chào bà, hỏi bà có mạnh khỏe không. Tôi tự giới thiệu:

“Tôi tên là Tim. Tôi vào đây thăm bà mẹ của bạn, cái bà mặc áo hoa màu đỏ, ngồi bàn đằng kia kia”.

Ông cụ nghe không rõ, tưởng tôi đi thăm mẹ vợ, ông đáp lời:

“Hân hạnh. Tôi là Biêu. Bà này là Mary. Này, anh là một người tử tế, biết đi thăm bà má vợ. Anh có biết thiên hạ bảo rằng, cụ Adam, tổ tiên của loài người, là kẻ sung sướng nhất thế gian, vì cụ không có một bà mẹ vợ. ”

Tôi phì cười và đáp lời :

“ Xứ này, thì mấy ông rể ghét cay ghét đắng và có thành kiến với mẹ vợ, chứ xứ tôi, thì con rể và mẹ vợ rất thương nhau. Rể thương mẹ vợ, vì bà sinh ra con gái cho hắn ‘thả dê’ và mẹ vợ thương con rể, để nó ‘dê’ con gái của bà nhiều nhiều.”

Ông cụ toét miệng, nghiêng đầu cười ha hả, còn bà cụ thì trề cái môi dưới ra thật dài tỏ vẻ bất bình vì lời nói đùa cợt của tôi.

Một buổi chiều, tôi trở lại thăm một ông bạn cựu sĩ quan nằm mê man. Sau khi nựng má bạn để từ giã, tôi lái xe về. Khi xe đến cổng, tôi thấy ông Biêu đang chống gậy chậm chạp ì ạch đi ra đường. Nhìn lên thấy bầu trời xám xịt sắp chuyển mưa. Tôi dừng xe lại chào, và đề nghị chở ông ấy ra trạm xe buýt. Ông cảm ơn, và khó nhọc lắm mới ngồi vào được trong xe, tôi phải phụ ông gài dây an toàn. Tôi

thấy thương ông già quá, đi đứng khó khăn, mà ngày nào cũng đến thăm vợ bằng xe buýt, không quản ngại nắng mưa. Những cặp vợ chồng trẻ, cũng không tình tứ lãng mạn như hai cụ già này. Tôi mở đầu câu chuyện:

“Ông không nhờ được ai chở đi về mỗi ngày sao? Đi xe buýt, phải chờ đợi, nắng nôi, xe dừng lại nhiều trạm, cứ chạy giục mãi, mệt lắm. Con cháu của cụ không giúp được sao?”

“Tôi không có con cháu. Mà nếu có, cũng khó nhờ vả. Cũng không nên nhờ, vì chúng mãi tất bật với công ăn việc làm, với đời sống riêng khó khăn. Mình nhiều thì giờ, cứ thông thả, từ từ, thì đi đâu cũng đến. Chỉ không đi vòng quanh thế giới được mà thôi.”

Tôi nói:

“Khi còn bé, tôi cũng ước mơ làm một kẻ lãng du, được in dấu chân mình khắp năm châu bốn bể. Nhưng rồi vì hoàn cảnh đất nước chiến tranh, vì đời sống, áo cơm, vợ con, nên bây giờ cứ tiếc mãi.”

“Không việc gì mà tiếc. Đi được cũng vui, mà không đi được, cũng có cái vui khác. Hoàn cảnh nào, cũng tìm được nguồn vui trong đó. Tôi cũng đã từng dùng gần cả cuộc đời đi lang thang hầu như khắp nẻo địa cầu, cũng vui. Nhưng rồi, cũng chẳng được gì ngoài thoả mãn cái tò mò, cái mơ mộng của mình.”

Nghe ông cụ đã từng đi khắp địa cầu, tôi khoái quá, muốn biết kinh nghiệm của ông. Bến xe buýt đã cận kề, tôi muốn kéo dài câu chuyện, hỏi:

“Cụ ở đâu? Tôi đưa cụ về nhà luôn. Rồi cụ kể cho tôi nghe về cuộc đời đi giang hồ khắp nơi trên địa cầu này nhé!”

“Thôi, thôi, để khi khác. Tôi không muốn làm phiền anh. Nhà tôi ở gần góc đường số 5, và Harbor. Khi nào rảnh, mời anh ghé chơi.”

“Nhà tôi cũng vùng đó. Cụ đừng ngại, để tôi chở cụ về luôn, cũng tiện đường. Tôi đang rảnh rang, không có việc chi bận rộn cả.”

“Thế thì được. Mình không nên lợi dụng lòng tốt của thiên hạ. Ai cũng tốt cả, nhưng bị lợi dụng nhiều, cũng sẽ phát cáu, và mất bớt cái tử tế. À, hay là tôi mời anh đi ăn tiệm chiều nay. Tôi biết một tiệm có món thịt bò chiên ngon và mềm lắm. Răng yếu như tôi, cũng còn nhai được.”

“Cụ còn thích ăn thịt bò? Ăn thịt nhiều, không tốt cho sức khỏe. Rồi bị cao máu, cao mỡ...”

“Tuổi tôi, ngoài chín mươi rồi, không còn sợ gì cả. Ngon thì cứ ăn cho vui. Đâu có còn thấy mặt trời được bao lâu nữa. Vui được cứ vui, ngon cứ ăn, mệt cứ nghỉ. Mỗi giờ, vui sống cho tròn sáu mươi phút, mỗi phút, vui tròn sáu mươi giây”

“Cụ còn yêu đời quá nhỉ? Thế thì cụ không đau ốm, không nhức xương, không mỏi mệt.?”

“Già thì ai mà chẳng bệnh, không đau ốm. Đau nhức xương cốt là cái trời cho mình trong tuổi già. Còn chống gậy lê bước được, còn nghe được loáng thoáng, thấy được lò mờ, cũng đã quá vui và hạnh phúc rồi. Mùa thu thì lá phải vàng và rụng, để cho lá non đâm chồi. Anh đã nghe câu thơ: “Còn bước được, ta còn ca, còn múa. Thế giới này, đầy cả hạnh phúc vui.”?

Tôi nói đùa:

“Hay là, ăn tiệm xong, cụ và tôi đi nhảy Disco chơi?”

Ông cụ cười ha ha, vỗ vào đùi tôi, ông nói:

“Anh còn ngon lành quá. Đi thì đi, tôi đâu có sợ gì. Anh cứ nhảy, tôi ngồi xem cũng vui. Mà anh còn đủ sức để nhảy không chứ?”

Ông chỉ đường cho tôi đi đến tiệm thịt bò chiên đặc biệt. Bên trong trang hoàng thanh nhã, ghế bọc nệm da láng. Bàn kê sát cửa sổ nhìn ra một công viên cây xanh, có hồ nước loang loáng in bóng bầu trời.

Chúng tôi kêu hai đĩa thịt bò chiên ăn với khoai tây nghiền, và rau sống. Răng tôi cũng đã yếu, không cắn nổi bánh mì. Tôi nhập đề ngay:

“Cụ nói cho tôi nghe về cuộc đời lãng du của cụ đi. Tôi đang nóng lòng nghe đây.”

“Hôm nay đặc biệt, anh uống với tôi một chai rượu vang nhé.”

Cả đời tôi, thiếu mất cái thú uống rượu, vì uống vào, đã không ngon miệng, mà còn thấy dờn dợn, và cay xè, khó chịu, như uống phải thuốc độc. Sau đó thì chóng mặt, nhức đầu. Nhưng hôm nay, tôi không muốn ông già Biêu cụt hứng, nên cười vui, và gạt đầu bằng lòng. Bên ngoài trời mưa xối xả, đất trời trắng xóa, quán lên đèn vàng ấm áp.

Ông cụ rót rượu màu máu thắm vào ly pha lê lóng lánh. Tôi làm như sành nhậu, lắc rượu xoay tròn trong ly, và nhìn mưa rơi, trời đất đẹp như bức tranh lãng mạn. Tôi đổi đề tài:

“Tôi thấy hai cụ thương yêu, chăm sóc nhau, làm tôi cảm động và vui lây với cái hạnh phúc lan tỏa ra chung quanh. Cụ có thể kể cho tôi nghe về cụ bà, có được không?”

Ông cụ thở dài, tăng hắng rồi bắt giọng:

“Tôi và Mary cùng tuổi. Lớn lên ở cạnh nhà nhau. Chúng tôi thường khi nằm chung nôi, và bú chung vú mẹ. Mary bú vú mẹ tôi và tôi bú mẹ Mary. Hai nhà qua lại thân thiết. Tôi và Mary chơi chung đồ chơi. Nhiều hôm đắp chung chăn ngủ vùi. Rồi đi học cùng lớp. Được bố mẹ đón đi về với nhau mỗi ngày. Hồi sáu bảy tuổi, thấy bố mẹ hôn nhau, chúng tôi

cũng hôn nhau mỗi ngày nhiều lần. Chúng tôi cũng đóng vai vợ chồng, giả vờ chăm sóc nhau. Tôi xé giấy làm tiền, đưa cho Mary, như là đưa ngân phiếu lương cho vợ. Mỗi lần gia đình đi nghỉ hè, chúng tôi khóc, đòi đi chung. Không được, thì suốt thời gian vắng nhau, chúng tôi ủ rũ như tàu lá héo. Tôi và Mary đều tin chắc rằng, lớn lên, chúng tôi sẽ kết hôn thành vợ chồng. Năm mười một tuổi, bố mẹ Mary li dị nhau. Căn nhà được bán đi. Nàng theo mẹ dọn về nơi khác, xa nhà cũ chừng một giờ đi xe buýt, đổi xe hai lần. Mary trao cho tôi địa chỉ mới và có vẽ bản đồ xe buýt có ghi: “Chờ anh đến gặp em. Chờ anh từng ngày” Tôi muốn thăm nàng lắm, nhưng không đi được, vì chẳng ai đưa, và còn nhỏ, bố mẹ không cho đi một mình. Tôi muốn trốn nhà đi thăm, nhưng cũng không có tiền mua vé xe buýt. Hơn một năm sau, tôi để dành được tiền, và có dịp trốn nhà đi thăm. Nhưng đến nơi, thì nhà đóng cửa, tôi đấm cửa rồi ngồi chờ trong hành lang cư xá. Đến chiều tối, nàng cũng chưa về. Tôi phải vội vã đi bộ ra trạm xe buýt, khi về đến nhà, thì thấy xe cảnh sát và cả xóm xôn xao đổ đi tìm tôi. Tôi bị trừng phạt. Bố mẹ tôi suýt bị ra toà vì tội lơ đãng trong việc chăm sóc con nhỏ. Tôi thú thật với mẹ là nhớ Mary quá, nên trốn nhà đi thăm. Mẹ khuyên tôi nên quên Mary đi. Làm sao mà tôi quên được. Mấy năm sau, mẹ Mary lấy chồng

khác, dọn nhà qua tiểu bang xa. Hai đứa hoàn toàn mất liên lạc nhau. Nhưng trong tôi, hình bóng Mary không phai mờ. Tôi mong mau lớn để đi làm, cưới Mary làm vợ.

Năm mười chín tuổi, tôi gặp lại nàng, hai đứa vô cùng vui mừng, và ôm chặt lấy nhau, tưởng sẽ không bao giờ xa nhau được nữa. Lúc này, nàng đã đính hôn với người khác rồi, nhưng nàng sẵn sàng hủy bỏ để lấy tôi. Chúng tôi định làm đám cưới gấp nhưng không kịp, vì hai hôm sau đã phải đi Âu Châu tham dự Đệ Nhị Thế Chiến. Tôi lái máy bay chiến đấu. Say mê với những cuộc không chiến hiểm nghèo, mà sinh mạng như treo đầu ngọn cỏ. Mới mấy tháng, tôi đã hạ được năm máy bay địch, rồi cũng phải trả nợ, tôi bị bắn rơi trên vùng trời địch. Quân đội xem như tôi đã chết, có báo tin về cho gia đình, Mary cũng biết. Tôi bị thương, và sau mấy ngày trốn núp trong ruộng nho, tôi bị bắt làm tù binh.

Sau khi thế chiến chấm dứt, tôi trở về, tơi tả, thì Mary cũng đã có chồng. Lấy người mà nàng đã đính hôn trước đây. Tôi buồn, cái máu giang hồ nổi lên, xin đi theo đoàn thám hiểm. Đi khắp thế giới, đến những nơi chưa ai từng in dấu chân. Từ Bắc Cực đến Nam Cực, những vùng rừng già Phi Châu, Á Châu, Nam Mỹ, tôi say mê với khám phá thiên nhiên, tìm hiểu đời sống sinh vật. Khi ở tuổi 55, tôi bị tai nạn tuyết chuối, cả đoàn bị chôn vùi nhiều

ngày trong núi nước đá đông. Khi được moi ra, tôi là một trong hai người còn sống sót. Bị thương ở cột sống, tôi không còn đủ năng lực đi theo đoàn thám hiểm nữa. Về thành phố nhỏ, tôi sống bằng nghề đánh đàn trong một hộp đêm ế khách, của một ban nhạc nghèo. Nhưng cũng lây lất đủ qua ngày, qua tháng.

Khi này thì Mary đã ly dị hai lần. Anh chồng thứ nhất say mê bài bạc, nợ nần lung tung, nhiều khi nhà không có bánh mì khô mà gặm. Anh chồng thứ hai thì tốt bụng, nhưng say sưa và gần như thất nghiệp quanh năm. Cái số của nàng khổ. Anh chồng thứ ba là thợ mộc, làm ăn khá giả, tử tế. Nhưng cũng không lâu, vì anh ta đã té từ mái nhà xuống, gãy xương sống, nằm liệt một chỗ. Mary vừa đi làm nuôi chồng, vừa chăm sóc, cho đến khi chồng chết.

Đầu thập niên 1990 tôi đang trắng tay, sống vất vả với đồng tiền eo hẹp. Trong khi rảnh rỗi, tôi ghi danh tham dự một khoá hội thảo về thị trường chứng khoán. Tại đây, tôi quen với một tay chơi chứng khoán nhà nghề. Hắn dạy tôi chơi, tôi cứ nhắm mắt theo hắn, và nhờ thế mà tiền lời tăng mau như thổi. Đôi khi không kịp nghe lời hắn mà vô ra thị trường cho kịp, thì tôi lại may mắn hơn, ăn nhiều hơn, hoặc thua ít hơn. Rồi suốt ngày tôi ngồi trước máy vi tính, mua bán chứng khoán cho bà con, bạn bè. Vô, ra, từng giờ. Trời đái, chứng

khoán lên giá, thì tôi được lời đã đành, mà chứng khoán xuống giá, tôi cũng lời luôn. Tôi không phải nghiên cứu học hỏi chi cả, cứ nhắm mắt theo ông bạn. Tôi báo cáo lời lỗ cho hắn từng ngày. Hắn khoái lắm. Trong vòng gần mười năm, tôi đã có đến bạc triệu. Thế mà ông bạn đó lại sạt nghiệp, thua to tã, và nợ nần, bị vợ ly dị luôn. Tôi đã phải trả quả cho vụ chứng khoán này. Bị căng thẳng quá, nên đau tim. Đầu năm 2000, tôi phải vào bệnh viện mổ tim. Trước khi mổ, tôi chuyển hết tiền vào các đầu tư cố định. Không lời nhiều, nhưng chắc ăn, không lo mất. Trời xui khiến, khi tôi mổ tim về nhà, thì cái máy vi tính của tôi trục trặc, đang thời gian dưỡng bệnh, tôi không màng chi đến chuyện tiền bạc, thị trường. Dù vậy, tôi cũng đã phải vào bệnh viện mổ lại, sức khỏe của tôi xuống rất thấp. Hơn hai năm trời đau yếu rề rà, tôi không hề đụng đến cái máy vi tính, và không nghĩ đến số tiền đầu tư. Một hôm tình cờ, tôi giật mình khi nghe tin tức. Trong thời gian đó, thị trường chứng khoán Nasdaq tụt dốc xuống hố, chỉ số từ khoảng 4700 xuống đến gần 1100. Nghĩa là mất giá, chỉ còn chừng 25%. Có nhiều người thua sạch. Có người tự tử chết. Tôi không mất xu nào cả. Trời thương.

Năm 80 tuổi, tình cờ tôi gặp lại Mary. Cả hai đều móm mém, già nua. Thế mà còn nhận ra được nhau. Ôm nhau khóc. Kể lể cho nhau

nghe bao nhiêu gian truân của cuộc đời. Chỉ trong vòng một tuần, chúng tôi đưa nhau vào nhà thờ, làm đám cưới gấp, có một số ít bạn bè chứng kiến. Nàng lấy chồng lần thứ tư, tôi lần đầu tiên cưới vợ. Tôi đem Mary về, chúng tôi sống trong hạnh phúc êm đềm của tuổi già. Nhiều đêm nằm ngủ thức giấc, quàng tay qua, có Mary nằm bên cạnh, tôi có cái hạnh phúc của thời thơ ấu, khi hai đứa nằm đắp chung chăn ngủ trong những ngày mùa đông tuyết đổ. Nếu chúng tôi lấy nhau sớm, thì có lẽ đời Mary không chịu nhiều truân chuyên, mà tôi cũng không thành một gã lãng tử giang hồ.

Mấy năm chung sống trong tuổi già, hạnh phúc chúng tôi tràn đầy. Cuối đời, Trời đã cho chúng tôi đoàn viên sung sướng. Ba năm trước, Mary bị đột quy, tê liệt nửa người. Nói không ra tiếng, đi không được. Sau một thời gian thể dục trị liệu, thì đi lại bằng nạng, và nói được, nhưng rất khó khăn. Tôi có thuê người đến nhà chăm sóc hàng ngày, chừng vài ba giờ, giúp làm những việc nặng mà tôi không kham nổi. Nhưng mấy tháng sau, Mary bị liên tiếp thêm hai lần đột quy nữa. Nằm bệnh viện một thời gian, rồi được đưa thẳng vào viện phục hồi. Tôi muốn đưa nàng về nhà, tôi sẽ chăm nom. Nhưng bác sĩ, y tá và nhiều người nói rằng, tình trạng của Mary không thể săn sóc tại nhà được. Vả lại, tôi cũng đã yếu, không giúp gì được nhiều. mấy năm nay, mỗi

tuần bảy ngày, tôi vào ra bệnh viện, cũng là một lối tập thể dục, một lối dinh dưỡng tâm thần. Gặp nhau vui, thấy đời dễ thương và ý nghĩa hơn.”

Tôi thấy thương ông cụ quá, hỏi:

“Đi thăm mỗi ngày, chờ đợi xe buýt, cụ không thấy mệt sao?”

“Đôi khi mệt lắm chứ. Có khi tưởng như không về nổi đến nhà. Nhưng không đến, thì Mary buồn và lo lắng. Đôi khi mệt quá, tôi ngủ thiếp trên xe, đi đến trạm cuối, phải quay về”

Người phục vụ bưng ra hai đĩa thịt bê chiên, có khoai nghiền, xà lách, nấm xào. Thức ăn trên đĩa sắp đặt mỹ thuật, mới nhìn thôi, cũng đã thấy ngon rồi. Ông cụ cắt đôi miếng thịt, chia thức ăn làm hai phần. Rồi xin một cái hộp nhựa, cẩn thận cho thức ăn vào, gói lại bằng cái bao giấy màu nâu.

Thịt bê mềm, bên trong còn màu hồng của máu rỉ ra. Tôi cắt ăn, và cảm được cái vị ngọt, mềm tan trong răng. Hèn chi ông cụ đưa tôi đến tiệm này. Chúng tôi thông thả ăn chờ mưa dút. Ông cụ hớp từng ngụm rượu nho hồng khoái trá. Tôi không uống rượu được, nhưng cũng cứ nhấp cho ông cụ vui, và chính mình cũng cảm thấy được cái lãng mạn của một buổi rượu, trong lúc chờ mưa. Sau đó, uống cà phê. Tôi cảm được cái hạnh phúc quý báu đơn sơ bên ông bạn già.

Sau bữa ăn, ông cụ móc điện thoại cầm tay, kêu ai đó, mà không được. Ông cụ nói:

“Cái con khỉ. Máy hết điện. Bậy thật, hôm qua quên nạp điện.”

Tôi móc điện thoại đưa cho ông. Kêu lộn số hai ba lần, ông lầm bầm rồi nói lớn như thét:

“Thom...Thom, khoan ăn buổi tối đã nghen. Có thịt bê chiên ngon và mềm lắm, anh sẽ ghé ngang qua nhà và đưa cho chú.”

Ông cho biết, cụ Thom là em ông, liệt chân, ngồi xe lăn, bị thần kinh, sống một mình trong khu gia cư dành cho người già thuê.

Mưa tạnh, tôi đưa cụ Biều đến khu người già của em ông ở, cũng trên con đường về. Tôi đi theo cụ Biều lên thang máy. Gõ cửa ầm ầm. Đấm cửa hoài mà không ai trả lời. Cụ Biều kiên nhẫn đứng chờ hơn năm phút và nháy mắt ra dấu cho tôi, ý muốn nói gì đó mà tôi không hiểu. Một lúc sau, có tiếng động bên trong và cửa hé mở. Một ông già râu ria che khuất cả mặt, tóc tai dài loăn xoăn phủ xuống vai, ngồi trên xe lăn chạy bằng điện. Ông này có dáng dấp của ông già Rip Van Winkle ngủ quên một trăm năm trong rừng. Ông già toét miệng cười, nói lớn:

“Tôi đã im lặng, để anh tưởng tôi không có nhà, mà bỏ đi. Không ngờ. Ha ha ha...”

Ông Biều cười hiền lành và chìa cái hộp thức ăn cho ông em. Ông em đưa tay hất ra:

“Ăn thừa rồi đem lại đây phải không? Tôi đâu phải là cái thùng rác mà đem đổ thức ăn thừa?”

Tôi thấy tội nghiệp ông Biều, bèn nói nhỏ :

“Không phải ăn thừa. Ông Biều đã cắt và chia ra trước khi ăn”

Ông già râu nạt lớn tiếng:

“Thằng Chệt hôi hám kia! Ai cho xía mồm vào. Ai cho mầy vào đây?”

Tôi đã được biết ông này bị thần kinh, nên không chấp trách, không bực mình. Ông Biều vội vã nói:

“Bậy nào, bậy nào. Đừng nói vậy!”

Sau khi dúm cái hộp thức ăn vào tay người em, ông Biều kéo tôi đi vội.

Ra đến thang máy, ông Biều nói nhỏ:

“Đừng bực mình, người bệnh thần kinh, nói năng trăng cuội, họ không biết họ nói gì.”

Tôi cười vui thành tiếng cho cụ Biều yên lòng. Đưa cụ về nhà, trước khi chia tay, tôi dặn:

“Khi nào thấy tôi trong viện phục hồi, cụ nhớ kêu, để tôi chở cụ về, khỏi đi xe buýt.”

“Cám ơn lòng tốt. Bà mẹ của bạn anh cũng còn đẹp lắm.”

“Thế thì cụ có chịu làm bố dượng bạn tôi không? Mỗi lần đi thăm cả hai bà cho tiện. Tha hồ mà ca hát, ru em.”

Ông cụ Biều cười khà khà, tôi khoát tay chào và ra về. Trong lòng tôi lâng lâng niềm hạnh phúc ./.

Đỗ Nước Đường

Vợ chồng ông Năm đối xử với nhau lịch sự như tiên ông tiên bà. Họ chưa hề to tiếng hoặc gắt gỏng nhau. Cũng có khi bất đồng ý kiến, nhưng họ biết tạm thời gác lại các khác biệt, để mà vui hưởng thời gian trời cho sáu mươi phút trong một giờ. Bà Năm thường nhắc nhở chồng rằng, hơn thua nhau mà làm chi, không có lợi cho ai, mà thiệt đến cái vui, cái yên ấm của gia đình. Bí quyết của ông Năm để giữ lịch sự với vợ, là khi nào cũng tự nhủ thầm rằng, đây là “cô em gái” mới quen biết, phải cưng chiều, nhẹ nhàng, ngọt ngào, may ra “cô em” mới xiêu lòng, đại độ ngã vào vòng tay mình. Nhờ đó, mà khi nào bà Năm cũng thấy sung sướng, hạnh phúc, và thấy thương ông chồng hơn. Phần bà Năm, cũng theo một phương sách, xem ông như “người anh trai” mới gặp gỡ, bà phải tỏ ra dễ thương, lời nói ngọt như mía lùi, hiền như Đức Mẹ, thì may ra ông mới bị điên đảo tâm thần, u mê ám chướng, dám thương “người-dưng-khác-họ” ngang bằng, hay hơn cả cha mẹ ông. Bà nói, người xưa có khuyên “Tương kính như tân”, nghĩa là kính trọng nhau như khách,

câu đó, ai cũng biết, mà không mấy ai đem áp dụng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Bởi vì hàng ngày sống chung, va chạm thực tế rất trần tục, thì không bức, không xem thường nhau là quý rồi, nói chi đến cái kính trọng?

Một số bạn bè của bà Năm, có những ông chồng bay bướm, các bà vợ này không hiểu tại sao những cô nhân tình của chồng vừa xấu xí dung nhan, vừa trình độ thấp kém, mà ông chồng lại mê như điên đảo, dám lén lút tư tình, ngày đêm thương nhớ. Có bà cho rằng, đàn ông ham mê của lạ. Nhưng theo bà Năm, thì vì các cô nhân tình này khi nào cũng ngọt ngào, dịu dàng, vuốt ve, nịnh bợ, tặng bốc các ông lên tận mây xanh. Làm tự ái của các ông được thỏa mãn. Trong khi vợ nhà thì gằn gừ, nạt nộ, chê bai, nói xấu, hạ thấp các ông chồng sát ván, thì các ông đi tìm thỏa mãn tự ái bên ngoài, chẳng có chi là lạ. Phần bà Năm thì ngày đêm cứ “đổ nước đường, rót mật vào tai” cho chồng, làm các ông có cảm tưởng rằng, tuy họ chẳng “ngon lành” gì với ai, nhưng là thứ yêu quý của bà vợ. Ông cố gắng giữ cho xứng đáng với lòng tin vô điều kiện của vợ. Bà khen ông đủ thứ chuyện, khen khi riêng tư, khen với bà con, bạn bè, khen khi có mặt ông, khen cả sau lưng ông. Khen ông tài giỏi, trí thức, rộng lượng, dịu dàng, hiểu biết, vị tha, thương người, có trái tim ấm áp. Có người cười vào mặt bà khi nghe lời bà khen

chồng. Nhưng kệ họ, bà cứ nghĩ ông đáng được khen tặng, và bà biết lời khen đó, thế nào cũng dội lại tai ông, làm ông vui sướng. Chồng vui là đủ rồi, ai cười mặc xác họ.

Ông cũng khen bà không tiếc lời, nào là đảm đang, khéo léo, ngọt ngào, dịu dàng, hy sinh, biết vun xới cho hạnh phúc gia đình, biết thấy nửa ly nước đầy chứ không phải nửa ly nước vơi, không đòi hỏi, chẳng mơ ước cao xa. Ông cho bà là một người phụ nữ lý tưởng, mà ai cưới bà, cũng sẽ tìm được hạnh phúc đầy tràn. Bà có đủ công dung ngôn hạnh. Ông thường ngâm nga hai câu thơ của một thi nhân giả bạn ông; “Con ta đẹp tựa thiên thần. Vợ ta tiên nữ xuống trần độ ta”. Bà biết lời thơ thậm xưng, nhưng cũng làm cho bà sung sướng lâng lâng. Một kẻ tầm thường và khiêm tốn đến mấy đi nữa, khi được xem là tiên nữ của một người khác, thì phải sướng ngất ngây, và sẵn sàng làm đủ thứ chuyện cho người tôn xưng mình.

Trong một tiệc rượu, có ông bạn say ngà ngà, nói rằng: “Nếu có một người nào đó chê bai ta như vợ ta chê, găm gù nạt nộ ta, thiếu lịch sự với ta, và đòi hỏi đủ điều vô lý, mà ta vẫn chịu đựng được, thì kẻ đó, chính là vợ ta, chứ không ai khác”. Ông Năm tiếp lời và sửa lại câu nói rằng “Nếu có một người nào đó khen tôi như vợ tôi khen, nhỏ nhẹ dịu dàng và lễ độ với tôi, không ham muốn chi

cao xa cả, làm cho đời sống tôi thêm ý nghĩa, hạnh phúc, thì người đó, chính là vợ tôi chứ không ai khác”. Nhiều ông bạn kêu ầm lên rằng, đó là trường hợp cá biệt, không phải là trường hợp chung, vì ông nào trong tiệc rượu này, cũng bị vợ mắng chửi, chê bai, không nhiều thì ít.

Ông Năm nói rằng, các bạn bị vợ la mắng nạt nộ, thiếu lịch sự cũng tại lỗi của bạn. Trước hết, bạn đã làm gì, để biến một cô em dịu dàng dễ thương ngày xưa thành một bà chằn hống hách nạt nộ. Hoặc vì bạn thô lỗ, thiếu khôn khéo, ít dịu dàng, không ngọt ngào với vợ, hoặc bạn làm điều làm lỗi to lớn, làm khổ các bà, hoặc vì các bạn quá chịu đựng, nhường nhịn đến độ nhu nhược, để các bà leo lên cổ bạn ngồi, quen rồi, không gạt xuống được nữa. Phần nào cũng tại lỗi của các bạn cả. Nếu biết đặt ra một giới hạn nào đó, để vợ bạn không vượt qua, và đừng để cho ai vượt qua cái mức đó, thì tình trạng tồi tệ khó có thể xảy ra. Ngay cả con cái, nếu được cưng chiều quá đáng, nó cũng sẽ cảm thấy bị ức hiếp và coi cha mẹ không ra gì, và kết quả thành đứa con hư, không dạy được nữa.

Một ông bạn cãi rằng: “Làm sao mà đặt ra giới hạn được? Khi mới lấy nhau về, tôi nói với vợ rằng, tôi muốn điều khiển mọi sự trong gia đình như một vị thuyền trưởng trên chiếc tàu. Vợ tôi đáp rằng cô ấy hoàn toàn đồng ý,

nhưng xin tôi đừng quên, phải xem cô như một vị Đô Đốc Hải Quân. Thế thì xem như đã thua ngay từ khi chưa ra quân chứ còn gì?”. Mấy ông bạn cùng cười với nhau vui vẻ. Chỉ có ông Phan ngồi trầm ngâm, thở dài không nói. Ông Phan nguyên làm giáo sư đại học, vợ là sinh viên của ông. Ngày xưa, bà vợ ngưỡng mộ, kính trọng và xem ông như một bậc thánh chữ. Nhưng khi đã kết duyên xong, thì cái vị trí thiêng liêng của ông càng ngày càng hạ thấp xuống, cho đến khi sát tận đất đen, bà xem thường ông như một kẻ vô tích sự và lắm cằm. Những góp ý của ông trong gia đình, đều bị bà đáp lại bằng những cái trợn mắt nghiêm khắc, làm ông chùn lại như một kẻ phạm tội. Bà đơn phương quyết định mọi sự, ông không có quyền xía vào. Bởi vì khi nào bà cũng tự cho là đúng, và nghĩ rằng ông luôn luôn sai. Có người hỏi ông Năm tại sao sự việc đảo lộn như thế, từ kính trọng, đến xem thường tẻ nhạt. Ông Năm cười và giải thích rằng, khi ông Thánh đã luồn tay vào bụng người đàn bà, thì đừng mong chi còn sự kính trọng. Vả lại, khi sống chung dài ngày, thì cái tầm thường của ông Thánh phơi bày ra quá rõ ràng, và như ca dao nói “Gần chùa gọi Bụt bằng anh”. Trong lòng bà, ông ấy đã được tôn vinh lên làm thần tượng, mà thần tượng nào rồi cũng sụp đổ. Khi thần tượng

sụp đổ, thì đau. Thà không là gì hết, mà lại khỏi bị sụp.

Nhiều người biết chuyện gia đình ông Năm, gán cho bà Năm là cái “lò nấu mật đường”. Mỗi khi nghe giọng nói thỏ thẻ ngọt ngào của bà với ông chồng, nhiều ông bạn tức uất lên, cho rằng ông Năm đã bị vợ đổ nước đường, bị mê hoặc. Ông Năm thì vui vẻ nói với bạn rằng, thà được đổ nước đường vào tai, còn hơn là bị tạt a-xít lên mặt. Bị tạt a-xít mà vẫn phải cắn răng chịu đựng mới đau. Ông nói thêm rằng, ông Trời còn ưa nghe lời nịnh nọt, huống chi ông là một kẻ phàm phu tục tử.

Mỗi khi nhờ chồng làm việc gì, bà Năm thỏ thẻ: “ Anh ơi, anh có thể nào giúp cho em việc này không? Em cám ơn anh lắm. Nếu anh bận thì thôi, để khi khác, hoặc em sẽ làm lấy cũng được” Nghe lời ngọt ngào đó, dù có bận việc khác, ông Năm cũng bỏ ngang, để giúp vợ. Lời dịu dàng của bà, có hiệu quả hơn lời gắt gỏng, lên giọng sai bảo của các bà vợ khác. Ông Năm đã từng nghe vợ bạn ông ra lệnh cho chồng làm việc này, việc kia, và nếu các ông bạn chưa kịp làm, thì to tiếng phàn trách than vãn. Các ông chồng này, miễn cưỡng làm việc vợ sai bảo, với tâm trạng bực bội, khó chịu, đôi khi làm cho xong, cho có. Riêng ông Năm, thì làm việc vợ nhờ với tâm trạng phơi phới, vui vẻ, vì ông giúp vợ, chứ

không phải làm theo mệnh lệnh. Ông làm với hết cả tấm lòng.

Một lần bà Năm nghe bạn chê chồng : “Ông ấy lười không lấy chi tả được. Vụng về, tay chân loạng quạng, chẳng làm được việc gì nên thân. Con người đó, không có tim, óc, độc ác, thiếu nhân từ” Bà Năm nhẹ nhàng nói với bạn: “Chị chê chồng như vậy, nhưng nghĩ kỹ xem, có ông nào khá hơn ông chồng chị không? Thử chỉ cho tôi xem với!” Bà bạn xì một tiếng và nói: “Tôi thấy trong bạn bè, ông nào cũng hơn ông chồng của tôi. Như ông Phan, ông Lê, ông Trần chẳng hạn. Ông chồng tôi tệ nhất đám”. Bà Năm cười mà nói: “Tôi nghe bà Phan, bà Lê, bà Trần đều chê các ông chồng thậm tệ, như chị chê chồng chị. Ở ngoài nhìn vào, thì không thấy sự thực, nhưng sống chung lâu ngày, mới biết rõ tận tường. Nhưng tôi nói cho chị biết, tìm cho ra những người như chồng chị, như ông Phan, ông Lê , ông Trần cũng không phải dễ. Khó lắm. Các bà không thấy ưu điểm của chồng mình, mà chỉ nhìn vào khuyết điểm để than van trách móc. Ai mà không có những khiếm khuyết. Phải nhìn vào ưu điểm của các ông, để mà vui sống cho hạnh phúc. Đứng bên núi này, thấy núi bên kia xanh tươi long lanh điểm ảo, nhưng qua bên kia nhìn lại, mới biết cái núi của mình cũng đẹp để muôn màu. Không nên đem chồng người khác mà so sánh với

chồng mình. Phải nhớ, mình cũng may mắn lắm, mới kết duyên được với mấy ông này. Các ông không phải là đồ bỏ đi đâu nhé. Ngày xưa được các ông ngỏ lời cưới làm vợ, chúng ta đều mừng hết lớn, chứ đâu phải ổng eo chê bai. Chị xem, như con Huyền em tôi, chê chồng, bỏ chồng, chạy rong rong săn chồng mới cả mười năm nay không tìm ra được một kẻ tề cỡ ông chồng cũ. Chúng ta cũng vậy, nếu bỏ mấy ông này ra, thì cũng chẳng ai dám rước, không ai tốt hơn các ông này đâu.

Bố mẹ của ông Năm thì khác hẳn, khẩu chiến triền miên. Hầu như suốt ngày lo cãi nhau là việc chính yếu. Ông bà cụ tranh nhau hơn thua từng tắc từng li. Họ tranh luận gay gắt cả những điều hoàn toàn không liên hệ đến chính họ. Ví như cãi nhau rằng mùa đông năm ngoái lạnh hơn mùa đông năm nay, người Do Thái đáng thương hơn người Palestine, khoai tây ngon hơn khoai lang. Có nhiều điều, hai ông bà cụ đều đúng cả, mà cũng cãi nhau từng bưng. Tiếp theo là to tiếng, rồi bà nói hỗn, lời tội lỗi xưa của ông ra mà nhiếc móc. Ông thì giận run, tím mặt, bà thì khóc lóc bù lu. Gia đình không khi nào thiếu sóng gió vì chuyện tranh luận hơn thua giữa hai ông bà. Con cái trong gia đình tìm cách xa lánh, không dám về thường xuyên để tránh tên bay đạn lạc. Ông Năm thường khuyên rằng, hơn thua nhau làm chi, ai đúng ai sai thì

chẳng được gì, mà tranh cãi, làm cả gia đình mất đi cái êm ấm, cái hạnh phúc. Nếu cái đúng và cái sai đó, có thể vun xới thêm cho gia đình, thì cũng nên tranh cãi, mà chỉ tranh cãi nhẹ nhàng, trong tinh thần xây dựng, chứ không phải để hơn thua. Nhưng lời của ông Năm chỉ như nước đổ lá khoai, bố mẹ ông đã ghiền cãi nhau, ghiền đập vỡ cái yên ấm gia đình. Cũng có thể nhờ thấy gương của bố mẹ, mà ông Năm tìm ra được lối cư xử hợp lý hơn, để nuôi dưỡng cái êm ấm của gia đình riêng ông.

Bà Năm thường nói rằng, mục tiêu chính của con người trên thế gian là đi tìm hạnh phúc. Làm việc kiếm tiền, tích trữ tài sản, cũng chỉ nhắm đến việc mưu cầu hạnh phúc. Đi theo một lý tưởng đẹp, cũng chỉ vì muốn đem lại hạnh phúc cho người khác, muốn phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân loại. Nếu mỗi người tự lo được cho hạnh phúc của cá nhân họ, thì cũng đỡ gánh nặng cho xã hội, cho người khác. Bà gắng vun xới cho hạnh phúc riêng của gia đình, và quan niệm rằng, trong một quốc gia, nếu nhà nhà đều được hạnh phúc, thì đó là một xã hội lý tưởng, mong ước muôn đời của nhân loại.

Ông bà Năm đã về hưu, hưởng trợ cấp an sinh xã hội, không nhiều, nhưng đối với ông bà, thì đã quá đủ. Theo ông, thì có nhiều bao nhiêu cũng thiếu, mà có ít bao nhiêu cũng

đủ. Cái thiếu hay cái đủ đều nằm trong tâm, chứ không phải ở con số. Không nhiều tiền, nhưng ông bà Năm ăn tiêu thoải mái. Cứ theo câu “Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Họ sống thong thả, không hà tiện, chẳng kiêng dè. Nhưng ăn tiêu hợp lý, khi cần, thì tiêu, không ngại. Mùa nào thức đó, mua thức ngon nhất mà ăn, vì họ không còn ăn được nhiều như thời còn trẻ trung.

Ông bà Năm tự cho rằng họ giàu có hơn rất nhiều người trên thế gian này. Giàu thật sự, chứ không phải tự an ủi. Vì hai ông bà biết đủ, không ham, không thèm muốn có thêm tiền của, hay thứ gì khác. Ông thường lặp lại một câu của ai đó, nói rằng: “Nếu một người giàu, đã có một trăm triệu đô-la, mà còn muốn có thêm hai trăm triệu nữa, thì người đó nghèo hơn tôi hai trăm triệu, vì tôi chỉ có mấy ngàn bạc thôi, mà đã thấy là đủ”. Có lần, một ông bạn khoe đã là triệu phú rồi, bà Năm hỏi rằng, là triệu phú thì ông hơn người khác cái gì? Có ăn được nhiều hơn ba bữa không? Có ngủ thêm được giờ nào không? Có an bình hạnh phúc hơn ai không? Ông triệu phú tên tò, không trả lời được.

Có người cho rằng, hai ông bà lạc quan tếu, tự mãn không đúng. Nhưng chính ông bà Năm, không hề nghi ngờ chút nào về mức độ giàu có của họ. Tiền không nhiều, mà chẳng bao giờ thấy thiếu thốn. Đó là chìa khóa của

sự giàu sang. Hai ông bà giàu tình thương gia đình, giàu hạnh phúc, giàu hoà hợp, tương nhượng, giàu không khí êm ấm trong tình vợ chồng, lại được bà con bạn bè yêu mến. Họ không muốn cái gì hơn nữa.

Mỗi sáng, hai ông bà dậy sớm, cùng tập thể dục theo cử động hoa tay múa chân, vừa tập thể dục, vừa xem truyền hình, nghe nhạc vui và bàn tán đủ thứ chuyện. Họ đã dặn nhau, chỉ nói chuyện vui, không nói chuyện buồn. Nói lời lạc quan vui tếu, không bàn đến các vấn đề bi quan, buồn bã. Khi đài truyền hình không có tin tức hấp dẫn, thì họ xem phim truyện. Ông bà lựa những phim khôi hài, vui nhộn, làm tinh thần phấn chấn. Ông bà không xem những phim buồn, tránh những chuyện tình suýt chút éo le đầy nước mắt. Không tội chi mà cũng cái buồn vô cớ lên lưng, làm cho u ám một ngày bình thường. Những năm trước, khi còn đi làm, ông bà không bao giờ đem chuyện khó khăn buồn phiền ở sở về nhà, cũng không kể lể về những chuyện rắc rối của bà con, bạn bè, đồng nghiệp. Sợ làm mất cái thanh thản tự nhiên của gia đình. Nghe chuyện buồn của người khác, không giải quyết hay giúp đỡ gì cho thiên hạ được, thì thà quên đi, đừng để ý đến, cho đời sống được bình yên hơn.

Sau khi thể dục xong, ông bà ngồi vào bàn, pha trà nhâm nhi, và cùng ăn điểm tâm.

Sáng nào ông ngâm câu thơ: “Mời em cạn chén trà hương. Khi ngày mới chớm khói sương mịt mờ. Trăm năm thu ngắn một giờ. An vui, hạnh phúc bên bờ thần tiên.” Bà ngâm tiếp theo: “... Mời nhau đối ẩm trà sương. Mỗi ngày uống cạn hoa hương đất trời” Ông châm thêm trà vào chén cho bà. Bà cầm chén đưa lên môi tận hưởng hương thơm và vị đắng ngọt trong cổ họng.

Một khoảnh vườn nhỏ ven hè được ông bà chăm sóc, trồng đủ thứ rau màu như ớt, sả, hành, ngò, tần ô, rau thơm, rau răm, rau húng, mồng tơi, cà chua, cải cay , và có một chậu trồng rau muống, những thứ rau này, đủ cho bà Năm nấu những món ăn đậm đà mùi vị quê hương. Mỗi ngày tưới vun, cũng giúp cho ông bà tìm được chút thư giãn tâm hồn.

Bà Năm tập thưởng thức những thú giải trí của đàn ông, như xem các trận thể thao, các cuộc so tài của những võ sĩ. Bà biết và nhớ tên của những cầu thủ lừng danh. Biết đội banh nào hay, đội nào tầm thường, và năm nào thì ai giật được giải vô địch. Bà bàn luận về chiến thuật, chiến lược của từng đội cầu. Cùng vỗ tay reo hò khi gay cấn. Riết rồi bà cũng mê xem tranh tài thể thao trên truyền hình. Có lần đội banh của thành phố tỉnh nhà được vào tứ kết, hai ông bà cũng lòng mua cho ra vé đi xem trận đấu, cũng la lối, hò hét chung với khán giả đến khán cổ, và đêm về

rất khuya, đi bộ thật xa mới đến bãi đậu xe. Ra về, còn bàn tán hăng say.

Dù không ưa xem thi sắc đẹp hoa hậu thế giới, hoa hậu nước Mỹ, ông Năm cũng cùng bà xem, cho có bạn, làm bà vui hơn. Ông bình luận về từng thí sinh, và chấm điểm mỗi người trước khi giám khảo tuyên bố. Ông cũng tập hòa hợp với cái sở thích của bà, để cùng cộng hưởng niềm vui.

Mỗi đêm khi trời lạnh, hai ông bà đắp chung chăn, nằm vừa nói chuyện vừa xem thi đấu thể thao, vừa nghe nhạc, và đọc sách. Không ai biết tại sao họ có thể cùng thưởng thức bốn loại giải trí trong cùng một lúc. Tay ông bà cầm sách và đọc khi truyền hình thể thao tạm ngưng để quảng cáo. Tiếng nói của máy truyền hình thể thao được điều chỉnh thật nhỏ, chỉ khi nào muốn nghe, thì phải lắng tai thật kỹ. Một truyền hình khác, đang phát những bài hát có nhạc cảnh kèm theo. Khi thấy vui, hai ông bà thì thào bàn tán, tâm sự dong dài. Đôi khi cả hai ngủ quên, để truyền hình chiếu mãi đến khuya.

Bà Năm thường tự nhủ lòng rằng, cố sống sao cho trọn vẹn, sống như ngày mai sẽ phải chết. Xử sự với chồng như ngày mai sẽ không còn nhau. Để mỗi ngày, mỗi giờ không có gì phung phí của trời cho. Đố ai mà biết được những bất ngờ của định mệnh. Đang khoẻ mạnh, người nào cũng có thể lẩn đùng

ra mà về trời luôn. Có thể bị tai biến mạch máu não, tim, có thể gặp tai nạn bất ngờ. Khi sống, cố gắng vuông tròn. Đừng để đến khi mất nhau rồi, mới làm được điều tử tế, hoặc khóc lóc, hoặc ân hận việc đã làm, việc chưa làm.

Bà Năm không sợ thua chồng trên bất cứ lãnh vực nào, bởi vậy nên bà chưa bao giờ cố tranh hơn thua với ông. Bà thà chịu thua để được có tình thương, còn hơn thắng, mà mất cái êm ấm của gia đình. Tình thương quý hơn tất cả. Hơn thua với chồng, đâu có ích lợi gì. Bởi vì bà biết điều như thế, nên ông chồng bà cũng không bao giờ lấn lướt vợ. Ông luôn bảo vệ ý tưởng của bà. Ông thường nói rằng, lẽ phải có nhiều mặt khác nhau, mà phía nào cũng có phần đúng lẫn phần sai. Theo ông, thì không ai hoàn toàn đúng, không ai hoàn toàn sai. Đừng tranh luận đúng sai làm gì cho mất thì giờ sống. Đôi khi hai vợ chồng ông cũng có những ý tưởng xung khắc, nhưng không vì vậy mà tranh luận cãi vã cho ra lẽ phải. Bà tôn trọng ý ông, ông tôn trọng lối suy nghĩ của bà

Có những đêm ông bà Năm ra bực đá bên bờ biển câu cá. Cắm một cái lều vải nhỏ che sương. Hai người ngồi chờ cá cắn câu, nói chuyện và nghe nhạc êm dịu nhỏ nhỏ phát ra từ một cái máy radio. Khi câu được những con cá ngon, bà Năm mở lò ga, nấu cháo

ngay trên bãi, có tiêu, hành, ngò và nước mắm đã mang theo sẵn. Hai vợ chồng cùng xì xụp húp cháo nóng, cay, và bí mật nhấp chén rượu cay cho ấm bụng. Sau đó, câu tiếp, hoặc vào lều nằm nghỉ ngơi một chốc, rồi ông nhịp đàn cho bà hát những khúc vui tươi yêu đời. Có khi cùng đồng ca, lời hát vang vang trên bờ biển cùng với tiếng sóng vỗ rì rào trong đêm khuya.

Bà Năm có giọng ấm áp và thích hát. Cho nên những khi bạn bè tổ chức hát Karaoke thì ông bà hằng hái tham gia. Bà không thích hát theo nhạc đệm trong đĩa, mà thích được ông chồng đánh đàn cho bà hát, và khi đến những đoạn cần được tiếng hát phụ làm nền, thì ông hát theo bà. Có khi hai vợ chồng đi xa hơn trăm dặm, để tham gia buổi ca nhạc bỏ túi, và trở về nhà vào hai giờ sáng giữa mùa đông rét mướt. Ông Năm thu tiếng hát của bà vào đĩa cứng, thỉnh thoảng mở ra nghe, để tìm vui, và để bà thấy được những đoạn hát chưa được hay, hoặc sai nhịp. Ông Năm cũng biết làm thơ. Thơ của ông chỉ viết cho bà, và ca ngợi tình yêu của bà, lòng hy sinh của bà, và cảm ơn bà đã đem lại hạnh phúc bình thường cho gia đình. Ông chỉ để riêng cho bà đọc thôi, không phổ biến trong bà con bạn bè.

Con cái của ông bà đã lớn, đi làm ăn xa. Hai ông bà lo cho nhau, chăm chút cho hạnh

phúc từng giờ, từng ngày. Tuổi già, không cần phải lao động mà tháng tháng vẫn có tiền an sinh xã hội chuyển vào trương mục ngân hàng, đủ cho gia đình ăn tiêu thông thả. Ông bà cho đó là một hồng ân, ơn phước của xã hội ban cho. Hai ông bà ý thức rằng, họ còn sung sướng hơn nhiều tỉ người trên thế giới này. Hàng trăm triệu người trên thế giới này còn thiếu ăn hàng ngày, còn không đủ áo quần chống rét lạnh. Hàng trăm triệu người già không có nơi nương tựa, đời sống bấp bênh, con cái không đủ khả năng phụng dưỡng. Hàng trăm triệu gia đình phân ly, sống cô đơn trong tuổi già, góa bụa. Chưa kể những người đau yếu, bệnh hoạn nặng nề.

Ông bà Năm thường cảm ơn Trời đã cho ông bà có sức khỏe tạm ổn định như hôm nay, đời sống tương đối không thiếu thốn vật chất và gia đình còn nguyên vẹn. Bởi vậy, nếu không biết chăm sóc cho hạnh phúc gia đình, không biết hoan hỉ với hoàn cảnh hiện tại, thì thế nào cũng bị trời phạt, lấy mất đi một phần, hoặc tất cả những ân huệ đang có. Do đó, trước tiên ông bà biết tử tế với bản thân, rồi tử tế với người hôn phối, bà con, bạn bè, láng giềng và tha nhân.

Ông bà Năm nói với nhau rằng, hạnh phúc gia đình cũng như trồng cây, cần phải chăm nom, tưới bón, vun trồng, hoa hạnh phúc mới nở tươi tốt. Không thể mãi trách

móc nhau, nói nặng lời với nhau, đòi hỏi nhau những điều quá đáng, mà mong cuộc sống gia đình được hạnh phúc êm ấm. Ông bà biết cho nhau vô điều kiện, mà không đòi hỏi phần trả lại, và nhìn thấy những tình thương mà người phối ngẫu dành cho.

Ông bà Năm học được rất nhiều từ những cặp vợ chồng cãi vã suốt ngày, gắt gỏng nhau vô cớ, nói nặng lời, bực bội nhau, tranh hơn thua từng tí. Nhưng những người này toàn là kẻ tốt bụng, hiểu biết, dễ thương, lịch sự. Họ chỉ tốt, dễ thương, dịu dàng, lịch sự với người ngoài thôi. Còn với vợ chồng, họ đối xử như những người không biết điều, những kẻ thô lỗ thiếu lịch sự và không ngại tự làm tổn hại đến cái êm ấm hạnh phúc của gia đình họ. Đáng ra, họ được sung sướng hạnh phúc bên nhau, nhưng họ đã tự làm cho cuộc sống trở nên nặng nề, khó chịu, và gia đình đi gần đến địa ngục. Nhìn vào cái gương của họ để ông bà Năm soi và tự sửa mình.

Vợ chồng ông bà Năm khi nào cũng đối xử với nhau như thời mới quen biết, lịch sự, ngọt ngào, dịu dàng, nhường nhịn nhau, cho nên hoa hạnh phúc trong lòng họ tươi tốt, nở thắm bốn mùa. /.

Tiên Nữ Xuống Trần

Ông Lê bại liệt ngồi tựa trong xe lăn, chỉ còn một tay cử động được. Với cánh tay này, ông đã làm được nhiều việc cho bà Hiền cảm thấy vui vui. Ông vuốt tóc, xoa lưng bà, và lâu lâu luồn tay vào áo lũng tìm hai trái mướp già nhăn nheo. Bà biết tính ông tinh nghịch, mặc cho ông làm chi thì làm, để ông vui mà bà cũng vui theo. Ông thường ngâm nga:

“Em là tiên nữ giáng trần,

Ban anh phước hạnh, ân cần lửa hương”

Bà đã nghe cả ngàn lần, mà vẫn chớp mắt, miệng cười sung sướng. Bà nghiêng người, hôn lên trán ông, rồi rút khăn giấy, âu yếm lau giòng nước dãi chảy dài trên mép chồng.

Hai ông bà ngồi cạnh nhau bên bàn, trước mặt có hai cái màn ảnh máy vi tính. Ông lũng tìm những bài viết hay, lạ và vui để gởi cho bạn bè xa gần. Hàng ngày ông liên lạc với bạn khắp năm châu bốn biển. Bàn luận đủ thứ chuyện, từ khoa học, đời sống, thiên nhiên, thơ văn. Ông khoái những chuyện lạ, chuyện vui khắp nơi trên thế giới. Ông gọi mạng lưới Google là “vị thầy thông

thái”, nhờ đó mà ông tìm ra được tất cả những gì khúc mắc, rắc rối, khó khăn nhất, để học cách giải quyết.

Bà Hiên đọc sách, truyện, xem hình ảnh, theo dõi các đoạn phim ngắn vui, đọc thư bạn bè cũ mới. Những khi có tin tức gì hay, ông bà chia xẻ và cùng thưởng thức.

Mỗi sáng, khi nắng vàng chiếu qua song cửa, ông bà đã thức giấc, nhưng không dậy vội, cứ nằm ôm nhau truyền thân nhiệt ấm áp, thỉnh thoảng bà âu yếm hôn lên má ông. Ông nở nụ cười sung sướng. Hai ông bà bắt đầu trêu ghẹo nhau, nói những chuyện hài hước và cười hăng hắc. Sáng nào ông cũng hỏi: “Hôm nay mình ăn gì cho ngon em nhỉ?” Bà khi nào cũng có sẵn câu trả lời, vì bà đã tính toán từ trước. Mỗi ngày ba bữa, bà thay đổi món. Có những thứ đã mua và trữ sẵn trong tủ lạnh, chỉ cần đem ra chế biến rất mau là xong. Bữa ăn nào của ông bà cũng linh đình như có tiệc tùng. Mỗi bữa dọn ra bốn năm món khác nhau. Không học một khóa nấu nướng nào cả, mà bà Hiên cũng làm được những món rất cầu kỳ, ngon miệng. Khi muốn nấu một món lạ, bà lùng tìm trên mạng lưới, học cách nấu của ba bốn nơi khác nhau, tổng hợp và chế biến lại, bổ túc thêm ý kiến và bàn bạc của ông Lê, cho hợp với khẩu vị của hai người. Mỗi ngày bà nấu một món ngon đặc biệt. Khi thì bún bò, phở, hủ tiếu, bún riêu,

bún mắm, cà ri, thịt bê chiên, sườn nướng, khi thì gà dai xé phay bóp rau răm, sườn trườn nướng than, tôm càng nướng, cá hấp, vùn vùn... Hầu như hơn cả tháng mới quay về món cũ. Bà cho biết, nấu ăn tại nhà ít tốn kém, mà ngon hơn tiệm, vì mình nấu để ăn, chứ không phải làm thương mại. Từ ngày có bà Hiên, cái mặt ông Lê càng ngày càng sỗ sũ ra tròn ra. Ông Lê bảo rằng cả thế giới thiếu thực phẩm, ngay cả những nước văn minh, thức ăn cũng đắt và hiếm quý, chỉ có Mỹ là rẻ và dư thừa, mình không tận dụng thì uổng lắm. Nhưng bạn bè ông, ít ai dám liều mạng ăn uống thả dãn như ông. Họ kiêng cử đủ thứ vì sợ bệnh hoạn.

Khi đã trêu chọc nhau chán, bà Lê với cầm hộp bấm, mở máy truyền hình nghe tin tức buổi sáng. Ông Lê nằm nghiêng mặt ra hướng màn máy, và kêu bà chuyển đài này qua đài kia. Mỗi khi ông Lê nói nhỏ: “Chim kêu em ạ” thì bà vùng dậy, đem cái bình tiểu loại dành cho người bệnh đến, kéo quần cho ông Lê, úp vào giữa chân, giúp ông thải nước thừa trong vị thế nằm nghiêng. Bà cầm khăn ướt lau chỗ tiểu, rồi đem bình đi đổ, súc rửa sạch sẽ. Sau khi rửa mặt, đánh răng xong, bà Hiên quàng dây đai qua thân ông Lê, rồi dùng cần cầu đã gắn sẵn vào giường, chuyển ông dậy, đưa từ giường qua xe lăn. Bà đánh răng cho ông, và lau mặt ông bằng khăn ướt thấm

nước ấm. Ông Lê khi nào cũng nói nho nhỏ: “Đã quá, sướng quá.” Bà Hiên nghe mà cười chúm chím.

Buổi sáng bà nấu cà phê áp suất pha với sữa đặc, làm hai ly. Đẩy cái bàn có bánh xe sát vào bên ông. Bà dọn ra hai tô, khi thì cháo, khi thì miến gà, khi thì hủ tiếu, toàn những món ăn có nước theo ý thích của ông Lê. Hai người ngồi đối diện, bà dùng muỗng đút cho ông Lê từng miếng, thỉnh thoảng lau miệng cho ông. Ông bà cùng nghe đài phát thanh bằng tiếng Việt qua máy vi tính. Nghe tin tức, hai ông bà bàn luận, phỏng đoán tình hình quốc tế, quốc nội. Ít khi ông bà tranh cãi nhau một vấn đề gì, bà biết ngưng câu chuyện khi hai bên có ý kiến trái nghịch nhau. Nói thêm không được gì, chỉ tỏ khơi niềm xung khắc.

Từng đêm, bàn tay bà Hiên đan vào tay ông Lê, bà ôm ông ngủ. Có khi bà hát nho nhỏ như ru ông, những bài hát mà ngày xưa ông ưa thích và làm gọi nhớ lại kỷ niệm thời mới yêu nhau.

Ông lãnh tiền hưu, thua tiền già chừng vài đồng. Bà lãnh tiền già. Căn nhà đang ở, chính phủ phụ trả phần lớn tiền thuê, bà chỉ trả một phần ba lợi tức hàng tháng mà thôi. Với số tiền chừng đó thu vào đều đều hàng tháng, hai ông bà thấy sung sướng, an tâm, không phải lo lắng về tiền bạc, sinh kế. Họ

thấy quá đủ, ăn tiêu dư giả, thông thả. Ông bà cũng có một ít tiền mặt để dành, phòng khi xe hư, khi khẩn cấp, hoặc mua một món đắt tiền. Ông bà quan niệm rằng, biết đủ thì đủ, biết dư thì dư. Với ai khác, thì đời sống thế là quá khổ, là túng thiếu, nhưng đối với ông bà thì không dám ước mong và đòi hỏi nhiều hơn, trời đất sẽ phạt. Có hạnh phúc, có sung sướng, mà không biết nắm bắt và cảm nhận, thì khổ rắng mà chịu.

Mỗi ngày, bà câu ông lên cái ghế ngồi đi cầu. Xong việc, bà lau chùi sạch sẽ cho ông, rồi đi đổ ống bơ. Công việc nhanh, gọn. Bà không hề than van vì dơ dáy, hôi hám. Bà chăm sóc cho ông với cái tình bao la như mẹ dành cho con. Những khi ông bị táo bón, bà không ngại mang bao cao su, thọc tay vào hậu môn, giúp ông moi chất thừa thải ra. Những lúc này ông cảm động, gọi bà là nàng tiên giáng trần, và nói rằng, mẹ ông cũng chưa hy sinh và thương ông bằng bà.

Sức khỏe đã đến tình trạng này, thì ông Lê và bà Hiên không còn muốn kiêng cử gì nữa, cứ ăn cho sướng miệng, rồi tới đâu thì tới. Nấu ăn là cái thú tiêu khiển của bà Hiên.

Chị em của bà Hiên thấy bà hy sinh cực khổ, họ phàn nàn, khuyên bà nên trả ông Lê về với viện dưỡng lão, để bà bớt mệt, đỡ khổ. Rồi bà có thể vào viện dưỡng lão hàng ngày thăm. Bà đáp lại rằng, chăm sóc cho ông là

nguồn hạnh phúc riêng của bà. Mỗi ngày bà thấy tràn đầy niềm vui, tắm gội trong tình thương yêu, lòng bà phơi phới. Bà nói thêm, trong đám chị em, dù hoàn cảnh thuận lợi hơn, có chồng thương yêu, khỏe mạnh, con cái hiếu thảo, tài ba, nhưng chắc chắn không ai tìm được cái chân hạnh phúc mà bà đang có. Vì đây là tình yêu của bà. Chưa có khi nào bà cảm thấy hạnh phúc hơn thời gian đang chung sống và chăm sóc ông Lê. Chính ông Lê đã đem niềm vui, lẽ sống đích thực cho bà. Không yêu, thì không hiểu, không cảm nhận được hoàn toàn tâm trạng của người khác.

Chị em của bà đều lắc đầu, nói bà ngu dại, điên khùng.

Ông Lê và bà Hiên giao ước với nhau rằng, chỉ nói với nhau lời tử tế, yêu thương, không nói điều gay gắt, khó nghe và thiếu tử tế. Chỉ kể cho nhau chuyện tốt đẹp, vui vẻ, không nhắc chuyện buồn, chuyện khổ đau, tai họa. Những bản nhạc buồn, dang dở, tình yêu khổ đau, họ cũng tránh né, không nghe. Để cho lòng được nhẹ nhàng, thư thái.

Những hôm không có chương trình gì hấp dẫn, ông bà đấu cờ tướng Tây Phương. Ông chơi cao hơn bà một chút xíu, nhưng thường nhường bà, để hai bên có quân cân bằng, cho cuộc cờ thêm vui và gay cấn. Những khi này, bà ham chơi cờ, quên cả việc nấu nướng. Cho đến khi quá muộn cho bữa

ăn, bà lục tủ lạnh, lấy thịt bò, heo, gân đã nấu sẵn, đổ vào nồi một lon nước xúp gà, thả bún khô vào. Làm được hai tô bún bò Huế ăn tạm với rau luộc, dưa chua sẵn trong chai lọ. Ông Lê khen: “Cứ ngon như thường, còn ngon hơn tiệm nấu”

Quanh năm, hai ông bà náo nức theo dõi các trận thể thao trên truyền hình. Từ mùa banh bầu dục Mỹ, mùa bóng rổ, quần vợt, bóng chày vồ, bóng đá. Ông dạy cho bà biết luật chơi của từng môn một. Ban đầu, bà nể ông mà xem, nhưng dần dà về sau, bà cũng say mê, hồi hộp theo dõi từng trận đấu. Hai ông bà cùng thưởng lãm và bàn tán, đánh cá với nhau đội nào thắng, đội nào thua. Bà còn suy ra tại sao mà thua, và thắng nhờ yếu tố nào. Một thời gian theo dõi, bà cũng thuộc tên của từng cầu thủ, chỉ thấy cái

hình thoáng qua trên màn truyền hình, bà có thể kêu đúng ngay tên. Bà còn nhớ các cầu thủ nào bị loại khỏi đội nào và đi về đâu, và biết luôn cả những tài năng đặc biệt của từng người. Những cuộc tranh tài quần vợt nam nữ của các giải Anh Quốc, Pháp Quốc, Úc Châu, Mỹ Châu, được bà đón xem, không bỏ sót trận nào. Nhiều khi đang

xem trận đấu, hai ông bà cùng kêu thét lên thật lớn, vì thấy một đường banh thần kỳ.

Bà chịu khó đi thuê phim về cho ông xem. Hai người nằm bên nhau, có khi xem đến quá nửa đêm mới đi ngủ.

Những buổi chiều mùa hè thời tiết ấm áp, bà Hiên lái xe đưa ông Lê ra biển xem mặt trời lặn trên biển Thái Bình Dương. Ngồi xem mặt trời, rồi dọn thức ăn ra, bà đốt cho ông ăn. Hứng gió biển lồng lộng và nghe tiếng sóng vỗ rì rào. Có khi bà ngâm thơ cho ông nghe, những bài thơ ông đã sáng tác trong quá khứ, mà bà đã học thuộc. Thỉnh thoảng, bà đưa ông vào các công viên, đẩy xe đi xem vườn cây nhiệt đới, ngắm hoa anh đào nở hồng trời. Đưa ông đến những bờ hồ xem chim chóc từng bầy xôn xao chen chúc kiếm ăn. Ngồi xem thiên hạ chơi thuyền buồm tí hon lái bằng máy tự động.

Bà Hiên tìm đủ cách để làm cho ông Lê vui, đưa ông đi dạo phố phường, xem sinh hoạt bên ngoài, ăn kem, uống cà-phê bên hè phố nhìn thiên hạ qua lại. Bà đem ông vào chợ xem hàng hoá, xem các sản phẩm mới. Có khi ông đòi đi chợ trời, bà đưa ông đi trong ngày chủ nhật, ông cũng mua vài ba món đồ, mà bà biết sẽ không bao giờ dùng đến, nhưng cũng mua cho ông vui. Báo đăng nơi nào có triển lãm hoa lan, bà Hiên vội vã đưa ông Lê đến tham dự. Ông nhờ bà chụp

hình, và tải xuống máy vi tính, để gửi cho bạn bè xem.

Mỗi lần đi ra ngoài, bà chuẩn bị cho ông thật chu đáo. Cho ông phóng uế trước. Rồi mặc tã cho ông, nối bình nhựa treo bên xe vào chỗ tiểu qua cái ống dài. Thế là yên tâm, khỏi lo. Ông có thể ăn uống thả dãn, hết lo việc tiêu tiểu khó khăn.

Thời còn niên thiếu, ông Lê ôm mộng lấp biển vá trời. Muốn làm cánh chim bằng tung gió bay khắp muôn phương cho phỉ chí “tang bồng hồ thủy.” Ông đành đoạn dứt áo ra đi, bỏ lại người yêu đầu đời là bà Hiên, một thiếu nữ xinh đẹp hiền lành trong phố nhỏ. Tình của ông đối với bà Hiên cũng tha thiết, đậm đà, nhưng “tình muôn phương” thì còn nặng và quan trọng hơn.

Bà Hiên hỏi ông: “Tang bồng để làm chi?” Ông không trả lời được, mà chỉ nghe tiếng gọi mơ hồ, xao xuyến thúc dục ông lên đường. Ông nghĩ, nếu phải sống một cuộc đời bình thường phẳng lặng trong thành phố nhỏ này, thì thà chết ngay đi còn hơn.

Buổi chia tay cũng tràn đầy nước mắt và đau xót xé lòng hai mái đầu xanh. Bà Hiên tôn trọng cái ước vọng xa vời của người yêu. Bà nói: “Em sẽ chờ đợi anh mãi. Khi nào mỗi góì chồn chân anh quay về, chúng ta sum họp, dựng xây hạnh phúc gia đình.”

Ông Lê gạt ngang: “Không. Đừng chờ đợi. Đời con gái, chỉ có một thời xuân sắc, không để uổng phí. Biết đến bao giờ anh mới quay về! Đừng nên hứa hẹn chi cả. Trời đất mệnh mông không bến không bờ, giang hồ vô định.”

Ông Lê ra đi mà lòng xao xuyến tiếc thương cùng mâu thuẫn ngổn ngang. Sau này, ông nghe được lời phê bình của anh chàng lấy bà Hiên, rằng: “Tên Lê ngu dại, bỏ hạnh phúc đích thực, chạy đi bắt cái bóng ảo mộng giang hồ.” Mấy chục năm sau, ông mới thấm thía lời nhận xét đó. Và chợt nhớ mấy câu trong truyện Kiều : “Nửa năm hương lửa đang nồng. Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương” Cái ông Từ Hải này cũng đang sống hạnh phúc sung sướng mà ngu dại bỏ vợ yêu ra đi tìm cái bóng hảo huyền.

Cuộc đời ông Lê cũng chìm nổi trong vận nước của thời chiến chinh. Mỗi cá nhân, không ai tự chủ được cho vận mệnh của họ. Tuổi trẻ của ông, sóng gió thì nhiều, bình an chẳng được bao nhiêu. Kết cục, chẳng có chi đẹp đẽ như trong trí óc mơ mộng của ông lúc còn tuổi xanh. Khi miền Nam thua trận, ông Lê nằm trong tù, mới nhận chân ra cái hạnh phúc đích thực của con người trên thế gian là được sống đời an bình, tự do, không trắc trở sóng gió.

Chồng bà Hiên là một người thực tế, an phận thủ thường, chỉ biết vun đắp mái ấm gia đình. Bà Hiên sống trong hạnh phúc êm đềm với ông chồng nhà giáo và mấy đứa con ngoan. Làm người dân miền Nam thất trận, ít ai thoát qua được đại nạn của cơn hồng thủy từ miền Bắc cuốn ập vào. Gia đình bà cũng nát tan, hai đứa con lạc mất trong làn chạy loạn từ cao nguyên về. Chồng bà bị đạn pháo kích hấp hối nằm bên đường, ông thều thào bảo bà đi đi. Bà chỉ muốn ở lại để cùng chết với chồng. Sau khi chồng chết, không biết ai đã kéo bà đi và tiếp tục cuộc di tản về miền biển. Bà như kẻ mất hồn, bước đi như trong cơn mơ. Rồi bà quay ngược lại con đường chạy loạn để chôn chồng và tìm con. Đói, khát, khổ đau và mệt nhọc đã dồn gục bà, nằm mê man bên đường. Không biết ai đã cứu bà, và sau đó về sống lây lất tại Sài gòn, bữa đói bữa no trong xã hội bị đổi thay tận gốc. Sau hai năm, bà liên lạc được với bố mẹ đang ở Mỹ, họ đã may mắn chạy thoát kịp từ những ngày cuối cuộc chiến. Được viện trợ bằng quà cáp, thuốc Tây, đời sống vật chất của bà không còn là một mối bận tâm lớn trong xã hội cùng cực nghèo đói đó nữa. Nhiều năm sau, bà được bảo lãnh qua Mỹ đoàn tụ gia đình với bố mẹ.

Phần ông Lê, khi đi tù về thì không tìm ra tung tích của vợ con. Người thì bảo bà vợ

ông đã đi về một vùng kinh tế mới nào đó, có người tin bà đã vượt biên ra ngoại quốc. Nhiều năm ông Lê lũng kiếm không ra manh mối. Ông đập xích lô một thời gian, rồi thay tên đổi họ, giả làm dân đánh cá, sống trên chiếc thuyền của người quen tổ chức vượt biên. Bị bại lộ, ông ở tù thêm mấy năm nữa. Rồi cuối cùng cũng thoát qua được Hồng Kông và đến Mỹ. Ông đã từng về Alabama theo tàu đi đánh tôm, qua San Jose làm cho hãng điện tử, rồi lên tận Alaska làm cua mấy năm, lao động ngày đêm không ngơi nghỉ, để dành được một món tiền kha khá, đủ để trở về sang một tiệm bán rượu tại vùng phía nam San Francisco. Sống một mình, sẵn rượu ngon, uống tì tì suốt ngày đêm, và bị tai nạn trên xa lộ trong lúc còn say. Ông đã nằm mê man nửa năm tại viện phục hồi, rồi tỉnh dần. Nhưng nửa thân dưới và cánh tay phải bị bại liệt, ngồi xe lăn.

Bà Hiên đã tình cờ gặp ông Lê trong khi đi thăm người bà con đang ở trong viện. Nhận ra nhau trong ngõ ngang. Bà đưa ông về nhà, nói lại tình xưa dang dở. Bà tận tụy chăm sóc ông trong tình thương dịu dàng bao la, trong tình yêu dâng hiến. Ông Lê sung sướng đón nhận với lòng biết ơn. Ông ví bà như một tiên nữ giáng trần cứu độ và ban cho ông hạnh phúc tràn đầy trong đoạn cuối của một kiếp người gian truân.

Ông bà thường nói với nhau rằng, sống một giờ, gắng vui cho đủ sáu chục phút vui. Không bỏ phí thời gian ngắn ngủi còn lại trong tuổi già. Uống lắm.

Ước mong cuối cùng của ông bà là được chết trong bình yên, tro cốt hoà lẫn chung nhau./.

Mối Tình Cà Rem

Chuyện cô Mườn kể

Bố tôi đi làm việc về, mới bước vào nhà, tôi nín áo vết của bố mà hỏi:

“Bố ơi, sao bố không đi bán cà-rem hở bố?”

Bố cười, một tay xoa đầu tôi, một tay mở cà vạt trên cổ. Bố nói:

“Bán cà-rem cực lắm, sức bố không chịu nổi. Bán cà-rem thì không đủ tiền nuôi mẹ, nuôi các con. Sao con lại hỏi bố như vậy?”

“Nếu bố bán cà rem, con sẽ được ăn mỗi ngày, ăn thay cơm. Bán cà-rem đâu có cực hả bố.”

Tôi chạy ra hành lang, nhìn xuống lầu, ở bên góc trái đường, có ông cụ đậu chiếc xe bán cà-rem. Trên bốn góc đường, nhiều hàng quà bán rong đang bày biện, họ ngồi xồm trên mặt đất, tạo thành một cái chợ nhỏ không tên. Một bà bán xôi, có bốn năm loại xôi màu mè khác nhau nằm trong cái thúng đầy lá chuối. Một gánh cháo huyệt, nồi cháo kê trên cái thúng, có lửa tro vùi nóng bốc hơi, đầu kia thúng có chén bát, hành ngò, và máng một cái khăn lau chén ngả màu đen xỉn như đất bùn.

Lũ ruồi chạy chơi trên cái khăn đó, có lẽ chúng đang tận hưởng cái mùi thơm tho của mắm muối, thịt thà còn sót lại. Bà bán cà phê bít tất ngồi bên cái bàn thấp, có mấy ông khách đổ cà phê nóng ra đĩa rồi đưa lên miệng húp. Bà bán bấp nấu, chị bán khoai sắn luộc, cũng ngồi xồm, tiếp đón khách đến, khách đi.

Bên kia đường là hăng làm nước đá. Mấy anh thanh niên ở trần tròng trực, cười nói ồn ào, họ dùng cái móc sắt lớn, kéo từng cây nước đá rỗng ruột ra từ cái thùng lớn chất đầy trấu, đưa tay gạt trấu, rồi nheo mắt nhắm chừng, phang dao to bản có răng cưa xuống, chặt cây nước đá ra làm nhiều khúc, trao cho khách hàng. Đo bằng mắt trần, không có cân lường chi cả.

Hồi đó tôi mới chín, mười tuổi. Mỗi buổi sáng mùa hè, từ hành lang lầu hai nhìn xuống đường xem sinh hoạt của cái thế giới nhỏ nhoi bên góc đường. Tôi thường mê mẩn đứng quan sát hoạt động của ông cụ bán kem, từ khi đẩy xe đến hăng nước đá, cho đến khi đưa xe cà-rem vào vị trí thương mại. Ông cụ người Bắc, ăn mặc đàng hoàng lịch sự như một người công chức đi làm việc văn phòng. Áo sơ mi ngắn tay bỏ vào quần tây dài, đi giày đen, đội nón dạ màu xám. Có vẻ của người sa cơ lỡ vận, bỏ hết tài sản, sự nghiệp chạy vào Nam tránh cái chế độ mà ông không sống

được. Mỗi sáng sớm, ông đẩy chiếc xe đến đầu bên hăng nước đá. Chiếc xe có hai cái thùng đồng tâm lồng vào nhau. Thùng ngoài vuông bằng gỗ có dát chất xốp cách nhiệt màu trắng. Thùng trong hình ống tròn, bằng kim loại sáng loáng. Trong đó đã chứa sẵn các chất liệu làm cà-rem, mà có lẽ ông xem như là một công thức bí mật nghề nghiệp, phải dấu kín, không cho ai hay. Tay ông cầm chiếc đĩa cả quây nhẹ nhàng để hòa tan chất cà-rem với nước. Rồi ông mua nước đá đập thành cục nhỏ, đổ vào thùng gỗ, bên ngoài thùng kim loại, ông dùng cây, ém và dồn nước đá cho đến khi cứng ngắt mới thôi. Bấy giờ ông dùng chiếc đĩa cả mà quây bằng hai tay, đều tay quây tròn, thông thả, mãi cho đến khi hỗn hợp bên trong thùng đông đặc, sánh lại. Thỉnh thoảng ông rút chiếc đĩa cả lên mà ước lượng độ đặc của cà rem, chất cà-rem dính thành lớp dày, vun trên chiếc đĩa, nhều xuống rỗng rỗng. Tôi nuốt nước miếng ừng ực. Đây là lúc tôi thích thú nhất, và ước mơ làm sao có được chiếc đĩa cả kia, mà liếm cho sạch hết kem trên đó, thì không có gì sung sướng cho bằng. Đó là lý do tôi hỏi bố, tại sao ông không hành nghề bán cà rem. Nghề nghiệp của bố tôi, không có gì ăn được cho tôi nhờ. Trong cặp của bố toàn giấy tờ, không có kẹo bánh, không có cà rem. Ông cụ bán cà rem cứ quây mãi, cho đến khi độ đông

đặc đạt tiêu chuẩn vừa ý, ông lại rút chiếc đĩa cả lên, bây giờ chiếc đĩa còn hấp dẫn hơn. Cà-rem rền đặc bao quanh thành một núi to. Lúc ấy, ông quệt chiếc đĩa vào thành thùng nhiều lần, cho đến khi hết sạch chất kem trên đĩa. Tôi ước mơ có một bà tiên dùng phép lạ, bay xuống giặt chiếc đĩa cả dính đầy cà-rem trên tay ông cụ, và mang lên lầu trao cho tôi. Được thế thì tôi sướng như được lên thâu cỡi tiên. Không có bà tiên nào giúp tôi thực hiện giấc mơ cả. Chiếc đĩa cả của ông cụ bán cà-rem vẫn là niềm mơ ước tuyệt vời của tôi trong thời thơ ấu đó.

Thỉnh thoảng ông cụ nghỉ việc, có anh con trai của ông, chừng mười hai, mười ba tuổi, ra bán kem thế cho bố. Anh này ăn mặc sạch sẽ, mặt mày sáng sủa, mắt sáng long lanh, có nốt ruồi trên mép, khi nào cũng cầm một cuốn sách đọc trong khi chờ khách. Tôi nghĩ là anh đang học bài. Không có bố làm nghề bán kem để được cho liếm chiếc đĩa cả, tôi mơ được làm dâu ông cụ. Tôi tin chắc ông cụ sẽ không hẹp hòi gì, mà từ chối, không cho con dâu chiếc đĩa dính đầy cà rem đó. Tôi đứng trên lầu trông xuống, thỉnh thoảng anh con trai của cụ nhìn trời đất mông lung, và nhìn về hướng tôi. Nghĩ là anh đang nhìn tôi, làm tôi lúng túng, then thùng bỏ chạy vào nhà trốn một lúc cho đỡ ngượng.

Tôi cứ tin, mai sau tôi sẽ làm dâu ông cụ, và tôi sẽ đi bán cà rem cùng anh con. Tôi tạm gọi là chàng cho tiện. Khi đó thì hai vợ chồng sẽ ăn cà rem mà thể cơm quanh năm. Thật là sung sướng. Thỉnh thoảng, ban đêm tôi nằm mơ thấy mình vừa đi vừa lắc chuông leng keng, có chàng đẩy xe cà-rem đi bên cạnh, đời vui như đi vào cõi thần tiên.

Nhiều lúc mẹ tôi cho tiền ăn quà sáng, tôi cầm đồng tiền sấm soi, và suy nghĩ đến nát óc, nên mua thức gì mà ăn đây. Trước hết, tôi nghĩ đến mua cà-rem. Cà-rem bán trong cái ly xộp hình phễu làm bằng bột gạo, ăn được, cái phễu nhỏ tí ti, loe đầu thóp đuôi. Kem được quẹt vào miệng phễu vun tròn lên cao, trông nhiều lắm, nhưng trong lòng phễu thì trống rỗng. Khi ăn phải gượng nhẹ, không cắn, mà phải dùng lưỡi để liếm dần, liếm nhẹ nhàng, chứ liếm mạnh thì chỉ năm bảy cái là chẳng còn chút gì. Xôi thì mua được một gói lớn trong lá chuối, ăn được nhiều, ăn no, cũng ngon lắm. Thường tôi cầm đồng tiền trên tay, chạy nhanh xuống lầu, vừa đi vừa nháy về hướng góc bán quà vặt. Tôi thấy chàng ngồi sau xe kem mà nhìn tôi, mắt chàng sáng lên với vẻ vui mừng, như muốn tiếp đón tôi. Lòng tôi sung sướng, tôi cười đáp lại. Có lẽ chàng vui vì tưởng sắp có khách hàng, nhưng tôi cứ nghĩ chàng vui vì gặp tôi, thấy tôi. Buổi sáng thường hay đói bụng, cho nên dù trong lòng

đầy ắp tình cảm với chiếc xe cà-rem, nhưng gói xôi vẫn hấp dẫn tôi hơn. Tôi bước nhanh qua chiếc xe kem, và đưa tiền cho bà bán xôi đậu đen béo bùi, liếc mắt nhìn nét thất vọng trên mặt chàng, trong lòng tôi có một chút hối tiếc, một chút rất nhỏ thôi. Thì ra lý trí đã thắng tình cảm. Giá như mẹ tôi cho nhiều tiền, tôi cũng mua thêm một ly cà-rem mà ăn cho đã.

Buổi sáng đói bụng, thì phải ăn xôi cho no. Trưa, chiều thì đã đầy bụng, nhưng khi có tiền, tôi chạy xuống lầu, vòng tay chào ông cụ, và mua cà-rem. Ông cụ thấy tôi lễ phép, bán cho tôi ly cà-rem tràn vun, nhiều hơn các đứa trẻ khác. Tôi không biết vậy, cứ nghĩ mình là con dâu tương lai, thì cụ phải vị tình hơn, bán rẻ hơn là phải. Có lần cụ hỏi tôi “Cháu học lớp mấy rồi, học có giỏi không?” Tôi sung sướng rân người. Nghĩ là cụ cũng đã ngầm chấp nhận tôi làm con dâu rồi. Tôi vênh mặt lên mà khoe: “Năm nay cháu có phần thưởng đứng đầu lớp.” Ông cụ cười, và khen lấy lệ, rồi quay qua hỏi đứa bé bên kia muốn mua bao nhiêu tiền. Ông cụ rất tử tế với tôi, và cũng thiên vị tôi thấy rõ. Có lần ông bị bạn tôi khiêu nại, tại sao bán cho nó, thì khối lượng cà-rem ít hơn tôi. Ông cụ cười, rồi vít thêm cho nó một quẹt cà-rem nhỏ như cục phân chim, và nói: “Mày có ngoan và học giỏi như con bé

này không?” Con nhỏ trề môi dưới ra thật dài để chế giễu và đáp lại câu hỏi của ông cụ.

Có lần, tôi thấy chàng ôm một bó hoa vạn thọ ngồi sau xe cà-rem. Chàng ngắt những đóa hoa héo úa, ném thẳng ra đường, về hướng nhà tôi. Tôi nghĩ không chừng chàng ném cho tôi, biết đâu. Trong lòng tôi vui hơn hở. Tôi chờ khi trời tối, mọi người đã về nhà, xuống lầu nhặt mấy chiếc hoa héo úa bẻ bết bụi đất, định cất vào nơi bí mật. Anh tôi bắt được, ném đi, và phạt tôi quỳ vì tội dơ dáy.

Dạo đó, chị tôi đã đến tuổi dậy thì, sắp thi tú tài. Chị điệu lắm, tóc trước trán kẹp phồng lên cao, làm thành cái mà người ta gọi là “cái bốp”. Mỗi khi chị tôi nói, cái miệng chị méo méo, rất có duyên, hai con mắt long lanh, ướt rướt. Làm cho nhiều anh sinh viên hay lạng xe gần máy đi qua trước nhà, nhìn thoáng vào, rồi rú xe, mắt hút trong mấy dãy nhà cuối phố. Một anh học sư phạm sắp ra trường, thường đến nhà chơi, anh hay ôm cây đàn, và búng dây tình tang, ca nho nhỏ những bản nhạc tình. Chị tôi ngồi nghe mắt lim dim, đê mê, miệng cười chúm chím. Anh thường hay vẽ vờ và nói về một tương lai hoa mộng của một gia đình êm ấm, chồng đi dạy học, vợ ở nhà nấu ăn, chăm sóc con cái, vẽ tranh, đánh đàn. Chị tôi nghe mà cứ lịm cả người. Anh kêu tôi lại véo má và nói: “Sau này lớn lên, em lấy chồng dạy học cho sướng

nhé.” Tôi hất tay anh ra, đáp lại liền: “Không. Em lấy chồng bán cà-rem”. Cả hai anh chị tưởng tôi biết nói đùa, đều cười vang vui vẻ, tôi thì xấu hổ, không biết hai anh chị cười cái gì, bèn làm mặt giận. Anh bạn của chị tôi lấy cớ tôi thích cà-rem, đề nghị chở chị em tôi lên phố, đi ăn cà-rem. Nhờ có lý do chính đáng, chị tôi nhận lời. Anh cho tôi đứng trước xe gắn máy hiệu Vespa, chỗ anh để chân, chị tôi ngồi sau lưng anh, gió thổi vù vù mát dươi, tôi sung sướng ra mặt. Anh đưa vào tiệm cà-rem ở bùng binh trước chợ Bến Thành. Thật tình, tôi không ngờ, cà-rem mà lại được bán bên trong tiệm, như một nhà hàng ăn. Tôi được một ly kem ba màu vun đầy trong cái ly thủy tinh trong vắt, đẹp mắt. Ba viên kem tròn, mịn, màu sắc thanh nhã, mỗi viên có một mùi vị riêng, mát dươi, ngọt lịm. Thì ra dưới vòm trời này, không phải chỉ có ông cụ bán cà-rem trong xóm tôi là nhất hạng. Biết thế, nhưng tôi vẫn không bỏ ý định về làm dâu nhà ông.

Năm sau, chị tôi lấy chồng, theo chồng đi dạy học phương xa. Bố mẹ tôi dời nhà về Phú Nhuận. Tôi vẫn không quên được chiếc xe cà-rem và chiếc đĩa cả của ông cụ, vẫn thường mong có dịp bố mẹ chở tôi về nơi cũ, để nhìn lại cảnh “xưa” một lần. Có lẽ cũng mơ hồ mong thấy lại ánh mắt sáng rực linh động của chàng, anh con trai của cụ bán kem. Nhưng không bao giờ tôi được dịp về lại con

đường cũ, khu phố xưa. Rồi tôi thi đậu vào học trường Gia Long, vui bạn vui bè, chơi đùa nghịch ngợm. Mấy năm vút qua, nhiều bạn bè tôi đã có kẻ đón, người đưa mỗi buổi học, đã biết bí mật, dăm dúi kể cho nhau nghe chuyện tình yêu, đọc thơ tình. Tôi chưa có ai để tưởng nhớ, để mơ mộng, ngoài một hình bóng anh nhỏ con ông cụ bán kem của ngày xa xưa đó. Tôi cũng đã khôn lớn, nhưng trong trí không bỏ được ý nghĩ chung thủy, sau này sẽ về làm dâu ông cụ bán kem như tôi đã tự hứa với mình ngày trước. Tôi cứ đinh ninh trong vô thức rằng, ông cụ cũng chờ tôi, chàng cũng chờ tôi khôn lớn, dù nhiều năm chẳng có tin tức, không gặp nhau.

Rồi một hôm, khi tan trường, vừa ra khỏi cổng, tôi sững sờ suýt ngã đi vì mừng. Tôi thấy chàng đứng chờ tôi. Không thể làm được, chính chàng chứ không phải ai khác. Vẫn ánh mắt sáng ngời đó, cái nốt ruồi trên môi đó. Chàng mang sắc phục sinh viên sĩ quan, áo quần thẳng nếp, đi giày đen bóng loáng, dây biểu chương tua đỏ, tua vàng trên vai, nón kết, trông thật oai hùng. Tôi muốn chạy thật mau đến mà ôm lấy chàng trong nỗi vui hội ngộ. Nhưng đôi chân tôi như bị đóng đinh xuống đất, tim tôi đập thành thành, mặt tôi nóng bừng. Tôi thấy chàng cười, nụ cười rạng rỡ vui tươi. Chàng cười và đưa tay ra, đỡ cặp sách cho một cô gái vừa đi đến. Hai người

thân thiết âu yếm bên nhau. Tôi xây xẩm mặt mày, cổ khô rát, mắt hoa, muốn ngã xuống vì đau đớn, vì thất vọng. Tôi vịn hàng rào sắt thở hắt một nhọc. Chàng đi xe gắn máy màu trắng cũ kỹ, chở cô bạn gái ngồi phía sau, tay ôm qua eo lưng, thân thiết quá. Mấy đứa bạn tưởng tôi bị trúng gió, lấy dầu ra xoa lên màng tang, lên trán, và đòi kêu xe cho tôi về nhà. Tôi muốn khóc, mà không khóc được. Tôi cảm thấy như mình bị tình phụ. Như một nhát búa chém xuống vỡ tan tành cái mộng làm dâu ông cụ bán cà-rem. Rồi từ hôm đó, tôi biết buồn, đọc thơ tình yêu thấy hay hơn, cảm xúc, và lòng xao xuyến nhiều. Biết cay đắng với tình đời, nghi ngờ lòng chung thủy.

Khi tôi thực sự đan năm ngón tay mình vào tay một người khác phái, giao trái tim mình cho anh, và hứa hẹn lâu dài mai sau, có lần tôi hỏi anh rằng, trước tôi, anh đã yêu người nào chưa? Anh không đáp, mà hỏi lại tôi câu đó. Tôi bảo rằng có, đã có một mối tình đầu, và kể cho anh nghe chuyện mối tình cà-rem. Nghe xong anh cười ngất, và cho rằng, đó là chuyện mơ mộng tào lao ngây thơ của tuổi mới lớn. Không thể gọi là mối tình đầu được. Cũng như anh, ngày xưa anh yêu mẹ một thằng bạn trong xóm, và thậm gọi bà là “ý trung nhân”, thứ chữ nghĩa học được trong tiểu thuyết. Để trêu chọc tôi, anh hay đưa tôi đi ăn cà-rem ở các tiệm dọc theo

đường Lê Lợi, Tự Do. Những ngày tháng thơ mộng của thời tiền hôn nhân đẹp như mơ. Anh trêu tôi rằng, sau này sẽ mở một tiệm cà-rem cho tôi làm chủ. Rồi chúng tôi kết hợp hai đời làm một. Hạnh phúc lứa đôi của chúng tôi chưa được lâu dài, thì miền Nam sụp đổ, chồng tôi đi tù cải tạo. Tôi lúng túng trong ngày tháng điên mê của một chế độ lạ lùng, khắc nghiệt.

Nhờ thuộc ngành khoa học kỹ thuật, chỉ hai năm tù, chồng tôi được tha về. Thời buổi đói khó, thiếu thốn, gần sông cấm chợ. Cả thành phố, ai cũng ăn độn, bữa đói bữa no. Một hôm tình cờ, tôi bỏ mấy trái chuối vào ngăn lạnh, đông cứng, ăn ngon như cà-rem, nên chồng tôi nảy sinh ra chuyện thử nghiệm làm kem trái cây. Chúng tôi thành công bất ngờ. Chồng tôi nhờ thợ biến cải cái tủ lạnh thành tủ đông đá. Chúng tôi mua trái cây, đường, bột về làm cà-rem, bỏ vào mấy cái thùng xốp cách nhiệt, mỗi ngày có người đến chở đi bỏ mỗi bán. Cà-rem của chúng tôi vừa ngon, rẻ, nhiều, nên làm không kịp để bỏ mỗi. Người ta tranh giành nhau mua. Trong lúc mọi người ngất ngư trong thời buổi tiến mau, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội đó, thì chúng tôi không phải thiếu thốn, có cơm ăn đều đều, có thịt cá hàng ngày. Có lần nhớ lại ông cụ bán cà-rem ngày xưa, tôi nói với chồng:

“Cả một thời thơ ấu, em mơ lấy chồng bán cà-rem. Thế mà bây giờ lại thành sự thực. Thôi anh dứt bỏ cái bằng kỹ sư của anh đi, mà thỏa nguyện với nghề bán cà-rem cho rồi”./

Thằng Khỉ Gió

Thằng Khỉ Gió mới ra trường, đi làm chưa được một năm thì miền Nam đổi chủ. Xã hội bị đổi thay từ gốc rễ. Hắn cứ tà tà, xem cuộc đời như một trò chơi không đẹp. Đã chơi thì cứ chơi cho hết mình. Người ta gọi hắn là thằng Khỉ Gió, vì khi cười, hắn banh hết hai vành môi, để phô hai hàng răng trắng nõn, và hai bờ nướu hồng hào, như miệng khỉ. Đã thế, hắn lại hay làm trò khỉ cho thiên hạ cười chơi. Hắn không ngán ông trời, thì có sợ chi cái trò “vô sản chuyên chính” của mấy ông 'cách mạng' từ bụi rậm trong bưng biền mới chui ra. Hắn cũng ca ngợi 'cách mạng' hết mình, nhưng hắn chỉ ca ngợi cái tài nhện dơi của họ: Một “hạt gạo cắn làm tư”, tài chịu mưa bom B52 của đế quốc Mỹ xối lên đầu, hắn còn ca ngợi thêm tài lãnh đạo của đảng rằng, dù có “đốt cháy cả Trường Sơn”, dù hy sinh cả chục thế hệ thanh niên, cũng quyết đánh cho đến thắng lợi cuối cùng. Hắn nói: “Chúng ta cứ thí mạng cùi, thì đế quốc nào cũng thua, hưởng chi là bọn ngụy quyền.” Hắn ăn nói cách đó, làm nhiều cán bộ trong cơ quan có muốn phê bình, chỉ trích, mà không được, vì hắn ca ngợi cách mạng, chứ không nói xấu.

Có người kháo rằng, hần có ba ông cậu, một ông là Ủy Viên Trung Ương Đảng, trưởng ban tổ chức. Ông này là một thứ siêu tổng thống, cả ông Tổng Bí Thư Đảng cũng phải nể nang. Hai ông kia cũng cầm đầu những cơ quan chính yếu. Họ còn đồn thêm, bố hần đi làm cách mạng, hình như là Bí Thư Tỉnh Ủy nào đó. Nhưng cũng có người nói bố nó bị Việt Cộng chặt đầu. Không ai biết chính xác. Mấy anh chị cán bộ miền Bắc cũng ngán nó, thật hay giả chưa biết, nhưng cứ sợ trước đi, cho chắc ăn, yên thân. Sợ là cái ám ảnh lớn số một của những người có kinh nghiệm sống dưới chế độ cộng sản.

Đến nay là Tết thứ ba, kể từ ngày chiến tranh chấm dứt. Toàn thể công ty bỏ dở công việc, xúm lại xem giết bò ăn tất niên. Người công nhân giáng búa tạ vào đầu con bò gầy guộc. “Bốp”. Con bò lao đao, cái đầu gục xuống, rồi gượng lên, cố kéo sợi dây buộc qua mũi, để chạy thoát, nhưng vô vọng. Nhiều bà ôm mặt thét lên sợ hãi. Sống ở thành phố, họ chưa bao giờ thấy được cảnh giết trâu bò. Cái đầu con bò đưa qua đưa lại, như đang chơi trò đùa với người công nhân cầm búa, anh cứ giáng búa lên, mà chưa bỏ xuống vì ngại đánh trật. Thằng Khỉ gió cười ha hả nói:

“À, con bò này phản cách mạng, ngoan cố, không chịu chết cho rồi. Cố sống dai, thiếu lập trường vô sản.”

Mấy chị cán bộ quay lại nhìn thẳng Khi Gió với ánh mắt giận hờn, hậm hực. Những người khác thì cười thích thú lắm. Người công nhân cầm búa tạ, bổ tới tấp, bổ liên tục lên cái đầu con bò, làm nhiều bà, nhiều cô ‘dân ngụ’ la lên bắt nhand. Một cô hét to:

“Thôi, thôi! Khiếp quá, ăn uống chi mà ác vậy?”

Thằng Khi Gió cười hô hố:

“Thôi sao được? Nhân dân ta đang phát huy cách mạng tính mà.”

Mấy bà mấy cô từ miền Bắc vào tiếp thu miền Nam, thì thản nhiên, bình tĩnh. Có lẽ họ đã quen nhìn thấy cảnh hạ bò, giết heo. Cuối cùng con bò sụm xuống, nằm xuôi chân trên nền đất.

Thằng Khi Gió lại la lên:

“Có thể chứ! Bây giờ nó đã giác ngộ cách mạng rồi đó.”

Một người cầm con dao lách vào cổ bò, máu phun xối xả vào cái thau nhôm. Máy chị cán bộ xúm lại, bưng thau uống máu ừng ực. Máu dính đầy mồm, đầy mũi, và đưa tay quệt. Thằng Khi gió lại la lớn: “Ma-cà-rông bà con ơi. Ma-cà-rông hút máu” Máy chị cán bộ nói:

“Uống đi, máu tươi bổ huyết. Ăn tiết canh cũng vậy thôi.”

Mấy cô nhỏ tuổi kêu lên khe khẽ trong cổ họng vì ghê tởm. Một anh cán bộ trầm giọng nói:

“Mấy cô này còn có tác phong tư sản. Chưa chịu đói thì còn làm bộ tịch, còn ưỡn ẹo, chê bai. Để rồi xem, thời gian nữa mới biết đá, vàng.”

Một cô lên giọng đáp:

“Đã đói vàng con mắt ra rồi, chứ chưa đói đâu! Khoai, sắn, bo bo, bột mì, cháo lỏng, đủ hết rồi!”

“Đói như thế, có nghĩa lý gì, chưa thể gọi là đói được.”

Một chị khác, nói giọng mỉa mai:

“Đúng vậy, được ăn độn đã là ấm no, hạnh phúc lắm rồi đó.”

Con bò này bị hạ cho toàn công nhân viên của công ty ăn Tết. Từ đầu năm, phòng tài vụ đã tự động trừ lương mỗi người, để mua chung con bò, nuôi cho lớn mà ăn tất niên. Ngày mới mua về, cái mông con bò tròn trịa, láng mềm, lông mượt mơn mớn. Thằng Khỉ Gió thường nói nhỏ: “Con bò này có cái mông đẹp nhất công ty, không có cô nào, bà nào mà sánh bằng. Đẹp nhất là cô Hoa, cái mông cũng thua xa mông bò.” Nó nói tào lao vậy, mà ai cũng công nhận là đúng. Sau hơn nửa năm thấm nhuần cách mạng, cái bụng con bò thót lại, xương sườn nổi lên rõ rệt dưới làn da, có thể đếm được mà không sót cái nào. Cái mông đẹp để ngày trước, nay lồi lõm trơ xương, khốn khổ. Bây giờ thằng Khỉ Gió gặp ai cũng thì thầm: “Cách mạng tiêu

điều cho đến cả cái mông bò”. Nhiều người nghe nó nói khoái tai, nhưng lại sợ sệt.

Một anh cán bộ nói lớn cho mọi người cùng nghe:

“Một con bò mà mấy trăm người ăn, thì mỗi người được mấy miếng? Ngoài Bắc mỗi lần Tết, mỗi người mua được hai chục ký thịt. Nhà chừng năm người, thì mua được cả trăm ki-lô, ăn mới đủ.”

Thằng Khỉ Gió nghe vậy, hỏi thẳng:

“Cọp hay sao mà ăn thịt nhiều vậy? Ở miền Nam, ngày chưa được 'giải phóng', phải ăn độn toàn thịt gà, thịt heo, bò, và phải ăn cháo... cháo... bèo ngư.”

Đám đông cười ầm ĩ, anh cán bộ đỏ mặt, một người nạt thằng Khỉ Gió như để vớt vát, cho anh cán bộ đỡ thẹn thùng:

“Mày ăn nói bậy bạ quá. Uống bao nhiêu viên thuốc liều vậy?”

“Em cùi rồi, đâu có sợ lở. Vả lại có người nạp thuốc súng vào mồm, nổ điếc tai quá, em phản pháo lại một quả nhè nhẹ chơi.”

Con bò được mổ ra, chia cho các phòng trong công ty, để cùng liên hoan, chào mừng một năm đạt thành tích. Cuối năm, phòng kế hoạch của công ty cổ rặn óc, tưởng tượng ra thành tích mà báo cáo lên Sở, lên Thành. Trưởng phòng kế hoạch là một chị kỹ sư kinh tế xây dựng, tốt nghiệp tại miền Bắc. Chị chỉ thị cho thằng Khỉ Gió soạn thảo bản báo cáo

thành tích cuối năm, dựa theo các báo cáo hoàn tất công tác của các công trường đưa về. Khi thảo xong, nó đưa cho chị trưởng phòng đọc, càng đọc, thì cái mặt chị càng nhăn nhúm, méo mó. Chị toát mồ hôi và gằn giọng:

“Viết báo cáo thành tích như thế này, thì đi tù cả đám. Này, anh cứ làm theo lời tôi, công trường nào hoàn tất được chừng hai chục, ba chục phần trăm, thì báo cáo bảy tám chục, mà hoàn tất được bảy tám chục, thì báo cáo một trăm phần trăm. Có thể mới là cái ưu việt của xã hội chủ nghĩa.”

Thằng Khỉ Gió hỏi thêm:

“Còn những công trường chưa khởi công thì sao?”

“Anh cứ báo cáo hoàn tất bốn năm chục phần trăm cho tôi.”

“Chị Dung ơi, tôi nghe các anh chị cách mạng có bản sao mấy trang sách cuội làm ‘bí kíp’ xây dựng xã hội. Chị có thể cho tôi mượn đọc sơ qua, mà làm báo cáo chẳng?”

Chị trưởng phòng ngơ ngác không hiểu ‘bí kíp’ là cái gì, và xưa nay, có lẽ cũng chưa nghe ai ăn nói liêu mạng như vậy, nên tưởng Khỉ Gió nói điều ‘ngghiêm túc’, bèn lục hồ sơ cũ, lấy tờ báo cáo năm trước, đưa cho Khỉ Gió, và bảo cứ dựa theo đó mà viết.

Thằng Khỉ Gió hay ăn nói vong mạng, anh em sợ có ngày ‘cách mạng’ bắt nó đi tù, nên càng cố bày ra một huyền thoại, nửa thực,

nửa giả bao quanh cái lý lịch của Khỉ Gió. Một anh kỹ sư, bị giao nhiệm vụ viết báo cáo về "Sáng kiến cải tiến kỹ thuật", nghĩ mãi không biết viết gì, mà viết những 'sáng kiến tối mò' thì không được, và nhúc nhích đầu quá, anh đi quanh, ghé lại phòng kế hoạch nói với Khỉ Gió:

"Tuần trước, tôi thấy anh ở trong nhà ông bí thư thành ủy đi ra. Ngồi trên 'xe con' của ông ấy. Anh đi đâu vậy? Có việc gì không?"

"Chắc anh thấy làm tôi với ai đó. Không phải tôi đâu."

"Làm sao mà làm được, cái miệng anh cười, cái áo màu nâu này. Tôi đâu có lừa mắt."

Chị trưởng phòng nhìn Khỉ Gió có vẻ e dè. Khỉ Gió thường bảo rằng, những người 'cách mạng' sống trong nghi ngờ, lo sợ thường trực, và luôn luôn giữ mồm giữ miệng, không dám nói đùa, sợ bị hiểu lầm mà mang vạ. Họ sợ cọp, cho nên thấy phân cọp cũng sợ, mình là phân dê, mà họ tưởng phân cọp, thì cứ để họ tưởng. Người khác, mà không có cái huyền thoại bao trùm chung quanh, thì chắc là bị bắt đi tù từ lâu rồi.

Tiệc liên hoan tất niên gồm có thịt bò kho ăn với bánh mì và cháo. Trước khi ăn, chị cán bộ trưởng phòng dặn nhỏ Khỉ Gió đừng múc cháo đầy chén. Múc chừng một phần ba chén thôi, ăn thật mau, rồi múc thêm chén

khác thật đầy. Như thế, ăn được hai chén. Khi Gió không nghe lời chị, múc một chén thật đầy cho ăn chắc, lỡ cháo hết, không còn mà múc chén thứ hai, uống của. Trước khi mở màn cuộc liên hoan, anh cán bộ thủ trưởng đọc diễn văn, ca ngợi đảng Cộng Sản, ca ngợi chủ nghĩa xã hội tốt đẹp, nên mới có được thành quả vẻ vang, là bữa tiệc hôm nay. Chị trưởng phòng chăm chú ăn, không nói một lời. Chị múc được chén cháo thứ hai. Chị trách Khỉ Gió:

“Thế là anh chỉ được một chén thôi nhá. Tôi đã dặn kỹ mà anh không nghe.”

“Lấy một chén đầy cho ăn chắc chị ơi. Cuộc sống bấp bênh, ai biết chắc chuyện gì ở phút sau?”

Cả công ty đang ăn uống, cười đùa, chỉ có anh Trần đứng ngoài phòng nhìn vào nháy nhó. Anh thủ trưởng hỏi:

“Sao anh không ăn?”

“Lâu ngày chuyên khoai sắn, không quen ăn thịt, sợ ăn vào đau bụng, phí của 'dzòì' đi!”

Anh Trần ghé vào tai thằng Khỉ Gió mà thì thầm: “Không ăn cháo cộng”. Nhiều lần, anh Trần có nói với bạn bè rằng, muốn lên núi hái rau vi, bắt chước các ông Bá Di, Thúc Tề ngày xưa.

Ăn xong, các anh các chị cãi nhau dữ dội về nửa ký thịt heo mà mỗi người được

mua. Người chê toàn mỡ, kẻ chê bạc nhạc, da. Anh phó thủ trưởng công ty đòi kiểm tra, và xét những miếng thịt của các chị trong ban “vật tư” làm các chị tái mặt.

Năm nay, mỗi người được mua nửa phong pháo nhỏ. Người ta đoán, nhà nước đã “kiểm kê” được của một tiệm nào đó, nên bán cho nhân viên xài chơi. Danh từ “kiểm kê” vào thời này, được hiểu đồng nghĩa với tước đoạt, tịch thu. Có lần thằng Khỉ Gió nói với chị trưởng phòng rằng: “Chiếc xe đạp của tôi được kê gian kiểm kê rồi, cho nên phải đi làm bằng xe lam”. Nói xong nó cười hề hề. Thế rồi lần họp công đoàn, thằng Khỉ Gió bị một anh đang phấn đấu để vào “đoàn” đặt vấn đề, và đòi “phê bình xây dựng”.

Tết năm đó, thằng Khỉ Gió bắt thăm, nhằm phiên trực gác đêm 30 tết. Phải ngủ lại cơ quan. Khỉ Gió đâu có e ngại gì, nó nói ngủ nhà, hay ngủ tại sở, cũng thế thôi. Khỉ Gió chẳng có vợ con gì mà lo. Nó nói, bên ngoài cổng cơ quan, thì đã có bảo vệ canh gác, bên trên lầu, thì có mấy hộ của cán bộ ở, mà nếu có ai muốn vào đây phá hoại, thế cũng lỉ “phe ta” cả. Khỉ Gió ôm mền, chiếu, vớ cuốn truyện nhan đề lỉ “Số Đỏ” của Vũ Trọng Phụng vớ nằm đọc. Hai buổi tối liên tiếp theo sau đó, Khỉ Gió tẻnh nguyện gác thay cho những người kế tiếp. Sau đó, anh Trần biết được chuyện tình nguyện của Khỉ Gió, anh sợ nó có

âm mưu gì, làm điều đại dột rồi lỡ bị bắt, không được gì mà thêm khổ thân. Anh khuyên nó. Nó thú thật với anh, rằng ba đêm liên tiếp, chị cán bộ trên lầu mò xuống, ăn nằm với nó. Nó kể, đêm đầu tiên, chị xuống nói chuyện, rồi pha trà mời. Chị nói đủ chuyện, và xưng là “mình”. Thấy chị cũng trắng trẻo, có da có thịt, không xấu, nó sinh tà ý. Thấy hai con mắt của chị long lanh, toát ra đầy thèm muốn, nó kêu đùa là “mình ơi”. Thế là chị chồm đến, ôm lấy nó. Nó không dám đồng tình, mà cũng không dám xô chị ra. Hấn rên rỉ nhỏ nhỏ: “Thằng chồng của chị nó xuống đây bắn nát óc tôi ra. Tôi chưa muốn chết đâu.” Chị thêu thào: “Ông ấy đi cả tháng chưa về, bây giờ đang ở Sông Bé, mừng ba Tết mới về cơ.” Khỉ Gió hỏi: “Thật không?” Chị trả lời chắc nịch: “Thật chứ ! Không thì tôi đâu dám xuống đây.” Rồi chị đề thằng Khỉ Gió ra mà hành động, tham lam, vô vấp, hồi hải. Thằng Khỉ Gió chợt nhớ lại một đoạn trong cuốn truyện Số Đỏ đang đọc, hấn bắt chước nhân vật trong tiểu thuyết, thêu thào kêu nhỏ nhỏ: “Bớ ông Cẩm ơi! 'Kíu' con với, 'kíu' con với!”. Chị cán bộ đánh vào mông nó, nói: “Khỉ nào. Vui thế này, 'kíu' cái nổi gì?”. Hấn còn nói: “Thế là tôi đã dâng cả cái trình tiết của tôi lên cho cách mạng rồi. Mất cái trình tiết, sau này làm sao mà lấy vợ được? Bắt đền 'mình' đó.”

Chị cán bộ cười rình rích. Anh Trần cho rằng, thằng Khỉ Gió kể chuyện xạo chơi, không tin.

Sau Tết, thằng Khỉ Gió xin ra công tác tại các công trường xa. Hấn nói với anh Trần, hấn chưa muốn bị bắn bể đầu. Hấn nói tiếp, sách vở dạy rằng, có ba điều không dầu được ai, đó là nghèo, ho và tình yêu. Chủ nghĩa xã hội không dầu được cái nghèo đói, dù cho chối quanh, ngụy biện. Chị cán bộ cũng sẽ không dầu được tình yêu, nó chuồn đi sớm là hơn.

Nhờ đi công trường xa, giờ giấc không bị kiểm soát chặt chẽ, thằng Khỉ Gió móc nối được tổ chức vượt biên, và thuyền qua đến Phi Luật Tân, cũng vào đúng kỳ tết năm kế. Hấn ăn Tết trong trại tị nạn, và thấy sung sướng, vui vẻ hơn cái tết nào cả, vì tương lai tự do đang mở ra trước mắt. /.

Tình Yêu Màu Nhiệm

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc,
Đốc nào cao bằng đốc Nam Vang,
Đói no em chịu theo chàng,
Xuống sông ra biển lên ngàn cũng theo*
(ca dao)

Mới lên Đại Học thì Thư nhận được lệnh động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức. Tương lai dường như khép lại. Thấm thía buồn pha chút buồn xuôi. Khỏe, từ nay khỏi phải thức khuya dậy sớm lo lắng sách đèn. Đời lính, sống nay chết mai, chưa biết lúc nào. Vả lại, bố mẹ cũng làm ăn vất vả, phải hy sinh nhiều, mới có thể hỗ trợ cho Thư theo đuổi chương trình đại học.

Tưởng hết học là khỏe ru, nhưng không phải thế. Khi dứt đầu vào quân trường mới hết hồn, tập luyện ngày đêm mệt nhọc đến phờ người. Nhưng rồi mấy tháng huấn luyện gian khổ nhọc nhằn cũng quen đi và qua mau.

Mãn khóa ra đơn vị, đóng quân ở tiền đồn heo hút xa xôi, chỉ mong cho tạm được bình yên, địch quân đừng quấy phá, tấn công, để khỏi phải giết nhau tranh sống. Thư nghĩ rằng, có lẽ đa số lính miền Bắc cũng mang

cùng tâm trạng với Thư, không muốn bắn giết ai, nhưng bị lừa vào cuộc binh đao, thì phải chiến đấu để sống còn. Không giết đối phương, thì cũng bị địch sát hại. Chán ngán chiến tranh dài ngày. Buồn chán rồi cũng thành nhàm quen.

Một lần nằm võng trong hầm trú ẩn, một anh bạn các có hỏi Thư: “Sau này thanh bình, được trở về đời sống dân sự, thì anh định làm gì để sinh sống?”

Thư cười đáp: “Biết có còn sống đến ngày thấy đất nước thanh bình hay không? Nghĩ chi xa xôi cho mệt. Cuộc chiến này như không bao giờ chấm dứt được. Cứ chết hết đợt này, thì miền Bắc xua quân vào đợt khác để thí mạng. Cứ thế mà dằng dai mãi.”

Anh bạn thở dài: “Biết đâu có một ngày nào đó, chính quyền miền Bắc thấy chết chóc, phí phạm quá nhiều nhân mạng và tài lực, mà không đạt được mục tiêu, thôi gọi quân vào Nam, thì hết chiến tranh. Hoặc khối cộng sản thôi tiếp tế súng đạn, bom mìn, lương thực cho miền Bắc, hoặc Mỹ thôi yểm trợ cho miền Nam, thì thanh bình sẽ trở lại với chúng ta.”

Thư nghĩ lời của bạn cũng có lý phần nào. Chiến tranh mãi, rồi cũng sẽ có ngày chấm dứt. Thư hoang mang nghĩ đến tương lai mà hoảng sợ. Làm gì để sinh sống sau này nhỉ? Không một nghề chuyên môn, chẳng vốn

liếng, mà học hành thì dang dở. Thì ra, chiến tranh đã là ngõ bí, mà hoà bình, thì cũng chẳng có lối thoát cho tương lai. Rồi nhân một lần về phép tại Sài-gòn, nghe các lúa đàn em xôn xao bàn tán, Thư nhờ họ ghi danh giúp, theo học đại học Văn Khoa. Nhờ chúng mua bài in, gởi ra nơi tiền đồn. Thư quăng bài vào hàm trú ẩn, khi nào buồn, không có việc làm thì đem ra đọc, như để giải trí. Học mà chơi, không cần thi đậu hay rớt. Bài học giáo khoa cũng gần gũi với những điều hiểu biết trong sách vở mà Thư đã đọc thường ngày. Đâu có gì khó khăn đến nỗi phải đến giảng đường nghe thầy giảng dạy.

Khi nhận được giấy báo danh dự thi, Thư nhờ đó mà xin được mấy ngày phép về Sài-gòn. Công theo một ba-lô đầy ắp bài vở, định về đến Sài gòn thì đóng cửa nằm đọc lướt nhanh qua, được chừng nào hay chừng đó. Biết đâu sẽ ‘trúng tử’. Nhưng mới về đến nhà, thì bạn bè ào đến rủ rê lên phố ngồi quán cà phê, nhõn nhơ nhìn những tà áo dài phát phơ bay. Những thứ này, thiếu vắng nơi tiền đồn heo hút giữa rừng rậm núi cao. Tội gì mà bỏ qua, không tận dụng thời gian quý báu này. Ngồi mãi đến khi phố chiều đã thừa người. Trên đường về, thấy bảng quảng cáo có chiếu phim hay, Thư không cưỡng lại được lòng, cùng các bạn mua vé vào xem phim mãi đến gần khuya mới về đến nhà.

Tắm rửa xong thì đã khuya, Thư đem bài ra đọc, chỉ mới được hai trang thì ông em bày bàn cờ tướng, hấn nói:

“Làm vài ván đi anh Thư. Học chi giờ này nữa!”

“Thôi, để kiểm vài ba chữ, lỡ mai vào thi trúng tủ, có chút gì mà viết”

“Chơi một ván thôi, xem dạo này trình độ cờ tướng của anh có khá hơn trước không! Ở nơi tiền đồn, chắc anh luyện cờ kỹ lắm.”

Thư quăng tập bài xuống bàn nói: “Ừ, chơi thì chơi. Sợ chi. Mai vào thi đánh võ tự do. Đâu rớt đâu có quan trọng.”

Thư và chú em, khai hai chai bia, bày thêm một đĩa tôm khô củ kiệu, ngồi hai bên bàn cờ, chăm chú điều quân khiên tướng. Lên xe, qua pháo, nhảy mã, say sưa chơi ván này qua ván khác, mãi cho đến hơn ba giờ sáng, Thư giật mình gạt bàn cờ nói to:

“Bậy thật, đáng ra phải đi ngủ sớm để ngày mai có sức, tỉnh táo mà làm bài. Thôi đi ngủ”

Vào giường, cái đầu Thư nóng bừng bừng, hình ảnh mấy con cờ cứ hiện ra mãi, rồi trần trở, không chợp được mắt. Cho đến khi gần sáng, thì chìm vào giấc ngủ vùi ngon lành, mê man không biết gì nữa, đến nỗi

không nghe cả tiếng chuông đồng hồ báo thức. Khi tỉnh giấc, nắng đã lên cao. Thư giật mình, rửa mặt đánh răng qua loa, rồi xách xe chạy vù ra đường. Thấy đã trễ giờ, khó đến kịp phòng thi, đường lại kẹt xe. Thư định quay về, nhưng cứ tà tà lướt tới. Đi đâu bây giờ? Hay là vào quán kiếm gì ăn sáng cho đỡ đói bụng. Cứ suy nghĩ mông lung, cho đến khi đã dừng xe trước cổng trường Văn Khoa. Sân trường đầy cả xe mà vắng bóng người qua lại. Thư khoá xe, lững thững đi vào xem thử trường ốc ra sao, vì cũng chưa hề đến đây một lần. Khi vừa đặt chân lên hành lang, Thư thấy một thiếu nữ duyên dáng trong áo dài màu vàng nhạt, tóc xõa dài hai bên bờ vai, mắt nâu sáng long lanh, chiếc mũi thon, làn da trắng mịn màng. Ngẩn ngơ vì cái nhan sắc thanh thoát đó, Thư dừng lại, chìa tờ phiếu báo danh ra cho thiếu nữ để làm quen, và nói “Cô làm ơn chỉ giúp tôi phòng thi ở nơi nào. Tôi đến trễ, chắc giám thị không cho vào lớp.”

Cô gái giật lấy tấm giấy báo danh, nhìn thoáng qua, vội nắm lấy tay Thư dắt chạy về hướng cầu thang, rồi kéo chạy tuốt lên lầu. Tiếng guốc gỗ lóc cóc trên sàn xi măng rộn rã. Thư mê mẩn người, tim đập dồn dập, bàn tay như lâng lâng trong lòng tay mềm mại, và ngoan ngoãn chạy theo cô gái, tóc cô bay dạt ra sau, thoang thoang mùi hương. Khi đến đúng phòng thi, cô dúm lại tấm giấy báo danh

vào tay Thư, và đẩy vai chàng vào lớp. Thư đứng lại nhìn cô và nói:

“Tôi không thể thi được nữa!”

“Sao thế?” Cô gái tròn mắt ngạc nhiên.

“Cô kéo tay tôi mạnh quá, sai tay rồi. Không viết được nữa!”

Cô gái vụt nâng tay Thư lên và nói: “Đâu, đưa xem, để tôi chữa cho”- Rồi chu miệng thổi phù một cái, nói tiếp: “Lành rồi đó nhé! Vào thi đi. Ráng làm bài cho khá, thi đậu về đòi mẹ thưởng quà!”

Không dám lần khăn hơn, Thư áp úng cảm ơn. Thầm nghĩ giá như phòng thi còn xa hơn nữa, hoặc được bàn tay mềm mại đó, nắm chặt không bao giờ ngưng nghỉ, thì hạnh phúc biết bao. Thư chẳng tha thiết chuyện thi cử nữa, mà muốn quay ra, đi theo cô gái, hỏi tên xin làm quen, nhưng lại sợ cô hiểu lầm.

Giám thị phòng thi phát giấy và chỉ ghế ngồi cho Thư. Tất cả thí sinh trong phòng đang im lặng chăm chú làm bài. Thư như người mất hồn, ngẩn ngơ, ngồi nhìn lên trần, và tiếc đã không bỏ phòng thi để đi theo người thiếu nữ duyên dáng đó mà làm quen. Trễ mất rồi. Thư chép đề bài ghi bằng phấn trắng trên bảng màu xanh lục: “Văn học Việt Nam từ năm 1929 trở lại.” Thư thăm bảo, dễ ợt, chỉ là kiến thức phổ thông của người có

đọc sách báo. Không biết bài học của giáo sư viết gì về vấn đề này, nhưng Thư chắc chắn làm bài được, có thể thiếu sót, nhưng không lạc đề. Tay thì viết lia lịa, mà đầu óc cứ vẫn lơ nghĩ về thiếu nữ, Thư ghi nhanh những ý tưởng thoáng qua đầu mà không viết nháp. Ráng viết cho đầy bốn trang giấy, làm xong kết luận, rồi đem nộp bài, để chạy vội ra, mong tìm được người đẹp đã nắm tay và làm Thư mê mẩn. Khi đưa bài làm cho giám thị phòng, Thư nhìn vào bài nộp của một thí sinh khác, và khám phá ra người này có đề thi không giống như đề ghi trên bảng. Thư hỏi nhanh:

“Thế thì có hai đề thi mà tôi không biết, tôi chỉ làm đề ghi trên bảng mà thôi”

Vị giám thị ngẩn ngơ và nói: “Ai bảo anh làm bài theo cái đề ghi trên bảng? Đó là đề của khóa thi ngày hôm qua mà!”

Cả phòng thi cười ầm lên khi nghe lời thầy giám thị. Thư thất vọng và giận, nói gằn giọng:

“Không ai cho tôi biết đề thi, thì tôi làm theo đề ghi trên bảng. Tại sao không xóa đề cũ đi, để cho người khác hiểu lầm? Tôi xin hỏi thầy, tại sao không cho tôi biết đề thi?”

Vị giám thị điềm đạm trả lời: “Đề thi tôi đã kèm trong tờ giấy nháp phát cho anh đó”.

“Ồi trời! Có bao giờ tôi viết nháp đâu! Luận văn mà viết nháp thì lấy thì giờ đâu để làm bài? Thầy hại tôi rồi!”

Vị giám thị phòng nhìn đồng hồ, rồi đưa cho Thư một tờ giấy thi mới, nói:

“Thời gian còn gần một giờ rưỡi nữa. Thôi anh ráng viết một bài ngắn, gọn, súc tích, chắc cũng kịp.”

Thư chán nản trở về ghế ngồi, và mở tờ giấy nháp ra, đọc đề thi: “Lĩnh Nam Chích Quái là một tác phẩm nhân dân và của nhân dân.” Đề thi này do giáo sư linh mục Thanh Lãng soạn. Thư mơ hồ như đã đọc tác phẩm này từ thời còn học tiểu học. Ngồi yên lặng, và ráng nhớ lại xem, đây là cuốn sách gì, viết chuyện gì. Nghĩ mãi không ra, mà thời gian thì cấp bách. Thư quay qua cô thí sinh ngồi bên cạnh, lên tiếng xịt xịt làm dấu rồi hỏi nhỏ:

“Này cô, Lĩnh Nam Chích Quái là cái mốc khô gì hở cô?”

Nghe hỏi, cô gái không nhin được cười, hai vai rung rinh bần bật, và cười thành tiếng khúc khích nho nhỏ. Cô đáp:

“Đừng làm tôi tức cười, viết bài không được. Gần hết giờ rồi mà hỏi ngớ ngẩn.”

Thư thì thầm: “Có phải là tập chuyện cổ tích không?” Cô gật đầu. Thư hỏi nhỏ tiếp:

“Có chuyện Tấm Cám không?” Cô lắc đầu.
“Có chuyện Hồng Bàng không?” Cô gật đầu.
“Có chuyện Phù Đổng không?” Cô gật đầu.
“Có chuyện Bánh Chưng, Dưa hấu, Rùa vàng không?” Cô gật đầu ba lần. Thư cảm ơn, rồi cầm cúi viết bài. Tưởng gì, chứ Lĩnh Nam Chích Quái gồm 24 truyện truyền kỳ của dân gian, không chắc ai là tác giả. Thư cứ viết thao thao bất tuyệt. Khi hết giờ, cả lớp đã ra khỏi phòng thi, chỉ còn mình Thư, ráng viết cho xong đoạn kết luận, thầy giám thị phòng kiên nhẫn đứng chờ.

Trên sân trường, xe đã thừa thớt, Thư chưa về vội, nhõn nhợ đi loanh quanh qua các hành lang, với hy vọng mong manh sẽ gặp được nàng, người con gái tử tế yêu kiều đó. Tại sao không lạc quan tin tưởng. Cứ tin tưởng, rồi sẽ thành, biết đâu. Đi quanh vài ba vòng, khi trường ốc đã vắng người, Thư chán nản uể oải ra về.

Hôm sau, Thư đến phòng thi thật sớm, đi quanh sân trường, hành lang, mắt lảo liên tìm kiếm, bây giờ mục đích chính không còn là tiếp tục kỳ thi, mà đi săn tình cảm. Không tìm ra tung tích người, Thư dò hỏi bạn bè, mô tả người con gái áo lụa vàng, mảnh khảnh, da trắng, tóc thề dài. Trong trường Văn Khoa này, có cả mấy trăm cô cùng nhân dạng đó. Mấy ngày phép còn lại, sáng chiều nào Thư cũng đến khuôn viên đại học Văn Khoa kiếm tìm.

Sân trường mùa hè vắng vẻ làm Thư thêm buồn nhớ.

Về lại đơn vị, Thư lấy giấy phác họa dung nhan người thiếu nữ đó, treo trong hòm trú ẩn. Mỗi lần vào ra, nhìn cho đỡ nhớ nhưng. Bạn bè cười đùa chế nhạo, Thư nói đùa: “Biết đâu người đẹp trong tranh, sẽ rời tường và xuống nói chuyện tâm tình đêm đêm.”

Sau một lần đụng trận nặng, Thư bị thương, về nằm bệnh viện Cộng Hoà gần hai tháng, rồi được bổ sung về một đơn vị địa phương quân tại Biên Hoà. Hàng tuần, Thư chạy đi chạy về con đường Biên Hoà – Sài Gòn, khi nào cũng hớn hờ ghé tạt ngang qua trường Văn Khoa. Thỉnh thoảng ngồi uống nước, nhìn đám sinh viên trẻ cười đùa hạnh phúc, và vui lây với cái sung sướng của họ. Có khi Thư vào các lớp đang học, đứng cửa sau nhìn lên, tìm hình dáng nàng, nhưng rồi buồn bã ra về. Vài người bạn biết chuyện, khuyên Thư đừng đi tìm kim đáy biển, nên tìm một bạn gái khác. Đời này thiếu chi người dễ thương, tốt lành, mà chắc chi cô gái trong mộng của Thư đã không neo thuyền bến khác rồi.

Rồi một hôm, Huy là bạn thân, chèo kéo, muốn dẫn Thư đến giới thiệu cho một người bà con. Huy nói: “Có năm chị em, tuổi tác sà sà nhau, con nhà đảng hoàng gia giáo, khá

đẹp, tính tình ôn nhu hòa nhã, tha hồ mà lựa chọn. Vấn đề là tùy theo tài ăn nói của cậu mà thôi.”

Thư lắc đầu, vì nhất quyết tin rằng, sẽ gặp lại được người con gái hôm cũ, không muốn dây dưa tình cảm lang bang, chẳng muốn quen biết với ai nữa cả. Sau một lần đi uống cà phê, trên đường về nhà, Huy bảo Thư:

“Tôi có việc vào nhà quen một chốc, cậu ráng chờ chừng hai mươi phút. Hay là đi theo tôi cho tiện, khỏi đứng phát phơ bên đường.”

Thư lặng lẽ đi theo Huy. Vào trong, thấy cả nhà ngồi quanh bàn, đang ăn cơm chiều, Thư giật thót mình, suýt la lên một tiếng ngạc nhiên. Vì thấy cô gái mà mấy lâu nay Thư tuyệt vọng kiếm tìm ngồi đó, mặt hướng ra phía cửa. Tim Thư đập mạnh, hơi thở dồn dập. Bà mẹ trong gia đình nói:

“Tiếc quá, bữa cơm đã gần xong, nên không dám mời hai anh cùng ăn cho vui. Mời hai anh ngồi”- Rồi quay qua nói với cô con gái - “Con pha trà mời khách giúp mẹ.”

Huy nói lớn: “Thôi, nước nôi làm chi, chúng tôi mới đi uống cà phê về. Đây là anh Thư, bạn học cũ, mà cũng có thời cùng đơn vị. Chúng tôi đi qua đây, tiện đường ghé thăm, và cũng định nhờ anh Năm một việc nhỏ.”

Hình như cô gái chưa nhận ra Thư, hoặc hôm trước, vì gấp gáp bận chỉ đường, mà không nhìn kỹ người cô giúp đỡ. Một thoáng buồn gọn qua trong Thư vì sự vô tình của cô. Quanh bàn ăn, có bố mẹ và năm chị em suýt soát nhau, khó biết cô nào chị, cô nào em. Các cô đều duyên dáng, mặn mà, mỗi người mỗi vẻ. Huy giới thiệu năm cô theo thứ tự: “Hai Huệ, Ba Trúc, Tư Cúc, Năm Hường, và Sáu Lại”. Thư nhìn cô Ba Trúc thật lâu, như nhắn hỏi có còn nhớ gì không? Sợ các cô rút lui vào phòng sau, Thư nhìn thẳng vào cô Ba Trúc, và nói:

“Nhân dịp gặp nhau lại nơi đây, tôi xin cảm ơn cô Ba Trúc một lần nữa, ngày đó đã sốt sắng chỉ cho tôi phòng thi khi tôi đến trễ. Không có cô, chắc tôi đã bỏ kỳ thi mà ra về rồi. Tôi cứ nhớ đến cô mãi, mong tìm gặp được thêm một lần, để nói lời tạ ơn”

Cô Trúc tròn mắt ra nhìn thẳng vào Thư, cười rất tươi và nói:

“Ủa, thì ra người đó là anh?” Mặt cô ửng hồng.

“Vâng, chính tôi. Cô sốt sắng làm tôi cảm động, cứ nhớ mãi. Sau này trở lại trường Văn Khoa nhiều lần, mong tìm gặp mà không thấy.”

Thư kể tiếp cho cả nhà nghe, hôm đó làm lộn đề thi ngày trước. Mọi người cười vui.

Từ đó, thỉnh thoảng về phép, Thư ghé thăm Trúc, ban đầu ngồi nói chuyện văn chương trong phòng khách, rồi hẹn hò đi xem chiếu bóng, đi ăn tiệm, ghé quán ven đường chung uống trái dừa tươi, cùng ra phố mua sách, ngồi quán cà phê nghe nhạc. Nhiều hôm Thư đến giảng đường ngồi bên nhau trong giờ học, mà bút đàm liên miên, mặc cho giáo sư khan cổ giảng bài. Tình yêu đậm chồi nở lộc xanh tươi.

Tình yêu càng sâu đậm, thì Thư càng thấy buồn, trong lòng xa xót khi nghĩ đến mạng sống bấp bênh của đời lính chiến, mà bom đạn thì càng ngày càng khốc liệt. Lẽ nào để cho người yêu thành góa phụ bơ vơ. Thư đem ý nghĩ này nói với Trúc, nàng khóc, những giọt nước mắt lăn dài trên má làm xa xót lòng người chiến binh. Một lần Trúc nói:

“Nếu ai cũng nghĩ như anh, thì bọn con gái chúng em đều không thể có chồng cả hay sao? Chiến tranh thì cứ chiến tranh, chết chóc thì cứ chết chóc, con trai vẫn cưới vợ, con gái vẫn lấy chồng. Không may thành góa phụ, cũng phải cam chịu mà thôi. Thanh niên thời này, ít ai thoát được cái áo lính.”

Trầm ngâm, Thư nói trong đau xót: “Anh không muốn là kẻ vô trách nhiệm, làm dang dở đời em, vì anh yêu em, tình yêu dâng hiến không vị kỷ. Anh muốn em có được đời sống vẹn toàn.”

Trúc cười buồn: “Nếu phải lập gia đình, thì em kiếm đâu ra một người không là lính? Rồi nếu chẳng may, thì cũng thành góa phụ. Tại sao chúng ta không kết hợp, và cứ chấp nhận cái may rủi của tương lai. Em sẽ chấp nhận gánh chịu rủi ro.”

Thư thở dài: “Chiến tranh ác độc thật. Làm tắt ngúm bao nhiêu mộng ước đơn sơ hiền hòa. Con mất cha, vợ mất chồng, bao nhiêu là tan tác, khổ đau.”

Năm 1973 hiệp định Paris được ký kết, thiên hạ vui mừng vì tưởng chiến tranh đã chấm dứt. Nhưng không, miền Bắc vẫn chuyển quân ồ ạt vào Nam. Tiếng súng vẫn nổ đều đều khắp nơi như khi chưa ký kết hòa ước. Miền Bắc kiên trì, và quyết tâm thôn tính cho được miền Nam. Thư bị thương tích một lần nữa trong lần Bắc quân tấn công định phá cây cầu do đại đội địa phương quân canh phòng. Pháo địch như mưa lên hầm trú ẩn. Thư chỉ huy đại đội, đẩy lui nhiều đợt tấn công ào ạt. Nhờ trọng pháo yểm trợ, địch cay đắng rút lui khi trời gần sáng. Buổi sáng, xác địch

ngón ngang bên ngoài, toàn là trẻ con mang áo quần bộ đội, nhiều thân thể trần truồng, mà háng còn chưa mọc lông măng. Nhìn xác địch mà lòng Thư tan nát, nước mắt chảy dài thương cảm đám trẻ em vô tội, bị xua vào chiến trường thí mạng, cho cuồng vọng u mê.

Khi Thư và Trúc tính đến chuyện cưới hỏi, thì miền Nam mất. Thư đi tù cải tạo. Tưởng đi ‘học tập’ hai tuần rồi về như thông cáo. Trúc hy vọng, từ nay hai người sẽ mãi mãi bên nhau, xây đắp tương lai trong một đất nước thanh bình sáng ánh tương lai. Nhưng rồi dân miền Nam biết bị đánh lừa, tù tội khổ sai được mang mỹ từ là học tập cải tạo. Trong tù đói khát, thất vọng, không biết ngày về, Thư mừng vì còn độc thân, chưa có vợ con, chưa trách nhiệm. Những tù nhân khác, ngoài nỗi cực nhọc, lo âu cho bản thân, còn có mối lo lớn khác gởi ra ngoài trại tù, thành những tiếng thở dài đêm đêm, là vợ con làm sao mà sinh sống, ai chăm sóc nuôi nấng trong xã hội mới đầy khó khăn này? Thỉnh thoảng, Thư cũng nghĩ đến Trúc, đến những kỷ niệm đẹp để êm đềm của thời tuổi trẻ, tình yêu tô thắm ý nghĩa cho tháng ngày dễ thương đó. Thư thấy quyết định đã giữ thể độc thân trong thời chiến là sáng suốt, dù bây giờ, không ai thăm nuôi, tiếp tế thực phẩm, thuốc men. Nhưng Thư lại thấy tinh thần khỏe và nhẹ nhàng hơn bạn bè khác, họ biết vợ con trăm ngàn khổ

cực, đói khát, thiếu thốn bên ngoài, mà còn phải chia cơm xẻ áo cho kẻ nằm trong tù. Bây giờ, có chết đi cũng thôi, khỏe, khỏi phải chịu đựng đọa đầy dài ngày. Không vợ, không con, không trách nhiệm, chỉ tội cho người yêu ôm mộng tình dang dở.

Năm năm tù trôi qua nặng nề, thân tàn ma dại, Thư được tha về. Tưởng như đã chết rồi lại được hồi sinh. Chưa kịp mừng vì thân xác thôi bị quản thúc, thì công an khu vực đến nhà, đuổi đi kinh tế mới theo chính sách của nhà nước.

Thư đến thăm gia đình Trúc. Hai người ôm nhau cùng khóc trong nỗi niềm vui mừng gặp gỡ. Bố mẹ và năm chị em Trúc xanh xao, mặt dài ra, trong ánh mắt không còn niềm vui, tinh anh hạnh phúc như thuở nào. Cả năm chị em vẫn phòng không chiếc bóng. Thư hỏi lý do, chị Hai Huệ thở dài chua chát:

“Thời buổi này, chẳng còn thanh niên ngu dại nào dám xâm mình cưới vợ. Tương lai đen kịt trước mắt. Khó khăn, đói khổ hành hạ, kiếm cho ra miếng ăn bỏ vô dạ từng ngày chưa xong. Đời sống lại bất an. Bị đe dọa thường trực. Lấy nhau để đem nhau vào ngõ cụt sao! Quan trọng hơn hết là đàn ông cùng trang lứa, đã chết nhiều trong cuộc chiến tranh dài, lớp còn lại thì rủ nhau đi tù, chạy dạt ra ngoại quốc lánh nạn. Thanh niên trong

tuổi lập gia đình trở thành hiếm hoi, khó tìm. Bọn con gái tụi này, không còn đàn ông để nghĩ đến, mà có nghĩ đến, cũng sợ hãi tương lai. Lấy nhau để đem lại khổ đau cho nhau, và sinh con ra, cho chúng đói rách làm than, cũng là một cái tội lớn. Chắc rồi bọn con gái tụi em sẽ chết già không chồng cả thôi anh ạ.”

Thư đùa: “Thế thì, còn mấy anh cán bộ miền Bắc đó”

Cô Hai Huệ cười lớn: “Cán bộ miền Bắc, cán bộ miền Nam, ô hô, bọn họ cũng đã chết như rạ trên rừng Trường Sơn, chết gần mười lần hơn quân đội miền Nam mình. Vả lại, anh nào may mắn còn sống sót, thì cũng mặt búng da chì vêu vao, và đã có vợ có con ở đâu đó rồi. Ăn nói dóc láo hơn Cuội. Nói láo không biết ngượng miệng. Lại soi mói tí tiện nhỏ nhen. Bọn con gái tụi em, chỉ có đưa nào mặt mày chai đá lắm, mới dám muối mặt giao du thân mật với bọn họ. Anh có nghe câu ca dao thời đại: “Trai miền Nam như chim oanh vũ. Trai miền Bắc như lũ khỉ rừng xanh. Gái miền Nam như cành liễu rũ, Gái miền Bắc như củ khoai sùng. Chim oanh vũ đậu cành liễu rũ. Lũ khỉ rừng xanh ngậm củ khoai sùng.” Thà chết già không chồng, còn hơn là...”

Thư cười cắt ngang: “Chim oanh vũ đã bị vặt lông, bẻ cánh đem ướp muối nướng hết cả rồi cô Huệ ơi. Buồn thay cho những cành

liều rữ. Thời đại bao tử trống rỗng này, củ khoai sùng cũng còn có chút ích lợi.”

Trúc và mấy cô em đồng hỏi: “Thế thì anh có dám ngâm củ khoai sùng không?”

Thư lắc đầu: “Thà chết còn hơn.”

Thư không có hộ khẩu thành phố, sống bất hợp pháp bằng giấy tờ giả do công an bán ra. Lang thang tạm trú nay đây mai đó. Đạp xe thồ, ngày có khách ngày không, cũng đói rách đắp đổi qua thời gian. Những khi có dư chút tiền, đến chỗ Trúc đi chơi, ngồi bên bờ sông chuyện trò, uống chung ly nước ngọt, chia nhau miếng bánh, củ khoai. Tình yêu như sương như khói. Cả hai, đều không dám nghĩ đến tương lai xa hơn ngày mai.

Trúc nói: “Tương lai của đất nước này đã đen như mồm chó, nhưng sẽ còn đen tối hơn, còn gian khổ hơn nữa. Đây chưa phải là tận đáy của địa ngục như người ta tưởng. Phải đi ra miền Bắc một lần, thấy tận mắt, nghe tận tai, tâm sự của những người thân ngoài đó, mới nhận thức đúng đắn hoàn cảnh đất nước hơn. Họ cho rằng, chúng ta đã sung sướng thế này, mà còn kêu ca, họ không hiểu nổi.”

Trúc nắm chặt tay Thư nói: “Giá như chúng ta đi vượt biên được, thì mọi sự đều giải quyết dễ dàng. Chúng ta sẽ xây dựng lại

tương lai hạnh phúc, và nuôi nấng con cái cho thành người hữu dụng.”

Thư thở dài thành tiếng lớn. Bữa đói, bữa no, lo cho cái dạ mỗi ngày chưa xong, lầy đầu ra vàng để đi vượt biên.

Một lần Thư và Trúc ôm nhau trong căn phòng vắng. Hạnh phúc chan hoà. Quên hết cả trời đất. Trúc thúc dục:

“Thương em đi anh! Giữ gìn để làm chi nữa! Cả đất nước, cuộc sống, tương lai, đều mất sạch rồi. Còn gì để tiếc?”

Siết chặt Trúc trong vòng tay, Thư thì thầm: “Anh có bồn phận giữ gìn cho em. Anh không thể làm tổn thương em được.”

Trúc gục mặt vào ngực Thư và khóc rấm rứt.

Hai hôm sau, Trúc đến tìm Thư và hớn hờ báo tin mừng: Gia đình Trúc được nước Pháp chấp nhận cho đi tị nạn, vì trước đây, có thời gian bố Trúc đã làm việc cho một công ty người Pháp. Thư mừng, ôm Trúc và hôn tới tấp. Thư thì thầm:

“Mừng em thoát khỏi địa ngục trần gian. Trên đất nước này, con người còn thua con vật. Sống còn tệ hơn chết. Mừng em sẽ được tái sinh, làm lại kiếp con người có nhân cách xứng đáng.”

Trúc và Thư gặp nhau đều đặn hơn trong thời gian chờ đợi đi Pháp. Trong lòng Thư vui sướng hân hoan, vì Trúc sẽ thoát, nhưng đôi khi cũng buồn thối thía vì sắp đến ngày chia cách đôi đường.

Trúc hớn hờ theo gia đình đi Pháp tị nạn. Tự do quan trọng hơn tình yêu, hơn cả mạng sống. Thư ở lại quê nhà, cũng quay quắt tìm đường vượt thoát, nhưng chẳng thành công. Nguyên nhân chính là yếu kém tài chánh và thiếu may mắn.

Rồi chương trình nhân đạo HO của Mỹ cũng đem Thư ra khỏi thiên đường chủ nghĩa xã hội. Ra đi bằng đường hàng không, yên lành, an toàn, không bị truy lùng bắt bớ, chẳng lo bảo tố hoặc hải tặc Thái Lan. Xem như trời đãi, được đền bù những khổ nạn đã trải qua trong bao năm dài.

Hai năm sau ngày đến Mỹ, Thư đã tạm ổn định cuộc sống nơi miền đất mới, vô tình biết được tin tức của Trúc. Nàng vẫn phòng không chiếc bóng. Trước đây, Trúc tưởng phụ nữ cứ ra khỏi Việt Nam, muốn lập gia đình, là chọn được ngay những ông chồng đàn ông hoàng, giàu có, tử tế. Nên Thư không dám liên lạc, sợ khuấy động cuộc sống yên lành của gia đình Trúc.

Thư quyết định đi thăm Trúc. Xin phép nghỉ hai tuần. Thuê khách sạn tại quận 13

Paris. Nghỉ ngơi một hôm cho lại sức, rồi thăm thành phố Paris mà lòng cứ nôn nao nghĩ đến Trúc. Không biết sau bao nhiêu năm, Trúc bây giờ ra sao. Không biết gặp lại nhau, có ngỡ ngàng thất vọng, hay tình cảm ngày xưa đã phai lạt theo thời gian cách xa. Trong trái tim Thư, tình cảm dành riêng cho Trúc vẫn vun đầy.

Một ngày trời âm u gió lộng, Thư đi bộ đến tận ga Universitaire, bắt chuyến tàu đi về hướng Nam thành phố. Mua vé xuống ga Massy Palaiseau. Con tàu vừa khởi hành thì mưa như xối nước quật xuống ào ào. Thư nhìn ra cửa kính, thấy cây cối vật vã, mưa xoá mờ cảnh vật. Con tàu lầm lũi đi trong mưa xối xả và gió thốc từng hồi. Trời đất đẹp và buồn, nhưng lòng Thư hân hoan rộn rã.

Ra khỏi ga Massy Palaiseau, mưa đã nhẹ hạt, Thư che dù đi bộ thêm chừng mười lăm phút đến đường Gustave Flaubert, có khu chung cư mà gia đình Trúc cư ngụ. Hồi hộp bấm chuông. Cửa mở ra, Trúc đón Thư với nụ cười rạng rỡ, hai vòng tay ôm choàng lấy nhau, nước mắt vui mừng rưng rưng. Tưởng như nằm mộng, họ ôm nhau không rời.

Một hồi lâu, tiếng Hai Huệ nhắc nhở: “Thôi, vào ăn đã chứ, thức ăn nguội rồi đó.”

Thư bắt chước Tây, ôm từng cô một, cọ má, rồi chúm môi hôn gió, phát ra một tiếng

“chặt”. Định hỏi thăm sức khỏe bố mẹ các cô, nhưng Thư thoáng thấy hình ông bà trên bàn thờ.

Trên bàn đã bày đầy các món ăn. Trúc kéo ghế cho Thư và ngồi bên cạnh ríu rít chuyện trò. Năm chị em gái, tóc đều muối tiêu, chưa ai lập gia đình. Họ ở với nhau hoà thuận, an vui với cuộc sống đơn giản.

Trong bữa ăn, năm chị em tranh nhau nói cười vui rộn, trêu chọc nhau không ngớt. Bữa ăn kéo dài gần hai giờ. Sau khi ăn xong, dọn bàn, mỗi người một việc. Thư thấy năm chị em đứng sắp một hàng dài cùng rửa chén bát. Người đầu lau sạch thức ăn, chuyền qua cho người thứ hai thoa xà bông, rồi giao cho người thứ ba xối nước, người thứ tư tráng nước sạch, người thứ năm lau khô và xếp vào tủ. Họ vừa làm việc, vừa kể chuyện léo nhéo. Thấy Thư nhìn với mắt ngạc nhiên, một cô giải thích:

“Ban đầu tụi em chia nhau rửa chén, mỗi người trách nhiệm một ngày. Nhưng rồi cũng thấy không công bằng, vì có ngày nhiều, có ngày ít. Vả lại, làm một mình không vui bằng rửa tập thể. Luân phiên đứng trong hàng, không ai phàn nàn ai được cả.”

Thư nói: “Thấy mấy chị em vui vẻ hạnh phúc quá. Chắc các cô không bao giờ biết

buồn. Sống chung với nhau, vui thế này, nên không ai muốn lập gia đình cũng phải.”

Cô Lài cười: “Không phải chẳng muốn lập gia đình đâu anh ạ. Ai cũng muốn có chồng, nhưng tìm không ra người xứng đôi vừa lứa. Vả lại, chúng em cũng đã quá tuổi xuân thá, mà lại làm cao, không chịu lấy những người thấp kém. Chỉ có chị Trúc khoá cửa buồng tìm chờ đợi người tình lý tưởng.”

Trúc mắng em; “Con khỉ! Mày biết gì mà nói?”

Cô Hai Huệ đùa: “Năm chị em tôi lập thành một nội các thu hẹp. Tôi là bộ trưởng Nội Vụ, lo tổng quát việc gia đình, giữ an ninh trật tự, phân xử các bất đồng. Trúc là bộ trưởng Kinh Tế Tài Chánh, lo giữ tiền bạc, ăn tiêu trong gia đình, làm sao cho tiền đừng thiếu, và khi có thừa thì đầu tư. Cúc là bộ trưởng Giao Thông, lo việc chuyên chở, lái xe cho cả nhà, trách nhiệm nặng nề và vất vả nhất. Hường là bộ trưởng Kiến Thiết, khi nhà có gì hư hỏng, cần sửa chữa tu bổ, thì tìm người lo giúp, tưởng là nhẹ, nhưng công việc cũng lu bu lắm. Còn Lài là bộ trưởng Thông Tin Văn Hoá, lo mua các máy móc như truyền hình, máy vi tính, điện thoại cầm tay, băng nhạc, đĩa, kính, sách, truyện. Làm sao cho các sinh hoạt giải trí được vui nhộn quanh năm, không nhàm chán.

Trúc nhìn qua Thư và hỏi: “Nếu có anh Thư gia nhập nội các này, thì nên bổ nhiệm cho anh bộ nào đây?”

Cô Huệ đáp liền: “Bộ trưởng không bộ nào. Anh chấp nhận việc bổ nhiệm nhé!”

Đêm đó, cả sáu người ngồi bên bàn dài, hàn huyên tâm sự. Uống hết hai chai rượu vang ngọt, mấy đĩa bánh khô lạt cùng hộp phô mai mặn mùi nồng. Mấy bình trà thơm và cà phê cứ châm thêm mãi. Các cô thay phiên nhau kể chuyện về những ngày vui xưa, thời tóc còn xanh màu, những gian khổ khó khăn đói khát trong giai đoạn miền Bắc cai trị, và những vui buồn thời mới đến quê hương tị nạn. Rồi thay phiên nhau ca hát. Thư cũng tham gia, hát mấy bài tình ca. Khi Trúc yêu cầu đọc thơ, Thư hứng khởi, ngâm nga: *đầ “Một lần anh chợt nhớ / Tiếng thì thầm của sông, / Nước từ nguồn bở ngỡ, / Xô nhau về biển đông. / Dòng sông từ muôn thuở / Gọi mời người ruỗi giông. / Một lần trời bão tố, / Máu đổ quê hương hồng. / Tưởng không ngày hội ngộ. / Năm châu bước phiêu bồng. / Gặp nhau như phần số! / Trời dành nỗi chờ mong. / Không gian nào đau khổ? / Thời gian nào viễn vông? / Xót xa hồn cổ mộ / Tay ôm kín hai vòng. / Nước mắt chưa lần đổ, / Đã tràn đầy menh mông / A ha! Đời bể khổ. / Mê mãi vòng sắc không.”*

Cuộc vui hàn huyên kéo dài cho đến gần sáng. Trúc và Cúc nhường phòng cho Thư ngủ. Nằm thao thức chưa chợp mắt được, Thư nghe tiếng cửa phòng mở nhẹ, Trúc dè dặt bước, luồn tay vào tóc Thư, rồi nằm xuống bên cạnh. Hai vòng tay ôm nhau khăng khít. Những nụ hôn êm ái, nhẹ nhàng. Trúc thì thầm bên tai Thư: “Từ nay, chúng ta mãi mãi có nhau. Không còn gì ngăn trở được nữa. Cám ơn Trời đất cho đem anh đến cùng em.”

Im lặng một lúc, Thư nói khẽ vào tai Trúc: “Chậm rồi Trúc ạ, Anh bị ung thư đến thời kỳ cuối. Bác sĩ bảo anh không còn sống hơn được sáu tháng nữa.”

Trúc bật khóc nức nở: “Trời ơi, sao duyên phận em hẩm hiu đến thế này?”- Bỗng Trúc vùng dậy, nắm hai vai Thư mà lắc và nói với giọng quả quyết - “Không, Còn nước thì còn tát. Anh phải sống, để sống với em. Em không thể mất anh được. Cứ tin tưởng rồi phép lạ sẽ đến. Không có quyền tuyệt vọng.”

Trúc theo Thư về Mỹ.

Trước đây, Thư không muốn chịu xạ trị cũng như hoá trị để kéo dài đau đớn trước khi lìa đời. Bởi rồi thế nào cũng phải chết. Được chết yên lành thì sung sướng hạnh phúc hơn. Nhưng bây giờ, Thư thấy cần sống. Sống cho Trúc. Sống cho tình yêu từ lâu dang dở.

Thư và Trúc đã đem lại cho nhau những ngày tháng tuyệt vời, chan hoà thương yêu. Thư chuyên tâm chữa trị. Cả thuốc Tây cùng lúc với thuốc lá cổ truyền. Bác sĩ ngạc nhiên với những kết quả càng ngày càng khả quan. Những u bướu nhỏ lại và tan dần. Mọi người đều nghĩ rằng mầu nhiệm của tình yêu quả có thật ./.

Nát Lòng Dâu Bể

Tâm đi tù cải tạo về, còn đang ngơ ngác sợ hãi đủ thứ, sợ công an, sợ hàng xóm, sợ cả trẻ con. Cái tự do tạm, vô cùng mong manh, nếu có ai đó tố cáo oan một điều gì, thì cũng bị bắt lại, dễ như trở bàn tay. Không sợ sao được, một ngày trong tù bằng muôn năm ở ngoài. Lại đang được “quản chế” bởi chính quyền địa phương. Cái giấy ra tù, có ghi rõ “Giấy Tạm Tha”. Chưa thấy ai nhận được giấy tha tù cả. Nhà nước vốn cẩn thận. Chữ “tạm” ở đây có ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần và hành động của người mới ra khỏi tù. Nhớ là chưa được tha hẳn, mới tạm thôi, cái gì tạm cho, thì có thể lấy lại dễ dàng, ráng mà giữ cho kỹ.

Tâm mới về được năm hôm, thì anh tổ trưởng dân phố, tên là Nguyễn Văn Sự, đem một anh cán bộ có đeo bị da ngang hông, đi dép râu, đội nón cối, mang áo quần bộ đội màu phân ngựa, đến xem nhà. Anh cán bộ nhìn trần nhà, vách nhà, cửa nẻo, đi quanh xem các phòng ngủ, bếp, cả ngõ ra đằng sau, rồi gật gật đầu. Anh cán bộ có tác phong “tự nhiên như người Hà Nội”. Đáng bộ rất tự tin

và hiên ngang, không còn cái lén lút, thấp thò, dáo dác che dấu bụi bờ như những năm còn chiến tranh. Anh móc cặp đưa cho Tâm xem giấy chứng nhận anh là cán bộ thuộc “Trung Ương Cục Miền Nam”, anh tên là Nguyễn Chí Hướng. Tâm cũng không biết tại sao anh đưa giấy tờ cho Tâm xem làm chi. Tâm là một phó thường dân, đang mất quyền công dân, đưa giấy tờ của Trung Ương Cục cho Tâm xem, có là một việc mạo phạm hay không? Tâm liếc sơ rồi trả lại giấy tờ. Anh Sự nói với Tâm bằng giọng chắc nịch:

“Tôi ra lệnh cho anh, trong hai ngày phải dọn ra khỏi nhà này để đồng chí Nguyễn Chí Hướng dọn vào. Nếu không, thì tôi sẽ quảng đồ đạc ra đường”.

Nghe cái lệnh rõ ràng quá, Tâm chưa biết trả lời sao cho phải, thì hai ông đã quay ra cửa, bỏ đi. Thật sự trong lòng Tâm lúc đó, thì có một trăm căn nhà cũng bỏ, để gìn giữ chút tự do. Tâm đã từng nghe những cụm từ như “bạo lực cách mạng”, “vô sản chuyên chính”, thì cũng không nên thắc mắc nhiều. Nhưng biết dọn đi đâu bây giờ? Thời buổi “chủ nghĩa xã hội”, không phải muốn ở đâu thì ở. Ngay cả nhà bà con, muốn ngủ lại một đêm, cũng phải báo cáo chính quyền, xin phép công an, và trình đủ giấy tờ hợp lệ. Phải có giấy phép của công an của nơi đang cư ngụ cho tạm vắng, có lý do chính đáng, và được

công an địa phương chấp thuận mới được ngủ lại. Không thì lòi thối, khó khăn cho cả chủ nhà lẫn khách.

Không phải một sự nhịn chín sự lành như thiên hạ nói, mà là cả vạn sự lành cho cái thân “ngụ” khôn khổ. Tâm tha đồ đạc lếch thếch đi gọi nhà bạn bè, mỗi người một ít, ghi vào tờ giấy để biết gọi ai cái gì. Mỗi lo lắng lớn nhất là không biết sẽ cư ngụ nơi nào. Đang bị “quản chế”, dễ đi tù lại lắm. Có người bảo Tâm đừng bỏ căn nhà, họ không có quyền đuổi nhà vô cớ như vậy. Nhưng người khác khuyên, đừng gây thù oán với họ mà hại cho bản thân, chúng muốn đuổi ai thì đuổi, ban đêm chính quyền còn vây nhà, hốt cả gia đình lên xe, chở thẳng về vùng kinh tế mới, không cho đem theo gì cả. Tâm bị đuổi nhà như vậy là còn chút tử tế. Tâm đồng ý, mạng sống và tự do là quý báu hơn, phải bảo vệ. Mỗi đêm về, Tâm không biết ngủ đâu, phải chạy quanh nhà bạn bè bà con xin ngủ tạm qua đêm. Ai cũng thương và tử tế, sẵn sàng giúp đỡ Tâm, nhưng không ai muốn bị liên lụy, bị phiền hà bởi chính quyền địa phương. Mệt nhất là những buổi chiều trời sắp tối, đến nhà bà con, bạn bè, ngại ngần dò hỏi, xem họ có thể chứa mình đêm nay không, mới dám ngỏ lời yêu cầu, không dám nói trước, vì sợ bị từ chối thì lòng buồn, và mất đi chút tình hiềm hoi còn lại trong thời buổi khó khăn thất thế.

Một người quen bảo rằng, thế thì chịu vô tù đi cho khỏe, mỗi đêm còn có chỗ ngủ, và mỗi bữa còn có chút khoai sắn, dù ít nhưng cũng đỡ đói. Có khi Tâm bị công an phường khóm không chấp thuận cho ngủ lại, vì không có lý do chính đáng. Có lẽ công an cũng ngại kẻ vừa đi cải tạo về, không có quyền công dân, đang bị quản chế. Những khi họ hỏi hiện nay cư trú ở đâu, khó mà trả lời là không có nơi cư trú. Ngủ đêm đầu thì bà con bạn bè còn vui, còn chút niềm nở. Nhưng ngủ qua đêm thứ hai, thì họ làm mặt lạnh, và khó chịu ngay. Tâm biết, họ không xấu, nhưng sức chịu đựng của họ cũng có giới hạn mà thôi. Họ phải tự bảo vệ để khỏi bị rắc rối trong thời buổi khó khăn, bị dòm ngó, và ai cũng có thể bị bắt bớ vô cớ, hoặc vì nguyên do rất mơ hồ. Để khỏi làm phiền bà con, bạn bè, và khỏi mất đi cái tình sẵn có xưa nay, cũng để tránh bớt cảnh tủi thân, Tâm không dám ghé lại nhà ai xin ngủ lần thứ hai. Một lần là quá đủ.

Một hôm, Tâm chạy xe gắn máy vào Sở Dụng Cụ Gia Định cũ, định vào tìm hai người bạn, trước đây họ ở trong này. Nếu hai anh còn ở đây, thì Tâm hy vọng sẽ có một chỗ ngủ thường trực hơn. Tâm phóng xe gắn máy chạy ào vào cửa. Ba anh bộ đội trẻ chạy theo, chĩa súng thẳng vào Tâm, chặn lại, giận dữ hỏi đi đâu, ai cho vào đây mà không xin phép trạm gác, có phải định vào phá hoại hay

không? Tâm tái mặt, và nghĩ rằng thế nào cũng bị bắt đi tù lại một cách lẳng nhách. Tâm không biết hai anh bạn đã bị đuổi ra khỏi nơi này, và đã đi tù cải tạo chưa về. Anh bộ đội trưởng toán canh gác yêu cầu Tâm xuất trình giấy tờ tùy thân. Thật xui cho Tâm, giấy tờ tùy thân của Tâm là giấy “quản chế”, do ông chủ tịch Ủy Ban Quân Quản Cao Minh Chiếm ký. Tâm mở ví đưa giấy tờ và nói rằng, hai ông bạn tôi trước kia ở trong này, tôi chưa biết họ đã dọn đi rồi, nên vào đây mà không xin phép. Anh trưởng toán nheo mắt đọc cái giấy ra tù của Tâm một lúc lâu, rồi anh bảo rằng không có ai cư trú trong này cả. Nói xong anh xếp mạnh gót chân theo thể nghiêm, nắm tay đưa lên chào kính. Tâm bàng hoàng ngạc nhiên không hiểu sao cả. Anh ta dặn thêm rằng, lần sau “đồng chí” có vào, thì xin thông báo cho người gác cổng trước. Anh nói bằng giọng ôn tồn lễ phép lắm. Tâm chạy xe ra về, hú hồn. Về sau Tâm mới nghĩ ra, anh này đọc cái giấy ra tù, mà tưởng đâu giấy giới thiệu của chủ tịch Ủy Ban Quân Quản. Vì con dấu mộc đóng đỏ chói, và cái tên chủ tịch Ủy Ban Quân Quản viết rất lớn, cái tên Tâm cũng viết lớn. Ở trên thì tham chiếu đủ thứ sắc lệnh của chính phủ. Phần chính ghi “Nay quản chế Nguyễn Văn Tâm...” thì in bằng chữ xiên nhỏ xíu. Anh trưởng toán canh gác hiểu lầm là phải. Tâm vui sướng vì tai qua nạn khỏi, ghé

vào quán phở, ngồi thờ đốc, tự đãi mình một tô phở ăn mừng.

Từ quán phở đi ra, Tâm gặp một anh bạn cũ trước kia làm giáo sư trung học, Tâm hỏi anh hồi này làm gì, anh bảo là đang “mất dạy”. Nghĩa là bị ‘cách mạng’ sa thải, không cho dạy học nữa. Anh cho biết thêm, anh có giấy chứng nhận đang sinh hoạt tại “Hội Trí Thức Lạnh Cẳng”, nên cũng đỡ bị chính quyền phường khóm xua đuổi đi kinh tế mới. Họ tưởng anh đang có việc làm nơi này. Đó là “Hội Trí Thức Yêu Nước”, mà anh gọi là Hội Trí Thức Lạnh Cẳng, vì nơi đây quy tụ được toàn cả trí thức sợ, và biết sợ “cách mạng”. Đó là một cơ quan của nhà nước bày ra, để nhắc cho các giới khác biết rằng, trí thức cũng đông đảo ủng hộ cuộc cách mạng vô sản. Trong chủ nghĩa xã hội, không có một hội nào của tư nhân cả. Tất cả “hội” là cơ quan nhà nước, là thành phần của chính quyền. Có lẽ chỉ có ban điều hành hội, là những người do chính quyền bổ nhiệm, còn có chút hăng hái và tin tưởng vào mục tiêu cao quý của hội. Còn hầu như tất cả các hội viên khác, vì sợ mà tham gia, cho trong lòng đỡ lo lắng. Đông đảo nhất là các anh em trí thức đi tù cải tạo về. Anh bạn khuyên Tâm đến trụ sở của hội, sinh hoạt vài ngày, rồi kiếm cái giấy chứng nhận, để chính quyền địa phương đỡ làm khó, bớt bắt nạt. Anh bạn đưa Tâm đến Hội, và Tâm

gặp ngay rất nhiều bạn tù quen biết cũ, những người chưa tìm ra công việc làm ăn, đang bị chính quyền địa phương truy bức, làm khó. Ai cũng đến vài lần, cho có cái giấy chứng nhận rồi chuồn luôn. Tâm được cấp giấy chứng nhận ngay hôm đầu tiên, vì người điều hành thường trực của Hội là anh Quy, một giáo sư đại học, mà Tâm không nhớ đã quen biết hồi nào. Tâm cầm được cái giấy chứng nhận trong tay, anh bạn giáo sư “mất dạy” bảo rằng thế là xong, đừng lén phéng đến đây nữa, mà họ bắt đi làm công tác đào đất, vét mương mệt lắm. Tâm giữ cái giấy chứng nhận này như một lá bùa ếm tà. Nhờ đó, nỗi sợ chính quyền địa phương cũng hạ xuống nhiều. Có một điều mà anh bạn Tâm chưa hay, và Tâm cũng chưa biết, đó là ông Chủ tịch Hội Trí Thức Yêu Nước đã bị bắt giam vì tội đi vượt biên, trốn ra ngoại quốc mà không thoát. Chính quyền không muốn bị mất mặt, nên giữ im lặng. Nếu biết thế, thì cho vàng Tâm cũng không dám đến xin cái giấy chứng nhận đang sinh hoạt với hội này.

Không nhà, không có hộ khẩu, không mua được gạo phường khóm phân phối, Tâm phải mua gạo chợ đen sống qua ngày. Thời xưa thì cơm hàng cháo chợ quanh năm, vì còn có tiền lương đều đặn hàng tháng. Nay muốn cơm hàng cháo chợ cũng không được, tiền đâu mà chịu cho thấu. Quán ăn thời này,

cũng là “bán lậu”, làm thương mãi trái phép, các chủ quán cũng đánh bài liều và bài lì để sống. Quán ăn hợp pháp là những “cửa hàng ăn uống quốc doanh”, không phải muốn ăn là được, vào quán cũng phải có một số điều kiện nào đó. Đương nhiên phẩm chất thức ăn ở các quán này rất đặc biệt, vì là quốc doanh, khách cần quán, chứ quán không cần khách. Cho ăn thế nào, ngon dở, cũng không ai dám hé môi phàn nàn, khen chê. Ngay cả những người còn có công việc làm ăn, là công nhân viên nhà nước, tiền lương cũng không đủ ăn sáng. Tâm bán dần các vật dụng ra chợ trời để sống. Bà con từ miền Bắc vào mua, chuyển về như nước lũ, ai ai cũng háo hức đi Nam mua hàng. Tiếng đồn về một miền Nam trù phú, ấm no lan rộng. Một đồn mười, mười đồn thành trăm. Nhiều tin đồn thành lố bịch huyền hoặc. Không đủ tiền ăn cơm tiệm, không có bếp núc để nấu nướng, mỗi ngày Tâm đem gạo đến nhà người quen gạ gẫm, nhờ nấu dấm vào nồi của họ, rồi lấy cơm độn khoai sắn, độn mì sợi ra về. Kiếm một nơi ít người qua lại, bày ra ăn với dưa mắm mua sẵn để trong cái lọ thủy tinh. Góp một lon gạo, thì nhận lại mấy chén cơm độn, vì bạn cũng nghèo, đói, Tâm cứ chịu thiệt thòi mọi bề thì dễ êm đẹp hơn. Có hôm cùng ăn với gia đình bạn, thấy các cháu ăn hăng hái quá, Tâm cũng không dám xới cơm thêm, dù mới ăn hai

lượng chén. Các cháu gầy, bé tí như những con chim sâu, thường trực thiếu ăn. Những lúc này, Tâm mới thấy mình may mắn, còn độc thân, chưa có gánh nặng gia đình trên lưng.

Một buổi trưa Tâm dựng xe, ngồi ăn trong bóng mát bên vỉa hè nhà lầu bốn tầng, lô một, khu chung cư Thanh Đa, thì bác Ngô đi ngang qua. Bác vui mừng ôm lấy Tâm, bảo rằng nghe Tâm đi tù về, tìm thăm nhiều lần mà không gặp. Hỏi Tâm tại sao dọn nhà đi mà không cho bà con biết địa chỉ mới. Nhà Bác Ngô ở Thủ Đức, ngày xưa bác làm chung ở Phòng Kỹ Thuật với Tâm, những buổi trưa ở lại sở, hai người nói chuyện rất tương đắc. Tâm cho bác biết tình cảnh bị đuổi nhà, và hiện không có nơi cư trú, xin bác đừng trách. Bác yên lặng một lúc, rồi bảo Tâm chở bác đi đến công trường đang xây cất tại khu Thanh Đa này, giới thiệu Tâm với người đàn em của bác, đang làm gác dầm cho một công trường. Người đàn em này, trước kia làm cho nhà thầu, sau khi nhà thầu bị loại bỏ, anh được chuyển thành công nhân viên của công ty Xây Dựng. Anh có một cái chòi dựng trên doi đất nhô ra bờ sông, bên góc công trường. Trước đây anh tạm trú ở chòi này. Nhưng sau anh chiếm được một căn chung cư trống gần đó, đem gia đình về ở. Nhờ nể bác Ngô, anh cho Tâm về ngủ tại căn chòi trống, nhưng không

bảo đảm chuyện công an phường làm khó dễ. Tâm mừng rỡ, trong người nhẹ nhõm như cất được gánh nặng ngàn cân. Căn chòi nằm bên bờ sông, làm bằng ván vụn phế thải của khuôn gỗ đúc bê-tông, rộng bằng hai chiếc chiếu lớn. Mái lợp lá và tôn rỉ sét. Ngày xưa, cho Tâm một căn biệt thự sang trọng, chưa chắc đã mừng như hôm nay. Tâm rối rít cảm ơn bác Ngô, và dẫn hai người ra quán cóc bên vỉa chợ, đãi mỗi người một tô hủ tiếu, dù lúc đó túi tiền Tâm đang cạn.

Thời buổi tiến nhanh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, con người ăn khoai sắn, bo bo thay cơm, xe hơi chạy bằng than củi thay xăng dầu, xe gắn máy chạy bằng dầu lửa. Óc sáng tạo vô biên của dân tộc làm được tất cả những điều ngoài hiểu biết bình thường. Tuy vậy, chiếc xe gắn máy, mà các bà con miền Bắc gọi là xe “bình bịch” là một ước mơ thời thượng của các anh cán bộ ngày đó. Cái ước mơ xe đạp, được thăng tiến lên ước mơ xe bình bịch, nhờ chiến thắng miền Nam. Tâm không biết điều đó, nên xem thường giá trị chiếc xe gắn máy đang có, chỉ thấy nó là gánh nặng, hao tốn, và biết chắc không đủ tiền mua nhiên liệu mà sử dụng. Anh gác dan dụ Tâm, đổi chiếc xe gắn máy đang nằm ụ, lấy chiếc xe đạp của anh, bù thêm căn chòi lá. Hai bên đều có lợi. Anh đem xe gắn máy bán kiếm lời, mua chiếc xe đạp khác tốt hơn, mua vài ba

chỉ vàng làm của. Tâm có xe đạp để di chuyển, có căn chòi để yên tâm, biết tối nay mình sẽ về ngủ nơi đâu. Ở như thế này, cũng bất hợp pháp, vì không có “hộ khẩu”, không chính thức khai báo. Chữ hộ khẩu được mang từ miền Bắc vào Nam, bà con nói lái thành “hộ khổ”. Lần đầu tiên, nghe công an hỏi anh có “hộ khẩu” không? Người nghe tưởng đâu là hổ khẩu, tức phần giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ, bèn đưa bàn tay ra, anh công an tưởng bị trêu chọc, nổi giận la lối om xòm. Anh gác dan cho Tâm thêm ít ván phế thải từ công trường, ba cây tràm làm cừ, một gói đinh cong queo, để tu bổ lại căn chòi lá cho đỡ mưa dột, bớt trống trải. Tâm nghĩ, được như thế này là đã quá sang trọng. Vua Tự Đức ngày xưa cũng xây một căn thủy tạ để ngồi mơ mộng làm thơ. Căn chòi lá, Tâm đặt tên là “Thủy Tạ Trang”, nằm trong bóng mát cây tràm cao, lá rủ che như tàn liếu. Ba cây lớn phía mặt sông che bóng nắng, lâu lâu vang tiếng chim hót líu lo. Hai bên chòi, có lũ bình bát chen lấn nhau, mọc xanh um, quả lòng thông đu đưa, bên dưới lau lách um tùm. Sàn ván lán ra trên sông, đúng là một căn thủy tạ. Buổi trưa nắng vàng đông đưa từng đóm lớn, mắc võng nằm đón gió sông mát mẻ. Tâm đem một ít áo quần, lò dầu hôi, và chén bát về đây, mỗi ngày tự nấu ăn. Có khi nấu một nồi cơm ăn hai ngày cho đỡ tốn nhiên

liệu. Cơm để lại ngày hôm sau, ép thật chặt cho khỏi thiu rữa. Bán dần mọi thứ đồ đạc để sống qua ngày, vẫn không đủ tiền mua gạo, phải ăn độn thường trực. Cơ thể thường đòi hỏi theo nhu cầu, thời xưa khi còn đầy đủ, ăn mỗi bữa chừng hơn hai chén là đã no cảnh hông, nay thì ăn năm sáu chén vẫn chưa thấy no. Không đủ gạo cung cấp cho cái bao tử bất trị, nên khi nào cũng ăn lưng bụng, thòm thèm. Tâm chạy quanh kiếm việc làm, thời buổi khó khăn, ai cũng cần việc, chỉ có làm công nhân viên nhà nước, mới là chính thức, hợp lệ.

Một buổi chiều Tâm lên phố chính Sài Gòn, quang cảnh điêu hiu buồn bã. Trên khuôn mặt từng người dân ủ kín nỗi buồn, lo âu. Dân bán chợ trời đứng lóng ngóng nhìn tới nhìn lui sẵn sàng ôm hàng chạy trốn công an. Tâm gặp lại người bạn cũ, anh đã đại dột đi về vùng kinh tế mới Bình Dương theo lời khuyên của một người anh ruột từ Quảng Bình vào tiếp thu Sài Gòn. Tâm hỏi anh bị bệnh gì mà gầy gò ốm yếu. Anh nói rằng, đói thường trực, ăn mỗi ngày một bữa là thường. Có khi hai ngày mới có chút rau, khoai vào bụng. Anh về bệnh viện Hồng Bàng bán máu. Phải dẫu cả chục ký sắt trong người, cho đủ sức nặng bệnh viện mới chịu mua máu. Nhẹ quá thì không đủ tiêu chuẩn. Tâm đãi anh một ly chè đứng ăn bên đường. Nhìn anh ăn, liếm môi với dáng điệu thỏa thuê khoái trá mà lòng

Tâm xa xót. Giá như Tâm có tiền, đãi anh một đĩa cơm thì quý hóa vô cùng. Ăn xong, mặt anh tươi tỉnh hẳn. Anh nói, muốn đem vợ con về lại thành phố mà không được. Ông anh của anh nhận xét sai, cho lời khuyên không đúng, làm anh khốn đốn. Có lẽ vì quá cùng túng, anh ngần ngại hỏi mượn tiền. Tâm cũng không có, để chứng minh cho bạn, Tâm mở ví cho anh xem. Tâm cho anh biết tình cảnh khó khăn hiện tại, đang tạm trú trong căn chòi lá bên bờ sông. Anh khuyên Tâm, bám chặt thành phố bằng mọi giá, đừng đi vùng kinh tế mới. Đừng làm quyết định ngu xuẩn như anh.

Dung đến thăm Tâm tại căn chòi lá, nhìn vẻ tiêu điều, nghèo khó xác xơ của Tâm, mà khuôn mặt nàng đành lại cứng ngắt, như giận hờn, như khinh khi. Nàng im lặng không nói. Tâm cười đùa cho không khí bớt nặng nề. Mắt Dung nhìn về phía xa xôi, im lặng. Rồi nàng lấy xe ra về, Tâm nhảy lên xe đạp chạy theo một đoạn ngắn, nhưng Dung tăng tốc độ xe gần máy, bỏ lại Tâm đằng sau. Tim Tâm đau nhói, tự ái bị tổn thương. Tâm ngửa mặt lên trời cười một tràng dài cay đắng. Ôi tình yêu, tình yêu cũng vèo bay theo nghèo khó. Tâm có đến nhà hai lần, Dung nằm bên trong, không ra tiếp. Trên đường vào vòng thành bộ Công Chánh để tìm Dung tại sở, Tâm gặp cô bạn cũ, cũng là bạn của Dung. Cô này nói đùa với Tâm rằng, dạo này Dung “phấn đấu” tích

cực lắm. Nghe vậy, Tâm bỏ ý định gặp Dung để hỏi cho ra lẽ về mối tình năm năm đầy ắp kỷ niệm. Tâm chợt nhận ra, Dung còn tương lai dài trước mặt, còn một đời để sống, còn có quyền đi tìm hạnh phúc riêng. Có quyền sáng suốt lựa chọn đứng đắn một người bạn đường tương lai. Phần Tâm, kẻ thất thế, đi tù về, loại phó thường dân, mất quyền công dân, không việc làm, không nhà cửa, khốn khổ nghèo nàn, thì tại sao Dung phải hy sinh cuộc đời riêng, gấn bó vào cái khó khăn của Tâm? Tâm thầm phục Dung, trong tình yêu mà không mù quáng, còn sự sáng suốt đáng khen. Lòng tự trọng ngăn Tâm, không tìm gặp Dung lại làm gì. Để cho nhau yên ổn, mỗi người đi tìm con đường riêng cho tương lai. Tâm cũng đã rõ từ lâu, làm chi còn có tương lai trong quãng đời còn lại này. Nhiều lúc tim Tâm cũng nhói đau vì mất mát trong cuộc tình, nhưng ngay sau đó, Tâm biết rằng không sớm thì muộn, cũng mất nhau, thì thà mất sớm còn hơn.

Niềm đau trong cuộc sống mới lớn lao quá, che khuất nỗi đau tình phụ. No đủ, sung sướng, tình yêu mới phát huy mạnh mẽ, và đôi khi tình yêu có thể lớn hơn cái chết. Nhưng bụng đói thường trực, bị đe dọa hàng ngày, bất ổn trong đời sống, thì tình yêu trở thành yếu tố phụ, không còn là mối quan tâm

hàng đầu như những lúc bình thường dạ dày no.

Nằm ăn thì núi cũng lở, người xưa đã dặn dò rõ ràng. Huống chi Tâm, của cải nào có gì đâu. Tâm đã thử xin việc khắp nơi, từ việc lao động đến phụ thợ. Chẳng nơi nào có việc làm cho một người không hộ khẩu tại thành phố và mới đi tù cải tạo về. Trên đường đi tìm việc, Tâm gặp một anh bạn, giáo sư trung học cũ, đang làm nghề vá xe đạp tại góc đường Cao Thắng. Ngồi nói chuyện chơi, và giúp anh mở ruột xe, bơm bánh xe, phụ làm vài ba việc vặt vãnh. Anh khuyến khích Tâm ra chợ trời mua ít đồ nghề, kiếm một nơi nhiều xe qua lại mà “kinh doanh”. Anh bảo rằng, từ khi tốt nghiệp Cao Học Chính Trị Kinh Doanh, bây giờ anh mới hành nghề kinh doanh lần đầu. Kinh doanh vá xe đạp. Tâm nghe lời anh, bán cái tủ lạnh không dùng, mua sắm đồ nghề sửa xe. Nhờ học lỏm nghề của bạn trong năm bảy ngày, Tâm tin tưởng ở tài sức mình. Nhưng khi Tâm ra đường treo bảng sửa xe, thì đi đâu cũng bị xua đuổi, không cho hành nghề, vì những ngã tư kế cận, đã có người hành nghề từ lâu. Cuối cùng, Tâm cũng tìm ra vị trí để kinh doanh nghề sửa xe. Nhưng ngong ngóng ngồi suốt mấy ngày ngoài nắng, chẳng có khách khứa gì. Xe đi qua thì nhiều, nhưng loang loáng đi, không ai ghé lại. Chỉ có một cụ già đến mượn ống bơm, bơm xe non

hơi mà thôi. Một anh luật sư, cũng không có việc làm, ra đường đánh cờ với Tâm, hy vọng khi có nhiều khách hàng, anh sẽ phụ, và mong kiếm thêm chút tiền mua gạo cho con ăn. Ngày cuối cùng Tâm định dẹp tiệm, thì khách đến vá xe tấp nập, nhiều đến độ làm không kịp. Tất cả các xe bị thùng ruột vì một loại đinh đóng guốc. Thì ra một anh bạn khác, thấy Tâm làm ăn ế ẩm, đói quá, mua một gói đinh thả ra hai đầu đường để giúp Tâm có khách. Buổi chiều trên đường đi về nhà, xe Tâm cũng bị thùng ruột, xì lốp vì đinh của anh bạn rải. Biết bạn rải đinh, Tâm phải chuyển “cơ sở kinh doanh” đi nơi khác, vì sợ lương tâm cắn rứt, và sợ bị bắt đi tù lại. Anh bạn chê Tâm nhát gan và lương tâm lác hậu. Anh nói thêm rằng, bọn cướp cả nước mà còn vênh mặt lên nói đạo đức, mình là kẻ cướp tép riu, không việc gì mà xấu hổ. Anh luật sư kiếm được một địa điểm khác khá thuận lợi, Tâm che tấm bạt dưới gốc cây, mắc hai cái võng nằm bình luận chuyện Tàu, chuyện chường, mà chờ khách. Mấy chú nhỏ trong xóm không có gì giải trí, ra ngồi chổng tai nghe hai người nói chuyện. Tâm và anh luật sư nằm võng, thay phiên kể chuyện cho đám đệ tử nghe, thỉnh thoảng còn giải thích và bình luận theo lối khôi hài. Khi có khách, thì các chú nhỏ tranh nhau làm, thu tiền đưa cho Tâm. Tâm nằm trên võng mà hướng dẫn cách làm,

không phải động tay đến công việc. Những lúc có chút tiền, Tâm sai một chú đạp xe đi mua bánh mì giòn từ lò còn nóng hổi, hoặc khoai mì, chia nhau ăn. Giữa thời buổi đói, ăn cái gì cũng ngon. Việc làm có lai rai, nhưng nhiều hôm Tâm tiêu thâm cả vào tiền dần túi. Có ăn, các chú nhỏ tụ lại đông đảo, ồn ào, làm công an khu vực để ý, và hăm dọa, Tâm phải dẹp tiệm.

Sau này, một số lớn trong đám đệ tử này đi vượt biên, ra ngoại quốc, học hành thành tài, và gặp nhau nơi quê người, vui vẻ nhắc lại cái tình thân thiết của thời làm thợ sửa xe ./.

Mục Lục

Bầu Bí Một Giàn	2
Đoạn Đời Lênh Đênh	35
Còn Những Tấm Lòng	67
Người Tù Chung thân Vượt Ngục	89
Đứa Con Dâu	121
Mùa Xuân Còn Hy Vọng	137
Con Chim Cu Đất	157
Thuyền Đậu Bến Nước Trong	178
Mối Tình Quê Ngoại	194
Hạt Tình Hồi Sinh	218
Sương Khói Vương Mắt Ai	232
Đổ Nước Đường	253
Tiên Nữ Xuống Trần	270
Mối Tình Cà Rem	283
Thằng Khỉ Gió	295
Tình Yêu Màu Nhiệm	306
Nát Lòng Dâu Bể	332
Mục Lục	349